BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

= = = = =

NGUYỄN THỊ THU HOA

GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919-1975) Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

= = = = =

NGUYỄN THỊ THU HOA

GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919-1975) Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Chuyên ngành : Lí luận và PP DH Lịch sử

Mã số : 9.14.01.11

LUẬN ÁN TIẾN SỸ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH

TS. NGUYỄN VĂN PHONG

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, được hoàn thành với sự hướng dẫn, giúp đỡ tận tình của các nhà khoa học. Các kết quả nêu trong luận án là trung thực, đảm bảo độ chuẩn xác cao nhất. Các tài liệu tham khảo, trích dẫn có xuất xứ rõ ràng. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình công bố nào trước đó.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thu Hoa

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn, lời tri ân sâu sắc nhất đến PGS.TS Nguyễn Thị Thế Bình và TS. Nguyễn Văn Phong đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ để tôi có thể hoàn thành công trình nghiên cứu này.

Tôi xin cảm ơn Ban Giám hiệu - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Ban chủ nhiệm khoa Lịch sử, Phòng sau đại học, Quý Thầy Cô trong bộ môn Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận án.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới Ban giám hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải; Khoa Lý luận chính trị, Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh – Trường Đại học Giao thông vận tải - nơi tôi công tác, đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi có thể yên tâm học tập và hoàn thành luận án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới gia đình, người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn động viên và giúp đỡ để tôi có niềm tin, động lực hoàn thành tốt luận án này.

Hà Nội, tháng 4 năm 2019

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thu Hoa

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i
LỜI CẢM ƠN ii
MỤC LỤC..... iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT vii
DANH MỤC HÌNH ẢNH viii
MỞ ĐẦU.....1
Chương 1 TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....7
1.1. Những công trình nghiên cứu về tinh thần dân tộc và tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh 7
1.2. Những công trình nghiên cứu về giáo dục trong dạy học.....13
1.3. Những công trình nghiên cứu về giáo dục trong dạy học lịch sử 19
1.4. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố và những vấn đề luận án kế thừa và phát triển 26
Chương 2 CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC GIÁO DỤC HỌC SINH TINH THẦN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....30
2.1. Cơ sở lý luận 30
2.1.1. Quan niệm về tinh thần dân tộc.....30
2.1.2. Quan niệm về tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....31
2.1.3. Quan niệm về giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh .32
2.1.4. Nội dung của tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....34
2.1.4.1. Đối với các dân tộc thuộc địa vấn đề dân tộc thực chất là giải phóng dân tộc 34
2.1.4.2. Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.....36
2.1.4.3. Chủ nghĩa dân tộc chân chính là động lực lớn thúc đẩy đấu tranh giành độc lập ở những nước thuộc địa.....37
2.1.4.4. Tính thống nhất giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.....39
2.1.4.5. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất đất nước 40

2.1.4.6. Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội 43
2.1.4.7. Đề cao nền độc lập của dân tộc và tôn trọng độc lập của các dân tộc khác 44
2.1.5. Bộ môn lịch sử với việc giáo dục tinh thần dân tộc cho học sinh.....45
2.1.6. Vai trò, ý nghĩa của việc giáo dục học sinh tinh thần dân tộc trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông.....47
2.2. Cơ sở thực tiễn của việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông hiện nay. 51
2.2.1. Về phía giáo viên.....51
2.2.2 Về phía học sinh 54
2.2.3. Nguyên nhân của thực trạng.....61
Chương 3 CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC BÀI NỘI KHÓA PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919-1975) Ở TRƯỜNG THPT 65
3.1. Vị trí, mục tiêu, nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam (1919-1975).....65
3.1.1. Vị trí.....65
3.1.2. Mục tiêu.....66
3.1.3. Nội dung cơ bản 68
3.2. Hệ thống kiến thức lịch sử Việt Nam có thể và cần khai thác để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....70
3.3. Một số yêu cầu khi lựa chọn các biện pháp để giáo dục cho học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử Việt Nam (1919 – 1975).....75
3.3.1. Đáp ứng mục tiêu dạy học.....75
3.3.2. Lựa các biện pháp đảm bảo tính khoa học và phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh 76
3.3.3. Kết hợp linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học khác nhau ...77
3.3.4. Phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức và tạo hứng thú cho học sinh 77
3.3.5. Phải dựa trên cơ sở cung cấp sự kiện lịch sử cụ thể, chính xác 78

3.4. Các biện pháp giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học bài nội khóa trên lớp phần lịch sử Việt Nam (1919-1975).....79
3.4.1. Khai thác kiến thức lịch sử Việt Nam (1919-1975) để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....79
3.4.2. Khai thác tài liệu tham khảo về vấn đề dân tộc để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....84
3.4.2.1 Sử dụng văn kiện Đảng về vấn đề dân tộc để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử 84
3.4.2.2 Sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. 88
3.4.3. Tổ chức học sinh trao đổi thảo luận để tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với nội dung vấn đề dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giờ học.....92
3.4.4. Sử dụng câu chuyện lịch sử để giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử 97
3.4.5. Khai thác các phương tiện trực quan phản ánh nội dung vấn đề dân tộc để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....101
Chương 4 CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH QUA HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA PHẦN LỊCH SỬ109
VIỆT NAM (1919 - 1975) Ở TRƯỜNG THPT. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 109
4.1. Vai trò của hoạt động ngoại khóa đối với việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông. 109
4.2. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh 111
4.2.1. Tổ chức cho học sinh đọc sách viết về vấn đề dân tộc theo quan điểm Hồ Chí Minh. 111
4.2.1.1 Tổ chức ngày hội đọc sách về chủ đề Hồ Chí Minh.....112
4.2.1.2 Tổ chức học sinh thuyết trình giới thiệu sách viết về vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh.....114
4.2.2. Giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh qua hoạt động tham quan tại bảo tàng, nhà truyền thống.....116

4.2.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm để giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho học sinh 126
4.2.3.1 Hướng dẫn học sinh đóng vai làm thuyết minh viên Bảo tàng.....126
4.2.3.2 Tổ chức Hội trại triển lãm về chủ đề Hồ Chí Minh.....127
4.2.3.3 Tổ chức thi kể chuyện về Hồ Chí Minh với vấn đề dân tộc 131
4.2.4. Tổ chức dạ hội lịch sử về Hồ Chí Minh để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....134
4.3. Thực nghiệm sư phạm 138
4.3.1. Mục đích thực nghiệm.....138
4.3.2. Đối tượng, địa bàn, giáo viên thực nghiệm 138
4.3.3. Nội dung và phương pháp thực nghiệm sư phạm 139
4.3.4. Kết quả thực nghiệm sư phạm toàn phần 142
4.3.5. Tổng hợp ý kiến giáo viên và học sinh thực nghiệm sư phạm toàn phần 144
KẾT LUẬN 148
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....**Error! Bookmark not defined.**

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nguyên nghĩa
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
DH	Dạy học
DT	Dân tộc
DHLS	Dạy học lịch sử
GD	Giáo dục
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
LSVN	Lịch sử Việt Nam
PPDH	Phương pháp dạy học
THPT	Trung học phổ thông
TTDT	Tinh thần dân tộc
TTHCM	Tư tưởng Hồ Chí Minh

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Nhận thức về dân tộc của GV 52
Hình 2.2: Nhận thức về tinh thần dân tộc của GV 52
Hình 2.3: Nhận thức về mức độ giáo dục tinh thần dân tộc của GV 53
Hình 2.4: Nhận thức của HS về mức độ yêu thích môn học.....55
Hình 2.5: Đánh giá của HS về giờ học.....56
Hình 2.6: Nhận thức của HS về khái niệm dân tộc.....57
Hình 2.7a: Nhận thức của HS về tinh thần dân tộc.....58
Hình 2.7b: Nhận thức của HS về tinh thần dân tộc.....58
Hình 2.8: Đánh giá của HS về phương pháp giảng dạy.....60
Hình 2.9: Đánh giá của HS về tư liệu giảng dạy của GV 61
Hình 3.1. Đấu tranh trong phong trào Xô Viết Nghệ- Tĩnh.....103
Hình 4.1: Hình ảnh hoạt động tại "Ngày hội đọc sách" của Đoàn Trường THPT Đồng Phú - Bình Phước 113
Hình 4.2.a: Hoạt động tham quan tại bảo tàng Hồ Chí Minh 124
Hình 4.2.b: Hoạt động tham quan tại bảo tàng Hồ Chí Minh.....125
Hình 4.3: Học sinh nghiên cứu tài liệu tại bảo tàng Hồ Chí Minh 125
Hình 4.4: Tác phẩm tiêu biểu trong ngày hội trại " Theo dấu dấu chân người - Hồ Chí Minh" - Lớp 10D3, Trường THPT Nguyễn Tất Thành - Hà Nội 129
Hình 4.5: Hình ảnh NCS cùng các em HS trường THPT Nguyễn Tất Thành trong ngày hội trại "Theo dấu chân Người - Hồ Chí Minh".....130
Hình 4.6: Hình ảnh các em đang thuyết minh cho ý tưởng chủ đề trại của lớp mình. 131

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong suốt cuộc đời cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã chiến đấu cho lý tưởng độc lập dân tộc (DT), toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Những suy nghĩ của Người đã trở thành hệ thống tư tưởng để lại nhiều giá trị cho nhân loại và nhân dân Việt Nam học tập, noi theo. Đó không chỉ là "kim chỉ nam" trong thời kỳ đấu tranh bảo vệ đất nước mà trong cả trong thời kỳ hiện đại ngày nay, hệ tư tưởng đó vẫn để lại nhiều giá trị quý báu.

Tinh thần dân tộc (TTDT) theo tư tưởng Hồ Chí Minh (TTHCM) là một bộ phận quan trọng, là nội dung cơ bản, cốt lõi của TTHCM. Bản chất của TTDT theo TTHCM là sự kế thừa TTDT truyền thống Việt Nam, được vận dụng và phát triển trong thời đại mới. Trong đó, tư tưởng cốt lõi là giải phóng DT gắn liền với giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh về vấn đề DT không chỉ có giá trị định hướng hành động cho cách mạng Việt Nam, mà còn là một nguồn kiến thức khoa học, phản ánh sự phát triển của LSVN trong thời đại mới và có giá trị GD sâu sắc đối với thế hệ trẻ. TTDT theo TTHCM trở thành nguồn tài liệu quan trọng không chỉ để nhận thức LS xã hội mà còn góp phần quan trọng cho việc giảng dạy bộ môn LS ở trường THPT. Việc GD TTDT theo TTHCM trong DHLS có vai trò đặc biệt quan trọng trong giai đoạn hiện nay, góp phần làm thay đổi theo chiều hướng tích cực đối với thực trạng chung của nền GD nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm, là sứ mệnh cao cả của GD và đào tạo. Luật GD cũng đã quy định: "*Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"* [11,21]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành TW khóa XI (Nghị quyết số 29- NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện GD và ĐT đã xác định: "Mục tiêu GD phổ thông là tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng GD toàn diện, chú trọng GD lý tưởng, truyền thống đạo đức, lối

sống ... kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn"[49]. Do đó, Đảng và nhà nước luôn khẳng định tầm quan trọng của việc phát triển GD, sự cần thiết của việc đầu tư cho GD; Coi GD vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển kinh tế-xã hội...Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng đó, trong những kỳ Đại hội gần đây, Đảng ta đã xây dựng định hướng phát triển đất nước phải gắn liền với GD và đào tạo, coi đây là khâu đột phá để thực hiện sứ mệnh "*đi trước, đón đầu*".

GD thế hệ trẻ là điều kiện quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, là mối quan tâm của mỗi quốc gia và toàn xã hội. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, sự trỗi dậy của chủ nghĩa DT cực đoan đã tác động trực tiếp đến âm mưu chia rẽ các DT trong cộng đồng quốc tế và Việt Nam. Ở trong nước, có một bộ phận các thế lực phản động đã nổi dậy lôi kéo, kích động nhân dân, nhằm thực hiện âm mưu chống phá chính quyền Nhà nước, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, ảnh hưởng không nhỏ đến sự thống nhất quốc gia và nền độc lập DT. Hơn nữa, có một bộ phận nhỏ thanh niên Việt Nam phai nhạt lí tưởng và đạo đức cách mạng, xa rời đường lối cách mạng của Đảng, không ý thức được trách nhiệm của mình trước vận mệnh của DT, đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành và phát triển nhân cách, phẩm chất của thế hệ trẻ Việt Nam. Vì vậy, chưa bao giờ vấn đề độc lập DT, chủ quyền quốc gia được đề cao như hiện nay. Theo đó, nhiệm vụ GD đạo đức HS nói chung, GD học sinh TTDT theo TTHCM nói riêng càng trở nên cấp thiết đối với nhà trường. Trong đó, bộ môn Lịch sử có sứ mệnh đặc biệt quan trọng.

Trên cơ sở thực hiện chức năng đạt mục tiêu chung là trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng nhận thức, tư duy, thực hành và liên hệ thực tiễn cuộc sống, Bộ môn LS ở trường phổ thông còn phải GD HS tư tưởng, tình cảm, lối sống, tình yêu quê hương đất nước... góp phần đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện để có thể hội nhập với tri thức nhân loại. Vì vậy thông qua DHLS ở trường THPT, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, đặc biệt TTDT theo TTHCM vào GD trong nhà trường là điều cần thiết.

LS Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1975 được gắn liền với tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đó là thời kỳ in đậm dấu ấn về cuộc đời hoạt động của Người, từ việc tìm ra con đường đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc (1919 đến 1920), đến quá trình chuẩn bị cho sự thành lập Đảng và trực tiếp sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 đến 1930), đề ra đường lối cách mạng đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị của Đảng. Đặc biệt, là quá trình Người lãnh đạo cách mạng Việt Nam làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, đánh đổ hoàn toàn ách

thống trị của đế quốc, phong kiến, giành độc lập dân tộc, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1930 – 1945) và trực tiếp lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ giành thắng lợi (1945 – 1975). Trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng đó, những quan điểm của Người về vấn đề DT luôn luôn được thể hiện rõ nét, xuyên suốt. Vì vậy, khai thác triệt để nội dung kiến thức LSVN thời kỳ 1919 – 1975 không chỉ giúp HS hiểu được sâu sắc tiến trình phát triển của LS dân tộc Việt Nam, mà còn thấu hiểu giá trị của nền độc lập dân tộc. Từ đó, có tác dụng GD tư tưởng, đạo đức HS nói chung, GD TTDT theo TTHCM nói riêng một cách sâu sắc, tự nhiên và hiệu quả.

Xuất phát từ lý do trên, chúng tôi chọn vấn đề "*Giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS Việt Nam (1919 – 1975) ở trường THPT*" làm đề tài luận án tiến sĩ GD học, với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào việc nâng cao chất lượng bộ môn LS ở trường phổ thông trong bối cảnh hiện nay.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH bộ môn LS ở trường THPT.

2.1 Phạm vi nghiên cứu

+ Về lý luận: Luận án không nghiên cứu toàn diện về tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, mà đi sâu nghiên cứu về việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS ở trường THPT.

+ Phạm vi điều tra: luận án tập trung khảo sát thực tiễn việc giáo dục HS TTDT theo TTHCM ở một số trường THPT trong phạm vi cả nước, đại diện cho các vùng miền, gồm cả thành phố, nông thôn, đồng bằng, miền núi.

+ Phạm vi vận dụng: Luận án đi sâu nghiên cứu chương trình sách giáo khoa LS lớp 12, giai đoạn 1919 - 1975 để vận dụng các hình thức, biện pháp GD HS tinh thần dân tộc theo TTHCM.

+ Phạm vi thực nghiệm: Thực nghiệm sư phạm từng phần và toàn phần ở một số trường THPT trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung chủ yếu trên địa bàn các tỉnh miền Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Việt Trì, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bình Phước....).

3. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc giáo dục HS tinh thần dân tộc theo TT HCM, luận án đi sâu xác định nội dung TTDT TTHCM và đề xuất hình thức, tổ chức các biện pháp sư phạm để giáo dục TTDT theo TT HCM trong DH LSVN 1919-1975 ở trường THPT. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng DH bộ môn LS hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tìm hiểu lí luận của GD học, Tâm lí học, PPDH LS và những tài liệu có liên quan đến đề tài về GD tư tưởng tình cảm đạo đức, tư liệu LS liên quan đến đề tài.

- Điều tra khảo sát thực tiễn GD tư tưởng tình cảm cho HS trong DHLS ở trường THPT nói chung, GD HS tinh thần dân tộc theo TTHCM nói riêng.

-Tìm hiểu nội dung TTDT theo TTHCM qua các tài liệu và trong chương trình SGK lớp 12 để xác định nội dung có thể và cần để giáo dục TTDT theo TTHCM.

- Đề xuất các biện pháp giáo dục HS tinh thần dân tộc theo TT HCM trong DH LSVN (1919-1975 ở trường THPT.

- Soạn giáo án và thực nghiệm sư phạm (từng phần và toàn phần) theo những biện pháp đã đề xuất trong luận án để kiểm nghiệm tính khả thi của đề tài.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc giáo dục HS tinh thần dân tộc theo TTHCM trong DHLS. Nghiên cứu tài liệu về tư tưởng HCM nói chung, TTDT theo tư tưởng HCM nói riêng làm cơ sở lí luận cho đề tài nghiên cứu.

4.1. Cơ sở phương pháp luận

- Cơ sở PP luận của đề tài dựa trên lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về công tác GD trong DH ở THPT nói chung và DHLS nói riêng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- PP nghiên cứu lí luận: Bên cạnh việc tuân thủ những nguyên tắc nghiên cứu khoa học nói chung, do nội dung và tính chất của đề tài, chúng tôi sử dụng các PP nghiên cứu chủ yếu của khoa học GD như:

+ Nghiên cứu, hệ thống hóa các nguồn tài liệu về Giáo dục học, Tâm lí học,… đặc biệt là lí luận DH LS về vấn đề GD tư tưởng tình cảm nói chung, tinh thần dân tộc

theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng.

+ Nghiên cứu các nguồn tư liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và các tác gia kinh điển về vấn đề dân tộc.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Tác giả tiến hành điều tra, khảo sát thực tiễn việc dạy và học môn LSVN nói chung và GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng trong DHLS lớp 12 ở trường THPT .

+ Thông qua phiếu điều tra với 155 GV và 2000 HS

+ Dự giờ, phỏng vấn, điều tra xã hội học.

- Dự các hội thảo, hội nghị xin ý kiến chuyên gia về Khoa học LS, Giáo dục học LS, về Hồ Chí Minh học...

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm (từng phần, toàn phần)

- Sử dụng toán học thống kê để xử lý kết quả (Điều tra thực tiễn và kết quả thực nghiệm sư phạm) trên cơ sở đó rút ra nhận xét, đánh giá.

5. Ý nghĩa của đề tài

- *Ý nghĩa khoa học:*

Đề tài góp phần làm phong phú thêm lí luận về phương pháp DHLS và vấn đề GD tư tưởng tình cảm nói chung, tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng trong DH LS ở trường phổ thông.

- *Ý nghĩa thực tiễn:*

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần giúp nâng cao nhận thức hành động cho tác giả luận án, cho GV và HS về GD đạo đức, phẩm chất, nhân cách HS nói chung và việc giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng trong DH LS. Đồng thời, luận án là tài liệu tham khảo có ích cho sinh viên, GV và HS.

6. Giả thuyết khoa học

Thực tiễn việc GD HS tư tưởng tình cảm, đạo đức nói chung, TTDT theo TTHCM nói riêng ở trường THPT hiện nay còn nhiều hạn chế. Nếu GV vận dụng linh hoạt các biện pháp giáo dục TTDT theo TTHCM như đề xuất trong luận án sẽ góp phần nâng cao chất lượng GD, ý thức DT nói riêng và bộ môn LS nói chung.

7. Đóng góp của đề tài

- Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần khẳng định tầm quan trọng của việc giáo dục TTDT theo TTHCM trong DH LS ở trường THPT.

- Đánh giá đúng thực tiễn việc GD HS tinh thần dân tộc theo TTHCM trong

DH LS ở trường phổ thông.

- Xác định nội dung TTDT theo TTHCM trong DHLS Việt Nam (1919-1975) để giáo dục HS ở trường THPT.

- Đề xuất được các biện pháp sư phạm về giáo dục TTDT theo TTHCM trong DH LS ở trường THPT.

8. Cấu trúc của đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận án gồm 4 chương nội dung:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chương 2: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc giáo dục HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS ở trường THPT

Chương 3: Các biện pháp giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH các bài nội khóa phần LS Việt Nam (1919 – 1975) ở trường THPT

Chương 4: Các biện pháp giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh qua hoạt động ngoại khóa phần LS Việt Nam (1919 – 1975) ở trường THPT. Thực nghiệm sư phạm

Chương 1
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Trong khuôn khổ nội dung của luận án, chúng tôi tiếp cận các công trình nghiên cứu theo hướng: Một là, những công trình nghiên cứu về tinh thần dân tộc và TTDT theo TTHCM. Hai là, những công trình nghiên cứu về giáo dục trong dạy học và GD trong DH lịch sử.

1.1. Những công trình nghiên cứu về tinh thần dân tộc và tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều tác phẩm viết về tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chung, TTDT theo TTHCM nói riêng ở nhiều phương diện. Các tác giả đã tập trung nghiên cứu và làm sáng tỏ các giá trị truyền thống của người Việt, những biểu hiện về TTDT của Hồ Chí Minh. Giá trị truyền thống thường được nói đến là tinh thần yêu nước, thương nòi; độc lập và tự do; đức tính cần cù, siêng năng; tinh thần hiếu học; đức tính khiêm nhường; tính cộng đồng, v.v... nhiều giá trị khác đôi khi cũng được nhắc đến, như tính cần kiệm, đề cao tình nghĩa, coi trọng gia đình, không rơi vào tính cực đoan của chủ nghĩa cá nhân, v.v... Những điểm nổi bật trong TTHCM về vấn đề DT như: Độc lập, tự do và ý chí quyết tâm đấu tranh giành, giữ quyền độc lập tự do.... Bạn bè nước ngoài khi yêu kính chủ tịch Hồ Chí Minh cũng giành sự quan tâm nghiên cứu về Người trên nhiều phương diện, trong đó đặc biệt quan tâm nghiên cứu về TTDT.

Trong cuốn *"Đồng chí Hồ Chí Minh"*, tác giả E.Cô-bê-lép, Người dịch: Nguyễn Minh Châu, Mai Lý Quảng; Người hiệu đính: Vũ Việt, NXB Tiến Bộ Mát-xcơ-va, NXB Thanh niên, Hà Nội 1985 [58] là cuốn sách hay viết về Hồ Chí Minh, trong đó tác giả bộc lộ là người rất am hiểu về cuộc cách mạng giải phóng DT ở Việt Nam, về lịch sử bi tráng và cả hào hùng bất khuất của người dân Việt Nam gắn liền với tên tuổi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Với vốn hiểu biết phong phú, tác giả đã sử dụng nhiều câu thơ của các tác giả Việt Nam như: Nguyễn Du, Chế Lan Viên, Tố Hữu... để khẳng định những điểm nổi bật trong TTDT của Hồ Chí Minh như: yêu nước, yêu tự do, khát vọng đấu tranh cho nền độc lập tự do, tài quân sự ngoại giao trong đấu tranh cách mạng của Người.... mặc dù cuốn sách không bàn riêng TTHCM về vấn đề DT nhưng đây là tài liệu hữu ích giúp chúng tôi thấy được sự nhìn nhận đánh giá khách quan về vị lãnh tụ vĩ đại của DT ta; những bài học cao đẹp về TTDT của Người qua lăng kính của tác giả nước ngoài.

Tác phẩm "Hồ Chí Minh- giải phóng dân tộc và đổi mới", tác giả Furuta Motoo do NXB IWanami ấn hành tháng 2/1996, được nhóm Tổng cục II, Bộ Quốc Phòng dịch, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội (1997) [60], gây chú ý người đọc bởi cách tiếp cận mới bằng việc lựa chọn những mốc thời gian tiêu biểu gắn liền với những sự kiện quan trọng. Tác giả làm rõ chân dung Hồ Chí Minh với những quan niệm rất riêng xuất phát từ góc độ một nhà nghiên cứu nước ngoài đánh giá về nhân vật lịch sử Việt Nam. Tác giả đã giành trọn 1 chương trong 6 chương của cuốn sách để viết về " Chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế của Hồ Chí Minh" (Chương III- Từ trang 78 đến 119). Trong đó tác giả nhấn mạnh: "Nhận thức trước sau như một của Hồ Chí Minh đối với sự hình thành phong trào cộng sản ở Việt Nam là "sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước tức là chủ nghĩa DT với chủ nghĩa cộng sản"[60,80], như vậy có thể thấy đây cũng là gợi ý quan trọng cho chúng tôi về cái nhìn đối với quan niệm về TTDT của Hồ Chí Minh từ một tác giả nước ngoài, qua đó có cơ sở xây dựng lý luận về TTDT theo TTHCM.

Trong cuốn *"Những vấn đề LS trong tác phẩm Hồ Chí Minh"* tác giả Phan Ngọc Liên (chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999 [103], đã sưu tầm, trích dẫn nhiều bài viết của Hồ Chí Minh về các vấn đề LS thế giới và dân tộc từ thời nguyên thủy đến nay*;* các bài viết về tài liệu - sự kiện, khái quát - lý luận LS, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu sử học. Qua đó, giúp người đọc nhận thức đúng và sâu hơn LS quá khứ của dân tộc và thế giới, có biểu tượng về bức tranh LS của DT và nhân loại. Trên cơ sở ấy nắm được quy luật phát triển của LS, tin tưởng vào tiền đồ cách mạng. Tuy không trực tiếp bàn về vấn đề dân tộc, nhưng những bài viết tập hợp trong tác phẩm của Người đã trang bị phương pháp luận cho người đọc hiểu sâu sắc về nhiệm vụ của bộ môn Lịch sử ở trường THPT trong việc trang bị kiến thức và giáo dục đạo đức, nhân cách HS. Đó là cơ sở để tác giá luận án xác định việc giáo dục TTDT theo TTHCM phải xuất phát từ kiến thức LS, đảm bảo tình khách quan, khoa học.

Trong cuốn "*Hồ Chí Minh - từ nhận thức LS đến hành động cách mạng",* NXB Chính trị Quốc Gia, 1999 [104], tác giả Phan Ngọc Liên đi sâu nghiên cứu các vấn đề: *Hồ Chí Minh trong tiến trình LS,* nêu rõ sự xuất hiện TTHCM là kết quả tất yếu của sự phát triển LS dân tộc và thời đại. Hồ Chí Minh đã nhận thức đúng LS, hoạt động để "tạo thời thế", góp phần thúc đẩy xã hội tiến lên theo quy luật; *Những thành tựu về nhận thức LS trong hoạt động thực tiễn và nghiên cứu sử học,* giới thiệu sự nhận thức LS đúng đắn và tác dụng của hiểu biết LS trong đời sống; *Tư tưởng Hồ*

Chí Minh về LS - một bộ phận cơ bản của TTHCM. Đây là phần chủ yếu của cuốn sách và là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho tác giả luận án về lý luận sử học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu LS. Đặc biệt, quan điểm của Người về LS là một bộ phận quan trọng của TTHCM, định hướng cho nghiên cứu sinh xác định nguyên tắc giáo dục đạo đức HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng trong DH bộ môn LS ở trường THPT.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KX 02 "*Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam"*, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ biên, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000 [56], đã đi sâu nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; xác định những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam; đánh giá những đóng góp lớn của Hồ Chí Minh về mặt tư tưởng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam như tư tưởng giải phóng và phát triển Việt Nam, vấn đề lãnh đạo cách mạng Việt Nam, lực lượng tham gia cách mạng, tính chủ động, sáng tạo của cách mạng thuộc địa, mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng vô sản ở chính quốc, v.v... Nội dung tác phẩm thể hiện đậm nét TTDT và ý thức DT của Người. Đây là nguồn tư liệu quý giá giúp tác giả luận xác xác định nội dung của TTDT theo TT Hồ Chí Minh, làm cơ sở để xác định hình thức, biện pháp giáo dục HS TTDT theo TTHCM phù hợp.

Cuốn *"Hồ Chí Minh với sử học"*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2000 [105], do Phan Ngọc Liên (chủ biên) đã trình bày tổng quan về sự phát triển của sử học Việt Nam và nêu lên những đóng góp của Hồ Chí Minh về các mặt phương pháp luận, tài liệu - sự kiện và phương pháp nghiên cứu LS. Trong đó, những tư tưởng cốt lõi về vấn đề dân tộc được đề cập đến ở mức độ khái quát. Những tư tưởng của Người đã định hướng cho sử học cách mạng phát triển. Đồng thời, là cơ sở để tác giả luận án xác định cơ sở phương pháp luận khi nghiên cứu về việc giáo dục HS TTDT theo TTHCM trong DH bộ môn LS ở trường THPT.

Trong cuốn "*Đạo đức Bác Hồ tấm gương soi cho muôn đời*" NXB Chính trị QG, 2008 [63], của Trần Viết Hoàn, với nhiều bài viết mộc mạc, chân thành thể hiện lòng kính yêu sâu sắc của tác giả đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, giúp người đọc hiểu thêm về một con người rất bình dị, gần gũi, thân thương nhưng vô cùng vĩ đại. Những bài học mà Người để lại là tấm gương đạo đức sáng ngời – kết tinh những phẩm chất tốt đẹp của DT nên có giá trị giáo dục HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng một cách sâu sắc.

Tác phẩm "Chiến sĩ quốc tế Hồ Chí Minh – Hoạt động thực tiễn và lý luận cách

mạng" của tác giả Phan Ngọc Liên, NXB Chính trị quốc gia, 2010 [114], là kết quả của sự tích luỹ nhiều nguồn tài liệu trong và ngoài nước, suy ngẫm và nghiên cứu một cách sâu sắc về chủ đề "Những hoạt động quốc tế của Hồ Chí Minh". Nội dung cuốn sách bao gồm ba phần chính: Phần I. Hồ Chí Minh - chiến sĩ cách mạng quốc tế: giới thiệu khái quát thời đại của sự ra đời và hoạt động yêu nước cách mạng Hồ Chí Minh; những nhận thức khác nhau về Hồ Chí Minh - một chiến sĩ quốc tế. Phần II. Những hoạt động quốc tế của Hồ Chí Minh: gồm hai chủ đề chính, đề cập những hoạt động quốc tế của Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài (1911-1941) và những hoạt động quốc tế của Hồ Chí Minh ở trong nước (1941-1969). Phần III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề quốc tế: trình bày khái quát nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề quốc tế, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, tư tưởng Hồ Chí Minh về hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc. Phần Phụ lục giới thiệu những sự kiện cơ bản về những hoạt động quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ lúc Người ra đi tìm đường cứu nước (1911) cho đến trước lúc Người đi xa (1969). Đây là tác phẩm đi sâu nghiên cứu về những biểu hiện của tinh thần dân tộc theo TTHCM, giúp tác giả luận án có cái nhìn sâu sắc hơn về vấn đề DT theo quan điểm của Người, góp phần quan trọng trong nghiên cứu cơ sở lý luận của đề tài.

Trong cuốn *"Hồ Chí Minh - một người Châu Á của mọi thời đại ",* Nhà xuất bản CTQG, 2010 [142], tác giả Trần Minh Ngọc (Chủ biên), đã tập hợp nhiều bài viết thể hiện sự ngưỡng mộ, khâm phục về tài năng và đức độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, thể hiện rõ tinh hoa văn hóa và đạo đức: trung với nước, hiếu với dân; cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư; yêu thương, quý trọng con người.... và tinh thần quốc tế trong sáng. Những phẩm chất cao đẹp của Người là biểu hiện những phẩm chất tốt đẹp của truyền thống DT Việt Nam và được kết tinh trong tinh thần dân tộc của Hồ Chí Minh. Đây là nguồn tư liệu quý giá giúp tác giả luận án nghiên cứu cơ sở hình thành TTDT theo TTHCM. Đồng thời, xác định những nội dung để giáo dục phẩm chất, nhân cách tốt đẹp cho HS trong quá trình giảng dạy bộ môn Lịch sử ở trường THPT.

Nhân dịp kỉ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Các tác phẩm *Tư tưởng Hồ Chí Minh rọi sáng con đường độc lập tự do của dân tộc Việt Nam* do Lê Mậu Hãn chủ biên cùng sự tham gia của các tác giả Bùi Đình Phong, Mạch Quang Thắng, Nhà xuất bản Nghệ An, 2000; *Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - 60 năm thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh (2. 9. 1945 - 2.*

9. 2005) của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005; … đã đi sâu phân tích những nội dung cơ bản của TTHCM về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người, v.v… đặc biệt về cách mạng Việt Nam như tư tưởng về độc lập DT gắn liền với CNXH. Đây là những công trình nghiên cứu sâu sắc, hệ thống về TTHCM nói chung, tinh thần dân tộc nói riêng. Đó là nguồn tư liệu quý để luận án chọn lọc và khái quát những nội dung cốt lõi về TTDT của Người, làm cơ sở để GD đạo đức, tư tưởng cho HS trong quá trình dạy học bộ môn Lịch sử ở trường THPT.

Trong tác phẩm "*Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*", NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011 [62] tác giả Trần Văn Giàu cho rằng, tinh thần yêu nước chân chính là giá trị cơ bản tạo nên bản chất, cốt lõi của TTDT. Yêu nước là truyền thống cao quý và thiêng liêng, là cội nguồn của các giá trị văn hoá khác. Đó là tình cảm tự nhiên, xuất hiện từ lâu đời. Mặc dù mang tính bất biến, nhưng ở mỗi giai đoạn LS khác nhau, truyền thống yêu nước có những biểu hiện khác nhau. Tuy không bàn trực tiếp đến vấn đề DT theo TTHCM, nhưng những quan điểm trên giúp tác giả luận án hiểu rõ hơn nội dung của vấn đề DT. Từ đó, có cơ sở đối sánh vấn đề tinh thần dân tộc nói chung với TTDT theo TTHCM và hiểu sâu sắc hơn tư TTHCM về TTDT, góp phần GD cho HS tinh thần dân tộc trong DH LS ở trường THPT đạt hiệu quả cao hơn.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh tiểu sử* do Bảo tàng Hồ Chí Minh biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, ghi lại tương đối đầy đủ những sự kiện chính gắn liền với cuộc đời của Hồ Chí Minh. Trong đó, có tóm lược và phân tích những bài nói, bài viết quan trọng trong quá trình hoạt động cách mạng của Người. Qua đó, giúp người đọc không chỉ hiểu sâu sắc về cuộc đời của Người, mà quan trọng là hiểu được một cách khái quát quá trình hình thành, phát triển của TTHCM, đặc biệt là tư tưởng của Người về TTDT. Qua đó, trang bị cho tác giả luận án xác định cơ sở lý luận của việc GD học sinh TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường THPT.

Tác phẩm *Hồ Chí Minh tiểu sử* do Bảo tàng Hồ Chí Minh biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tập hợp đầy đủ những sự kiện chính gắn liền cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh. Qua đó, khái quát quá trình hình thành, phát triển của TTHCM, đặc biệt là tư tưởng của Người về TTDT. Đó là nguồn tư liệu quý để tác giả luận án xác định nội dung TTDT theo TTHCM.

Tác phẩm "*Hồ Chí Minh - vĩ đại một con người* " Nhà XB CTQG, 2015 [63], của tác giả Trần Văn Giàu đã nghiên cứu sâu sắc về thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt trong phần thứ ba "Vĩ đại một con người", tác giả đã khẳng định có một đạo đức học Hồ Chí Minh. Đạo đức học Hồ Chí Minh là bộ phận lớn của triết lý Hồ Chí Minh. Đó là tư tưởng trung với nước, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; suốt đời tận tụy quên minh vì dân, vì nước; kiên trì bất khuất; khiêm tốn giản dị; thương yêu quý trọng con người, nâng đỡ con người, thấu tình đạt lý; yêu trẻ, kính già, trọng phụ nữ. Đó là những nội dung cốt lõi của tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, có giá trị to lớn trong việc GD đạo đức, tư tưởng, phẩm chất, nhân cách tốt đẹp cho HS. Đồng thời, là nguồn tư liệu quý góp phần làm sáng tỏ hơn TTDT trong tư tưởng của Người.

Phan Ngoc Liên - Nguyên An trong cuốn "*Bách khoa toàn thư Hồ Chí Minh sơ giản*", "*Hồ Chí Minh với giáo dục và đào tạo*" Tập 1 (2002) [107], NXB Tiến Bộ Maxcova , đã trình bày một cách sâu sắc về vấn đề "tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục", "Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục", "Hồ Chí Minh trong nhà trường"… Đây là công trình khoa học tập hợp một cách khá đầy đủ về tài liệu, hướng dẫn vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh trong GD TTDT ở nhà trường. Trong đó có một số bài viết đề cập đến các biện pháp sử dụng tài liệu, giúp chúng tôi rút ra kinh nghiệm đọc tư liệu về LS, về văn kiện Đảng, về Hồ Chí Minh qua đó tổng hợp kiến thức, định hướng về TTDT theo TTHCM trong DH LS ở trường THPT.

Ngoài ra, còn nhiều công trình nghiên cứu các khía cạnh khác nhau về tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, TTDT nói riêng của các nhà lãnh đạo cấp cao của Việt Nam. Tiêu biểu như công trình của Nguyên Tổng Bí thư Trường Chinh: *Hồ Chủ Tịch người sáng lập, rèn luyện Đảng ta*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1954; *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, NXB Thông tin lý luận, Hà Nội, 1991; của Nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng: *Hồ Chủ Tịch hình ảnh của dân tộc*, NXB Văn nghệ, Hà Nội, 1955; *Hồ Chủ Tịch tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1975; *Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1990; *Hồ Chí Minh Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012…; của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Về tư tưởng Hồ Chí Minh: Bài phát biểu tại Hội thảo "Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam" ngày 29 - 30 tháng 10 năm 1992*, NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993; *Tư tưởng Hồ Chí Minh quá trình hình thành và phát triển*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1993; *Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng dân tộc*

và chấn hưng đất nước, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006,v.v…Các nhà lãnh đạo cấp cao của Việt Nam được Hồ Chí Minh giáo dục, bồi dưỡng, lựa chọn, giao trọng trách lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội; được chung sống, làm việc trực tiếp với Hồ Chí Minh. Vì vậy, các công trình của họ phản ánh tương đối đầy đủ và trung thực về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng của Hồ Chí Minh. Trong đó, tập trung làm nổi bật những vấn đề cơ bản như: Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện LS cụ thể của Việt Nam; định ra những nhiệm vụ chiến lược, sách lược, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đoàn kết, chủ động, sáng tạo thực hiện các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam; khẳng định sự cần thiết phải học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong và phương pháp của Hồ Chí Minh; ghi nhận những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đếq uốc Mỹ; nhìn nhận tầm vóc của Hồ Chí Minh trong LS Việt Nam, ảnh hưởng của Hồ Chí Minh đối với thế giới; v.v… Nội dung các tác phẩm đều phản ánh khía cạnh khác nhau của vấn đề dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, đó là nguồn tài liệu quý để chúng tôi khai thác và sử dụng trong quá trình xác định nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục HS TTDT theo TTHCM trong dạy học lịch sử ở trường THPT.

Như vậy, có nhiều công trình nghiên cứu về TTDT nói chung, TTDT theo TTHCM nói riêng. Các công trình có nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng đều phản ánh nội dung và giá trị cốt lõi của vấn đề dân tộc theo TTHCM. Vì vậy, đây là nguồn tư liệu quý giá để tác giả luận án vận dụng xây dựng cơ sở lí luận, xác định nội dung vấn đề DT theo TTHCM. Đồng thời, là nền tảng để đề xuất hình thức, biện pháp giáo dục HS TTDT theo TTHCM trong DH bộ môn Lịch sử một cách tự nhiên không gò ép mà đem lại hiệu quả.

1.2. Những công trình nghiên cứu về giáo dục trong dạy học

Tác giả M.N Sácđacốp trong cuốn "*Tư duy HS,* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1970 đã khẳng định tầm quan trọng của trực quan sinh động, tạo biểu tượng muôn màu muôn vẻ về các sự vật, hiện tượng LS; coi trọng công việc tham quan, học tập tại các di tích LS văn hóa. Đây là những gợi ý quan trọng giúp luận án vận dụng hình thức dạy học đem lại hiệu quả đối với môn học LS nói chung, đối với việc tổ chức tham quan học tập góp phần giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng trong DHLS ở trường THPT.

Cuốn "*Giáo Dục Học*" tập 2 tác giả T.A.ILINA-Nhà giáo dục học Liên Xô, do Nguyễn Hữu Chương dịch- Nxb Giáo dục Hà Nội, 1973 [82], đã nhấn mạnh đến

nguyên lý chung của GD học, khẳng định DH là một quá trình nhằm trang bị cho HS một hệ thống tri thức, kĩ năng kĩ xảo. Tác giả trình bày các phương pháp DH, trong đó yêu cầu GV cần hướng dẫn HS cách đọc sách giáo khoa, tài liệu tham khảo kích thích HS hứng thú học tập. Mặc dù không đề cập trực tiếp đến nhiệm vụ GD nhưng những phương pháp mà tác giả đề ra đã giúp cho tác giả luận án nhận thức được tầm quan trọng của việc hướng dẫn HS cách đọc tài liệu SGK LS và tài liệu văn kiện Đảng phản ánh nội dung vấn đề DT của Hồ Chí Minh, nhằm đạt hiệu quả cao trong GD LS nói chung, GD TTDT theo TTHCM nói riêng trong DHLS ở trường THPT..

Trong cuốn "*Những cơ sở của lý luận DH",* của nhà GD học Liên Xô B.P.Exipop, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1977 [57] đã phân tích vai trò của việc tạo biểu tượng LS cho HS thông qua việc quan sát các hiện vật tại bảo tàng, di tích LS văn hóa. Tác giả đã trình bày ý nghĩa về GD tư tưởng tình cảm, đạo đức cách mạng cho HS khi tổ chức cho các em tham quan các di tích LS văn hóa và các hiện vật được trưng bày trong bảo tàng... Đó là những gợi ý quý báu cho chúng tôi trong quá trình sử dụng hình ảnh, đồ dùng trực quan khi tiến hành bài học lịch sử, giúp HS chiếm lĩnh kiến thức một cách chủ động, qua đó thực hiện mục đích GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong quá trình DH LS ở trường THPT.

Trong cuốn "*DH nêu vấn đề*" [94] của tác giả I.Ia. Lecne, Nxb Giáo dục Hà Nội, 1977 khẳng định, DH nêu vấn đề là một câu hỏi nảy sinh hay được đặt ra cho chủ thể mà chủ thể chưa biết lời giải từ trước và phải tìm tòi, sáng tạo lời giải. Tình huống có vấn đề là một khâu quan trọng của DH nêu vấn đề và vạch ra các dạng giải quyết vấn đề, tìm cách giải quyết vấn đề trong toàn bộ hệ thống DH, định ra các chức năng và các tiêu chuẩn đánh giá của DH nêu vấn đề. Những lý luận đó giúp chúng tôi vận dụng vào DH các bài thực nghiệm theo nguyên tắc dạy học nêu vấn đề, nhằm tổ chức cho HS tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo chiếm lĩnh kiến thức, qua đó GD học sinh TTDT theo TTHCM một cách tự nhiên.

Trong cuốn *"Phát huy tính tích cực học tập của HS như thế nào"* - Nxb Giáo dục Hà Nội, 1978 [86], I.F.Kharlamốp cho rằng, học tập là quá trình nhận thức tích cực trong đó có bước ôn tập kiến thức đã học, đào sâu, hệ thống hóa kiến thức. Do vậy, muốn có vốn kiến thức một cách sâu sắc, HS phải thực hiện chu trình đầy đủ những hoạt động trí tuệ, bao gồm: tri giác tài liệu; thông hiểu, ghi nhớ; luyện kỹ năng, kỹ xảo; khái quát hóa, hệ thống hóa kiến thức. Tác giả còn khẳng định việc học tập ở nhà của các em cũng như việc ôn tập bài cũ giữ một vai trò rất lớn trong việc nắm vững kiến thức, đây là khâu không thể thiếu trong quá trình GD nói chung, GD

LS nói riêng. Qua đó gợi ý cho tác giả luận án xác định các PPDH theo định hướng phát huy tính tích cực, chủ động trong nhận thức và rèn luyện kĩ năng tự học cho HS. Đồng thời, thông qua việc chiếm lĩnh kiến thức LS, HS tự thấu hiểu về tinh thần dân tộc nói chung, tinh thần dân tộc theo TTHCM nói riêng. Từ đó, góp phần vào nâng cao hiệu quả bài học với mục đích GD đạo đức, nhân cách HS.

Trong cuốn "*Lý luận DH ở trường phổ thông*", Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1980 [38] của M.A.Đanilôp và M.N. Xcatkin đã đưa ra lý luận chung về DH. Tác giả khẳng định, quá trình DH là một tổ hợp rất phức tạp và năng động với những hành động của GV và HS. Để có khả năng tổ chức hiệu quả quá trình DH cần phải hình dung rõ nét cấu trúc và những quy luật bên trong của quá trình DH. Đặc biệt là phát hiện ra mối liên hệ qua lại giữa việc nắm vững kiến thức với quá trình phát triển những năng lực nhận thức của HS. Thông qua tác phẩm đó, tác giả luận án xác định hình thức tổ chức và các biện pháp để GD học sinh TTDT theo TTHCM phù hợp và hiệu quả.

Trong cuốn *"Giáo dục học, tập 1",* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1983, tác giả N.V. Savin [153] đề ra nguyên tắc của việc nắm vững tri thức và phát triển toàn diện năng lực nhận thức của HS. Tác giả khẳng định: nguyên tắc cơ bản của việc nắm vững tri thức trong học tập là HS có thể tái tạo lại tri thức trong trí nhớ và sử dụng để giải quyết nhiệm vụ nhận thức và thực hành. Đồng thời, đề xuất các hình thức tổ chức DH, các loại giờ học, cách tiến hành củng cố tri thức bằng nhiều phương pháp khác nhau như: xử lý sự kiện, làm việc với tài liệu trực quan, sử dụng các phương tiện kỹ thuật, thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn, sử dụng sách giáo khoa. Đặc biệt nhấn mạnh, GV cần trang bị cho HS các thủ thuật ghi nhớ và chỉ ra lợi ích của việc nắm vững tri thức, áp dụng vào thực tiễn. Đây là những yêu cầu quan trọng mang tính nguyên tắc, định hướng cho tác giả luận án xác định các PPDH phù hợp để hướng dẫn HS chiếm lĩnh kiến thức LS, qua đó nâng cao chất lượng GD nói chung và GD học sinh TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường THPT nói riêng.

Thomas Armstrong trong cuốn *"Đa trí tuệ trong lớp học"* (Multiple intelligences in the Classroom), người dịch Lê Quang Long, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011 [156], đề cập đến những vấn đề như: Các nền tảng của thuyết đa trí tuệ, thuyết đa trí tuệ và sự phát triển của bản thân, mô tả các dạng trí tuệ ở HS; Thuyết đa trí tuệ và việc triển khai chương trình học; các chiến lược DH; môi trường lớp học; việc quản lý lớp học; các kỹ năng nhận thức… Tác giả đã mô tả 8 dạng trí tuệ như: Trí tuệ ngôn ngữ, trí tuệ logic - toán học, trí tuệ không gian, trí tuệ hình thể - động

năng, trí tuệ âm nhạc, trí tuệ giao tiếp, trí tuệ nội tâm và trí tuệ tự nhiên học. Qua đó, định hướng cho tác giả luận án xác định được phương pháp DH nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng phù hợp với đối tượng, khả năng nhận thức của HS trong quá trình học tập.

Nghiên cứu về vấn đề gd đạo đức, tư tưởng, tình cảm HS thông qua dh các môn học ở trường phổ thông, có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước. Tiêu biểu là:

Trong cuốn "*Lý luận DH đại cương"* tập 1, Nxb Trường cán bộ quản lý giáo dục Trung ương, HN, 1986 [147] của Nguyễn Ngọc Quang đã nêu rõ đối tượng, nhiệm vụ, quá trình DH và trình bày rõ các nguyên tắc DH. Đồng thời trong cuốn "*Lý luận DH đại cương"* tập 2, Nxb Trường cán bộ quản lý giáo dục Trung ương I, HN, 1989, [133.] Nguyễn Ngọc Quang đã trình bày các PPDH, phân loại các PPDH, các hình thức tổ chức DH ở trường phổ thông. Trong đó tập trung vào bài học, các kiểu tổ chức hoạt động học tập trong bài học; phân loại bài học, cấu trúc của bài học. Đây là những gợi ý về các hình thức tổ chức, biện pháp thực hiện trong quá trình DH, là gợi ý để tác giả luận án lựa chọn hinh thức tổ chức khi GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong DHLS ở trường THPT.

Cuốn *"Giáo dục học"* tập 1 của Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt, Nxb Giáo dục, Hà Nội 1987 [80], đã đề cập đến những vấn đề cơ bản về lý luận DH và khẳng đinh: Trong quá trình lên lớp, GV cần vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện DH nhằm phát huy cao độ tính tự giác, tích cực, độc lập nhận thức của HS. Các dạng tổ chức DH (toàn lớp, nhóm, cá nhân) cần được vận dụng phối hợp một cách hợp lý. Từ đó, tác giả luận án vận dụng linh hoạt để đề ra biện pháp GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong quá trình DH lịch sử Việt Nam (1919 – 1975) một cách hiệu quả.

Trong cuốn "*Giáo dục đại cương"* của Đặng Vũ Hoạt, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995 [68], đã nêu rõ tính đặc thù của "tính tích cực" là "tự mình có thể phát hiện ra vấn đề, tự mình tìm ra phương thức giải quyết vấn đề". Đồng thời, xác định các hình thức tổ chức GD, phương pháp GD. Đó là những nguyên tắc quan trọng nhằm đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực HS, giúp chúng tôi nghiên cứu và đề xuất các hình thức và phương pháp giáo dục TTDT theo TTHCM trong DHLS một cách khoa học và hiệu quả.

Tác giả Phạm Viết Vượng trong *"Giáo dục học",* Nxb Đại học quốc gia, HN, 2000 [175] đã chỉ ra 5 khâu của quá trình DH đối với một bài học: GV đề xuất nhiệm

vụ học tập; tổ chức cho HS nhận thức tài liệu mới; hệ thống hóa tài liệu đã học; vận dụng kiến thức vào giải quyết các bài tập thực hành; kiểm tra lại các kết quả học tập. Trong đó, khâu hệ thống hóa tài liệu và vận dụng kiến thức giải quyết các bài tập để củng cố kiến thức đã học có mối quan hệ chặt chẽ với các khâu khác tạo nên một quá trình DH thống nhất. Đó là những gợi ý quý báu để chúng tôi đề xuất các biện pháp sư phạm trong giáo án thực nghiệm, làm cơ sở để đánh giá hiệu quả thực tiễn của việc GD HS TTDT theo TTHCM thông qua bộ môn Lịch sử.

Trong cuốn "*Giáo dục học hiện đại (những nội dung cơ bản),* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2001 [167] của Thái Duy Tuyên, đã trình bày những vấn đề chung của GD như mục đích, đối tượng, tính chất, nguyên tắc giáo dục, nội dung, phương pháp, các phương tiện DH, hình thức tổ chức quá trình DH. Ông khẳng định, để nâng cao hiệu quả bài học phải luôn đổi mới bài học trên lớp theo hướng phát huy sức mạnh nội sinh của HS. Đồng thời, trong quyển "*Phương pháp DH - truyền thống và đổi mới"* (2008), tác giả đã nhấn mạnh cần nhận thức những điểm khác biệt giữa cách DH truyền thống và DH tích cực… Đó là những gợi ý quý bàu giúp tác giả luận án tìm ra các biện pháp sư phạm khi GD học sinh TTDT theo TTHCM trong DH lịch sử ở trường THPT.

Trong cuốn *"DH hiện đại, lý luận, biện pháp, kỹ thuật",* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2002 của Đặng Thành Hưng [77] đã chỉ rõ trong DH, vấn đề phương pháp là rất quan trọng. Giá trị trung tâm của PPDH hiện đại được thể hiện ở những tác dụng dạy người khác muốn học; dạy người khác biết học; dạy người khác kiên trì học tập; dạy người khác học tập có kết quả. Bài học này rất có ý nghĩa đối với tác giả luận án trong việc lựa chọn PPDH phù hợp đối với đối tượng là HS lớp 12, với mục đích GD HS TTDT theo TTHCM thông qua DH bộ môn Lịch sử ở trường THPT.

Các tác giả Phạm Tất Dong, Đào Hoàng Nam trong cuốn "*Phát triển giáo dục hướng tới một xã hội học tập*" Nxb Dân trí, HN, 2011 [35] đã đề cập đến sự nghiệp đổi mới GD, trước hết phải đổi mới tư duy GD để thực hiện xã hội hóa GD, đa dạng hóa các loại hình GD ngoài công lập, huy động các nguồn lực cho GD, GD từ xa. Đó là những gợi ý quan trọng để tác giả luận án đề xuất các hình thức GD đạo đức HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM trong DHLS nói riêng phù hợp.

Trong cuốn *"Xã hội học tập - học tập suốt đời và các kỹ năng tự học*", Nxb Dân trí, HN, 2012 [158] của Nguyễn Cảnh Toàn, Lê Hải Yến đã nhấn mạnh bản chất của tự học, tự học với việc đọc sách, kỹ năng phát hiện và giải quyết trong vấn đề tự học, ghi nhớ và vận dụng kiến thức. Đặc biệt, ở phần *Tự học ở các lứa tuổi*, đề cập

đến các PPDH tích cực như PPDH phát hiện và giải quyết vấn đề; phương pháp giáo dục khám phá và PP dạy và học trên dự án để hình thành và phát triển tư duy HS… Đó là những PPDH có thể vận dụng linh hoạt trong quá trình DHLS để GD TTDT theo TTHCM cho HS. Qua đó, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp cho HS.

Trong cuốn *"Những phẩm chất của người GV hiệu quả"* (Qualities of effective teacher), người dịch Lê Văn Canh, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2013 [84]. James H. Stronge quan niệm thế nào là người GV hiệu quả, người GV phải có các điều kiện để giảng dạy có hiệu quả; cách quản lý và tổ chức lớp học; soạn bài và tổ chức giảng dạy… Tác giả khái quát về những phẩm chất của người GV hiệu quả phải có các yếu tố sau: Thể hiện sự quan tâm sâu sắc; nhận ra tính phức hợp trong mọi vấn đề; giao tiếp mạch lạc; giảng dạy tận tâm và khẳng định: Để thành công thì một GV hiệu quả phải có đủ kiến thức về nội dung giảng dạy, kiến thức sư phạm, tình huống và hiểu biết về HS để đánh giá hết ý nghĩa tất cả các yếu tố liên quan đến quá trình dạy và học. Tác phẩm tuy không trực tiếp bàn về GD, nhưng thông qua những yêu cầu đặt ra đối với GV, giúp cho tác giả luận án nhận xác định được phương pháp GD HS TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hiệu quả nhất.

Robert J. Marzano, Jana S. Marzano, Debra J. Pickering trong cuốn "*Quản lý hiệu quả lớp học*" (Classroom management that works), người dịch Phạm Trần Long, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2013 [149], đề cập đến nhiều nội dung trong việc quản lý hiệu quả lớp học như: Vai trò chủ đạo của quản lý hiệu quả lớp học; nội quy và quy tắc ứng xử; can thiệp kỷ luật; định hướng tâm lý; trách nhiệm của HS đối với quản lý lớp học… Đặc biệt trong mối quan hệ thầy - trò, các tác giả nhấn mạnh: Nếu GV có quan hệ tốt với HS, thì HS sẽ sẵn sàng chấp nhận những nội quy, quy tắc ứng xử và biện pháp kỷ luật khi các em vi phạm. Nếu không có nền tảng là một mối quan hệ tốt, HS thường có những hành động quậy phá đi ngược lại các nội quy và quy tắc ứng xử. Như vậy, vai trò của GV rất quan trọng trong nhiệm vụ GD, điều này rất có ý nghĩa đối với luận án khi đề xuất các biện pháp sư phạm giúp GV thực hiện tốt nhiệm vụ GD TTDT theo TT HCM cho HS trong DHLS ở trường THPT.

Robert J. Marzano trong cuốn *"Nghệ thuật và khoa học DH"* (The art and science of teaching), người dịch Nguyễn Hữu Châu, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2013 [150] đặt ra và trả lời nhiều câu hỏi như: Tôi phải làm gì để xây dựng và thông báo các mục tiêu DH, theo dõi sự tiến bộ của HS và khen ngợi thành tích học tập? Tôi phải làm gì để giúp HS tương tác hiệu quả với kiến thức mới? Tôi phải làm gì để giúp HS thực hành và hiểu sâu kiến thức mới? Tôi phải làm gì để thu hút HS tham

gia?... Đó cũng là những câu hỏi người GV nói chung và tác giả luận án nói riêng phải giải quyết để nâng cao chất lượng DHLS nói riêng, chất lượng GD HS TTDT theo TTHCM nói riêng.

Các tác giả Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Pollock trong cuốn "*Các phương pháp DH hiệu quả"* (Classroom Instruction that works), người dịch Nguyễn Hồng Vân, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2013 [151] cho rằng, nhân tố quan trọng nhất tác động đến việc học của HS là các thầy cô giáo, trên cơ sở đó, mỗi PPDH đã chỉ ra cho GV những cách làm cụ thể để thực hiện công tác giảng dạy hiệu quả nhất. Qua đó giúp tác giả luận án xác định được phương pháp dạy học tích cực và hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu GD tư tưởng tình cảm cho HS nói chung, giáo dục HS TTDT theo TTHCM trong DHLS nói riêng.

Phạm Minh Hạc trong cuốn *"Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam",* Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 2013 [67] đã giới thiệu tóm tắt một số tác phẩm và triết lý giáo dục ở một số nước, triết lý giáo dục Việt Nam qua các thời kỳ. Đặc biệt là triết lý giáo dục Hồ Chí Minh với các nội dung như: Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu; xây dựng một nền GD của một nước độc lập; đào tạo những công dân hữu ích cho nước nhà; nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn các năng lực sẵn có của các em; trọng dụng nhân tài; GD làm người; dạy tốt, học tốt; học đi đôi với hành… Đó là cơ sở để bổ sung, hoàn thiện triết lý GD Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế nhằm chấn hưng nền GD nước nhà. Triết lý GD của Phạm Minh Hạc càng khẳng định tầm quan trọng của nhiệm vụ GD đạo đức HS nói chung, nhiệm vụ GD TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường THPT là rất cần thiết.

1.3. Những công trình nghiên cứu về giáo dục trong dạy học lịch sử

Trong cuốn *"Nguyên tắc trực quan trong DH LS"*, tác giả Đ.N. Nikiphôrốp, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1964 [143] khẳng định giá trị của việc sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong DHLS. Nếu thiếu hình ảnh trực quan thì việc nghiên cứu, học tập LS vẫn ở mức ghi nhớ từ một cách máy móc. Đồng thời, xác định mối quan hệ giữa việc kết hợp trực quan và lời nói của GV khi khai thác các nguồn sử liệu địa phương nhằm phát triển kỹ năng quan sát và giải thích sự kiện LS. Đó là nguyên tắc quan trọng giúp tác giả vận dụng trong quá trình đề xuất biện pháp GD HS tinh thần dân tộc theo HCM trong DHLS nhằm thực hiện được mục tiêu mà luận án đề ra.

Tác giả Vaghin A.A. trong cuốn *Phương pháp DH LS ở trường phổ thông* - Nxb Matxcơva, 1972 [171] do Hoàng Trung dịch lưu trữ trong phòng tư liệu - Thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội, đặc biệt nhấn mạnh việc sử dụng tài liệu LS địa

phương trong DH LS ở trường phổ thông. Trong đó nhấn mạnh vị trí, ý nghĩa và phương pháp sử dụng tài liệu LS địa phương trong các bài học LS. Việc đưa tài liệu LS địa phương vào bài học tạo nên một tình trạng tâm lý đặc biệt gọi là "cảm thấy có thật" quá khứ LS. Làm cho quá khứ LS xích lại gần với nhận thức của HS, dường như biến những kiến thức sách vở thành những sự kiện của cuộc sống và thực tế, như đưa những yếu tố trực quan sinh động vào quá trình học tập. Từ đó, giúp HS nhận thức sâu sắc sự kiện LS và có sự liên hệ vận dụng kiến thức đã được học vào trong cuộc sống, học tập. Đây là gợi ý quan trọng cho tác giả luận án khi xác định các biện pháp giáo dục TTDT theo TTHCM trong DH LS cần gắn liền với thực tiễn như tổ chức các hoạt động tham quan học tập tại bảo tàng, nhà trueyèn thống hay tại di tích LS gắn liền với cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

Trong cuốn "*Chuẩn bị giờ học LS như thế nào*" của tác giả N.G.Đairi do Đặng Bích Hà và Nguyễn Cao Lũy dịch, Nxb Giáo dục, HN, 1973 [39], đã đề cập đến nhiều khâu trong DHLS, đặc biệt nhấn mạnh việc chuẩn bị hệ thống kiến thức trong các bài học; đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả giờ học. Ông cho rằng trong quá trình DHLS, GV phải biết rõ những thành tựu của khoa học LS, và các khoa học GD, những vấn đề mà khoa học đang giải quyết, phải biết tất cả những hiện tượng quan trọng nhất của đời sống chính trị, xã hội và văn hóa…Muốn vậy, phải sử dụng có hệ thống tất cả mọi nguồn tư liệu: tác phẩm kinh điển, văn kiện của Đảng và Nhà nước, sách chuyên khảo, SGK, sách, báo, tạp chí, tác phẩm hội họa, những cuộc tham quan..., nhằm mục đích làm cho giờ học đem lại sự phong phú về mặt kiến thức, qua đó phát triển tư duy và GD đạo đức cho HS. Những quan điểm trên định hướng cho chúng tôi khi xác định các biện pháp sử dụng các nguồn tư liệu văn kiện Đảng, tư liệu của HCM về vấn đề DT để giáo dục HS TTDT theo TTHCM phù hợp và hiệu quả.

Vấn đề xác định mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp dạy học bộ môn LS nói chung, GD đạo đức, tư tưởng HS nói riêng được nghiên cứu hệ thống và sâu sắc trong giáo trình bộ môn PPDHLS qua các năm. Cụ thể:

Giáo trình "*Phương pháp DH LS"* tập 1 (1976), tập 2 (1980) [98], Nxb Giáo dục, HN, do Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị (chủ biên) đã dành một phần đáng kể viết về Bài học LS ở trường phổ thông và hệ thống các PPDH LS ở trường phổ thông. Các tác giả khẳng định: Hiệu quả của việc DHLS do nhiều yếu tố quy định, như những kiến thức về lý luận, về nội dung khoa học và về phương pháp mà GV sử dụng, nó còn phụ thuộc vào kỹ năng, năng lực sư phạm của GV và chất lượng của

các loại sách và việc tổ chức hợp lý quá trình DH. Đây là kiến thức nền tảng đầu tiên về PPDH bộ môn LS ở trường phổ thông, giúp tác giả luận án có cái nhìn khoa học về sự phát triển của bộ môn Lí luận và PPDH LS nói chung và vận dụng linh hoạt vào việc xác định các PP giáo dục HS TTDT theo TTHCM phù hợp.

Trong giáo trình *"Phương pháp DH LS"*, (1992) [83], Nxb Giáo dục, HN, tiếp tục đi sâu phân tích những yêu cầu cơ bản đối với một giờ học LS; các kiểu bài học nội khóa và cách thức chuẩn bị tiến hành BHLS nội khóa ở trường phổ thông. Giáo trình có vai trò rất quan trọng đối với bộ môn Lịch sử và giúp cho luận án khẳng định ý nghĩa bài học lịch sử ở trường THPT khi vận dụng việc GD TTDT theo TTHCM.

Giáo trình "*Phương pháp DH LS*", tập 1 của các tác giả Phan Ngọc Liên, Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng, xuất bản năm 2002 và được tái bản năm 2009 [111] đề cập đến những vấn đề cơ bản của bộ môn PPDH LS như PPDH LS là một khoa học; bộ môn LS ở trường phổ thông; chức năng, nhiệm vụ, quá trình tiến hành việc giáo dục LS ở trường phổ thông; hệ thống PPDH LS ở trường phổ thông. Trong đó, tập trung vào mục tiêu bộ môn, nội dung kiến thức cơ bản, chuẩn trong chương trình và sách giáo khoa, phát triển năng lực nhận thức và thực hành cho HS trong học tập LS, chức năng GD tư tưởng, tình cảm cách mạng cho HS và cơ sở lý luận của việc xác định và đổi mới PPDH LS ở trường THPT. Từ đó, giúp cho tác giả luận án tìm ra phương pháp DH tích cực để GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong bài học LS phù hợp và hiệu quả.

Trong "*Phương pháp DH LS*" tập 2 của các tác giả Phan Ngọc Liên, Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng, xuất bản năm 2002 và được tái bản năm 2009 [112], trình bày về hệ thống PPDH LS ở trường phổ thông; xác định các hình thức tổ chức DH ở trường phổ thông; đi sâu phân tích quan niệm về BHLS; các loại BHLS và những biện pháp nâng cao hiệu quả BHLS…Đồng thời khẳng định, việc sử dụng sách giáo khoa và tài liệu tham khảo góp phần quan trọng vào việc khôi phục, tái hiện hình ảnh quá khứ. Đó là căn cứ khoa học, bằng chứng về tính chính xác, cụ thể, khắc phục việc "hiện đại hóa" LS. Sử dụng tài liệu LS, văn kiện Đảng, Nhà nước, các tác phẩm của chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng trong việc định hướng GD đạo đức, tư tưởng cho HS nói chung, GD học sinh TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường phổ thông nói riêng. Đó là cơ sở lý luận quan trọng giúp tác giả lựa chọn các biện pháp sư phạm phù hợp khi vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về TTDT trong DH LS Việt Nam lớp 12 THPT (thể hiện trong chương III) của luận án.

Giáo trình "*Hệ thống các phương pháp DH LS ở trường trung học cơ sở"* (2006) [163] của các tác giả Trịnh Đình Tùng (chủ biên), Trần Viết Thụ, Đặng Văn Hồ, Trần Văn Cường đã phân loại và trình bày các PPDH LS từ truyền thống đến hiện đại theo ba nhóm phương pháp: thông tin tái hiện hình ảnh LS, phát triển năng lực nhận thức và tìm tòi nghiên cứu. Trong đó xoay quanh sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động điều khiển, hướng dẫn, tổ chức của người thầy và hoạt động học tập chủ động, tích cực, sáng tạo của HS. Đó là những nguyên tắc quan trọng cần thiết phải vận dụng vào quá trình DH LS hiện nay để đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.

Chuyên khảo về phương pháp dạy học lịch sử

Trong cuốn chuyên khảo *"Phát huy tính tích cực của HS trong DH LS ở THCS"* do Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng (chủ biên) (Sách bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1997 - 2000 cho GV THCS (1999) [101], các tác giả đã dành phần thứ ba nêu những biện pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực của HS trong học tập LS ở trường trung học cơ sở như sử dụng SGK; phương pháp sử dụng hệ thống các câu hỏi trong DHLS; phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS... để phát triển tư duy cho HS. Qua đó tác giả luận án có thể vận dụng khi đưa ra các biện pháp trong DHLS nói chung và GD tinh thần dân tộc theo TTHCM nói riêng.

Phan Ngọc Liên trong cuốn "*Hình thành tri thức LS cho HS THPT*", Nxb Đại học Huế, 2001 [106] chỉ rõ con đường hình thành kiến thức LS từ cung cấp sự kiện đến tạo biểu tượng, hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút ra bài học LS. Đó là con đường nhận thức biện chúng khách quan, tuân theo quy luật chung của quá trình nhận thức và phù hợp với đặc trưng của bộ môn LS. Đó cũng là nguyên tắc chỉ đạo việc tổ chức dạy các tiết học LS cụ thể và định hướng để GD đạo đức HS và là những gợi ý đối với GD tinh thần dân tộc theo TTHCM.

Trong cuốn "*LS và giáo dục LS",* Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2003 [108] của Phan Ngọc Liên. Cuốn sách là một công trình nghiên cứu công phu, toàn diện những vấn đề về giáo dục LS. Trong đó, phần viết về quan điểm Hồ Chí Minh có một vị trí quan trọng, thể hiện bề dày nghiên cứu của tác giả. Các bài viết: "*Phương pháp luận sử học Hồ Chí Minh*", "*Vấn đề nhận thức LS của Hồ Chí Minh*", "*Những vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, DH LS trong tác phẩm Hồ Chí Minh*" thể hiện rõ những quan điểm của Người về TTDT và cơ sở lý luận của việc vận dụng trong DHLS.

Trong cuốn chuyên khảo "*Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả DH LS ở trường phổ thông*" (2008) [27] của tác giả Nguyễn Thị Côi đã nêu lên bản chất của quá

trình DH LS; quan niệm về hiệu quả và nâng cao hiệu quả DH LS; khẳng định nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả BHLS ở trường phổ thông như phát triển các hoạt động nhận thức độc lập, nhất là tư duy độc lập, sáng tạo của HS, trình bày hình ảnh và việc hình thành xúc cảm LS cho HS, sử dụng một cách đa dạng, kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lý các phương pháp cách DH trong một bài LS, tổ chức giờ học hiệu quả; tăng cường các hoạt động hỗ trợ bài học trên lớp như tự học ở nhà, kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lý các dạng tổ chức học tập trong quá trình DH để phát huy tính tích cực học tập của HS. Thông qua đó tác giả luận án có cơ sở để đề ra những biện pháp phù hợp khi tiến hành bài học LS với mục đích GDHS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cuốn *"Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn LS*" , NXB Đại học Sư phạm 2011 [30] của tác giả Nguyễn Thị Côi (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Thế Bình, Trần Viết Thụ, Nguyễn Mạnh Hưởng, Đoàn Văn Hưng khẳng định tầm quan trọng của việc rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Đồng thời, xác định những yêu cầu cơ bản và biện pháp để rèn luyện hệ thống kĩ năng cơ bản của bộ môn LS như diễn đạt nói, viết, sử dụng đồ dùng trực quan…Đó là cẩm nang cho SV trong quá trình học tập và định hướng cho GV trong quá trình DH ở trường phổ thông. Đặc biệt, trong công tác GD đạo đức, tư tưởng cho HS nói chung, giáo dục HS TTDT theo TTHCM nói riêng trên tinh thần tự học, tự cảm nhận và thẩm thấu những giá trị của cuộc sống.

Tác giả Hoàng Thanh Tú trong cuốn *"Phương pháp ôn tập LS ở trường trung học phổ thông một số vấn đề lý luận và thực tiễn",* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2012 [159], trình bày về hình thức và biện pháp tổ chức, hướng dẫn ôn tập trong DHLS ở trường THPT như các hình thức tổ chức, hướng dẫn ôn tập trong DHLS ở trên lớp, tự ôn tập ở nhà; biện pháp tổ chức ôn tập sử dụng đồ dùng trực quan, kiểm tra, đánh giá thường xuyên trên lớp, xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập LS, triển khai thảo luận nhóm…Chúng tôi nhận thấy, để đạt hiệu quả cao trong GD, ngoài vai trò của người GV trực tiếp giảng dạy trên lớp, sự tích cực học tập của HS là rất cần thiết. muốn đạt được điều đó, HS rất cần những gợi ý của GV cho việc ôn tập ở nhà. Chính vì vậy, cuốn sách đã gợi ý để tác giả có thể đề xuất những biện pháp GD tinh thần dân tộc theo TTHCM cho HS một cách hiệu quả thông qua câu hỏi bài tập mở rộng (*Xem phụ lục – Giáo án thực nghiệm*).

Chuyên khảo "*Sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh trong nghiên cứu và giảng dạy LS*" (Đề tài cấp Bộ), tập hợp nhiều bài viết của các nhà khoa học, quan điểm chung là khẳng định sự cần thiết phải sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh vào DH LS. Trong đó bài "*Sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh trong giáo dục truyền thống dân tộc cho HS trung*

học qua DH LS" của Thái Văn Long đã đề cập đến vấn đề TTHCM với truyền thống DT và GD truyền thống dân tộc cho nhân dân; sử dụng quan điểm Hồ Chí Minh trong giáo dục truyền thống dân tộc cho HS qua DH LS. Mặc dù các tác phẩm, bài viết trên không trực tiếp bàn về TTDT, TTDT của Hồ Chí Minh nhưng là những đã đề cập đến những biểu hiện về TTDT như: đạo đức, tinh thần đoàn kết….

Trong cuốn "*Một số hình thức, biện pháp giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên"* - tác giả Phan Ngọc Liên- Nguyễn Cảnh Minh, Nxb Thanh niên, HN, 1986 [99], đề cập đến cơ sở lí luận, thực tiễn và những hình thức giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên (đọc sách, nói chuyện truyền thống cách mạng, trò chơi LS...). Đó là những gợi ý quý báu để tác giả luận án xác định các hình thức hoạt động ngoại khóa giáo dục HS TTDT theo TTHCM phù hợp với năng lực và sở thích của HS, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục bộ môn.

Bài viết "*Mấy biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục qua một bài học sử*" của tác giả Trịnh Đình Tùng, (tạp chí NCGD số 5- 1988) [160], đề ra cách DH mới nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong quá trình nhận thức, tăng cường hiệu quả GD của giờ học đặc biệt là GD lòng yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản qua một bài học cụ thể cho HS ở THPT. Đó là những gọi ý quý báu để chúng tôi xác định các biện pháp sư phạm trong các giáo án thực nghiệm để thông qua việc hướng dẫn HS chiếm lĩnh kiến thức LS sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả giáo dục HS về vấn đề DT theo quan điểm của Người.

Luận án, luận văn

Hoàng Đình Chiến (1993) với luận án *"Sử dụng tác phẩm Hồ Chí Minh trong DH LS Việt Nam lớp 12 THPT"* [20] đã trình bày các biện pháp sử dụng tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi giảng dạy các loại bài trên lớp và hoạt động ngoại khóa. Qua đó tác giả luận án có thể vận dụng để khai thác tư liệu văn kiện Đảng, tư liệu HCM về vấn đề DT trong DH lịch sử ở trường THPT.

Trong luận án Tiến sĩ *"Hình thành khái niệm cách mạng tư sản theo hướng pháp huy tính tích cực của HS trong DH LS thế giới cận đại ở trường THPT"* (2009) [8], tác giả Nguyễn Thị Thế Bình đã đề xuất, phân tích một số biện pháp hình thành khái niệm "Cách mạng tư sản" và khẳng định việc hình thành khái niệm phải được đặt trong thể thống nhất với DH các đơn vị kiến thức LS khác, phải thông qua những kiến thưc cơ bản nhất, phải kết hợp đa dạng, hợp lý hệ thống PPDH truyền thống và hiện đại… Mặc dù không bàn trực tiếp đến vấn đề giáo dục, nhưng những biện pháp của tác giả là những gợi ý đã giúp chúng tôi xác định các biện pháp tổ chức cho HS chiếm lĩnh kiến thức LSVN (1919 – 1975), làm cơ

sở giáo dục HS TTDT theo TTHCM một cách tự nhiên.

Luận án *"Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về giáo dục trong dạy học lịch sử Việt Nam lớp 12 trung học phổ thông – Chương trình chuẩn (Qua thực nghiệm sư phạm ở Hà Nội)"* của Lê Đình Năm (2015) [141] là công trình nghiên cứu có hệ thống và chuyên sâu đầu tiên về vấn đề vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh trong DHLS. Luận án góp phần làm phong phú cơ sở lí luận của việc vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về GD trong DHLS ở trường THPT; xác định được một hệ thống quan điểm Hồ Chí Minh về giáo dục có thể vận dụng vào dạy học bộ môn Lịch sử ở trường THPPT hiện nay; đề xuất được một số biện pháp vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về GD trong DH lịch sử Việt Nam lớp 12. Kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ giúp tác giả luận án hiểu sâu sắc, hệ thống về TTHCM, mà còn là gợi ý quan trọng để xác định các biện pháp giáo dục HS TTDT theo TTHCM.

Luận án "*Giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho SV các trường ĐH, CĐ vùng Tây Bắc trong dạy học môn tư tưởng Hồ Chí Minh*" của Lê Thị Vân Anh (2015) [2] đi sâu nghiên cứu lý luận về đạo đức HCM, tầm quan trọng của việc về GD đạo đức HCM cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng vùng Tây Bắc. Đồng thời, đề xuất được một hệ thống các hình thức và biện pháp GD đạo đức HCM trong giờ học nội khóa (trên lớp, ngoài lớp) và hoạt động ngoại khóa. Đây là nguồn tài liệu bổ ích cho tác giả luận án tham khảo và vận dụng một cách linh hoạt khi xác định các hình thức và biện pháp giáo dục HS TTDT theo TTHCM một cách phù hợp và hiệu quả.

Luận án "*Sử dụng Hồ Chí Minh toàn tập trong dạy học LSVN (1919-1975) ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực học sinh*" của Nguyễn Quốc Pháp (2018) [145]. Trên cơ sở tìm hiểu lí luận dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng và thực tiễn việc sử dụng "Hồ Chí Minh Toàn tập" trong dạy học lịch sử, tác giả đi sâu vào các vấn đề: Khẳng định vai trò ý nghĩa của việc sử dụng tài liệu "Hồ Chí Minh Toàn tập" trong dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1945 lớp 12 THPT chương trình chuẩn; Xác định "Hồ Chí Minh Toàn tập" là nguồn tài liệu quan trọng trong dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1945 lớp 12 THPT chương trình chuẩn; Đề xuất các biện pháp sư phạm để sử dụng hiệu quả "Hồ Chí Minh Toàn tập" trong dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1945 lớp 12 THPT chương trình chuẩn. Đây cũng là tài liệu hữu ích giúp gợi ý cho chúng tôi trong việc khẳng định giá trị của tài liệu Hồ Chí Minh toàn tập đối với việc giảng dạy LS nói chung ở trường THPT và GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS lớp 12.

Ngoài ra, một số bài viết trong các tạp chí chuyên ngành cũng giúp tác giả trong việc

thực hiện luận án. Tiêu biểu như:

- Tác giả Phan Ngọc Liên :"*Những vấn đề trong DHLS ở trường phổ thông hiện nay*"; "*Đổi mới việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh*", tạp chí NCGD, 5-1996.

- Tác giả Trịnh Đình Tùng: "*Để nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn LS ở trường phổ thông*" ; "Các biện pháp giáo dục nhân cách cho HS trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông" …

- Tác giả Nguyễn Thị Côi: "*Làm thế nào để HS nắm vững kiến thức trong DHLS ở trường phổ thông*"; "*Một số phương hướng, biện pháp nâng cao chất lượng DHLS Việt Nam ở trường phổ thông*" ;"*Rèn luyện năng lực tự học LS cho HS góp phần nâng cao hiệu quả DH bộ môn ở trường phổ thông*"; "*Hồ Chí Minh với giáo dục LS*", Tạp chí xưa và nay, số 26, tháng 4/1996; "*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào DH LS ở trường phổ thông*", Kỷ yếu hội thảo khoa học, kỷ niệm ngày sinh của Bác, khoa Sử, ĐHSP – ĐHQG, Hà Nội, 5-1998.

- Tác giả Nguyễn Mạnh Hưởng *" GD học sinh ghi nhớ vai trò lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945"* , Tạp chí Thiết bị GD, số đặc biệt (6/2016), số 130, trang 109 - 112.

- Tác giả Nguyễn Thị Thế Bình "*Sử dụng SGK và chuẩn kiến thức trong DHLS Việt Nam lớp 12*"; *Giáo dục học sinh ý thức về chủ quyền biển đảo quốc gia cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông,* Tạp chí Giáo dục, số 411 (Kỳ 1 – 8/2017)*; Một số biện pháp giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử ở trường THPT,* Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế "Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa", QĐXB số 1475LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN ngày 8/12/2017; *Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Lịch sử ở trường THPT*, TCGD số 431, Kì 1, tháng 6/2018.

1.4. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố và những vấn đề luận án kế thừa và phát triển

**** Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố***

Từ công trình của các nhà nghiên cứu có thể rút ra một số nhận xét:

- Các tác giả khẳng định vai trò quan trọng của các PPDH và mối quan hệ giữa chúng. Nếu GV kết hợp sử dụng hợp lý cùng với các phương tiện DH sẽ làm cho BHLS trở nên sinh động, giàu hình ảnh, HS có hứng thú, tích cực, chủ động và sáng tạo khi học tập LS.

- Các tác giả đều nhấn mạnh đến sự cần thiết phải sử dụng các phương pháp

khác nhau trong DHLS ở trường phổ thông như tạo biểu tượng LS; sử dụng đồ dùng trực quan; sử dụng đa dạng các bài tập để củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng; học ở nhà, tự học, học ngoại khóa…Qua đó, giúp cho HS nhận thức sâu sắc nội dung bài học, góp phần nâng cao chất lượng DH bộ môn, bồi dưỡng tư tưởng tình cảm cho HS, thực hiện mục tiêu bài học, tác động tích cực đối với việc GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS ở trường THPT.

- Từ việc nghiên cứu thực tiễn quá trình DH nói chung và DHLS nói riêng trong nhà trường ở một số nước trên thế giới, các công trình nghiên cứu của các tác giả đã cung cấp những bài học kinh nghiệm quý báu về GD trong DH nói chung và GD trong DHLS nói riêng ở Việt Nam. Đó là những kinh nghiệm để tác giả luận án vận dụng sáng tạo trong quá trình DH bộ môn LS đối với việc GD TTDT theo TTHCM cho HS một cách hiệu quả.

- Hầu hết các công trình đều khẳng định tầm quan trọng của việc GD tinh thần dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh, khẳng định tầm quan trọng của việc sử dụng tài liệu văn kiện Đảng trong DH LS để nâng cao chất lượng DH nói chung, bộ môn LS nói riêng.

- Những công trình nghiên cứu trên đã đề cập nhiều khía cạnh khác nhau với nội dung khá đa dạng về vị trí, vai trò của GD, nội dung, phương pháp GD…. Từ đó giúp tác giả luận án có cái nhìn đúng đắn và vận dụng phù hợp trong việc GD đạo đức, tư tưởng cho HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM trong DHLS Việt Nam nói riêng.

- Về GD và GDLS, các công trình đã đề cập ở những góc độ khác nhau việc sử dụng các phương pháp DH nói chung và DHLS nói riêng để nâng cao chất lượng DH. Trên phương diện lý luận các công trình đều khẳng định vai trò quan trọng của những PPDH đó trong DHLS.

- Các công trình công bố đã xác định những nội dung, PPDH, vai trò của GD trong nhà trường. Các công trình đã gợi ý cho chúng tôi đề ra các biện pháp sư phạm góp phần nâng cao chất lượng DHLS ở trường THPT nói chung, GD TTDT theo TTHCM nói riêng.

**** Những vấn đề luận án kế thừa từ những công trình đã công bố***

Sau khi nghiên cứu và đọc các tài liệu trên, chúng tôi thấy được những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc sử dụng các PPDH mà các tác giả đề cập, khai thác cũng như vận dụng ở nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Mỗi công trình đã công bố đều đã được triển khai thực hiện có hiệu quả nhất định bổ sung vào lý luận DH nói chung

và DHLS ở trường phổ thông nói riêng. Do đó việc nghiên cứu để tìm ra phương pháp GD tinh thần dân tộc theo TTHCM nhằm nâng cao chất lượng DHLS Việt Nam ở trường THPT là vấn đề trọng tâm của luận án.

Vấn đề đặt ra là phải xác định được những công trình nghiên cứu làm định hướng cho đề tài về mặt lý luận để chúng tôi có cách tiếp cận mới, nêu và chứng minh được những phương pháp GD trong DHLS nói chung và GD tinh thần dân tộc theo TTHCM nói riêng nhằm nâng cao chất lượng DHLS. Biện pháp mà tác gỉa luận án vận dụng trong là gì?

Một là, luận án tiếp tục khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc GD trong DH nói chung và GD trong DHLS nói riêng ở trường THPT để nâng cao chất lượng DHLS.

Hai là, những công trình nghiên cứu về TTDT, TTDT theo TTHCM, những công trình của Hồ Chí Minh bàn về dân tộc ở nhiều góc độ, khía cạnh, mức độ khác nhau nên còn thiếu tính hệ thống. Trên cơ sở đó, chúng tôi lựa chọn, hệ thống các khái niệm, quan điểm về tinh thần dân tộc, tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh lấy đó làm cơ sở đề ra các biện pháp vận dụng trong GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong DHLS Việt Nam lớp 12 trường THPT (1919-1975).

Ba là, luận án tiếp tục kế thừa những biện pháp trong DH nói chung, DHLS ở trường phổ thông nói riêng để GD tinh thần dân tộc theo TTHCM cho HS lớp 12.

Bốn là, luận án tiếp tục lựa chọn tài liệu gốc như: tài liệu sách giáo khoa; những tác phẩm của Hồ Chí Minh về TTDT, văn kiện Đảng,… sử dụng trong những nội dung kiến thức phù hợp, đạt được hiệu quả bài học.

Như vậy, vấn đề cơ bản mà chúng tôi kế thừa được từ những công trình đã công bố trên bao gồm: lý luận về DH, GD trong DH nói chung và lý luận GD trong DHLS nói riêng. Về quá trình vận dụng từ lý luận GDDH, GDDHLS vào thực tiễn GD TTDT theo TTHCM nhằm nâng cao chất lượng GD ở nước ta hiện nay.

Chúng tôi nhận thấy, tất cả các công trình nghiên cứu trên là những tài liệu tham khảo rất bổ ích, quý giá. Những tài liệu trên là những gợi ý quan trọng để chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

**** Những vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu giải quyết***

Qua tìm hiểu tình hình nghiên về tinh thần dân tộc, tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh; về GD trong DH và GD trong DHLS của các tác giả ở trong và ngoài nước liên quan đến nội dung nghiên cứu mà luận án đang hướng tới, chúng tôi nhận thấy những nội dung mới cần giải quyết trong luận án như sau:

Thứ nhất, trình bày được cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đề tài là việc GD

học sinh TTDT theo TTHCM. Đó là hệ thống các khái niệm liên quan trực tiếp đến đề tài như TTDT; TTDT theo TTHCM; GD học sinh TTDT theo TTHCM; nội dung của vấn đề DT theo quan điểm của HCM; chức năng, nhiệm vụ bộ môn LS đối với việc GD đạo đức HS nói chung, GD TTDT theo TTHCM nói riêng; vai trò, ý nghĩa của việc GD học sinh TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường THPT.

Thứ hai, đi sâu nghiên cứu, điều tra làm rõ thực trạng vấn đề GD đạo đức HS nói chung, GD học sinh TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường THPT nói riêng với hai đối tượng là GV và HS ở một số trường THPT cả nước. Trên cơ sở điều tra xã hội học về nhận thức, nội dung, hình thức, phương pháp, biện pháp sư phạm, kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại. Từ đó, phân tích nguyên nhân thực trạng và định hướng cho việc đề xuất các biện pháp giáo dục TTDT theo TTHCM.

Thứ ba, luận án lựa chọn hệ thống kiến thức cơ bản có thể và cần thiết khai thác để GD học sinh TTDT theo TTHCM. Đồng thời, xác định hình thức, biện pháp sư phạm để GD học sinh TTDT theo TTHCM thông qua các bài học lịch sử.

Thứ tư, luận án tiến hành TN từng phần và toàn phần để kiểm nghiệm tính khả thi của các biện pháp sư phạm đưa ra trong luận án làm cơ sở để rút ra kết luận và kiến nghị của luận án. Từ đó, khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu.

Chương 2
CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC GIÁO DỤC HỌC SINH TINH THẦN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Trong chương này, chúng tôi tập trung nghiên cứu bản chất của vấn đề dân tộc, TTDT, TTDT theo TTHCM, nội dung của TTDT theo TTHCM, vai trò, ý nghĩa của việc GD cho HS TTDT theo TTHCM trong DHLS. Đồng thời, khảo sát, đánh giá thực trạng việc giáo dục TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường phổ thông hiện nay, làm cơ sở cho việc xác định hình thức, PPDH và biện pháp sư phạm để nâng cao chất lượng DH bộ môn LS nói chung, giáo dục HS TTDT theo TTHCM nói riêng.

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Quan niệm về tinh thần dân tộc

- Quan niệm về dân tộc

Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Phòng từ điển, Viện ngôn ngữ học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: "*DT là một cộng đồng người hình thành trong LS có chung một lãnh thổ, các quan hệ kinh tế, một ngôn ngữ văn học và một số đặc trưng văn hóa và hoàn cảnh. DT là một cộng đồng người ổn định, làm thành nhân dân một nước có ý thức về sự thống nhất của mình gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung*" [146,17]

Theo *Từ điển Bách Khoa Tiếng Việt*, "*DT (Nation) hay quốc gia Dân tộc là một cộng đồng chính trị - xã hội được chỉ đạo bởi một nhà nước thiết lập trên một lãnh thổ nhất định, ban đầu được hình thành do sự tập hợp của nhiều bộ lạc và liên minh bộ lạc. Sau này của nhiều cộng đồng mang tính tộc người (ethnie) của bộ phận tộc người*" [146,18].

- ***Quan niệm về tinh thần dân tộc***

Tinh thần dân tộc là ý thức DT được hình thành và kết tinh trong suốt quá trình tồn tại, phát triển của bản thân DT, tạo nên ý chí, nghị lực của một DT và được biểu hiện ở các giá trị trong truyền thống văn hoá dân tộc (Ý kiến của tác giả Phạm Văn Đức- Viện Triết học). Như vậy, TTDT đóng vai trò định hướng cho sự tồn tại và phát triển của DT, là niềm tin và là mục tiêu theo đuổi của dân tộc. TTDT Việt Nam chính là ý thức DT Việt Nam đã được hình thành trong suốt tiến trình LS và được biểu hiện ở các giá trị trong truyền thống văn hóa của người Việt. Chính TTDT ấy đã kết thành ý chí và nghị lực giúp cho DT Việt Nam tồn tại và phát triển trong suốt

hàng nghìn năm LS. Nói cách khác, TTDT là sự kết tinh và thăng hoa các giá trị truyền thống của DT, trong đó tinh thần yêu nước và tinh thần độc lập DT là hai giá trị truyền thống chủ đạo. Trong các cuộc đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc, TTDT đã được phát huy đến cao độ. Chính vì vậy, DT Việt Nam không chịu khuất phục bất cứ một thế lực nào.

Ý thức dân tộc trước hết là ý thức về *cội nguồn dân tộc* của mỗi con người: mình từ đâu đến? Sau đó là ý thức về *quyền dân tộc:* quyền làm chủ lãnh thổ (đất nước), làm chủ đời sống vật chất và TTDT mình. Đó là tinh thần độc lập, tự chủ của mỗi DT. Đó là quyền tự nhiên, mỗi thành viên của DT đều thấy có nghĩa vụ thiêng liêng phải giữ gìn và bảo vệ.

Chủ nghĩa dân tộc còn là ý thức về *phẩm giá dân tộc.* DT tồn tại và phát triển là thành quả của sức lao động và đấu tranh sáng tạo của nhiều thế hệ tiền bối. Họ đã tạo ra tất cả những giá trị vật chất và tinh thần hợp thành nền văn hoá dân tộc, vừa có bản sắc riêng, vừa là bộ phận hợp thành nền văn hoá chung của nhân loại. Song, điều phức tạp của LS là ở chỗ, các tộc người, các dân tộc hình thành và phát triển khi đã có sự phân tầng xã hội thành các *giai cấp.* Sự xuất hiện giai cấp không làm tan rã cộng đồng dân tộc, mà chỉ chia rẽ con người trong cộng đồng dân tộc, thậm chí đến mức đối kháng. Trong cùng một dân tộc, ý thức dân tộc của mỗi giai cấp lại được biểu hiện qua ý thức về lợi ích giai cấp; vì vậy, nó không thể không mang thêm những sắc thái riêng bắt nguồn từ tính giai cấp.

2.1.2. Quan niệm về tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể ở nước ta. Đồng thời, là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người." [12,22]

- *TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh* được hiểu là một trong những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, được kết tinh những giá trị tinh hoa, truyền thống của dân tộc, được hình thành và phát triển dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng của Người. Giá trị của tinh thần đó được soi sáng dưới đường lối đúng đắn của Đảng, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Người bàn về tinh thần dân tộc trong điều kiện dân tộc thuộc địa. Thực chất là cuộc đấu tranh đòi độc lập tự do cho các dân tộc bị áp bức để hình thành nhà nước DT độc lập. Tư tưởng Hồ Chí Minh ấy vùa mang tính khoa học và mang tính cách mạng sâu

sắc. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu, chủ yếu nhấn mạnh "sự kết hợp vấn đề DT và vấn đề giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, đấu tranh cho độc lập của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác song điểm nhấn mạnh nhất là của dân tộc ở thuộc địa, quyền dân tộc tự quyết là mối quan hệ không thể tách rời giữa độc lập DT và thống nhất đất nước". [12,34]. Vì vậy, TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ bao gồm những giá trị chung của nhân loại về dân tộc mà còn có những nét độc đáo cụ thể, có sức sống mãnh liệt, có giá trị sâu sắc.

2.1.3. Quan niệm về giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Quan niệm về Giáo dục*

Giáo dục - hiểu theo nghĩa rộng - là quá trình trao đổi và chuyển giao tri thức, là sự đạt được những giá trị và hành vi theo một mục đích, yêu cầu định sẵn.

Hiểu theo nghĩa hẹp, GD là một quá trình hình thành nhân cách con người dưới ảnh hưởng của các hoạt động có mục đích của nhà giáo dục trong hệ thống các cơ quan giáo dục và DH.

Như vậy, GD dù nhìn ở dưới góc độ nào cũng cần có ít nhất hai chủ thể là người dạy và người học. Mục tiêu của giáo dục là trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng, phẩm chất, năng lực cần thiết trên cơ sở những kinh nghiệm của các thế hệ loài người. Công tác GD trong nhà trường góp phần đắc lực vào sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

GD có vai trò rất lớn trong việc hình thành phẩm chất, nhân cách, định hướng phát triển cho mỗi người. Sự phát triển và hoàn thiện con người có nhiều yếu tố tác động, song có thể khẳng định yếu tố GD đóng vai trò chủ yếu. Nếu không có giáo dục, con người không thể tiếp cận và tiếp thu được nền văn hóa, văn minh của nhân loại; và do đó, các thế hệ sau cũng không thể tiếp thu, kế thừa và bảo tồn được những di sản truyền thống dân tộc.

- *Quan niệm về giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS ở trường THPT*

"DH là dạy để nâng cao trình độ văn hóa và phẩm chất đạo đức, theo chương trình nhất định" [160, 244]. "DH là một quá trình nhận thức đặc thù, trong đó GV tổ chức, điều khiển, lãnh đạo hoạt động nhận thức của HS có mục đích, có kế hoạch để đạt được các yêu cầu về giáo dưỡng, giáo dục và phát triển đã đặt ra" [16, 8]. DH LS là một bộ phận trong quá trình giáo dục ở trường phổ thông; nó tuân thủ những quy

luật của việc DH nói chung, quá trình DHLS nói riêng nhằm làm cho HS biết những sự kiện cơ bản và hiểu sâu sắc quá khứ, theo quy luật của việc nhận thức LS. Vì vậy, DHLS là quá trình thống nhất của hai khâu có tác động, ảnh hưởng đến nhau - giảng dạy của GV và học tập của HS. DHLS tuân theo những quy luật những quy luật của sự nhận thức. Những quy luật này lại không phải là quy luật của bản thân hiện thực LS; tuy nhiên, hai loại quy luật này – quy luật nhận thức và quy luật LS có liên quan với nhau. DHLS được tiến hành trên cơ sở quy luật nhận thức nói chung, quy luật nhận thức LS nói riêng sẽ giúp HS nắm vững bản thân hiện thực quá khứ với quy luật vận động và phát triển của xã hội.

Từ định nghĩa về GD, DH, tinh thần và TTDT chúng tôi cho rằng: *Giáo dục TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS* là quá trình GV hướng dẫn, tổ chức HS lĩnh hội tri thức LS, tiếp thu những giá trị truyền thống, tinh hoa văn hóa dân tộc dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thông qua việc chiếm lĩnh kiến thức LS, HS hiểu được quan điểm của Hồ Chí Minh về *TTDT*. Từ đó, không chỉ giúp học sinh hiểu sâu sắc LS DT, mà quan trọng hơn là giáo dục HS thế giới quan cách mạng nhân sinh quan khoa học, có thái độ và hành vi đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

Trong quá trình DHLS ở trường phổ thông, nhiệm vụ giáo dục đạo đức, tư tưởng, tình cảm cho HS nói chung, GD TTDT nói riêng vẫn được thực hiện ở các cấp học và mức độ khác nhau. Việc GD mang tính tự phát, từ kinh nghiệm của cá nhân người dạy. Nội dung GD còn chung chung và tách biệt về truyền thống DT (yêu nước, đoàn kết, nhân ái …) mà không có sự gắn kết giữa các yếu tố với nhau. Giáo dục TTDT theo TTHCM là GD có định hướng rõ ràng, với mục tiêu cụ thể. Nội dung GD gắn liền với những biểu hiện sinh động của vấn đề DT theo quan điểm của Người. Trong đó nhấn mạnh, sự kết hợp giữa giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đoàn kết DT gắn liền với đoàn kết quốc tế, yếu tố DT gắn liền với yếu tố thời đại … Vì vậy, GD TTDT theo TTHCM là kim chỉ nam, định hướng cho GV trong quá trình DHLS ở trường THPT. Qua đó, nâng cao hiệu quả DH về cả ba mặt kiến thức, kĩ năng, thái độ và là cơ sở để phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất của HS.

Trong DHLS ở phổ thông, cùng với GD đạo đức, tư tưởng, tình cảm cho HS nói chung, cần chú trọng GD tinh thần dân tộc truyền thống và TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh. GD học sinh TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần to lớn trong việc tác động tới HS chủ động lĩnh hội các quan niệm của Hồ Chí Minh về dân tộc.

Thấm nhuần tinh thần dân tộc theo TTHCM giúp các em nhận thức được giá trị to lớn của quyền độc lập tự do, đánh giá về giá trị của chủ nghĩa dân tộc chân chính; mối quan hệ chặt chẽ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội...Từ đó không ngừng nâng cao trình độ nhận thức, trách nhiệm với quê hương, đất nước.

2.1.4. Nội dung của tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều tâm sức nghiên cứu về vấn đề dân tộc. Vì vậy, TTDT theo TTHCM gồm rất nhiều nội dung, thể hiện những vấn đề cốt lõi trong tư tưởng của Người. Theo chúng tôi, vấn đề DT theo TTHCM tập trung chủ yếu vào những nội dung sau:

2.1.4.1. Đối với các dân tộc thuộc địa vấn đề dân tộc thực chất là giải phóng dân tộc

Tư tưởng cốt lõi, xuyên suốt của vấn đề DT theo quan điểm của HCM là vấn đề giải phóng dân tộc. Những tác phẩm của Người về vấn đề giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam biểu hiện tập trung ở những nội dung sau:

- *Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc*

Hồ Chí Minh không bàn về dân tộc nói chung mà xuất phát từ nhu cầu khách quan của dân tộc Việt Nam, đặc điểm của thời đại, Người dành sự quan tâm đến các nước thuộc địa, chỉ ra cho các dân tộc thuộc địa hiểu được rằng: "vấn đề dân tộc ở thuộc địa là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xoá bỏ ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập".[176, 40]

Trong khi V.I. Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, C. Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, thì Hồ Chí Minh tập trung bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. C. Mác và V.I. Lênin bàn nhiều về đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản chủ nghĩa, thì Hồ Chí Minh lại trăn trở để tìm con đường giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

Trong bài báo "*Tâm địa thực dân"- Bài báo đầu tiên của Nguyễn Ái* Quốc, với ngòi bút chính luận sắc bén, Người đã vạch trần âm mưu xuyên tạc sự thật của báo chí thực dân, dã tâm xâm lược và sự bóc lột dã man của thực dân Pháp đối với người lao động bản xứ. Đồng thời, tranh thủ sự đồng tình của người Pháp tiến bộ. Người viết: "*Chúng tôi nhấn mạnh những chữ, tên người trong lũ thực dân gian ác, các viên chức tàn bạo, vì chúng tôi biết rằng có những người thực dân chính trực, những viên chức công bằng, song họ còn lâu mới là đa số, thậm chí còn sợ rằng họ còn là một thiểu số rất nhỏ nữa*"[123,2-3]. Như vậy, bài viết "*Tâm địa thực dân*" là

một trong những bài báo đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc thể hiện lập trường tư tưởng kiên định của Người, phải làm một cuộc cách mạng triệt để, để giành độc lập cho Tổ quốc Việt Nam. Qua đó, thấy được lòng yêu nước, chí căm thù giặc và tinh thần dân tộc sâu sắc của Người.

Bài báo *Vực thẳm thuộc địa* ký tên Nguyễn Ái Quốc đăng trên tờ "L' Humanité" số ra ngày 9/1/1923, tố cáo tộc ác của thực dân Pháp và trực tiếp là Bộ trưởng Thuộc địa Albert Saraut, người đã từng làm Toàn quyền Đông Dương nhiều năm: "*Đó là số tiền hàng triệu và thậm chí hàng tỷ mà nếu người ta biết cách tìm thì có lẽ người ta sẽ kiếm ra được một cách dễ dàng. Nhưng ngài Bộ trưởng lại cứ muốn gõ vào dân bản xứ*" [123,132]. Đồng thời, thể hiện khát vọng giành độc lập cho các dân tộc thuộc địa.

- Để giải phóng dân tộc, cần xác định con đường phát triển của dân tộc

Trong thời gian hoạt động ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài báo. Đó là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc cho ra đời tác phẩm "Bản án chế độ thực ân Pháp" (Le Procès de la coloníation Francaise) nổi tiếng (xuất bản ở Pháp vào năm 1925, và được tái bản tại Việt Nam 1946). Nội dung cơ bản của tác phẩm là tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với các dân tộc thuộc địa. Kêu gọi nhân dân đoàn kết đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc. Đặc biệt, là Người vạch ra đường lối chiến lược giải phóng cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới, đó là con đường cách mạng vô sản. Đồng thời, kêu gọi đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Đó là những tư tưởng chủ yếu của tinh thần dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh.

Trong tác phẩm *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, Người đã nêu rõ chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền, cách mạng ruộng đất để đi tới xây dựng xã hội cộng sản. Tiến trình cách mạng Việt Nam gồm hai giai đoạn, giai đoạn thứ nhất là tư sản dân quyền cách mạng trong đó có nhiệm vụ chính là cách mạng ruộng đất và giai đoạn thứ hai là cách mạng thế giới để đi tới xã hội cộng sản.

Tác phẩm *Lịch sử nước ta* là tác phẩm bằng thơ được Nguyễn Ái Quốc viết khoảng thời gian cuối năm 1941, đầu năm 1942, sau khi phát xít Nhật vào Đông Dương, dân ta rơi vào cảnh "một cổ hai tròng". Bài thơ gồm 208 câu lục bát, phản ánh chiều dài của LS Việt Nam từ Hồng Bàng năm 1945 - *Việt Nam độc lập.* Nội dung cơ bản của tác phẩm là khẳng định truyền thống tốt đẹp của dân tộc, kêu gọi toàn dân đoàn kết, đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc. Như vậy, tư tưởng

xuyên suốt của tác phẩm là độc lập dân tộc và cuộc đấu tranh để giành và giữ nền độc lập của dân tộc. Bác Hồ không phải là nhà thơ làm thơ cách mạng mà là một nhà cách mạng làm thơ, bởi vậy với Người, văn thơ là một phương tiện để tuyên truyền, vận động quần chúng đứng lên làm cuộc đổi đời, giành cơm no áo ấm.

2.1.4.2. Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh tiếp cận vấn đề dân tộc từ quyền con người. Trân trọng quyền con người, Người đã tìm hiểu và tiếp nhận những nhân tố về quyền con người, như quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc... được nêu trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789 của Đại cách mạng Pháp. Người khẳng định "*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*". Từ quyền con người, Hồ Chí Minh đã khái quát và nâng cao thành quyền dân tộc: "*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*" [128,1].

Theo Hồ Chí Minh: "*Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa*". Người nói: "*Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu*" [157,52]. Năm 1919, vận dụng nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, Người đã gửi đến hội nghị Vécxai bản yêu sách gồm 8 điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

Tháng 5-1941, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trương Ương Đảng, viết Kính cáo đồng bào, chỉ rõ: "*trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*"[139,131]. Người đã chỉ đạo thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, ra báo Việt Nam độc lập, thảo Mười chính sách của Việt Minh, trong đó mục tiêu đầu tiên là: "*Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền*".

Tháng 8-1945, khi thời cơ giành chính quyền đã đến, Người khẳng định quyết tâm giành độc lập, tự do của nhân dân ta trong câu nói bất hủ: "*Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập*!".[125]

Bản Tuyên ngôn độc lập được Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố ngày 2/9/1945 trước quốc dân đồng bào tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), là sự kết tinh của vấn đề dân tộc theo TT HCM. Mở đầu Tuyên ngôn Độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn hai đoạn văn bất hủ trong Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1789: "*Hỡi đồng bào cả nước. Tất cả mọi*

người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc" [125,1]. Qua đó khẳng định, tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do, trong đó có dân tộc Việt Nam. Đó là biểu hiện tập trung của tinh thần dân tộc theo tư tưởng của Người. Tức là, độc lập phải gắn liền với tự do, dân chủ, bình đẳng, hạnh phúc. Độc lập của một dân tộc phải gắn liền với hạnh phúc của người dân. Bản Tuyên ngôn Độc lập thể hiện khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam và cũng là tiếng nói chung của các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Đồng thời tuyên bố trước thế giới: "*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể nhân dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập*" [125,4]. Như vậy, bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh là sự thể hiện đầy đủ bản chất của tinh thần dân tộc Việt Nam. Đó là độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm và bảo vệ độc lập dân tộc là nhiệm vụ cốt tử của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng đó như kim chỉ nam xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam.

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ. Thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, Hồ Chí Minh kêu gọi: "*Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ*"[125,480].

Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và chính phủ các nước vào thời gian sau cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố: "nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước" [139,131]

Đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh ra miền Bắc, Hồ Chí Minh nêu chân lý có giá trị cho mọi thời đại: "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*"[139,131]. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là nguồn động viên đối với các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới"[139,131]. Vì vậy, Người được tôn vinh là "Anh hùng giải phóng dân tộc"[139,131] của Việt Nam, là "*người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX*" .

2.1.4.3. Chủ nghĩa dân tộc chân chính là động lực lớn thúc đẩy đấu tranh giành độc lập ở những nước thuộc địa

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, "chủ nghĩa dân tộc chân chính là nơi quy tụ tinh

thần yêu nước, tinh thần dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc chân chính là một bộ phận của tinh thần quốc tế", khác hẳn với tinh thần "vị quốc" của bọn đế quốc phản động. Xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc mà người cộng sản phải nắm lấy và phát huy, và Người cho đó là "*một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời*". Nó khác với chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa cực đoan....

Chủ nghĩa cực đoan là tập hợp những "luận điểm" thành "chủ thuyết" để xây dựng phát triển tổ chức dần mang tính chính trị, tìm cách tạo "đám đông" rồi bằng muôn cách phi chính thống.... lan toả, giành ảnh hưởng ra các cộng đồng xã hội...từ các phong trào dần thành khuynh hướng hành động (xã hội/chính trị/ kinh tế/văn hoá/ngoại giao/ quân sự). Trong đó, tổ chức khởi xướng trở thành độc tôn/độc tài/độc trị (từ cá nhân lãnh đạo tối cao xuống đến tế bào tổ chức của nó) bao trùm mọi mặt đời sống trong những không gian địa lý mà nó đã lan đến. Chủ nghĩa này là sự đánh tráo, thậm chí lật đổ các khái niệm (tự do/độc lập/tự chủ/nhân quyền/ giá trị cá nhân..) của công dân. Đồng thời phủ định gần như tất cả những thành quả chân chính của nhân dân đã đạt được với những khái niệm đó về cấp độ quy mô xã hội.... Sản sinh ra những "chuẩn" của riêng (phản văn minh, phá vỡ trật tự chung), và "lùa/ép" các tầng lớp nhân dân vào khuôn khổ chế tài bất chấp "đạo và đức" của nó.

Chủ nghĩa Sô vanh (Chauvinism) là "chủ nghĩa sùng bái tinh thần bè phái cực đoan, mù quáng trên danh nghĩa của một nhóm (thường là một quốc gia hoặc một dân tộc), nhất là khi tinh thần bè phái và sự thù hận chống lại một nhóm địch thủ. Thuật ngữ này có nguồn gốc từ tên của Nicolas Chauvin, một người lính cuồng tín của Napoléon Bonaparte mà sự tôn thờ cuồng loạn của ông ta đối với Hoàng đế đã khiến ông ta liên tục chiến đấu cho nước Pháp ngay cả khi đã bị thương 17 lần trong các cuộc chiến tranh xâm lược của Napoléon. Chủ nghĩa Sô vanh là một hình thức cực đoan của chủ nghĩa dân tộc, dẫn đến chủ nghĩa dân tộc lệch lạc, dân tộc nước lớn, dân tộc hẹp hòi, bài ngoại, tự cho dân tộc mình là dân tộc siêu đẳng có sứ mệnh lãnh đạo các dân tộc khác." [185]

Trong tác phẩm *Đường Cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc chỉ ra ba loại cách mạng: cách mạng tư sản, cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc. Từ đó, Người nhấn mạnh tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc. Cùng với sự kết án chủ nghĩa thực dân và cổ vũ các dân tộc thuộc địa vùng dậy đấu tranh, HCM khẳng định: Đối với các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, "*chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước*" [123,511]. Người viết:

"*người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ*"[123,513]. Người kiến nghị về Cương lĩnh hành động của Quốc tế Cộng sản là: "*Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế*" [121,467]

Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc ở chủ nghĩa yêu nước chân chính của các dân tộc thuộc địa. Đó là sức mạnh chiến đấu và chiến thắng trước bất cứ thế lực ngoại xâm nào.

2.1.4.4. Tính thống nhất giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, nhưng Người luôn đứng trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh thể hiện ở các điểm sau:

" + Khẳng định vai trò LS của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản trong quá trình cách mạng Việt Nam;

+ Chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công - nông và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng;

+ Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù;

+ Thiết lập chính quyền nhà nước của dân, do dân và vì dân; Gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội." [140,41]

"Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp, nhưng đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân là điều kiện để giải phóng giai cấp. Vì thế, trong cách mạng giải phóng dân tộc, lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc"[161,41] . Tư tưởng này được thể hiện xuyên suốt trong các tác phẩm của Người:

Trong *Chính cương vắn tắt* xác định rõ: chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản; do đó, cách mạng phải thực hiện nhiệm vụ là đánh đuổi đế quốc Pháp, lật đổ chế độ xã hội phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam hòa toàn độc lập tự do;...Cụ thể: phải tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất ... Như vậy, vấn đề giải phóng dân tộc luôn song hành với giải phóng giai cấp là tư tưởng chủ đạo về vấn

đề dân tộc của HCM. Tư tưởng này tiếp tục được khẳng định rõ trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức tháng 5-1941 tại Pác Bó (Cao Bằng). Người khẳng định: *"Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại lại được*".[46,113]

Trong *Sách lược vắn tắt của Đảng*, do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đề ra đường lối tập hợp và lôi kéo quần chúng, gồm các điểm: Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình; đại bộ phận dân cày; phải dựa vào dân cày nghèo làm cách mạng ruộng đất, đánh trúng bọn đại địa chủ và phong kiến tay sai. Đảng liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên và Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe giai cấp vô sản. "Đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, rồi làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ" . Xuất phát từ đường lối đã xác định trong *Chánh cương vắn tắt*, *Sách lược vắn tắt* chủ trương thu hút rộng rãi các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết rộng rãi của toàn dân tộc chống đế quốc. Đồng thời, *Sách lược vắn tắt* vẫn nhấn mạnh nguyên tắc hợp tác giai cấp của Đảng, trong khi liên lạc với các giai cấp, phải thận trọng, không nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào con đường thoả hiệp. Đảng phải đồng thời tuyên truyền và liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

2.1.4.5. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất đất nước

Độc lập dân tộc và thống nhất đất nước nhà là một quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam. Đó là một quan điểm lớn của Hồ Chí Minh. Người nói: "*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi*".

Độc lập và thống nhất của Tổ quốc là khát vọng và ý chí đấu tranh của Hồ Chí Minh và cả dân tộc Việt Nam. Người chấp nhận ký bản Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946, mặc dù chưa đòi được thực dân Pháp phải công nhận nền độc lập, nhưng họ đã phải công nhận "*nước Việt Nam là một quốc gia tự do*", có Chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Việc thực hiện thống nhất đất nước sẽ do trưng cầu dân ý quyết định.

Trước khi sang Pháp, trong Thư gửi đồng bào Nam Bộ (6-1946), Hồ Chí Minh khẳng định: "*Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!"* [128,246]. "Mục đích chuyến đi của Người là giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung, Nam, Bắc thống nhất. Ngày 25-6-1946, trong khi tiếp chuyện các nhà báo, nhiếp ảnh, chiếu bóng tại Paris, Người nêu rõ: dân Việt Nam đòi thống nhất và độc lập" [128,345].

Ngày 12-7-1946, trong một cuộc họp báo, khi trả lời câu hỏi: "*Nếu Nam kỳ từ chối không sáp nhập vào Việt Nam, Chủ tịch sẽ làm thế nào?*", Người nói: "*Nam Kỳ cùng một tổ tiên với chúng tôi, tại sao Nam Kỳ lại không muốn ở trong đất nước Việt Nam? Người Baxcơ (Basques), người Brơton (Breton) không nói tiếng Pháp mà vẫn là người Pháp. Người Nam kỳ nói tiếng Việt Nam, tại sao lại còn nghĩ đến sự cản trở việc thống nhất nước Việt Nam*" [127,272]. Người tuyên bố trước các nhà báo: "*Nam Bộ là một bộ phận nước Việt Nam, không ai có quyền chia rẽ, không lực lượng nào có thể chia rẽ*" [128,369].

Tại lễ kỷ niệm Quốc khánh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Hội Liên hiệp Việt kiều và Hội hữu nghị Pháp – Việt tổ chức tại Paris (2-9-1946), Hồ Chí Minh nêu rõ: "*Nguyện vọng tha thiết nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam là Tổ quốc đang hồi sinh của chúng ta không bao giờ bị chia cắt và không gì chia cắt được*", "*... sự chia rẽ và chia cắt không thể mang lại phồn vinh. Thật là phi lý nếu toan tính dựa vào nước Việt Nam suy yếu, chia rẽ và bị chia cắt để đạt được sự hùng mạnh của Liên hiệp Pháp*" [128,283-284].

Sau chuyến đi Pháp về, Người tuyên bố: do hoàn cảnh hiện thời ở nước Pháp, mà độc lập và thống nhất của nước Việt Nam chưa giải quyết được. "*Nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng: Việt Nam nhất định độc lập, Trung, Nam Bắc nhất định sẽ thống nhất*" [128,417]. "*Không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta*" [128,418-419].

Ngày 31-10-1946, tại phiên họp của Kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá I, Hồ Chí Minh tuyên bố mục đích của Chính phủ là "*trong thì kiến thiết, ngoài tranh thủ độc lập và thống nhất của nước nhà*" [128,417].

Trong "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" tháng 12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định tinh thần dân tộc theo tư tưởng của Người: "*Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước nhất định không chịu*

làm nô lệ" [125,480]... Lời kêu gọi không chỉ tố cáo dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, mà quan trọng là khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập của dân tộc bằng mọi giá. Đây là nguồn tài liệu gốc quý giá phản ánh tập trung nội dung tinh thần dân tộc theo TT HCM mà trong quá trình DH GV cần khai thác triệt để để giáo dục HS.

Trong Lời kêu gọi Liên hợp quốc (12-1946), Người vạch rõ hành động của Pháp "nặn ra nước Cộng hoà Nam Kỳ với một Chính phủ bù nhìn tay sai" và khẳng định nhân dân Việt Nam "*kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước*" [128,469].

Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến nhằm giành độc lập và thống nhất hoàn toàn khi không thể dùng biện pháp đàm phán. Vì vậy, khi viết thư gửi dân chúng Việt Nam, dân chúng Pháp, dân chúng các nước Đồng minh, Người khẳng định: "*Cuộc kháng chiến rất lâu dài và đau khổ. Dù phải hy sinh bao nhiêu và thời gian kháng chiến đến bao giờ, chúng ta cũng nhất định chiến đấu đến cùng, đến bao giờ nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập và thống nhất*" [128,484].

Ngày 22-7-1954, Với sách lược mềm dẻo: Điều chỉnh khu vực "quyết không phải là chia xẻ đất nước ta, quyết không phải là phân trị", Người phân tích: điều chỉnh khu vực là việc tạm thời, là bước quá độ để thực hiện đình chiến, lập lại hòa bình và tiến đến thống nhất nước nhà bằng cách tổng tuyển cử. Đó là cơ sở để Người khẳng định: "*Trung, Nam, Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng*"; "*Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ*". "*Chúng ta phải ra sức đấu tranh để thực hiện tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc đặng thống nhất nước nhà*" [131,322-323]

Nhân dịp lễ mừng Quốc khánh lần thứ 9 (1954), Người nêu rõ: "Nhiệm vụ chung của chúng ta hiện nay là: Thi hành đúng đắn hiệp định đình chiến, đấu tranh để giữ gìn và củng cố hòa bình, để thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc". Người kêu gọi: "*Toàn thể đồng bào từ Nam ra Bắc phải đấu tranh chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử tự do, để thực hiện thống nhất toàn quốc*" [131,339].

Trước âm mưu mới của đế quốc Mỹ và tay sai, Hồ Chí Minh khẳng định: "*nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất, vì nước ta là một khối, không ai chia cắt được*". Người chủ trương củng cố miền Bắc để "*giúp đỡ thiết thực đồng bào miền*

Nam đấu tranh đòi hòa bình và thống nhất" [132,47-48].

Để tập hợp mọi lực lượng cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng và và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất: "*Từ Nam đến Bắc, ai là người tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì chúng ta sẵn sàng đoàn kết với họ, thật thà hợp tác với họ, dù từ trước tới nay họ đã theo phe phái nào*" [132,49].

Phát biểu trong buổi khai mạc Kỳ họp thứ tám Quốc hội khoá I, Hồ Chí Minh xác định: "*Nhiệm vụ trước mắt của toàn dân ta là ra sức xây dựng và củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh*". [133,156-157].

Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960), Hồ Chí Minh khẳng định: "*Dân tộc ta là một, nước Việt Nam là một. Nhân dân ta nhất định sẽ vượt tất cả mọi khó khăn và thực hiện kỳ được thống nhất đất nước, Nam, Bắc một nhà*" [133,199].

Khi đế quốc Mỹ ngày càng tăng cường chiến tranh xâm lược Việt Nam bằng chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Người trả lời phỏng vấn của các nhà báo quốc tế, như nữ phóng viên Pháp Đanien Huynơben (7-5-1964), hay Nhật báo công nhân (Anh) (1-7-1965): "Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một, đế quốc Mỹ là kẻ chia cắt nước Việt Nam, và nhân dân Việt Nam sẽ chiến đấu đến cùng vì nền độc lập và thống nhất đất nước" [135,458].

Trước lúc đi xa, Người chỉ rõ: "*Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà*" [136,499]. Trong Di chúc tháng 5-1965, Người viết: "*Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*" [136,499].

2.1.4.6. Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội

Con đường cứu nước của Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Không giống như các con đường cứu nước của ông cha, xác định nhiệm vụ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa phong kiến (cuối TK XIX, hoặc chủ nghĩa tư bản (đầu TK XX),

Từ rất sớm, năm 1920, ngay khi quyết định phương hướng giải phóng và phát triển dân tộc theo con đường của cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Năm 1930, trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và thông qua trong Hội nghị thành lập Đảng đã xác định chiến lược cách mạng của Đảng là tiến hành "*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*". Điều đó chứng tỏ, ngay từ đầu Người đã khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Con đường cách mạng Việt Nam là xóa bỏ chế độ phong kiến, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản (*xã hội cộng sản*). Đường lối chiến lược do Người vạch ra đã gần một thế kỉ, dân tộc ta vẫn đang kiên định thực hiện.

Năm 1960, Người nói: "*chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*"[136,563].

Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Hồ Chí Minh khẳng định: "*nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lí gì...*" [128,64]; "*Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm*" [135,401].

2.1.4.7. Đề cao nền độc lập của dân tộc và tôn trọng độc lập của các dân tộc khác

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đúng như nhận định của Ph.Ăngghen: "*Những tư tưởng dân tộc chân chính trong phong trào công nhân bao giờ cũng là những tư tưởng quốc tế chân chính*". Điều đó chứng tỏ sự gắn bó giữa đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mặc dù nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, thực hiện nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, nhưng Hồ Chí Minh không quên nghĩa vụ quốc tế, ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người đề ra khẩu hiệu "*giúp bạn là tự giúp*

mình" và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới. Trong quá trình hoạt động cách mạng, bằng suy nghĩ và hành động, Người ra sức ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Lào và Campuchia, ủng hộ phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc trên thế giới.

Có thể khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc không theo một khuôn mẫu giáo điều, mà được hình thành và phát triển gắn liền với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong đó, có phong trào đấu tranh của dân tộc Việt Nam, nhằm xoá bỏ ách trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, hình thành nên nhà nước dân tộc độc lập và tiếp tục phát triển theo sự lựa chọn của mỗi quốc gia dân tộc, phản ánh chân lý lớn nhất của thời đại là "không có gì quý hơn độc lập tự do".

2.1.5. Bộ môn lịch sử với việc giáo dục tinh thần dân tộc cho học sinh

Chăm lo giáo dục con người là một truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Từ khi Đảng ra đời, sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ càng được quan tâm đặc biệt hơn. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) đã nhấn mạnh "*Giáo dục là quốc sách hàng đầu*"[47;151]. Mục tiêu giáo dục đào tạo là "*Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu CNXH"* [46;81]. Đó vừa là mục tiêu vừa là phương châm hành động của sự nghiệp giáo dục nước nhà.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001) khẳng định phải tiếp tục xây dựng một chế độ xã hội công bằng, nhân ái, xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng các thế hệ con người Việt Nam có đủ phẩm chất, năng lực để đảm đương được sứ mạng LS ngày nay của dân tộc. Như vậy mục tiêu giáo dục đào tạo là phải xây dựng được thế hệ con người Việt Nam vừa biết kế thừa, phát huy những thành tựu và truyền thống vẻ vang của dân tộc, đồng thời phải đem trí tuệ, tài năng sáng tạo để góp phần xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh, tiếp tục hội nhập vào thế giới. Mục tiêu cơ bản của sự nghiệp giáo dục là đào tạo được mẫu hình con người Việt Nam thế kỉ XXI không chỉ vừa lao động trí lực, thể lực, có kĩ thuật, có kỉ luật, có khoa học và năng suất cao, mà còn là người có trình độ văn hóa thâm thúy, sâu rộng, không chỉ thấm nhuần văn hóa truyền thống của dân tộc mà còn biết trân trọng và tiếp thu tinh hoa văn hóa của các dân tộc trên thế giới. Để đạt

được điều đó phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó việc giáo dục tinh thần dân tộc nói chung, tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ giữ một vị trí quan trọng.

Nhà trường phổ thông có vai trò rất lớn trong việc kết hợp với gia đình và xã hội để giáo dục thế hệ trẻ. Bất kỳ môn học nào cũng phải thực hiện chức năng giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức cho HS ở mức độ khác nhau. Riêng bộ môn LS có nhiều ưu thế trong việc giáo dục tư tưởng đạo đức, truyền thống dân tộc... tinh thần dân tộc nói chung trong đó GD theo tinh thần dân tộc của Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng. Học LS để biết quá khứ, biết rút ra từ quá khứ những bài học giá trị phục vụ cho hiện tại và tương lai.

Nhiệm vụ của bộ môn LS là cung cấp cho HS những hiểu biết cơ bản, phổ thông về sự phát triển của LS loài người và LS dân tộc, làm cơ sở để rút ra những kết luận khoa học về quy luật phát triển của xã hội và những bài học kinh nghiệm bổ ích, giúp cho HS nhận thức đúng đắn con đường mà loài người và dân tộc đã trải qua. Tác giả Nguyễn Khánh Toàn khẳng định: "*Sử học là cái lợi khí rèn đúc tinh thần dân tộc... Nền giáo dục có tính dân tộc nghĩa là trước hết phải có nhiệm vụ rèn đúc trong đầu óc thanh niên một khái niệm rõ ràng, chân chính đối với nguồn gốc của dân tộc mình, cho họ thấu hiểu những truyền thống đau khổ có; oanh liệt có của những thế hệ trước trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do, để cho họ có một lòng yêu dân tộc nồng nàn và có một tin tưởng vững chắc đối với lực lượng của dân tộc...Ta có thể coi quốc sử - có nghĩa là LS Việt Nam như là môn có vai trò quyết định trong việc rèn luyện một khối óc mới, một tinh thần mới cho thanh niên"* [170;tr.16-17]. Nhận định này khẳng định giá trị của GD nói chung, GD tinh thần DT thông qua LS Việt Nam nói riêng trong nhận thức và hành động đúng đắn của thế hệ trẻ Việt Nam.

Chương trình LS ở trường phổ thông đã dựng lại những nét cơ bản nhất về bức tranh hiện thực của quá khứ, giúp cho HS hiểu được những thành quả ngày hôm nay mà chúng ta được thừa hưởng là do kết quả của sự chiến đấu hi sinh, lao động sáng tạo của thế hệ trước. Từ đó xác định cho HS trách nhiệm tiếp tục phát huy sự nghiệp đó. Trong chương trình LS Việt Nam (1919-1975) ở trường phổ thông, hầu hết các bài đều thể hiện rõ nét về truyền thống dân tộc như: truyền thống yêu nước, đoàn kết, ý chí, nghị lực kiên cường bất khuất của cha ông ... đó là những biểu hiện rõ nhất cho tinh thần dân tộc. Thắng lợi vĩ đại của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ và đang phát huy cao độ, hiệu quả trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đổi mới đất nước hiện nay chính là những minh chứng

cho tinh thần dân tộc của nhân dân ta. Những sự kiện cụ thể, chân thực diễn ra trong LS dân tộc là cơ sở tốt nhất để giáo dục tinh thần dân tộc cho HS. Ví dụ, những tấm gương anh hùng trong LS, hay từ những hiểu biết về tinh thần đoàn kết dân tộc: Những thành tựu to lớn trong lĩnh vực sản xuất, trị thủy, làm thủy lợi, trong phát triển văn hóa, khoa học kĩ thuật, sáng tạo nghệ thuật, xây dựng xã hội...là kết quả của sự đoàn kết dân tộc. Chỉ có dựa trên sự hiểu biết về LS, mới có thể tiến hành GD tinh thần dân tộc cho HS hiệu quả. Thông qua những bài học LS cụ thể, với "người thật, việc thật" sẽ là tấm gương phản chiếu tốt nhất trong việc giáo dục đạo đức và nhân cách HS, góp phần quan trọng trong GD tinh thần dân tộc nói chung.

Như vậy, với chức năng, nhiệm vụ của mình, bộ môn LS có ưu thế lớn trong việc GD tinh thần dân tộc nói chung, tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng cho HS ở trường THPT.

2.1.6. Vai trò, ý nghĩa của việc giáo dục học sinh tinh thần dân tộc trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông

2.1.6.1. Vai trò

Trong thời đại ngày nay, xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế và các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội đang là dần phổ biến, là một tất yếu khách quan. Vừa mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại nhưng vẫn bảo tồn và phát triển được những giá trị và bản sắc văn hóa dân tộc. Điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có GD tinh thần dân tộc nói chung, TTDT theo TTHCM nói riêng cho HS là việc làm có vai trò quan trọng, có tính cấp thiết trong quá trình DH bộ môn LS ở trường phổ thông. GV tổ chức các hoạt động GD tinh thần dân tộc càng phong phú đa dạng bao nhiêu thì bài giảng càng sinh động, lôi cuốn bấy nhiêu. Chỉ khi các em chủ động tích cực trong học tập thì việc lĩnh hội tri thức mới trở nên dễ dàng và công tác giáo dục HS mới diễn ra tự nhiên, hiệu quả.

Việc GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình DH LS giúp GV mở rộng và nâng cao trình độ chuyên môn và góp phần bồi dưỡng nhận thức, lí luận chung về Đảng, về nội dung được thể hiện trong các bài giảng LS. Đồng thời, hiểu sâu sắc hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh, biết vận dụng những giá trị tinh thần cốt lõi của dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh để có thể thiết kế bài giảng, biến tiết dạy trở nên chất lượng, hấp dẫn. Từ đó giúp HS chủ động, tích cực, sáng tạo , lĩnh hội kiến thức nhanh, góp phần nâng cao chất lượng môn học.

Vấn đề DT luôn được nhận thức là vấn đề sống còn của đất nước nhất là trong thời đại ngày nay trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Việc GD tinh thần dân tộc nói chung, GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm, nghĩa vụ của GV bộ môn LS.

2.1.6.2. Ý nghĩa

- Về kiến thức

Thứ nhất, việc GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần giúp HS nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản của bộ môn LS. Bởi vì, việc GD HS phải xuất phát từ kiến thức LS. Muốn GD TTDT theo TTHCM hiệu quả, đòi hỏi GV phải hướng dẫn HS chiếm lĩnh được kiến thức LS. Khi HS chiếm lĩnh được kiến thức cơ bản của bài học LS, HS sẽ cảm nhận sâu sắc được những giá trị của dân tộc, thấy được những giá trị tinh thần được đúc kết qua các bài giảng LS. Từ đó, thấy được tầm quan trọng của việc học, tạo niềm tin vững chắc cho HS vào sự lãnh đạo của Đảng, lòng kính yêu đối với lãnh tụ Hồ Chí Minh, lòng kính trọng và biết ơn đối với quần chúng nhân dân – những người sáng tạo ra LS.

Ví dụ, khi DH mục 2. *Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* (bài 13 – SGK lớp 12), trên cơ sở GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và thông qua trong Hội nghị thành lập Đảng, các em không chỉ hiểu được về đường lối cách mạng Việt Nam, tính chất, nhiệm vụ, sự lãnh đạo, lực lượng cách mạng Việt Nam, mà qua đó hiểu được quan điểm của Người về vấn đề DT là giải phóng DT phải gắn liền với giải phóng giai cấp, độc lập DT gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, hiểu được đoàn kết DT là nhân tố cơ bản dẫn tới sự thành công của cách mạng, trong đó, phải đoàn kết hết thảy mọi tầng lớp, giai cấp, lấy liên minh công – nông làm nền tảng.

Thứ hai, việc giáo dục TTDT theo TTHCM giúp HS hiểu được quy luật phát triển tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, giúp HS nhận thức được con đường cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc lựa chọn là dựa trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê-nin vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Từ đó, giáo dục cho HS thế giới quan khoa học.

Ví dụ, khi DH nội dung của Hội nghị thành lập Đảng, GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng: "*tiến hành tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản....*". Các em hiểu được con đường cách mạng Việt Nam là chuyển từ chế độ phong kiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, khác với con đường đi của các nước. Để thực hiện chiến lược đó, "*Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do*". Từ đó, giúp HS nhận

thức được sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc xác định đường lối của cách mạng Việt Nam, hình thành cho HS thế giới quan khoa học về con đường mà Người lựa chọn. Đồng thời, hiểu được vì sao hiện nay Việt Nam vẫn kiên định thực hiện đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Về kỹ năng*

Thứ nhất, GD tinh thần dân tộc cho HS giúp HS phát triển óc quan sát, trí tưởng tượng, tư duy ngôn ngữ và tư duy LS cho các em như khả năng phân tích, so sánh, đánh giá, nhận xét, khái quát,...các sự kiện, hiện tượng LS.

Ví dụ, khi DH mục IV. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (2-9-1945), bài 16 (SGK LS lớp 12), HS được tìm hiểu nội dung của bản Tuyên ngôn Độc lập do Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc trước Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, HS không chỉ hiểu được nội dung cơ bản của bản Tuyên ngôn (tố cáo tội ác của phát xít Nhật và thực dân Pháp; tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam mới; thể hiện quyết tâm của DT để bảo vệ nền độc lập vừa giành được), mà còn phân tích được biểu hiện của tinh thần dân tộc theo TTHCM thể hiện đậm nét trong bản Tuyên ngôn. Đó là độc lập DT là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm; đoàn kết DT là sức mạnh to lớn để chiến thắng các thế lực xâm lược. Đồng thời, đánh giá được vai trò to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, khi HS hiểu được nội dung TTDT theo TTHCM giúp HS rèn luyện và nâng cao kĩ năng *thực hành bộ môn*. HS được tham gia vào quá trình học tập, được bày tỏ quan điểm, những chính kiến của mình về vấn đề DT, được đóng vai, trao đổi đàm thoại, được sưu tầm và khai thác tư liệu phục vụ cho việc học; được vẽ lược đồ và trình bày kiến thức theo lược đồ... Từ đó, góp phần rèn luyện kĩ năng bộ môn, nâng cao chất lượng học tập bộ môn.

Ví dụ, khi DH về Mục 2. *Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950* (Bài 18-SGK LS 12), để tìm hiểu về sự chuẩn bị của Đảng cho chiến dịch và diễn biến của chiến dịch, GV hướng dẫn HS sử dụng lược đồ Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 để lược thuật diễn biến chiến dịch qua lược đồ. Đồng thời, sử dụng bài thơ "Leo núi" của Hồ Chí Minh để tạo biểu tượng về Người tại mặt trận Đông Khê:

"*Chống gậy lên non xem trận địa*
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt ngưu đẩu
Thề diệt xâm lăng lũ sói, cầy" [127, 459]

Qua đó, HS không chỉ hiểu sâu diễn biến của chiến dịch, mà còn rèn luyện cho HS kĩ năng khai thác và sử dụng lược đồ cũng như kĩ năng sưu tầm và sử dụng tài liệu tham khảo trong DH. Đồng thời, đánh giá được vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp và thấu hiểu giá trị của nền độc lập của DT Việt Nam.

Thứ ba, việc giáo dục HS TTDT theo TTHCM rèn luyện cho HS khả năng *vận dụng kiến thức* đã học vào tìm hiểu kiến thức mới và đánh giá, liên hệ kiến thức với thực tiễn cuộc sống.

Ví dụ, khi HS hiểu rõ một trong những nội dung cơ bản của TTDT theo TTHCM là đoàn kết DT phải gắn liền với đoàn kết quốc tế và đoàn kết là nhân tố quan trọng quyết định dẫn tới sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Từ đó, các em biết trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay thì ngoài vấn đề đoàn kết trong cộng đồng 54 dân tộc anh em, Việt Nam cần mở rộng đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, thực hiện đường lối "đa dạng hóa, đa phương hóa" trong quan hệ đối ngoại, thực hiện nguyên tắc "hòa nhập mà không hòa tan", để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN

- *Về tư tưởng, tình cảm*

Việc giáo dục TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH cũng giúp cho HS hình thành và bồi dưỡng những quan điểm tư tưởng, tình cảm và cảm xúc thẩm mỹ. Đồng thời, giáo dục HS niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường Xã hội chủ nghĩa, lòng kính yêu đối với vị lãnh tụ Hồ Chí Minh, lòng kính trọng và biết ơn đối với quần chúng nhân dân – những người sáng tạo LS. Bên cạnh đó, giúp cho HS ý thức được trách nhiệm của mình và biết vận dụng những kiến thức đã học được vào cuộc sống hiện tại một cách hữu ích mà trước hết đó là những tình cảm tốt đẹp đối với gia đình, bạn bè và những người xung quanh.

Ví dụ, khi dạy mục 2. *Chiến dịch LS Điện Biên Phủ (1954)* trong bài 20 (SGK LS 12), thông qua tìm hiểu về công cuộc chuẩn bị của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cho chiến dịch về quân số, vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược, kéo pháo vào trận địa, mở đường,…Tất cả thể hiện ý chí quyết tâm sắt dã của toàn thể DT cho "trận quyết chiến chiến lược". HS hiểu được giá trị của sức mạnh đoàn kết DT là cội nguồn của mọi thắng lợi. Từ đó, GD cho HS ý thức về tinh thần đoàn kết và có thái độ đúng đắn trong ứng xử với bạn bè, gia đình và cộng đồng.

Giáo dục TTDT còn góp phần vào việc truyền lại cho thế hệ sau những giá trị đạo đức truyền thống của DT. Thông qua việc GD nói chung, GD tinh thần dân tộc

sẽ giúp các em nhận thức đầy đủ chân giá trị của truyền thống đạo đức DT, lòng nhân ái và tính nhân văn sâu sắc đã được lưu giữ, bảo tồn trong cốt cách con người và nền văn hóa Việt Nam.

Như vậy, việc giáo dục HS TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh có tầm quan trọng trong DHLS ở trường THPT; Góp phần hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS. Điều quan trọng là GV phải nhận thức được tầm quan trọng đó và biết cách tổ chức hoạt động học tập cho HS để đem lại hiệu quả.

2.2. Cơ sở thực tiễn của việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông hiện nay.

Mục đích điều tra: Đánh giá một cách khách quan, toàn diện về việc DHLS ở trường THPT nói chung, GDHS tinh thần DT theo tư tưởng HCM nói riêng, qua đó làm cơ sở để xác định nội dung, lựa chọn hình thức, biện pháp GD phù hợp.

Đối tượng và phạm vi điều tra: Tại 20 trường THPT trên phạm vi cả nước ở khắp các vùng miền Bắc – Trung - Nam. Tại các trường THPT: Chuyên, Công lập, Dân lập, Đồng bằng, Miền Núi…Với số phiếu gửi đi là: 155 GV và 2000 HS.

Phương pháp điều tra: Dự giờ, phỏng vấn, điều tra xã hội học; Dự các hội thảo, hội nghị xin ý kiến chuyên gia về Khoa học LS, Giáo dục học LS, và về HCM học

Kết quả điều tra:

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy như sau:

2.2.1. Về phía giáo viên

Chúng tôi đã xây dựng câu hỏi thăm dò ý kiến GV dạy LS với những nội dung, gắn với các vấn đề: Quan niệm nhận thức của GV; về ý nghĩa, mức độ tổ chức; về hình thức, biện pháp thực hiện; về thuận lợi, khó khăn và đề xuất khắc phục.

Kết quả điều tra như sau:

Chúng tôi phát ra 155 phiếu và thu về 150 phiếu. Trong số 150 GV trả lời , có 90 GV, chiếm 60% GV cho rằng, "Dân tộc chỉ một cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ, bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét văn hóa đặc thù, xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc" . Với nghĩa này, dân tộc là bộ phận của quốc gia – quốc gia có nhiều dân tộc. 43 GV chiếm 28,6% trả lời cho rằng "Dân tộc là những người cùng sống trên một lãnh thổ, có chung nền văn hóa, ngôn ngữ, nguồn gốc, lịch sử" số còn lại cho rằng "Dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó - Quốc gia dân tộc". Như vậy, kết quả điều tra cho thấy gần như tất cả GV đều hiểu và nhận thức đúng đắn về khái niệm Dân tộc: chỉ một cộng đồng người có mối liên hệ

chặt chẽ, bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét văn hóa đặc thù, xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc. Với nghĩa này, dân tộc là bộ phận của quốc gia – quốc gia có nhiều dân tộc. Còn lại vẫn có những GV nhận thức khái niệm dân tộc ở phạm vi hẹp.

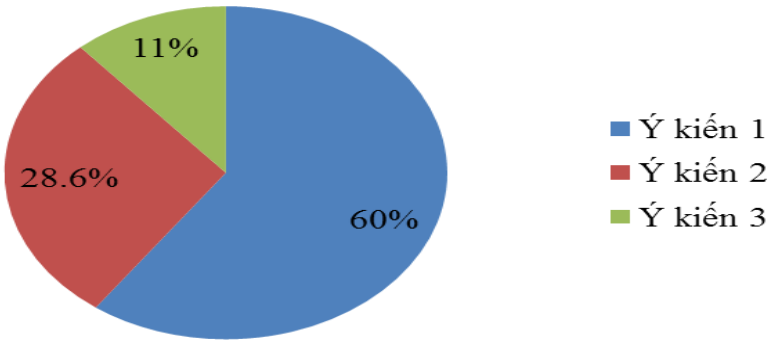

Hình 2.1: Nhận thức về dân tộc của GV

Trong quan niệm về tinh thần dân tộc, có 78 GV trả lời chiếm 52% đã cho rằng: Tinh thần dân tộc là những giá trị tinh hoa của dân tộc như đoàn kết, yêu nước, kiên cường bất khuất của nhân dân; 52 GV chiếm gần 35% lại cho rằng đó là sự kết tinh giữa độc lập dân tộc và truyền thống yêu nước; còn lại 20 GV chiếm18% định nghĩa "Tinh thần dân tộc là ý thức dân tộc được hình thành và kết tinh trong suốt quá trình tồn tại, phát triển của bản thân dân tộc, tạo nên ý chí, nghị lực của một dân tộc và được biểu hiện ở các giá trị trong truyền thống văn hoá dân tộc". Như vậy là khá ít GV đưa ra định nghĩa đúng đắn về tinh thần dân tộc. Điều này chứng tỏ mặc dù GV có chuyên môn về LS, các khái niệm tưởng chừng quá quen thuộc và được nhắc rất nhiều trong các bài giảng LSVN nhưng GV vẫn còn khá mơ hồ về khái niệm, vẫn hiểu theo nghĩa chung nhất.

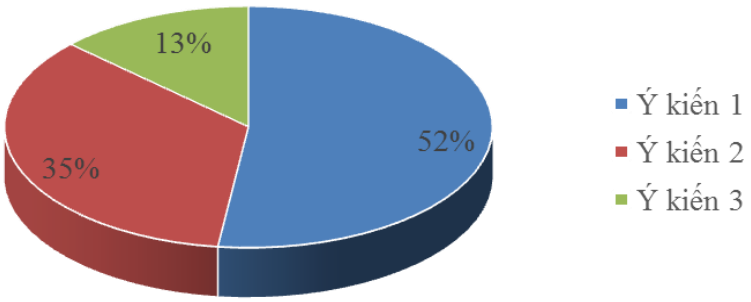

Hình 2.2: Nhận thức về tinh thần dân tộc của GV

Như vậy có thể thấy rằng, về nhận thức các khái niệm, gần như GV đều nhận thức được bản chất nhưng khi được hỏi thì thường giải thích chung chung chưa tỉ mỉ cặn kẽ, thiếu tường minh. Qua đó thấy được việc giải thích các khái niệm liên quan

đến vấn đề DT cho HS trong quá trình giảng dạy của GV còn nhiều hạn chế.

Về nhận thức vai trò của giáo dục TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình DH môn LS hiện nay khi tiến hành gửi phiếu điều tra GV từ Nam Định, Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh...đến Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Phước, Long An, Bình Định ...với 150 GV, 100% GV đều cho rằng rất cần thiết. Bởi vì, theo quan điểm Hồ Chí Minh, việc quán triệt theo đường lối đúng đắn của Đảng trong DH với định hướng GD đạo đức, tư tưởng HS góp phần nâng cao hiệu quả DH. Điều này chứng tỏ việc GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình DHLS ở trường THPT.

Khi hỏi về mức độ của việc GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong DHLS, có 31 GV chọn mức độ thường xuyên chiếm tỉ lệ gần 21% tổng số GV; 79 GV chiếm 52,7% chọn mức độ bình thường; 30 GV chiếm 20 % GV chọn mức độ hiếm khi và còn lại chọn chưa bao giờ. Điều này chứng tỏ, thực tiễn việc GD tinh thần dân tộc theo TTHCM đã được GV phổ thông chú ý, quan tâm thực sự, đây là điểm sáng cần được phát huy.

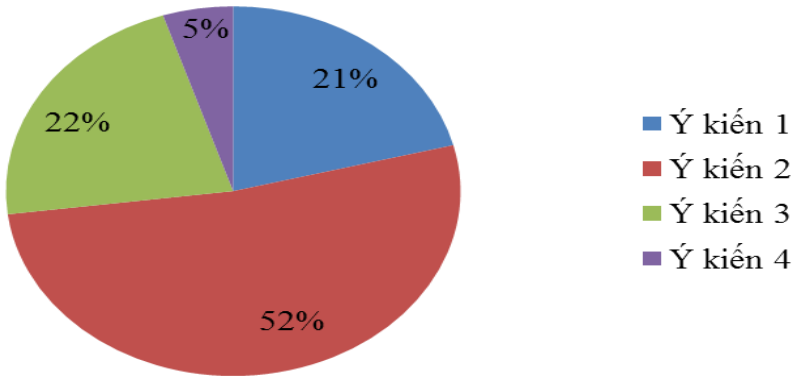

Hình 2.3: Nhận thức về mức độ giáo dục tinh thần dân tộc của GV

Đánh giá về ưu thế của bộ môn Lịch sử đối với việc GD tinh thần dân tộc theo TTHCM cho HS hầu hết GV cho rằng : rất ưu thế. Điều này chứng tỏ GV đã nhận thức đây là thế mạnh để họ khai thác trong quá trình giảng dạy.

Về các phương pháp GD tinh thần dân tộc theo TTHCM: Trong số 150 phiếu trả lời chúng tôi nhận được 100% câu trả lời, trong đó, có 143 GV, chiếm 95% sử dụng phương pháp khai thác triệt để nội dung bài học để qua đó giáo dục cho HS những giá trị TTDT. Điều này hoàn toàn phù hợp, vì trong DH LS không có bài nào dạy riêng biệt về TTDT mà tất cả các bài trong khóa trình LS DT đều thể hiện những giá trị tinh thần quý báu của DT. Cách tốt nhất để GD HS là thông qua nắm kiến thức cơ bản LS cụ thể, vững chắc, HS sẽ tự cảm thấy, tự ý thức được trách nhiệm của

mình. Các phương pháp: trao đổi, thảo luận, sử dụng tài liệu tham khảo cũng được GV lựa chọn nhiều. Gần đây, ngành GD đã có nhiều cố gắng trong việc khai thác các phương tiện phụ trợ cho việc học tập chính khoá. Đổi mới hơn nữa, đã có nhiều truyện tranh, băng hình về LS; đã có đều đặn các buổi truyền hình "Theo dòng LS", và đặc biệt đã có nhiều kỳ thi tìm hiểu các sự kiện hoặc nhân vật LS , một số ít cuốn phim LS. Để khuyến khích GV, HS đọc sách, "ngày hội đọc sách" cũng được cải tiến nhiều về nội dung và hình thức, sách in đẹp hơn, tăng thêm kênh hình với nhiều sơ đồ và ảnh tư liệu… Nhiều thầy cô giáo đã sử dụng những kết quả đó vào bài giảng làm cho giờ học thêm sinh động. Song tất cả sự cố gắng đó vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của việc DHLS mà rất cần tăng về số lượng cũng như chất lượng. Thông qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy các phương pháp DH mới nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của HS chưa được áp dụng phổ biến và hiệu quả trong các trường phổ thông hiện nay. Nhiều GV tâm huyết với nghề đã tích cực sử dụng đồ dùng trực quan, phương pháp DH nêu vấn đề, trao đổi đàm thoại, DH liên môn,…làm cho chất lượng DH tăng lên nhưng đó chỉ là số ít, còn đa số GV vẫn sử dụng cách dạy "chay". Nhiều GV cho rằng việc sử dụng những phương pháp DH mới có khi lại còn đem lại kết quả kém hơn phương pháp DH truyền thống. Chủ yếu do HS lười học, coi thường bộ môn LS nên việc học mang tính chống đối. Tâm lí chán học của HS cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự nhiệt tình giảng dạy của GV, làm cho việc dạy và học đều chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại.

2.2.2 Về phía học sinh

Nghiên cứu khảo sát được tiến hành trên phạm vi 20 trường THPT ở Hà Nội và các tỉnh trên cả nước, số lượng khảo sát là 2000 HS lớp 12, số phiếu thu về là 1889 HS, trong đó có 868 HS nam và 1021 HS nữ. Nghiên cứu khảo sát bao gồm các câu hỏi về kiến thức và những quan điểm của HS hiện nay về môn LS, cách thức học cũng như phương pháp nên áp dụng và mức độ hiểu biết về LS, những hiểu biết của các em về TTDT nói chung, TTDT theo TTHCM nói riêng.... Kết quả điều tra đã phác họa một bức tranh về thực trạng như sau:

Trước hết, về mức độ yêu thích môn học LS cho thấy phần lớn HS (978 HS) đều yêu thích LS ở mức độ bình thường (51.7%), 568 HS nhận mình thích môn học LS chiếm 30.06%; có 265 HS được hỏi thừa nhận mình rất yêu thích môn LS chiếm 14%. Theo các em, học LS giúp mở rộng thêm kiến thức, hiểu rõ sự phát triển của LS dân tộc, qua đó thêm tự hào về những giá trị tinh thần của dân tộc. LS là tấm

gương để học và noi theo. Như vậy xét về nhận thức và tỉ lệ % cho thấy số HS yêu thích bộ môn LS không phải là ít và các em đều hiểu được giá trị bộ môn và có ý thức học tập; thể hiện sự đam mê đối với môn học LS - môn học có ý nghĩa quan trọng trong việc GD tinh thần dân tộc cho HS. Các em HS trả lời "Thích" thể hiện sự hứng thú với môn học, điều này tạo điều kiện thuận lợi để các GVLS có thêm động lực yêu nghề, say mê với nghề, chuẩn bị bài giảng công phu hơn, đem lại giờ giảng hấp dẫn hơn. Việc đưa nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong giảng dạy LS nhằm GD tinh thần dân tộc cho các em sẽ thuận lợi hơn. Số còn lại HS không thích môn LS chiếm 3.7%.

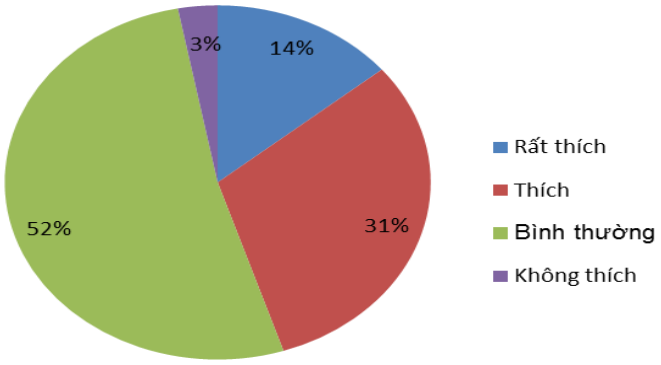

Hình 2.4: Nhận thức của HS về mức độ yêu thích môn học

Đối với HS trả lời "bình thường" và "không thích" tức là ngoài lí do học để biết để hiểu, để thi tốt nghiệp thì số còn lại đánh giá LS khó học, khó nhớ, khô khán, tẻ nhạt và rất dài. Điều này cho thấy sự nhìn nhận, đánh giá thấp vai trò của môn học LS hoặc chưa thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học hoặc do bài giảng, do thầy cô trực tiếp giảng dạy, do chương trình môn học....những nguyên nhân đó phần nào ảnh hưởng thiếu tích cực đến mục đích GD cho HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Với tỷ lệ HS nữ yêu thích môn LS cao hơn HS nam. Qua tìm hiểu nguyên nhân chúng tôi được biết: HS nữ muốn tìm hiểu LS dân tộc và thế giới cao hơn HS nam, các em HS nữ yêu thích đọc sách về LS hơn đặc biệt là LS dân tộc, thích xem phim tư liệu LS, yêu thích và sưu tầm tranh ảnh LS dân tộc, danh lam thắng cảnh đất nước và đặc biệt ảnh về Hồ Chí Minh. Đây là những nguyên nhân quan trọng giúp các em dễ tiếp thu bài học LS từ đó yêu thích môn học LS. Do đó việc đưa nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong giảng dạy LS nhằm GD tinh thần dân tộc cho các em sẽ thuận lợi hơn.

Đánh giá về giờ học Lịch sử trên lớp của các em: Sôi nổi hay bình thường hay

tẻ nhạt? Có 472 HS, chiếm 25% chọn đáp án " Sôi nổi" và nêu lí do: " Thầy /cô giảng cuốn hút" điều này thể hiện GV đóng vai trò quan trọng, GV đã có sự đầu tư cho bài giảng, giờ giảng. Hoặc bài giảng của thầy cô phong phú; Hoặc HS hứng thú, say mê môn học. Đây là tín hiệu đáng mừng đối với những người làm công tác GD nói chung và đối với GV dạy LS nói riêng trong việc GD HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó có 661 HS, chiếm 35% chọn đáp án "Tẻ nhạt" và nêu lí do: Bài học khô khan. Điều này chứng tỏ chương trình nặng kiến thức, một số GV chưa đầu tư cho bài giảng. Lí do: "Thầy/cô đọc cho học sinh chép" chứng tỏ số ít thầy cô thiếu trách nhiệm đối với nghề, với HS hoặc ở một số trường GV không đúng chuyên môn nhưng vẫn phải đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy. Số còn lại chọn lí do: HS không hứng thú với môn học, điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Có thể do GV chưa khích lệ; Chương trình sách giáo khoa nặng kiến thức; bài giảng khô khan cứng nhắc; hoặc xã hội chưa đánh giá đúng vai trò, ý nghĩa của môn học. Từ thực tế ấy, có thể thấy việc GD cho HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS muốn đạt được hiệu quả còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: Chương trình sách giáo khoa, bài giảng của GV và ý thức, thái độ học tập của HS.

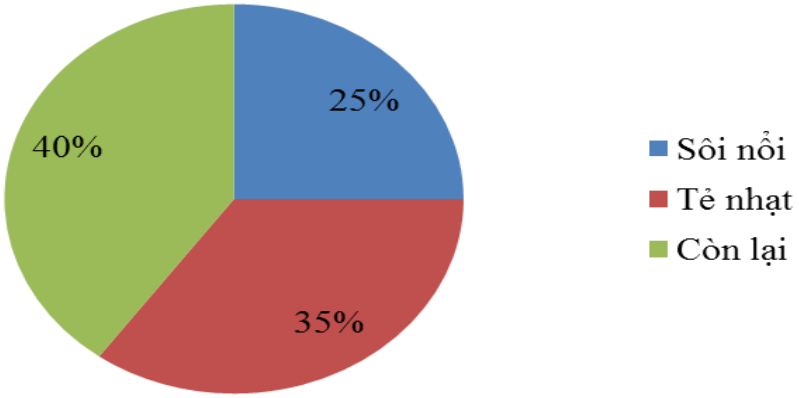

Hình 2.5: Đánh giá của HS về giờ học

Để tìm hiểu về phương pháp học tập bộ môn chúng tôi đưa ra câu hỏi "Phương pháp học tập bộ môn LS của em như thế nào?" chọn phương án khác nhau. Qua phân tích số liệu chúng tôi thấy, nhiều HS có phương pháp chủ động như: phương án đọc trước SGK ở nhà chiếm 51% tương ứng với 963 HS; sưu tầm tài liệu có liên quan đến bài học chiếm 28% tương ứng với 529 em, làm bài tập ở nhà chiếm 5% tương đương 95em; kết hợp bài giảng với sách giáo khoa chiếm 12% tương đương 227 HS ; còn lại xem qua vở ghi trước khi đến lớp. Như vậy qua số liệu này cho thấy chứng tỏ GV bộ môn đã định hướng cho HS chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp. Đây là tín hiệu vui đối với bộ môn LS khi có đội ngũ các thầy cô giáo có trách

nhiệm với nghề, với nhiệm vụ GD nói chung góp phần quan trọng trong GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS nói riêng.

Thăm dò các em về công tác GD tinh thần dân tộc trong DHLS qua câu hỏi: Thầy /Cô có nhắc tới tinh thần dân tộc trong bài học LS không? Có 812 HS chiếm 43% trả lời "có", 416 HS chiếm 22% trả lời "không"; số còn lại 586 HS chiếm 31% trả lời "không biết". Trong đó, phần lớn các em cho biết: Các em đã nghe nói về tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua: Tài liệu SGK (có 162 HS, chiếm 20%); Trong giờ học LS (Có 300 HS, chiếm 37%); qua phim ảnh tư liệu và tài liệu tham khảo (có 349 HS, chiếm 43%); Bên cạnh đó rất ít HS trả lời chưa từng nghe nói về tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Khi được hỏi khái niệm, đa số HS trả lời "Dân tộc chỉ một cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ, bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét văn hóa đặc thù, xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc. Với nghĩa này, dân tộc là bộ phận của quốc gia – quốc gia có nhiều dân tộc" Có 1.322HS chiếm 70%, số còn lại 567 HS thì trả lời cho có hoặc trả lời như văn nói chiếm 30%. Điều đó cho thấy thực trạng HS hiện nay một phần thờ ơ với kiến thức, một phần không nắm rõ bản chất của các khái niệm. Đó là một điều báo động cho DH nói chung và DHLS nói riêng.

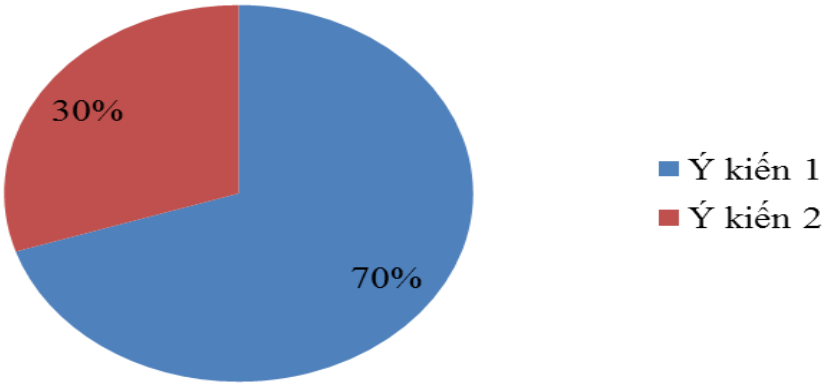

Hình 2.6: Nhận thức của HS về khái niệm dân tộc

Khi hỏi về khái niệm tinh thần dân tộc, kết quả thu được là 378 HS chiếm 20% trả lời: Tinh thần dân tộc là "lòng tự hào dân tộc"; 284 HS chiếm 15% cho rằng "Tinh thần dân tộc là tinh thần đoàn kết; Tinh thần yêu nước" và số còn lại chọn tất cả các phương án. Như vậy, hầu hết HS chọn đáp án đúng, thể hiện các em đã phần nào hiểu khái niệm về tinh thần dân tộc, từ đó giúp cho việc GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh thuận lợi hơn.

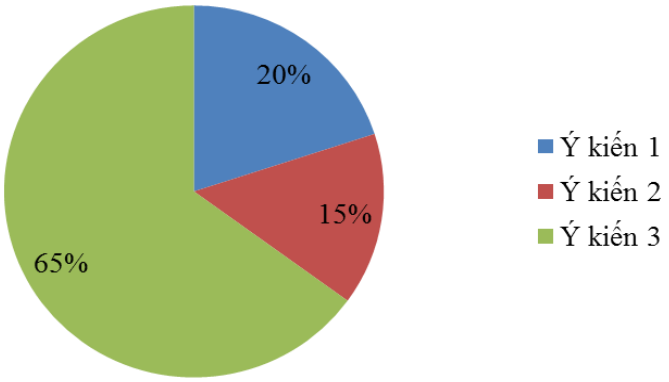

Hình 2.7a: Nhận thức của HS về tinh thần dân tộc

Kết quả điều tra kiến thức cơ bản về "Tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh" cho thấy: 25% các em cho rằng: Tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh gồm "Độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc"; Tức là theo các em Người quan niệm về giá trị to lớn của quyền độc lập tự do của mỗi quốc gia dân tộc. 20% các em chọn "Chủ nghĩa dân tộc chân chính là độc lực thúc đẩy đấu tranh giành độc lập"; Số còn lại chọn "Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; Chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế". Như vậy, trên thực tế trong số các em được hỏi hầu hết các em chưa hiểu thấu đáo về tinh thần dân tộc trong quan niệm của Hồ Chí Minh. Qua đó chúng tôi nhận thấy việc GDHS tinh thần dân tộc theo tư tưởng của Người là việc làm cần thiết, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong DH nói chung và DHLS nói riêng.

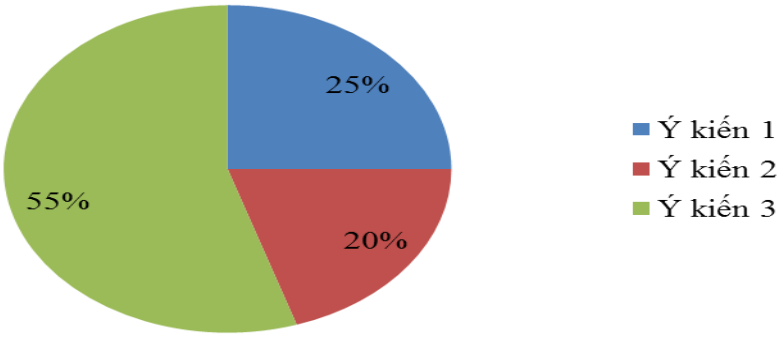

Hình 2.7b: Nhận thức của HS về tinh thần dân tộc

Khi được hỏi "Trong quá trình DH bộ môn LS, thầy (cô) có thường xuyên giáo dục tinh thần dân tộc nói chung và tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng không?" Chúng tôi nhận thấy chỉ có 378 HS chiếm 20% trả lời "thường xuyên", 349 HS chiếm 19% đánh giá mức độ "thỉnh thoảng" và 1181 HS chiếm 63% trả lời "không". Như vậy tần suất còn ít, chưa đủ để học sinh nhận thức được vấn đề. Điều này cho thấy, trong quá trình DH có thể công tác GD tinh thần dân tộc đã diễn ra trong các giờ học LS nhưng chưa sâu sắc, chưa liên tục, chưa tác động đến tư

tưởng, tình cảm của các em nên dẫn đến việc nhận thức của HS về vấn đề này không rõ ràng, mơ hồ và đôi khi còn chưa biết.

Khi được hỏi về các hình thức mà GV thường sử dụng khi tiến hành GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giờ học LS, đa số các em chọn đáp án " Giờ học nội khóa trên lớp"; số ít học sinh chọn "Hoạt động trải nghiệm"; Rất ít học sinh chọn "giờ học nội khóa tại khu di tích lịch sử"; Không có học sinh chọn "Hoạt động ngoại khóa". Có thể thấy, việc GDHS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS đã được GV phổ thông quan tâm, có ý thức đối với việc làm mang ý nghĩa quan trọng này, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở các giờ học nội khóa, chưa đầu tư nhiều về chuyên môn, nghiệp vụ làm cho môn học, tiết học, mục đích của việc giảng dạy hấp dẫn hơn, gây hứng thú hơn đối với HS.

Về biện pháp sư phạm của GV, chúng tôi đưa ra nhiều phương án cho các em lựa chọn: A. Khai thác nguồn kiến thức trong sách giáo khoa; B. Sử dụng các tài liệu tham khảo ngoài sách giáo khoa; C. Sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn; D. Sử dụng nhiều đồ dùng trực quan và phương tiện dạy học; E. Kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học tích cực; Gắn bài học lịch sử với thực tế cuộc sống, ra bài tập thực hành bộ môn và G. Hướng dẫn học sinh tự học. Đa số các em chọn đáp án A và G. Điều này chứng tỏ thầy cô luôn bám sát tài liệu sách giáo khoa để dạy học; cho các em học LS một cách sáng tạo, gắn liền với cuộc sống, giúp các em dễ tiếp thu bài hơn, tuy nhiên cách này chưa phong phú, gây nhàm chán, bài học không sâu sắc, các em khó tiếp cận vấn đề hơn; HS ít thậm chí không quan tâm tới cách truyền tải kiến thức của GV, không hiểu rõ được tầm quan trọng của việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như chưa ý thức được trách nhiệm của mình trong việc phát huy các giá trị tinh thần dân tộc. Vì vậy, nếu thầy cô gợi ý cho các em tìm đọc tư liệu tham khảo ngoài sách giáo khoa mà gần với vấn đề nghiên cứu, thầy cô sử dụng đồ dùng trực quan và phương tiện dạy học tích cực học sinh sẽ hứng thú hơn, hiểu bài nhanh hơn và say mê với môn học hơn điều đó có vai trò tích cực đối với mục đích giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử.

Thăm dò ý kiến của các em về các phương pháp giảng dạy của giáo viên: Đa số HS, cụ thể có 1039 HS, chiếm 55% được hỏi đều trả lời cách giảng dạy " Đọc - chép", đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS chán học, buồn ngủ, không yêu thích môn học. Các em luôn có suy nghĩ LS là môn học khô khan, nhàm chán, cứng nhắc ... Điều đó cho thấy vai trò của người GV trực tiếp giảng dạy

rất quan trọng, yêu cầu ở họ: ngoài trình độ chuyên môn, thành thạo nghiệp vụ thì cần phải tâm huyết với nghề đặc biệt trong mục đích GD đạo đức, TTDT cho HS.

Trong số được hỏi về phương pháp giảng dạy có 661 HS, chiếm 35% HS cho rằng thầy cô giảng dạy theo cách "Hàn lâm, Áp đặt". Triết lý DH môn LS không phải là tạo ra những người học theo lối thuộc lòng máy móc các sự kiện LS, từ ngày tháng đến chi tiết diễn biến, mà ngay các nhà sử học nổi tiếng trên thế giới cũng không thể thuộc hết được. Dạy và học LS là giúp HS có được tinh thần, khí phách của LS dân tộc vì vậy GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong DH LS càng có ý nghĩa thực tiễn. Ngoài ra, dạy và học LS còn giúp con người có lòng yêu nước, khả năng nhìn nhận, đánh giá mọi sự kiện, hiện tượng LS dựa trên những cứ liệu xác thực và tự liên hệ với thực tiễn để rút ra được bài học cho hiện tại và tương lai. Từ đó hình thành nên năng lực và phẩm chất con người, tạo ra bản lĩnh, bản sắc con người. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng mà các nhà trường, đội ngũ thầy, cô và các nhà sử học cần phải nhận thức một cách nghiêm túc. Ngoài ra, xã hội cũng cần phải thay đổi quan niệm: môn LS là môn học phụ, môn học thuộc lòng.

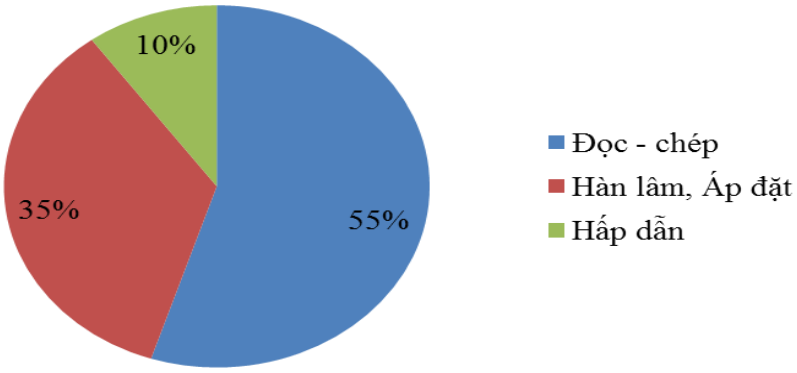

Hình 2.8: Đánh giá của HS về phương pháp giảng dạy

Bên cạnh đó, số rất ít 189 HS, chiếm 10% các em đánh giá phương pháp giảng dạy của thầy cô "Hấp dẫn". Đây có thể coi là tín hiệu mừng đối với ngành GD nói chung, đối với GDLS nói riêng, nó chứng tỏ ngành GD nước nhà đang trong xu thế phát triển, dù còn ít nhưng chúng ta luôn có đội ngũ GV yêu nghề, tâm huyết với nghề, có trách nhiệm với nghề, đặc biệt có trách nhiệm trong việc GD đạo đức cách mạng, TTDT cho thế hệ trẻ.

Khi hỏi về những vấn đề cụ thể như "Thầy cô đã sử dụng những nguồn tư liệu nào để dạy về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc" có 1,228 chiếm 65% các em chọn "Tư liệu sách giáo khoa", 567 HS chiếm 30% các em chọn "Tư liệu ngoài sách giáo khoa", và rất ít các em trả lời " Không biết", điều này một lần nữa chứng tỏ số thầy

cô vận dụng phương pháp mở rộng kiến thức cho HS còn khiêm tốn, các thầy cô đã nhận thức tầm quan trọng của việc sưu tầm tư liệu tham khảo, hướng dẫn các em cách khai thác, xử lí tư liệu sao cho phù hợp với mục tiêu của bài học nhưng cần phát huy tích cực hơn nữa.

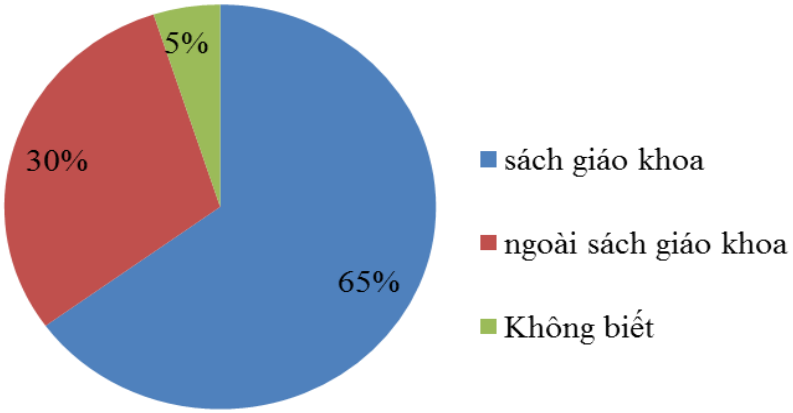

Hình 2.9: Đánh giá của HS về tư liệu giảng dạy của GV

Thông qua câu trả lời cho câu hỏi "Để giáo dục TTDT theo TTHCM trong DHLS đạt hiệu quả, HS cần làm gì?" đa số các em chọn tất cả các phương án: Thường xuyên đọc sách giáo khoa; Chịu khó sưu tầm tài liệu tham khảo và tăng cường ý thức tự học, tự rèn luyện. Điều này thể hiện các em đã lựa chọn phương pháp đúng đắn, khoa học để học môn học, nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học nói chung và của vấn đề DT dưới ánh sáng TTHCM nói riêng.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất phục vụ dạy - học của nhà trường rất quan trọng. Bản thân các em HS đã nhận thức được điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ hay thiếu thốn hay sơ sài. Điều này tác động trực tiếp đến GV trong phương pháp truyền tải kiến thức tới các em từ đó giúp các em hứng thú hay chán nản khi thu kiến thức, đặc biệt trong mục đích GD tư tưởng, tình cảm đạo đức và TTDT theo TTHCM. Nếu trong giờ học LS về Hồ Chí Minh mà có máy chiếu phục vụ cho các em xem những đoạn phim tư liệu về Bác... thì tiết học sẽ hấp dẫn hơn, các em hào hứng, sôi nổi hơn, từ đó các em yêu thích LS hơn.

2.2.3. Nguyên nhân của thực trạng

Trong những năm gần đây, mặc dù đã có nhiều cố gắng đổi mới về nhiều mặt song vấn đề dạy và học LS vẫn còn nhiều bất cập, vẫn đang thu hút sự quan tâm chú ý của toàn xã hội. Môn LS là một trong những bộ môn có vai trò hết sức quan trọng trong việc bồi dưỡng thế hệ trẻ về kiến thức, văn hóa, tư tưởng, chính trị, phẩm chất

đạo đức và phong cách lối sống. Tuy nhiên, thực tế hiện nay việc dạy và học môn LS vẫn còn nhiều bất cập, chưa đạt được kết quả cao đặc biệt ở mục tiêu GD HS tinh thần dân tộc theo TTHCM. Ở nhiều nơi, GV vẫn chủ yếu DH bằng phương pháp truyền thống "thầy cô đọc - trò chép," chưa phát huy được tính tích cực, chưa gây hứng thú cho HS. Vẫn còn tình trạng HS thờ ơ với môn LS, chỉ coi LS là môn phụ, chưa thực sự chú ý, quan tâm nhiều đến môn này. Trong đó, việc GD tinh thần dân tộc theo TTHCM ở trường THPT vẫn còn nhiều bất cập tồn tại. Có nhiều nguyên nhân, tựu chung lại có một số nguyên nhân sau:

- Trước tiên là chương trình sách giáo khoa: lượng kiến thức quá nhiều, trong khi đó, thời lượng tiết học LS quá ít, dẫn đến tình trạng thầy cô giáo phải tìm cách để truyền tải hết lượng kiến thức đó đến với HS, khiến các bài giảng không được đầu tư sâu. Đây là một trong những lý do khiến HS không mấy hứng thú với bộ môn LS.

- Thứ hai, do quan niệm không đúng khi cho rằng LS là "môn phụ", không thường xuyên thi tốt nghiệp, HS theo học ôn thi đại học ít, nên cả GV và HS đều dạy và học mang tính hình thức. Tác giả Vũ Dương Ninh cho rằng: "Thực tế, trong nhiều năm qua, môn LS được Bộ Giáo dục và Đào tạo coi như môn học phụ với quy định năm nay thi LS thì sang năm thi Địa lý và cứ luân phiên như vậy. Những vùng nào không có điều kiện học ngoại ngữ thì lấy môn LS làm môn thay thế. Quy định đó làm cho các trường, các phòng giáo dục và cả cấp Sở tìm cách cắt xén giờ, GV dạy dồn giờ để tập trung thời gian cho các "môn quan trọng hơn" như Văn, Toán, Ngoại ngữ... " [186]. Như vậy, theo tác giả Vũ Dương Ninh, "Cách đối xử với môn LS như vậy chứng tỏ rằng các nhà quản lý GD nhận thức không đầy đủ về vị trí của môn học này trong việc GD và đào tạo những người công dân có lòng yêu nước sâu sắc, có tinh thần dân tộc, những người lao động có trách nhiệm đối với xã hội. Môn LS bị đối xử như vây, người GV dạy LS cảm thấy vị trí của mình thấp kém thì làm sao có thể đòi hỏi một kết quả khả quan đươc? Chúng ta luôn nhấn mạnh truyền thống dân tộc nhưng quan niệm về môn LS với cách tổ chức dạy, học và thi như vậy thì rõ ràng là khoảng cách giữa nói và làm còn quá xa vời, hậu quả đã rõ rệt." [186] Nếu như trong kỳ thi tốt nghiệp phổ thông hằng năm đều có quy định thi cả LS và Địa lý vào cùng một buổi trong 120 hoặc 180 phút, với những câu hỏi giản đơn nhưng cơ bản thì việc dạy và học sẽ đi vào nền nếp, quy củ và có hiệu quả hơn." (Ý kiến của tác giả Vũ Dương Ninh)

- Thứ ba: do chất lượng đạo đức của HS giảm sút, đặc biệt là HS không hứng thú học LS. Chúng ta đã có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn chứng minh rằng môn

LS không phải là "môn thứ yếu", mà nó có tầm quan trọng đặc biệt trong việc GD thế hệ trẻ. Do đó việc học tập LS không chỉ học thuộc, mà phải đòi hỏi có trình độ tư duy để hiểu. Điều này đòi hỏi ở ý thức, đạo đức của HS, các em nhận thức thế nào về tầm quan trọng của việc học tập nói chung, học môn LS nói riêng.

- Thứ tư, một phần cũng do công tác GD của nhà trường phổ thông còn chưa tốt, trong đó có GD tinh thần dân tộc cho HS. Đứng trước thực tế, việc HS không muốn học LS chủ yếu để muốn tập trung thời gian vào học các môn có lợi cho các em về kinh tế. Điều này sẽ dẫn đến những tai hại cho tương lai đất nước khi mà hiện nay chúng ta đang sống trong hòa bình, song hòa bình không phải là một giá trị bền vững tuyệt đối. Nền hòa bình của chúng ta vẫn đang bị đe dọa. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của Internet với các luồng quan điểm phản động, xuyên tạc LS nhằm bôi xấu chế độ đang diễn ra mạnh mẽ từng ngày. Nếu được trang bị kiến thức LS đúng, thì HS sẽ vững vàng, có nhận thức đầy đủ để bác bỏ các quan điểm sai trái. Ngược lại, sẽ dễ phát sinh những hậu quả khôn lường...(Quan điểm của tác giả Tưởng Phi Ngọ). Vì vậy, hơn bao giờ hết nhà trường cần tích cực hơn nữa trong công tác tuyên truyền GD lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, tinh thần dân tộc đặc biệt thông qua môn học LS.

- Thứ năm, phải thừa nhận có nhiều GV dạy tâm huyết với nghề nghiệp, tích cực trau dồi kiến thức, nghiệp vụ sư phạm khơi dậy hứng thú học tập cho HS. Nhưng cũng không ít GV chưa thực sự tâm huyết với nghề. Đáng buồn hơn, một số GV cũng cho rằng môn Sử là "môn phụ", môn học thuộc lòng, chỉ cần nắm một số ý cơ bản của SGK, DH theo cách truyền thống HS sẽ dễ tiếp thu hơn, không cần phải sử dụng các phương pháp DH mới. Đó là những quan điểm sai lệch, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác GD đạo đức, tư tưởng, tình cảm trong đó có GD tinh thần dân tộc, GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho các em. Hơn thế nữa, đặc điểm của LS đã chi phối tới nhận thức LS. Bản thân LS là một hiện thực khách quan đã xảy ra, không "hiện có" (song đã tồn tại), vận động theo quy luật từ thấp đến cao, trải qua những bước quanh co, khúc khuỷu, song phát triển không ngừng. Con người có khả năng nhận thức LS, không thể "trực quan sinh động", kể cả những sự kiện đang diễn ra, nhưng ngoài tầm mắt của người học tập, nghiên cứu. LS xảy ra không tái diễn nguyên vẹn như cũ, không lặp lại, nên nhận thức LS không thể quan sát trực tiếp và cũng không thể tiến hành trong phòng thí nghiệm (dù sân khấu, các lễ hội đã cố gắng khôi phục lại sự kiện quá khứ qua các hình thức nghệ thuật; Với sự phát triển của khoa học người ta cũng chỉ có thể tái tạo trong một phạm vi mức độ nhất

định sự kiện đã xảy ra). Do vậy, việc học tập, nghiên cứu LS không chỉ có những nét riêng của sự nhận thức nói chung mà chúng ta phải tính đến việc phát huy tính tích cực của HS. Vì vậy, GV trực tiếp giảng dạy LS phải đưa ra các phương pháp phát huy tính tích cực cho HS trong GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần làm cho LS để nó xứng đáng với vị trí là bộ môn quan trọng ở trường phổ thông.

Tiểu kết chương 2

Qua nghiên cứu cơ sở lí luận và khảo sát, đánh giá thực tiễn, chúng tôi có cơ sở để khẳng định sự cần thiết phải giáo dục tinh thần dân tộc nói chung và giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng trong DHLS ở trường THPT. Phần khảo sát thực trạng đã miêu tả một cách rõ nét bức tranh DHLS ở trường THPT nói chung, việc GD HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS Việt Nam lớp 12 nói riêng. Nội dung của phần cơ sở thực tiễn tiếp tục khẳng định tầm quan trọng và sự cần thiết của việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS ở trường THPT. Đó là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ "Dạy người". Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay, việc giáo dục TTDT theo TTHCM trong DH bộ môn LS nói riêng còn nhiều bất cập và hạn chế, đòi hỏi phải có hình thức, biện pháp phù hợp và hiệu quả. Đây chính là cơ sở để chúng tôi xác định nội dung, lựa chọn hình thức và các biện pháp sư phạm, đưa ra các ví dụ minh họa và chứng minh hiệu quả của từng biện pháp nhằm nâng cao chất lượng DH nói chung và giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho HS nói riêng, góp phần hoàn thiện nhân cách, đạo đức tốt cho thế hệ trẻ.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn mà chương 2 đã giải quyết, chương 3 của luận án đi sâu vào các yêu cầu, biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong DHLS nói chung, GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong DHLS lớp 12 (1919-1975) ở trường THPT. Luận án đưa ra biện pháp phù hợp trong bài học nội khóa. Qua các biện pháp, nghiên cứu sinh tập trung chỉ rõ cách làm, ý nghĩa biện pháp, các ví dụ minh họa cụ thể và chứng minh hiệu quả của từng biện pháp áp dụng.

Chương 3
CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC BÀI NỘI KHÓA PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919-1975) Ở TRƯỜNG THPT

Việc giáo dục HS TTTD theo TTHCM được tiến hành trong quá trình DH bộ môn LS ở trường phổ thông, với các hình thức đa dạng và phong phú như trong giờ học nội khóa trên lớp, nội khóa ngoài lớp, hoạt động ngoại khóa và hoạt động trải nghiệm. Trong phạm vi nghiên cứu chương 3 của luận án, chúng tôi tập trung đi sâu xác định các biện pháp để giáo dục HS TTDT theo TTHCM trong giờ học nội khóa trên lớp. Đây là hình thức DH chủ yếu, chiếm trên 70% thời lượng DH theo phân phối chương trình, có ưu thế nổi bật để giáo dục HS TTDT theo TTHCM. Bởi vì, việc giáo dục đạo đức HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng phải bắt nguồn tư nội dung kiến thức LS, thông qua quá trình khám phá và chiếm lĩnh kiến thức sẽ tác động đến tư tưởng, tình cảm HS, tạo ra xúc cảm LS và định hướng thái độ hành động đúng cho các em. Hơn nữa, nội dung kiến thức LS Việt Nam (1919 - 1975) phản ánh tập trung những biểu hiện quan trọng nhất của vấn đề dân tộc của HCM, nên việc xác định các biện pháp sư phạm trong giờ học nội khóa góp phần đáng kể vào giáo dục HS TTDT theo TTHCM.

3.1. Vị trí, mục tiêu, nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam (1919-1975)

3.1.1. Vị trí

Chương trình LS lớp 12 ở trường THPT kết thúc chương trình môn học ở trường THPT.Vì vậy có vị trí đặc biệt quan trọng đó là hoàn thành việc trang bị kiến thức phổ thông, cơ bản về LS cho HS. Chương trình cấu tạo gồm hai phần:

Phần I: LS thế giới hiện đại từ năm 1975 đến năm 2000.

Phần II: LS Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000.

LS Việt Nam từ năm 1919 đến 1975 sự tiếp nối LSVN cận đại, được đánh dấu bằng sự kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất; sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919). Nội dung thời kì này là quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1919 – 1930); vận động Cách mạng tháng Tám dưới sự lãnh đạo của Đảng (1930 – 1945); cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1945 – 1954) và kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954 – 1975). Vì vậy, nghiên cứu LS Việt Nam lớp 12 giai đoạn 1919-1975 giúp HS nắm vững được những vấn đề chủ yếu của LS dân tộc Việt Nam; là "cầu nối" giữa kiến thức LS dân tộc thời cận đại với thời đương đại,

tạo thành một hệ thống kiến thức hoàn chỉnh giúp HS có tri thức cơ bản, sâu rộng về LS Việt Nam từ cổ đại đại đến hiện đại. Từ đó, giúp HS có nhận thức khoa học về bức tranh LS Việt Nam đã và đang diễn ra.

3.1.2. Mục tiêu

Việc xác định mục tiêu của một bài học hay một khóa trình là yêu cầu đầu tiên rất quan trọng bởi nó sẽ định hướng cho việc xác định nội dung kiến thức, hình thức tổ chức và phương pháp DH phù hợp. Phần LS Việt Nam từ 1919 - 1975 trong SGK lớp 12 THPT chương trình chuẩn cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản về LS dân tộc từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, khi Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919) đến kháng chiến chống đế quốc Mĩ kết thúc thắng lợi (1975). Học xong LS Việt Nam giai đoạn này, HS cần đạt được yêu cầu sau:

a. Về kiến thức:

Hiểu rõ những thay đổi của Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, tạo ra những điều kiện LS mới thúc đẩy phong trào dân tộc dân chủ phát triển theo khuynh hướng vô sản và khuynh hướng dân chủ tư sản. Hiểu được LS dân tộc, mối quan hệ giữa LS thế giới với LS dân tộc; quy luật phát triển của LS, đặc biệt là những hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về trong nước, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển từ tự phát sang tự giác, phong trào yêu nước chuyển dần theo khuynh hướng vô sản, dẫn đến sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Hiểu và đánh giá được tính đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong việc đề ra đường lối và trực tiếp lãnh đạo nhân dân đấu tranh qua các phong cách mạng 1930 - 1931, 1936 – 1939, 1939 - 1945. Đặc biệt, khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, trước sự biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, Đảng đã có sự chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh cách mạng, thông qua Hội nghị trung ương tháng 11/1939 và Hội nghị trung ương tháng 5/1941. Từ đây, công cuộc chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền được đẩy mạnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta đã chuẩn bị chu đáo mọi mặt để khi thời cơ đến, Đảng nhanh chóng chớp thời cơ phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền trong toàn quốc, làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám 1945. Qua đó, học sinh nhận thức được giá trị của tinh thần đoàn kết dân tộc, vai trò lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh với cách mạng. Điều đó có ảnh hưởng quan trọng trong quá trình giáo dục học sinh TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhận thức được sâu sắc tiến trình của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

và can thiệp Mĩ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 9 năm (1945 – 1954), với đường lối kháng chiến "Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta giành được nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao. Đỉnh cao là thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, dẫn tới việc kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp, mở ra một thời kì mới cho cách mạng Việt Nam.

Nhận thức được cuộc kháng chiến trường kì, gian khó của dân tộc chống đế quốc Mĩ kéo dài suốt 21 năm (1954 – 1975). Đây là thời kì đất nước bị chia cắt làm hai miền, với hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc vừa tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm nghĩa vụ hậu phương lớn; miền Nam lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ, đỉnh cao là giành thắng lợi trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước bước vào một kỉ nguyên mới – kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

b. Về kĩ năng

Trong quá trình hướng dẫn HS chiếm lĩnh kiến thức, GV tiếp tục rèn luyện cho HS hệ thống kĩ năng cơ bản của môn Lịch sử. Đó là kĩ năng nhận thức lịch sử như kĩ năng tri giác thông tin, khả năng tái tạo tri thức; trí tưởng tượng, ghi nhớ kiến thức . Đặc biệt là kĩ năng tư duy lịch sử, như kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử.

Phát triển các kĩ năng thực hành bộ môn như vẽ và sử dụng bản đồ, lược đồ lịch sử; kĩ năng khai thác kiến thức qua tranh ảnh, kĩ năng lập bảng thống kê; lập sơ đồ, niên biểu; kĩ sưu tầm sưu tầm tài liệu tham khảo…

Phát triển cho HS kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu kiến thức mới và để liên hệ, đánh giá, giải quyết những vấn đề đặt ra của thực tiễn. Đồng thời, biết rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá từ lịch sử và từ nhận thức thực tiễn cuộc sống để kết nối với quá khứ.

Nâng cao phương pháp học tập lịch sử cho HS trên cơ sở vận dụng các PPDH theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo trong quá trình khám phá và chiếm lĩnh kiến thức kiến thức cơ bản, hiểu được mối quan hệ giữa lịch sử

Việt Nam với lịch sử thế giới, lịch sử địa phương.

Tăng cường kĩ năng tự kiểm tra và đánh giá để tạo ra động cơ và động lực học tập cho HS.

c. Về thái độ

Qua các sự kiện lịch sử cụ thể, sinh động nhằm giáo dục tư tưởng, tình cảm cho học sinh lòng yêu nước, yêu độc lập tự do, có niềm tin vào sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Giáo dục HS lòng tự hào, khâm phục, biết ơn đối với các thế hệ cha ông đã hi sinh vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Họ là những tấm gương sáng cho các em noi theo. Đồng thời, giáo dục HS niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Từ đó, định hướng cho HS hành động đúng trong học tập và cuộc sống, xác định trách nhiệm của bản thân trong hiện tại, bồi dưỡng thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng, và nhân cách tốt đẹp cho học sinh.

Giáo dục cho HS thái độ lên án, phản đối hành động xâm lược của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. Từ đó, hiểu được sâu sắc giá trị của nề độc lập mà các em được thụ hưởng và có ý thức góp phần bảo vệ nền độc lập dân tộc.

d. Định hướng phát triển năng lực

Thông qua chiếm lĩnh kiến thức DHLS Việt Nam (1919 – 1975) góp phần quan trọng vào việc phát triển toàn diện HS về năng lực và phẩm chất. Trong đó, năng lực chung (cốt lõi) như năng lực tự học; "Năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; phát triển năng lực riêng (chuyên biệt của bộ môn LS) như năng lực tìm hiểu LS, năng lực nhận thức và tư duy LS, năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về LS thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề, chuyên đề về LS chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh" [13]. Đồng thời, giáo dục đạo đức, tư tưởng, tình cảm và nhân cách tốt đẹp cho HS. Tiêu biểu là bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp cho HS như lòng yêu nước, lòng nhân ái, thái độ chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong học tập và cuộc sống.

3.1.3. Nội dung cơ bản

Chương trình LS Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1975 cấp THPT trong SGK LS lớp 12 đề cập đến những nội dung cốt lõi nhất của LS Việt Nam thời hiện đại. Nội dung tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau:

- *Thời kỳ 1919-1930 là quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.* Những tác động của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam thông qua chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai

của thực dân Pháp. Sự phát triển của phong trào dân tộc và dân chủ từ tự phát đến tự giác, sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cộng sản và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dẫn đến sự ra đời của Đảng Công sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, nó chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo tiến tiến kéo dài, mở ra thời kì cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, với đường lối đúng đắn.

- *Thời kỳ 1930-1945 là quá trình vận động giải phóng dân tộc.* Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nguyễn Ái Quốc, nhân dân Việt Nam không ngừng đấu tranh thông qua phong trào cách mạng 1930 – 1931; phong trào dân chủ 1936 – 1939; phong trào giải phóng dân tộc (1939 – 1945), trực tiếp là cao trào kháng Nhật, dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi, đập tan ách thống trị của đế quốc Nhật, thực dân Pháp và xóa bỏ chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam.

- *Thời kỳ 1945-1954 là cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp để bảo vệ độc lập dân*. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời đã gặp nhiều khó khăn, thù trong, giặc ngoài…tình thế như "ngàn cân treo sợi tóc". Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện các biện pháp chống thù trong, giặc ngoài, giải quyết khó khăn về nạn đói, nạn dốt, tài chính khan để bảo vệ chính quyền non trẻ. Đồng thời, tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), giành được thắng lợi trên các lĩnh vực, chính trị, kinh tế, ngoại giao, đặc biệt là trên mặt trận quân sự. Tiêu biểu là chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947, chiến thắng Biên giới thu – đông 1950, đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 dẫn đến việc kí kết Hiệp định Giơnevơ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kì 9 năm chống thực dân Pháp, mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam.

- *Thời kỳ 1954-1975,* nhân dân hai miền Bắc - Nam thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng khác nhau để tiến tới giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi nước ta mới chỉ giải phóng được một nửa nước, tình hình đất nước gặp nhiều khó khăn, đế quốc Mỹ lại nhảy vào miền Nam nước ta dựng chính quyền tay sai, đàn áp đồng bào ta. Trước tình hình đó, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội và là hậu phương lớn cho miền Nam, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, là tiền tuyến

trực tiếp đánh Mỹ giành thắng lợi để thống nhất đất nước…

Nội dung cơ bản của LS Việt Nam (1919 – 1975) là cơ sở để chúng tôi xác định những nội dung kiến thức có trong SGK để giáo dục HS tinh thần dân tộc theo TTHCM.

3.2. Hệ thống kiến thức lịch sử Việt Nam có thể và cần khai thác để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong phạm vi phần LS Việt Nam từ 1919 đến 1975, chúng tôi lựa chọn những nội dung kiến thức có thể và cần khai thác để giáo dục HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

Bài học trong chương trình	**Nội dung lịch sử cần khai thác**	**Nội dung giáo dục tinh thần dân tộc theo TTHCM**
Bài 12. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến 1925	Hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1919 - 1925 và tác động các hoạt động đó đối với cách mạng Việt Nam.	- Khát vọng tìm ra con đường giải phóng dân tộc – con đường cách mạng vô sản của Nguyễn Tất Thành
Bài 13. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam (1925-1930)	- Hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thành lập Đảng (đầu năm 1930), Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng : phân tích nội dung và tính sáng tạo của cương lĩnh đó ; ý nghĩa LS của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : bước ngoặt vĩ đại trong LS cách mạng Việt Nam. Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng : vận động thành lập, chủ trì việc thống nhất các tổ chức cộng sản, soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	-Thực chất của vấn đề dân tộc ở các nước thuộc địa là giải phóng dân tộc, lật đổ ách thống trị cảu chủ nghĩa đế quốc, đem lại độc lập, tự do cho nhân dân lao động - Giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp. - Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. - Đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế.

Bài 14. Phong trào cách mạng 1930 – 1935	Nội dung của Luận cương chính trị (10 - 1930) : chiến lược, sách lược, động lực và tổ chức lãnh đạo cách mạng, hình thức và phương pháp đấu tranh. Hiểu được tính đúng đắn của Luận cương và một số điểm hạn chế của Luận cương Phong trào cách mạng 1930 – 1931: chứng tỏ đường lối chỉ đạo, đúng đắn về độc lập dân tộc và vấn đề giai cấp được Nguyễn Ái Quốc đề cập trong "Chính cương vắn tắt"	- Tiếp tục khẳng định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam – sự đúng đắn của việc đề cao vấn đề độc lập dân tộc – tư tưởng cốt lõi của vấn đề dân tộc theo quan điểm của HCM - Giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế. - Kiên quyết giành và bảo vệ độc lập dân tộc
Bài 15. Phong trào dân chủ 1936 – 1939	-Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936): xác định nhiệm vụ chiến lược là chống đế quốc và phong kiến -Những phong trào đấu tranh tiêu biểu 1936 – 1939: đòi tự do, dân chủ, dân sinh…thể hiện quyền dân tộc là trên hết,	-Kiên quyết chống chủ nghĩa thực dân và phong kiến, giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp - Chủ nghĩa yêu nước chân chính gắn liền với tinh thần đoàn kết quốc tế - Giải quyết linh hoạt nhiệm vụ dân tộc và dân chủ để phù hợp với hoàn cảnh LS
Bài 16. Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân	-*Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11/1939 và 5/1941:* xác định mục tiêu và nhiệm vụ trước mắt của Cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương;	- Khẳng định quyết tâm đánh đổ đế quốc thực dân, giành độc lập dân tộc. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu; hạ thấp nhiệm vụ dân chủ. -Quyết tâm của dân tộc để giành

chủ Cộng hòa ra đời.	*-Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền (3 - 8/1945):* + Khởi nghĩa từng phần : Nhật đảo chính Pháp (9 -3 -1941) ; chỉ thị của Đảng : "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" + Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945): + Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2 - 9 - 1945): Nội dung bản Tuyên ngôn độc lập	độc lập dân tộc bằng cách tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền và nghệ thuật chớp thời cơ => giáo dục HS sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước - Quyền cơ bản của các dân tộc: độc lập, tự do, hạnh phúc.
Bài 17. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước ngày 19 - 12 -1946.	- Những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và chuẩn bị cho kháng chiến: bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. - Công cuộc chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng: chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam. Đấu tranh với quân Trung Hoa Quốc dân ở miền Bắc, hoà hoãn với Pháp ở miền Nam. Vai trò của Hồ Chí Minh trong việc kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946.	- Quyết tâm của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn dân tộc để bảo vệ nền độc lập vừa giành được. - Sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết đồng thời những khó khăn sau cách mạng tháng Tám. - Tiếp tục giáo dục TTDT theo TTHCM về những vấn đề cốt lõi của dân tộc: gìn giữ độc lập gắn liền với xây dựng đất nước, tích cực chuẩn bị cho kháng chiến. - Giáo dục HS lòng biết ơn đối với Hồ Chí Minh và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.
Bài 18. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn	- Nội dung của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ Tịch và Đường lối kháng chiến của Đảng.	- Thể hiện khát vọng hòa bình và đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng và Hồ Chủ Tịch và dân tộc.

quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950).	- Cuộc chiến đấu của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc là biểu hiện của cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc vừa giành được. - Hoàn cảnh, diễn biến, kết quả và phân tích ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947; chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.	- Quyết tâm của dân tộc, sẵn sàng hi sinh, xả thân để bảo vệ nền độc lập dân tộc. - Giáo dục HS lòng tự hào về truyền thống yêu nước, thành tích đạt được về những thắng lợi quân sự của quân dân ta. - Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với viêc chỉ đạo các chiến dịch.
Bài 19. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953)	Nội dung của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951) xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc, thực hiện "người cày có ruộng".	-Tiếp tục giáo dục HS về TTDT theo TTHCM về mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và giai cấp; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. - Kháng chiến gắn liền với kiến quốc; vừa đoàn kết dân tộc vừa tranh tủ sự ủng hộ của quốc tế.
Bài 20. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954).	-Những nét chính của chiến cuộc Đông - Xuân (1953 - 1954), chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương. Ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.	- Khẳng định tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc luôn là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. - Giáo dục HS về vai trò lãnh đạo của Đảng và lòng biết ơn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh
Bài 21. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền	- Nhiệm vụ của cách mạng cả nước, và mối quan hệ giữa nhiệm vụ của hai miền. - Nội dung Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960) - Thành tựu tiêu biểu của	- Mối quan hệ giữa nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. - Khẳng định nhiệm vụ giành và

Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965).	cách mạng miền Bắc - Cuộc đấu tranh chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".	bảo vệ độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân.
Bài 22. Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973).	- Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương lớn; những thành tựu trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội, chiến đấu của miền Bắc. - Nhân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ. -Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.	- Mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ độc lập, xây dựng đất nước (ở miền Bắc) với giành độc lập và giải phóng dân tộc (ở miền Nam). - Mối quan hệ giữa hậu phương lớn với tiền tuyến lớn - Mối quan hệ giữa đoàn kết các dân tộc trong nước với ba nước Đông Dương và đoàn kết quốc tế - Mối quan hệ giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao để giành và giữ độc lập.
Bài 23. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền ở Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975)	- Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam; diễn biến chính của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 -Ý nghĩa LS, nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.	- Sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng trong việc đề ra chủ trương giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thực hiện nhiệm vụ giành độc lập, thống nhất trong cả nước. - Giáo dục HS về vai trò lãnh đạo Đảng và truyền thống đoàn kết dân tộc là nguyên nhân quyết định thắng lợi của kháng chiến.

Trên đây là những nội dung kiến thức LS trong SGK có thể khai thác để HS giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở những nội dung này không chỉ giúp HS chiếm lĩnh được hệ thống kiến thức cơ bản của bài học, mà còn gây hứng thú và cảm xúc cho HS và có tác dụng giáo dục tư tưởng tình cảm, đạo đức cho

HS đặc biệt là giáo dục sâu sắc tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc xác định hệ thống kiến thức là cơ sở để chúng tôi chọn lọc hình thức và biện pháp giáo dục HS phù hợp và hiệu quả trong quá trình DH bộ môn LS ở trường THPT.

3.3. Một số yêu cầu khi lựa chọn các biện pháp để giáo dục cho học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử Việt Nam (1919 – 1975)

3.3.1. Đáp ứng mục tiêu dạy học

Trong quá trình DHLS ở trường THPT, việc xác định mục tiêu của bài học có vị trí rất quan trọng. Bởi vì, mục tiêu bài học là cái đích phải đạt đến mức độ được quy định, là sự cam kết của thầy và trò trong DH. Việc xác định mục tiêu DH cụ thể, chính xác, khoa học là cơ sở để GV lựa chọn nội dung bài học phù hợp (sự kiện LS cụ thể, những biểu tượng, khái niệm, quy luật, bài học LS); xác định mức độ kiến thức phù hợp với đối tượng nhận thức, GD tư tưởng đạo đức, rèn luyện kĩ năng và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS. Đồng thời, việc xác định rõ ràng, chính xác mục tiêu bài học giúp GV lựa chọn các hình thức, phương pháp, phương tiện DH phù hợp để đạt hiệu quả cao nhất. Việc xác định mục tiêu bài học gắn liền với việc kiểm tra, đánh giá kết quả nhận thức của HS. Qua đó, góp phần thực hiện mục tiêu chung của môn học.

Như vậy, tất cả các khâu của quá trình DH, từ nội dung đến phương pháp, hình thức tổ chức DH, hoạt động của GV và HS đều hướng tới việc thực hiện mục tiêu chung của bài học. Mục tiêu càng cụ thể, rõ ràng bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Mục tiêu bài học phải được xác định trên cả ba mặt: kiến thức, kỹ năng và thái độ, từ đó định hướng phát triển năng lực (chung và chuyên biệt của bộ môn LS) và phẩm chất tốt đẹp cho HS.

Để đạt được mục tiêu đó, GV không chỉ khai thác triệt để kiến thức, nội dung trong SGK chương trình lớp 12, mà còn chọn lọc những tài liệu phản ánh nội dung TTDT theo TT HCM, để giáo dục tinh thần dân tộc cho HS. Đặc biệt trong nội dung kiến thức lớp 12 ở trường THPT, GV cần phải khai thác để HS hiểu biết toàn diện về LS dân tộc và thế giới nhưng phải chú trọng nhiều về LS dân tộc bởi kiến thức LS dân tộc là cơ sở chủ yếu để giáo dục tinh thần dân tộc cho HS. Vì vậy trong quá trình giảng dạy, GV cần phải xác định mục đích sử dụng, khai thác, chọn lọc nguồn kiến thức phù hợp để giáo dục cho HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh sao cho hiệu quả.

3.3.2. Lựa các biện pháp đảm bảo tính khoa học và phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh

Yêu cầu cơ bản của một giờ học là phải đảm bảo đươc ba yếu tố: trang bị cho HS hệ thống kiến thức cơ bản, rèn luyện kĩ năng bộ môn và giáo dục đạo đức, tư tưởng, tình cảm và phẩm chất tốt đẹp cho HS. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian nhất định, làm thế nào để giúp HS hiểu được kiến thức cơ bản, phổ thông, hệ thống và hiện đại, qua đó giáo dục được đạo đức, tư tưởng, tình cảm và hình thành năng lực thực hành cho HS? Đó là việc làm khó, đòi hỏi GV phải biết chọn lựa sự kiện cơ bản, chính xác, tiêu biểu để giúp HS khôi phục lại bức tranh quá khứ một cách sinh động, có hình ảnh như nó đã từng tồn tại.

Giáo dục tinh thần dân tộc và giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho HS trong quá trình DHLS ở trường THPT là việc làm cần thiết và thường xuyên trong mỗi giờ học. Nhưng tùy từng bài, từng nội dung kiến thức mà mỗi GV chọn lựa các biện pháp sao cho phù hợp, không quá nặng về các biện pháp giáo dục tư tưởng, tình cảm mà làm giảm đi yêu cầu về trang bị kiến thức và rèn luyện kĩ năng. Không phải bất cứ giờ học nào cũng có thể khai thác hay sử dụng tài liệu về tinh thần dân tộc cho HS, như vậy sẽ máy móc, khô cứng và làm giảm đi hứng thú cho giờ dạy.

Bên cạnh tính khoa học cần đảm bảo tính vừa sức trong giờ học. *"Tính* vừa sức *là phải nói tới sự phù hợp giữa việc giảng dạy với đặc điểm nhận thức, đặc điểm tâm lí của HS"* [99, 42]. Đối tượng và mục tiêu của hoạt động giáo dục là HS và quá trình nhận thức của các em. Các yếu tố của quá trình DH như xác định mục tiêu DH, nội dung kiến thức, đề xuất phương pháp, phương tiện DH, các hình thức kiểm tra, đánh giá đều phải phù hợp với đối tượng và khả năng nhận thức của HS. Vì vậy, đảm bảo tính vừa sức là một trong những nội dung quan trọng trong DH nói chung và trong DHLS nói riêng.

HS THPT chủ yếu từ 16 đến 18 tuổi đã có sự phát triển cả về thể chất và tinh thần. Với lứa tuổi này, HS có sự chuyển biến mạnh về tâm, sinh lý, đặc biệt là sự phát triển của tư duy lý luận và sáng tạo. HS không dễ dàng chấp nhận việc áp đặt kiến thức của GV, mà luôn bộc khả năng độc lập, tính tự giác, tích cực, chủ động trong quá trình chiếm lĩnh lĩnh hội kiến thức. Vì vậy, trong quá trình DH nói chung, giáo dục TTDT theo TT HCM cho HS nói riêng, cần chú trọng chọn lựa các biện pháp sư phạm phù hợp với đối tượng nhận thức.

3.3.3. Kết hợp linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học khác nhau

Trong quá trình DHLS nói chung, giáo dục TTDT theo TT HCM nói riêng không có phương pháp nào là *"vạn năng"*. Thực tiễn dạyhọc cho thấy, phải căn cứ vào mục tiêu DH, nội dung kiến thức và đối tượng nhận thức cũng như điều kiện về cơ sở vật chất của trường học để lựa chọn các phương pháp DH cho phù hợp. Vì vậy, trong khi giảng dạy, GV phải kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp, phương tiện DH khác nhau để tiến hành bài học hiệu quả. Qua đó, thực hiện mục tiêu bài học và mục tiêu giáo dục nói chung, giáo dục TTDT theo TT HCM nói riêng.

Mặt khác, con đường nhận thức LS là đi từ cung cấp sự kiện, đến tạo biểu tượng, hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút ra bài học LS, nên cần phải sử dụng hệ thống các PPDH để giúp HS chiếm lĩnh được hệ thống kiến thức cơ bản, giúp HS đi từ "biết" đến "hiểu" và "vận dụng" kiến thức một cách sáng tạo. Từ đó, phát triển tư duy nhận thức cho HS (tái tạo, trí tưởng tượng, phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa …). Đồng thời, phát triển toàn diện về năng lực và phẩm chất cho HS.

3.3.4. Phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức và tạo hứng thú cho học sinh

Yêu cầu của đổi mới PPDH nói chung và DHLS nói riêng, người GV trong quá trình DH làm sao phải phát huy được tính tích cực, hứng thú trong nhận thức của HS. Như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: "*LS đâu có phải là một chuỗi các sự kiện để người viết sử ghi lại, rồi người giảng sử đọc lại và người học sử thuộc lòng"*. Việc phát huy tính tích cực học tập của HS trong dạy hoc LS có ý nghĩa rất quan trọng, nó không chỉ giúp cho các em nhận thức độc lập sâu sắc bản chất của sự kiện LS, hoàn thiện nhân cách, đạo đức tốt, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn, mà còn rèn luyện óc tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động trong suy nghĩ và hành động của HS.

Việc giáo dục đạo đức, tư tưởng, nhân cách cho HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường phổ thông nói riêng, phải căn cứ vào thái độ và hành động của HS trong quá trình học tập. Vì vậy, GV không thể tiến hành cách DH truyền thụ một chiều thụ động, mà cần sử dụng các PPDH phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của HS trong quá trình nhận thức. Trên cơ sở HS chủ động chiếm lĩnh kiến thức sẽ tác động đến tư tưởng, tình cảm, tạo xúc cảm LS, từ đó đem đến hiệu quả giáo dục tốt hơn. Việc giáo dục TTDT theo TTHCM cho HS không thể tách rời những yêu cầu này. Tùy từng nội dung bài học, GV linh hoạt đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp để kích thích hoạt động tư duy của các em,

tăng thêm hứng thú, say mê học tập, làm cơ sở cho việc lĩnh hội tri thức đạt kết quả cao nhất.

Có nhiều cách khác nhau để nâng cao năng lực nhận thức của HS như DH nêu vấn đề; trao đổi, đàm thoại; sử dụng SGK; đồ dùng trực quan, đóng vai,... Về điều này, nhà giáo dục Trịnh Đình Tùng đã khẳng định: "*Sử dụng các biện pháp DH mềm dẻo, tổ chức tốt các hoạt động nhận thức của HS nhằm phát huy tính tích cực, độc lập của các em trong quá trình học tập. Kiến thức LS, hiệu quả GD chỉ đạt được khi bản thân các em tự giác lĩnh hội, tự mình suy nghĩ lựa chọn các giải pháp, các tình huống mà LS đặt ra"* [160, 5]. Như vậy, để GD TTDT theo TTHCM, GV cần phải đưa ra các biện pháp sao cho đảm bảo rằng biện pháp ấy phải phát huy cao độ được tính tích cực, độc lập trong nhận thức của HS, từ đó kích thích tư duy và hứng thú học tập ở HS.

3.3.5. Phải dựa trên cơ sở cung cấp sự kiện lịch sử cụ thể, chính xác

Đối với khoa học LS, sự kiện LS là xuất phát điểm, là nền tảng tạo biểu tượng LS, hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút ra bài học LS. Việc giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức nói chung, và giáo dục HS tinh thần dân tộc theo TTHCM chỉ có thể đạt được hiệu quả trên cơ sở hiểu được những sự kiện tiêu biểu, chính xác, khoa học. Qua đó, giúp cho HS có cái nhìn đúng đắn về mối quan hệ giữa quá khứ - hiện tại – tương lai, hiểu rõ được những giá trị tinh thần của ông cha để lại. Trong thực tế DH LS ở trường THPT cho thấy, việc GV hướng dẫn HS khai thác được triệt để nội dung kiến thức trong có tác dụng rất lớn trong việc giáo dục tinh thần dân tộc theo TTHCM. Đồng thời, làm cho bài giảng được khai thác theo chiều sâu, đảm bảo tính khoa học, logic.

Như vậy, giáo dục tinh thần dân tộc cho HS trong DH LS là nhiệm vụ tất yếu, đòi hỏi người GV phải thực hiện trong quá trình giảng dạy của mình. LS dân tộc Việt Nam là nguồn tư liệu quý giá mà người GV có thể khai thác được thông qua các khóa trình LS. Đặc biệt LS Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1975, tinh thần dân tộc được phát triển mang nội dung mới do ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh soi rọi. Xác định đúng đắn nội hàm ý nghĩa của khái niệm tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một việc làm cần thiết, định hướng cho GV xác định các biện pháp sư phạm trong quá trình khai thác nội dung LS để giáo dục đạo đức HS nói chung, giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng.

3.4. Các biện pháp giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học bài nội khóa trên lớp phần lịch sử Việt Nam (1919-1975)

TTDT là nội dung cốt lõi của TTHCM, nhưng trong chương trình LS ở trường THPT không có tiết dạy nào dành riêng cho nội dung này, theo đó cũng không có biện pháp sư phạm nào riêng biệt để giáo dục học sinh TTDT theo TTHCM. Vì vậy, để giáo dục TTDT theo TTHCM cho HS đạt kết quả tốt nhất, cần sử dụng linh hoạt, tổng hợp các hình thức, PPDH và biện pháp sư phạm khác nhau trong quá trình DH. Trong đó, đặc biệt chú trọng những hình thức và biện pháp có ưu thế để phát huy tính tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo trong chiếm lĩnh kiến thức và từ đó tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, tạo xúc cảm LS nói chung, giáo dục học sinh TTDT theo TTHCM nói riêng. Đồng thời, phải xem xét yêu cầu thực tiễn như: nội dung kiến thức cần giảng dạy, các yêu cầu từng bài, từng mục khác nhau; đối tượng HS (trình độ, thái độ, kỹ năng…); và phải nghiên cứu kỹ những mặt ưu và hạn chế của các PP và hình thức giảng dạy để có sự kết hợp phù hợp, hiệu quả nhất.

Trên cơ sở những vấn đề lí luận và thực tiễn của vấn đề GD TTDT theo TTHCM, chúng tôi nghiên cứu đề xuất các hình thức và biện pháp sư phạm trong quá trình DHLS Việt Nam (1919-1975) nhằm GD tinh thần dân tộc theo TTHCM cho HS.

3.4.1. Khai thác kiến thức lịch sử Việt Nam (1919-1975) để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung kiến thức LS Việt Nam (1919-1975) lớp 12 phản ánh bức tranh toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam, từ chính trị, kinh tế, đến văn hóa, giáo dục, quân sự, ngoại giao từ 1919 đến năm 2000 … Trong đó, có nhiều nội dung phản ánh nội dung của TTDT theo TTHCM. Tiêu biểu như Cương lĩnh chính trị; Luận cương chính trị; các văn kiện của Đảng thông qua các kì đại hội và hội nghị; các hiệp định, hiệp ước; Lời kêu gọi. Hoặc nội dung kiến thức LS liên quan đến vấn đề DT theo TTHCM như bối cảnh LS dẫn đến sự xuất hiện của sự kiện hay kết quả thắng lợi của các chiến thắng trên lĩnh vực quân sự, ngoại giao ... Vì vậy, tùy thuộc vào nội dung kiến thức LS phản ánh trực tiếp hay gián tiếp đến vấn đề DT theo TTHCM mà trong quá trình DHLS ở trường phổ thông GV cần khai thác triệt để kiến thức bằng các PPDH khác nhau. Trên cơ sở chiếm lĩnh kiến thức cơ bản của bài, HS biết xâu chuỗi, kết nối để hiểu được sâu sắc những biểu hiện về vấn đề DT theo TTHCM. Qua đó, thực hiện mục tiêu của bài học và môn học.

Kiến thức LS Việt Nam (1919-1975) thể hiện cơ bản trong SGK, bên cạnh đó

kênh hình trong SGK là một nguồn kiến thức quan trọng bổ trợ cho kênh chữ, có tác dụng khắc sâu kiến thức cơ bản, tạo nên những biểu tượng sinh động, rõ nét. Sự nhận thức của HS được kết hợp từ nhiều nguồn khác nhau (nghe, nhìn, phân tích, đánh giá ...) làm cho kết quả học tập của HS tốt hơn. Việc sử dụng sơ đồ Đari có vai trò rất quan trọng. Các phần chữ in nghiêng, hệ thống câu hỏi trong SGK luôn là những gợi ý rất quan trọng đối với GV và HS về việc xác định kiến thức cơ bản trong mỗi mục hay toàn bài, góp phần giúp GV trong suốt quá trình DH, là điểm tựa để GV xây dựng một hệ thống câu hỏi và giúp HS tự kiểm tra hoạt động nhận thức trong mỗi giờ học. Việc sử dụng câu hỏi trong SGK cũng rất phong phú: có thể sử dụng làm câu hỏi nêu vấn đề mang tính bài tập nhận thức ở ngay đầu giờ học; hoặc xây dựng thành hệ thống những câu hỏi gợi mở, dẫn dắt, tìm kiếm nội dung kiến thức trong quá trình bài giảng; hoặc để kiểm tra hoạt động nhận thức của HS ở cuối mục, cuối bài; hay ra bài tập về nhà. Đó là biện pháp quan trọng giúp HS chiếm lĩnh kiến thức LS và qua đó nâng cao hiệu quả giáo dục HS TTDT theo TTHCM.

Để khai thác triệt để kiến thức LSVN (1919 – 1975) nhằm GD học sinh TTDT theo TTHCM hiệu quả, qua mỗi bài học, GV hướng dẫn HS thực hiện các bước sau:

Một là, tự đọc SGK, phát hiện và lựa chọn những nội dung kiến thức có liên quan trực tiếp tới nội dung TTDT theo TTHCM.

Hai là, trao đổi thảo luận với bạn và GV để chủ động chiếm lĩnh nội dung kiến thức LS của bài học.

Ba là, GV hướng dẫn HS tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức trong SGK với nội dung TTDT theo TTHCM

Bốn là, từ việc chiếm lĩnh kiến thức LS và thấu hiểu nội dung TTDT, GV định hướng GD HS tinh thần dân tộc và gắn với tư tưởng Hồ Chí Minh một cách tự nhiên.

Năm là, GV chốt kiến thức cơ bản và nêu giá trị của nội dung LS đối với việc giáo dục HS TTDT theo TTHCM.

Để việc giáo dục TTDT theo TTHCM hiệu quả, GV cần sử dụng các PPDH, phương tiện DH phù hợp, gợi mở để HS chủ động phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, kết nối để tìm ra mối liên hệ với nội dung tinh thần dân tộc theo TTHCM.

Ví dụ, khi DH bài 13, SGK LS lớp 12, mục 2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước hết, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự đọc kĩ đoạn tư liệu trong SGK LS trang 88: "*Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng của Đảng là tiến hành "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Nhiệm vụ của cuộc cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong*

kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông; tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc; tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất. Lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức; còn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dan tộc bị áp bức và vô sản thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiền phong của giai cấp vô sản – sẽ giữ vai trò lanh đạo cách mạng". [17,88]

Tiếp đó, GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và hoàn thiện bài tập sau:

1,Điền tiếp những nội dung còn thiếu vào cột bên phải cho phù hợp.

Đường lối chiến lược cách mạng	……
Nhiệm vụ cách mạng	…….
Lực lượng cách mạng	…….
Lãnh đạo cách mạng	……..
Mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới	…….

2, Những nội dung đó thể hiện TTDT theo TTHCM ở những điểm nào ?

Đối với câu hỏi 1, HS cần hoàn thiện bảng thống kê như sau:

Đường lối chiến lược cách mạng	*Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*
Nhiệm vụ cách mạng	*Đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do*
Lực lượng cách mạng	*Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức*
Lãnh đạo cách mạng	*Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiền phong của giai cấp vô sản*
Mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới	*phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới*

Với câu hỏi 2, GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để xác định được những biểu hiện của TTDT theo TTHCM thông qua đoạn tư liệu trên. HS xác định được nội dung của TTDT theo TTHCM gồm: thực chất của vấn đề dân tộc ở các nước thuộc địa (như Việt Nam) là giải phóng dân tộc; nhiệm giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng giai cấp; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế. Đấu tranh giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ số một

của nhân dân Việt Nam dưới thời thuộc Pháp. Đó là những những nội dung cốt lõi của vấn đề DT theo TTHCM.

Như vậy, thông qua việc khai thác triệt để nội dung của bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên, HS không chỉ hiểu được sâu sắc đường lối cách mạng Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc thông qua trong Hội nghị thành lập Đảng, đánh giá được vai trò của Người đối với cách mạng Việt Nam, mà còn giáo dục HS lòng kính trọng, biết ơn đối với Hồ Chí Minh – Người trực tiếp sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Qua đó, giáo dục HS TTDT theo TTHCM và giúp HS thấu hiểu giá trị của nền độc lập dân tộc. Đồng thời, rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng SGK trong học tập; kĩ năng đánh giá sự kiện, nhân vật lịch.

Hay, khi DH mục 2. *Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng* (bài 18-SGK LS lớp 12), GV yêu cầu HS đọc kĩ đoạn trích Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ Tịch (trang 131): "*Chúng ta muốn hòa bình, chung ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa! Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ…*

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gướm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước …". [17,131]

Tiếp đó, GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hãy nêu nội dung cơ bản của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến?
2. Những nội dung đó phản ánh TTDT theo TTHCM như thế nào?
3. Tác dụng của Lời kêu gọi đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam?

Với câu hỏi 1, HS dựa vào tư liệu trên khái quát được nội dung cơ bản của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ Tịch phát động tối 19/12/1946 là: tố cáo sự phản bội và âm mưu cướp nước ta của thực dân Pháp; khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam. Đồng thời, thể hiện quyết tâm sắt đá của dân tộc Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi để bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Với câu hỏi 2, HS hiểu được vấn đề độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của Việt Nam, nên bằng mọi giá, nhân dân Việt Nam phải bảo vệ được nền độc lập. Đó là tư tưởng cốt lõi của TTDT theo TT HCM. Đồng thời, truyền

thống đoàn kết dân tọc cũng là biểu hiện nổi bật trong vấn đề dân tộc của HCM.

Từ đó, HS tự rút ra được tác dụng của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của HCM. Đó vừa là đường lối kháng chiến đúng đắn, vừa là vũ khí tinh thần cổ vũ toàn thể dân tộc tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp để bảo vệ độc lập Tổ quốc. Qua đó, giáo dục cho HS niềm tự hào về truyền thống yêu nước, đoàn kết, lòng tran trọng đối với nền độc lập đang được thụ hưởng và có ý thức trong học tập và cuộc sống. Đồng thời, giáo dục HS lòng biết ơn đối với Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

Để kiểm nghiệm tính khả thi của biện pháp sư phạm, chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm từng phần mục 2. *Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng* (bài 18-SGK LS lớp 12) tại trường THPT THPT Giao Thủy- Nam Định do cô Đoàn Thị Thu trực tiếp giảng dạy. Chúng tôi chọn hai lớp 12B10 là lớp thực nghiệm và lớp 12A2 làm lớp đối chứng. Sĩ số và trình độ nhận thức của HS hai lớp này ngang nhau, lớp 12B10 có 50 HS, lớp 12A2 có 50 HS, bao gồm cả những HS có học lực giỏi, khá, trung bình, yếu tương đồng nhau. Như vậy, đây là một môi trường tốt, phù hợp để chúng tôi tiến hành giảng dạy thực nghiệm theo tinh thần đổi mới phương pháp DH đang được thực hiện.

Kết quả việc kiểm tra bài học như sau:

Bảng so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm

Lớp	Số HS	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu, kém
12B10 Thực nghiệm	50	13	24	12	1
Tỉ lệ	100%	26%	48%	24%	2%
12A2 Đối chứng	50	7	19	20	4
Tỉ lệ	100%	14%	38%	40%	8%

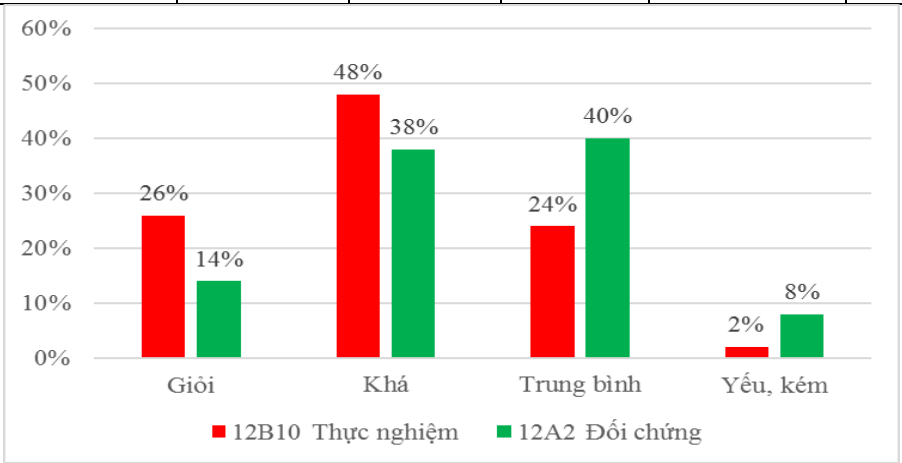

Biểu đồ so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm (đơn vị: %)

Kết quả thực nghiệm trên đây cho thấy sự chênh lệch giữa hai lớp đối chứng và lớp thực nghiệm khá rõ ràng. Trong đó, tỉ lệ HS đạt điểm cao ở lớp thực nghiệm nhinhgr hơn lớp đối chứng. Điều đó chứng tỏ, biện pháp sư phạm chúng tôi đề xuất có tính khả thi và có thể vận dụng vào thực tiễn DH ở trường phổ thông.

Như vậy, khai thác triệt để nội dung kiến thức trong SGK theo phương pháp bộ môn là một biện pháp quan trọng để giáo dục đạo đức, tư tưởng HS nói chung, giáo dục HS TTDT theo TTHCM nói riêng. Điều quan trọng là, trong quá trình DH, GV phải hiểu sâu sắc nội dung TTDT theo TTHCM, từ đó tổ chức cho HS chủ động khám phá và chiếm lĩnh kiến thức LS. Đồng thời, kết nối và tìm ra những biểu hiện của nội dung TTDT theo TTHCM. Từ đó, tác động đến tư tưởng, tình cảm của các em và định hướng thái độ, hành động đúng cho HS. Biện pháp giáo dục TTDT theo TTHCM qua khai thác nguồn kiến thức trong SGK chính là thực hiện nguyên tắc giáo dục phải gắn liền với kiến thức cơ bản, không giáo dục chung chung, hình thức.

3.4.2. Khai thác tài liệu tham khảo về vấn đề dân tộc để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo là nguồn kiến thức quan trọng góp phần bổ sung, cụ thể hóa cho kiến thức trong SGK. Sử dụng tài liệu tham khảo trong DHLS có ý nghĩa quan trọng với viêc khôi phục và tái hiện hình ảnh quá khứ, là căn cứ khoa học, bằng chứng về tính chính xác, tính cụ thể của sự kiện, là cở sở để học sinh nắm vững bản chất của lịch sử, tăng hứng thú học tập bộ môn. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục đạo đức, tư tưởng cho học sinh.

Trong DHLS ở trường THPT, cần sử dụng nhiều loại TLTK như tài liệu lịch sử (văn kiện Đảng, Nhà nước; các tác phẩm của các tác gia kinh điển, lãnh tụ quốc gia..); tài liệu văn học; tài liệu tham khảo khác ... Tùy vào mục tiêu bài học, nội dung kiến thức, trình độ nhận thức của HS và khả năng của GV để lựa chọn ngườn TLTK cho phù hợp. Để giáo dục HS TTDT theo TTHCM đạt hiệu quả tốt, trong quá trình DH, GV cần khai thác và sử dụng nhiều nguồn TLTK khác nhau. Trong đó, sử dụng văn kiện Đảng và tài liệu của HCM về vấn đề dân tộc có ưu thế nổi bật.

3.4.2.1 Sử dụng văn kiện Đảng về vấn đề dân tộc để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử

Theo Từ điển Tiếng Việt, "*Văn kiện là văn bản có ý nghĩa quan trọng về xã hội, chính trị*". [146, 1697] Văn kiện Đảng là những văn bản quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam, phản ánh đường lối chiến lược, sách lược và hoạt động cách mạng của Đảng ở mỗi thời kỳ LS. Văn kiện Đảng được coi là tài liệu gốc có giá trị to

lớn trong việc định hướng hoạt động của quốc gia, có giá trị tư tưởng sâu sắc.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn gắn liền với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Vì vậy, sử dụng văn kiện Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong DH LS nói chung, giáo dục HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS Việt Nam từ 1919 đến 1975 ở trường THPT nói riêng.

Văn kiện của Đảng là căn cứ khoa học quan trọng để bổ sung, hoàn thiện, củng cố, khắc sâu kiến thức LS dân tộc. Sử dụng văn kiện Đảng góp phần phát triển tư duy độc lập, sáng tạo của HS (kỹ năng so sánh, phân tích, đối chiếu các nguồn tài liệu, kĩ năng đánh giá sự kiện, nhân vật LS). Từ đó, giáo dục HS thái độ trân trọng, biết ơn đối với vai trò lãnh đạo của Đảng.

Để khai thác hiệu quả nguồn tư liệu từ văn kiện Đảng, qua đó giáo dục HS TTDT theo TTHCM trong quá trình DH các bài nội khóa trên lớp, GV cần tiến hành các bước như sau:

- Giới thiệu tên văn kiện Đảng.
- Hướng dẫn HS đọc nội dung tư liệu văn kiện Đảng phản ánh những biểu hiện khác nhau về nội dung của TTDT theo TTHCM.
- Tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức LS phản ánh qua văn kiện với nội dung giáo dục TTDT theo TTHCM.
- Phân tích tác dụng của văn kiện đó đối với HS về kiến thức, kĩ năng và thái độ. Từ đó, nêu lên giá trị LS của văn kiện Đảng và thực hiện mục tiêu giáo dục TTDT theo TTHCM cho HS một cách tự nhiên, hiệu quả.

Ví dụ, khi DH bài 16, (SGK LS lớp 12), mục 3. *Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941)*, GV tổ chức cho tìm hiểu nội dung của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII (10 đến 19/5/1941, tại Pác Bó – Cao Bằng).

Trước hết, GV yêu cầu HS tự đọc đoạn trích trong Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 7 (1940 – 1945), NXB CTQG, HN:

"*Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật [46,112]. "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận,*

giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc" [46. 113]. Hội nghị chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc không phải chung trên toàn Đông Dương mà trong phạm vi từng nước ở Đông Dương, để "*làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân (hơn hết là dân tộc Việt Nam)*"[46,122]. Hội nghị cũng đặc biệt nhấn mạnh đến sự đoàn kết ba dân tộc ở Đông Dương trong một chiến lược chống kẻ thù chung Pháp - Nhật và tay sai, giành độc lập ở từng dân tộc, coi đó là vấn đề sống còn của ba dân tộc. "*Những dân tộc sống ở Đông Dương đều chịu dưới ách thống trị của giặc Pháp - Nhật, cho nên muốn đánh đuổi chúng nó không chỉ dân tộc này hay dân tộc kia mà đủ, mà phải có một lực lượng thống nhất của tất thảy các dân tộc Đông Dương họp lại*" [46, 114].

Tiếp đó, GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi:

1. Nêu nội dung chủ yếu của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII?
2. Nội dung đó phản ánh TTDT theo TTHCM ở những điểm nào?
3. Ý nghĩa của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII đối với cách mạng Việt Nam?

Với câu hỏi 1, HS dựa vào nội dung của những đoạn trích trên, nêu được nội dung cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII là xác định nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của cách mạng Đông Dương là giải phóng dân tộc; chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước ở Đông Dương; chủ trương mở rộng khối đoàn kết các dân tộc trong nước và đoàn kết với Lào, Cam-pu-chia trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp để giành độc lập dân tộc.

Với câu hỏi 2, trên cơ sở nội dung của Hội nghị, HS vận dụng hiểu biết của mình để xác định được những biểu hiện của TTDT theo TTHCM. Đó là: thực chất của vấn đề dân tộc ở Đông Dương là giải phóng dân tộc, đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc; đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế là cơ sở nền tảng, nguồn gốc dẫn đến thắng lợi của cách mạng.

Với câu hỏi 3, HS đánh giá được ý nghĩa và tầm vóc của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII là hội nghị đã phát triển, hoàn chỉnh những chủ trương được đề ra ở Hội nghị Trung ương (tháng 11-1939) và (tháng 11-1940). Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 5-1941 đã phát triển sáng tạo lý luận về cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa, tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc như nước ta; Hội nghị đánh dấu sự hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng, xác định sách lược cách

mạng đúng đắn, có tác dụng quyết định trong việc vận động toàn Đảng, toàn dân tích cực chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám 1945.

Thông qua khai thác nguồn tư liệu của văn kiện Đảng, giúp HS hiểu được sâu sắc nội dung đường lối chỉ đạo chiến lược của Đảng, hiểu được sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng trong việc điều chỉnh sách lược cách mạng phù hợp với tình hình, nhiệm vụ trong từng thời điểm cụ thể. Qua đó, rèn luyện cho HS kĩ năng khai thác và sử dụng tư liệu tham khảo trong quá trình học tập, kĩ năng trình bày và đánh giá sự kiện LS; kĩ năng đánh giá vai trò lãnh đạo cảu Đảng và Hồ Chí Minh đối với cách mạng. Đồng thời, giáo dục HS lòng kính trọng biết ơn đối với Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh. Đặc biệt là, thông qua chiếm lĩnh kiến thức LS để giáo dục đạo đức tư tưởng HS nói chung và TTDT theo TTHCM nói riêng một cách tự nhiên, hiệu quả.

Để kiểm nghiệm tính khả thi của biện pháp này, chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm từng phần mục 3. *Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941).* bài 16, (SGK LS lớp 12), do cô giáo Hoàng Thị Thu Thủy, trường THPT Chuyên Bắc Ninh giảng dạy tại lớp 12 Văn và 12 Anh. Kết quả việc kiểm tra bài học TNSP như sau :

Bảng so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm

Loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Bài	%	Bài	%	Bài	%	Bài	%
Thực nghiệm 12 Văn (35HS)	8	22,86	17	48,57	10	28,57	0	0
Đối chứng 12 Anh (35HS)	5	14,28	15	42,85	13	37,1	4	11,4
Mức chênh lệch	3	8,57	2	5,71	3	8,57	4	11,42

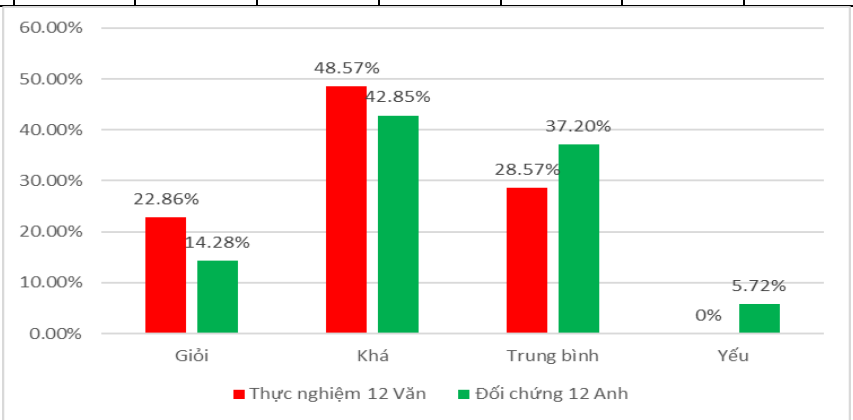

Biểu đồ so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm (đơn vị: %)

Từ kết quả thực nghiệm chúng tôi khẳng định, nhận thức của HS lớp thực nghiệm khá hơn HS lớp đối chứng. Điều đó có nghĩa là biện pháp trên có tác dụng hướng dẫn HS khắc sâu kiến thức của bài học, là cơ sở để giáo dục đạo đức HS nói chung, TTDT theo TTHCM nói riêng, có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn DHLS ở trường PT.

Như vậy, văn kiện Đảng là nguồn tư liệu gốc quý giá, vừa phản ánh nội dung khoa học, chính xác của LS, vừa mang tính Đảng, tính giai cấp sâu sắc, có tác dụng định hướng hành động, là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam. Văn kiện Đảng rất đa dạng và phong phú, phản ánh trung thực LS Việt Nam trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có nội dung của TTDT theo TTHCM. Theo đó, trong quá trình LS nói chung, LSVN 1919 – 1975 nói riêng, GV cần hướng dẫn HS khai thác triệt để nguồn tư liệu này để góp phần cụ thể hóa, làm phong phú, sâu sắc nội dung kiến thức LS dân tộc. Qua đó thực hiện mục tiêu DH nói chung (kiến thức, kĩ năng, thái độ), cục tiêu giáo dục HS TTDT theo TTHCM một cách hiệu quả.

Để khai thác nguồn tư liệu văn kiện Đảng đạt kết quả tốt, trong quá trình DH, GV phải căn cứ vào mục tiêu bài học, nội dung kiến thức cơ bản trong SGK, khả năng nhận thức của HS và thời lượng của tiết học để lựa chọn nguồn tư liệu văn kiện Đảng cho phù hợp với nội dung kiến thức LS dân tộc; tránh việc sử dụng tài liệu quá ôm đồm, làm cho bài LS dân tộc thành bài LS Đảng, hoặc biến giờ học thành buổi nghiên cứu tài liệu, văn kiện tại lớp. Đồng thời, phải sử dụng các PPDH theo đặc trưng của bộ môn để hướng dẫn HS tích cực, chủ động chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kĩ năng. Qua đó, giáo dục đạo đức, tư tưởng, hình thành phẩm chất, nhân cách tốt đẹp cho HS, trong đó có giáo dục TTDT theo TTHCM.

3.4.2.2 Sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một kho tàng tư liệu đồ sộ. Những tác phẩm, bài viết của Người đã tập hợp thành bộ Hồ Chí Minh, Toàn tập, đúc kết thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. *"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết qủa của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về*

sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc." [48,84] Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (1/2011) tiếp tục khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh *"là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi" [50,88]*

Như vậy, tư tưởng cốt lõi trong TTHCM là vấn đề DT: tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập DT gắn liền với chủ nghĩa xã hội, về sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết DT. Quan điểm tư tưởng cốt lõi của Hồ Chí Minh về vấn đề DT đã chi phối trong nhiều tác phẩm của Người. Tài liệu của HCM về vấn đề DT là sự phản ánh khách quan, khoa học về bức tranh của quá khứ LS. Đồng thời, thể hiện lập trường quan điểm giai cấp đúng đắn, phương pháp luận duy vật biện chứng, không chỉ giúp HS hiểu sâu sắc kiến thức LS, đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng, mà còn trang bị cho các em phương pháp luận khoa học, bồi dưỡng HS thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng. Qua đó, góp phần phát triển phẩm chất, đạo đức, nhân cách tốt đẹp cho HS. Vì thế, việc khai thác nguồn tài liệu của HCM có ý nghĩa quan trọng trong quá trình DH LS ở trường phổ thông nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng. Trong quá trình giảng dạy GV cần phải lưu ý chọn lọc và khai thác các nguồn tài liệu sao cho phù hợp với mục tiêu đề ra và để giờ học trở nên phong phú, hấp dẫn.

Để sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu HCM về vấn đề dân tộc, GV cần tiến hành như sau:

- Trước hết, xác định nội dung kiến thức trong SGK cần thiết phải sử dụng tài liệu HCM về vấn đề dân tộc.
- Cung cấp nguồn tư liệu của HCM về vấn đề DT cho HS hoặc hướng dẫn địa chỉ để HS chủ động tìm kiếm tư liệu.
- Tổ chức cho HS làm việc với nguồn tư liệu của HCM bằng nhiều hình thức (cá nhân; cặp đôi, nhóm).
- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức cơ bản. Phân tích giá trị của tài liệu đối với bài học.

Ví dụ, khi dạy Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, khi tìm hiểu nội dung bản "*Tuyên ngôn Độc lập*" do Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc trong buổi mít tinh ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình – Hà Nội, GV yêu cầu HS đọc cá nhân đoạn tư liệu sau:

Tư liệu 1: …*"Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa" [123;701-702]*. Tư liệu 2: *…"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy"…* [123; 55].

Tiếp đó, GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, trao đổi 2 câu hỏi:

1. Những tư liệu trên nói lên điều gì? Những tư liệu đó phản ánh TTDT theo TTHCM như thế nào?
2. Tác dụng của bản Tuyên ngôn Độc lập đối với dân tộc Việt Nam?

Với câu hỏi 1, HS nghiên cứu kĩ những tư liệu 1 để hiểu được, bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh khẳng định thành quả của Cách mạng Việt Nam đến năm 1945 bằng thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã đập tan ách thống trị của phát xít Nhật, thực dân Pháp và chế độ phong kiến lạc hậu phản động hàng ngàn năm, giành độc lập dân tộc, mở ra kỉ nguyên mới cho nhân dân Việt Nam – kỉ nguyên độc lập. Đưa người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh DT mình. Đó là sự thể hiện sinh động quan điểm về vấn đề dân tộc theo TTHCM. Đó là độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất cả xâm phạm của các quốc gia DT. Từ đó, GD cho HS ý thức về giá trị của nền độc lập, biết trân trọng những thành quả của cha ông đem lại và hiện nay các em đang được thụ hưởng.

Với tư liệu 2, HS hiểu được, việc giành độc lập đã khó, giữ độc lập càng khó hơn. Vì vậy, ngay khi tuyên bố với thế giới nền độc lập vừa giành được, thì dân tộc Việt Nam thể hiện quyết tâm sắt đá của toàn thể dân tộc Việt Nam, quyết đoàn kết một lòng, sẵn sàng hi sinh cả tính mạng để bảo vệ nền tự do độc lập. Đó là tư tưởng xuyên suốt của HCM về vấn đề dân tộc. Từ đó, giúp HS nhận thức được giá trị to lớn của nền độc lập và xác định trách nhiệm của mình trong việc trân trọng và giữ gìn nền độc lập dân tộc. Đồng thời, thấu hiểu giá trị của truyền thống đoàn kết dân tộc trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Đó là một biểu hiện cốt lõi của vấn đề DT theo TTHCM.

Với câu hỏi 2, HS tự đánh giá được giá trị của bản Tuyên ngôn Độc lập đối với dân tộc Việt Nam. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do, là văn bản pháp lý khẳng

định nền độc lập của dân tộc Việt Nam. Bản Tuyên ngôn đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước do nhân dân làm chủ, mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

Trong quá trình dạy học LSVN ở trường THPT, chúng tôi luôn căn cứ vào nội dung kiến thức cơ bản của SGK phản ánh những biểu hiện khác nhau về vấn đề DT theo TTHCM, làm cơ sở lựa chọn và khai thác hợp lí nguồn tư liệu tham khảo nói chung, TL của HCM về vấn đề DT nói riêng. Từ đó, hướng dẫn HS chiếm lĩnh kiến thức lịch sử cơ bản và giáo dục HS TTDT theo TTHCM một cách tự nhiên và hiệu quả.

Để kiểm nghiệm tính khả thi của biện pháp, chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm từng phần mục IV – *Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập* (2/9/1945) tại trường THPT Ngô Quyền, tỉnh Nam Định, do cô giáo Trần Thị Lan Phương dạy lớp 12 G. Lớp đối chứng là 12C. Kết quả thực nghiệm như sau:

Bảng so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm

Loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Bài	%	Bài	%	Bài	%	Bài	%
Thực nghiệm 12G (45HS)	9	20,00	13	28,89	22	48,89	1	2,22
Đối chứng 12C (45HS)	3	6,67	10	22,22	25	55,56	7	15,56
Mức chênh lệch	6	13,33	3	6,67	3	6,67	6	13,33

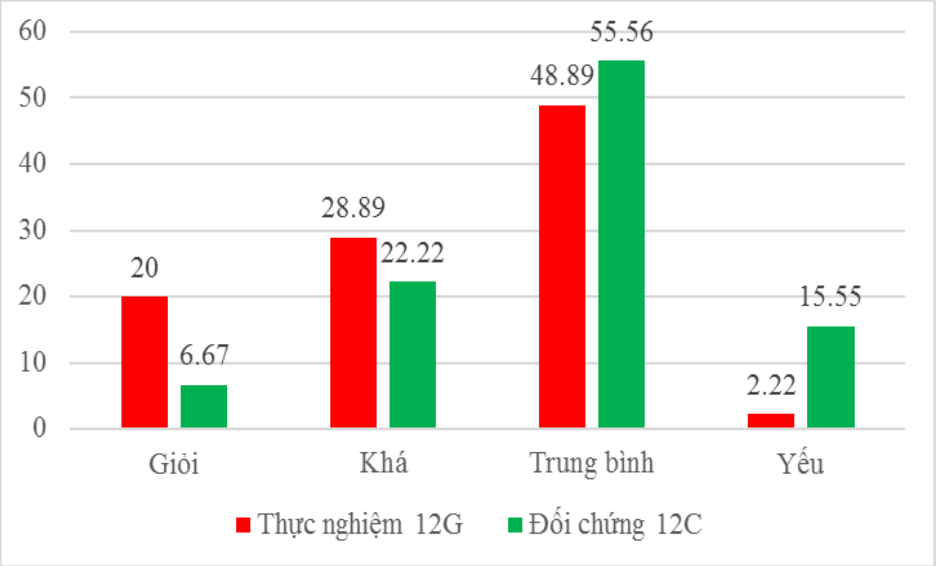

Biểu đồ so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm (đơn vị: %)

Qua bảng so sánh, chúng tôi thấy kết quả nhận thức của lớp thực nghiệm tốt hơn so với lớp đối chứng. Điều đó chứng tỏ tính hiệu quả bước đầu của biện pháp sư phạm đề ra.

Như vậy, từ việc nghiên cứu tài liệu HCM, HS không chỉ hiểu sâu sắc nội dung và giá trị của bản Tuyên ngôn Độc lập, mà còn thấu hiểu giá trị của nền độc lập mà dân tộc ta giành được. Từ đó, hiểu được tư tưởng cốt lõi về vấn đề DT của HCM là độc lập dân tộc và quyền tự do của con người. Đồng thời, có ý thức tran trọng và bảo vệ nền độc lập, hòa bình hiện nay của đất nước.

Để sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu của HCM nói chung, về TTDT theo TTHCM nói riêng, trong quá trình DHLS ở trường phổ thông, GV cần lựa chọn những tài liệu vừa phản ánh nội dung kiến thức LS dân tộc, vừa chứa đựng nội dung TTDT. Từ đó, hướng dẫn HS đối chiếu, tìm ra mối liên hệ của kiến thức. Từ đó, giúp HS chiếm lĩnh kiến thức cơ bản và giáo dục TTDT theo TTHCM một cách tự nhiên, không máy móc, khiên cưỡng. Việc sử dụng tài liệu của HCM về vấn đề DT chỉ đạt hiệu quả thực sự khi GV kết hợp đa dạng, linh hoạt với các PPDH khác nhau. Trong đó, kết hợp với trao đổi đàm thoại và đồ dùng trực quan có ưu thế lớn.

3.4.3. Tổ chức học sinh trao đổi thảo luận để tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với nội dung vấn đề dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giờ học.

Trong thực tiễn dạy học lịch sử ở trường THPT, không có tiết học nào dành riêng cho việc giáo dục HS tinh thần DT theo TTHCM, mà là thông qua việc chủ động khám pá và chiếm lĩnh kiến thức LS, HS đối chiếu, kết nối, tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức LS với nội dung của vấn đề DT theo quan điểm của HCM. Từ đó, hiểu được sâu sắc giá trị của TTDT theo tư tưởng của Người. Vì vậy, trao đổi thảo luận là một PPDH rất quan trọng góp phần vào việc khích lệ HS tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo trong quá trình chiếm lĩnh kiến thức, phát hiện ra mối liên hệ giữa kiến thức LS với vấn đề DT. Qua đó, thực hiện mục tiêu bài học và nâng cao ý thức giáo dục HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng không khiên cưỡng, máy móc.

Trao đổi là "*bàn bạc ý kiến với nhau để đi đến thống nhất*" [146,1585]. Trao đổi thảo luận là trao đổi ý kiến, có phân tích lý lẽ để làm sáng tỏ một vấn đề mà nhiều người cùng quan tâm. Thảo luận đồng nghĩa với bàn bạc, bàn luận, bàn thảo, đàm luận, luận bàn. Trao đổi đàm thoại là PPDH trong đó "*GV đặt ra những câu hỏi để HS trả lời, hoặc có thể tranh luận với nhau và với GV, qua đó HS lĩnh hội được nội dung bài học*" [14,16]. PP trao đổi đàm thoại còn gọi là PP vấn đáp đàm thoại,

đây là PP rất có ưu thế trong việc hình thành kiến thức dựa trên hoạt động tư duy tích cực, độc lập của HS, qua đó rèn luyện cho HS sự tự tin, khả năng diễn đạt một vấn đề LS trước tập thể. Đồng thời tạo nên không khí lớp học sôi nổi và tăng hứng thú học tập, HS hiểu bài vì vậy sẽ yêu thích môn học hơn.

Việc tổ chức trao đổi thảo luận trong quá trình DH LS góp phần quan trọng vào việc phát triển chung cho HS như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự học và tự chủ. Đồng thời, phát triển năng lực chuyên biệt của bộ môn LS như năng lực tìm tòi và khám phá LS, năng lực nhận thức LS, năng lực vận dụng và thực hành cho HS. Đặc biệt, thông qua trao đổi thảo luận giúp học sinh, tích cực, chủ động, tự tin trong học tập, phát triển tư duy phản biện cho HS; giúp giáo viên xóa tan bầu không khí ảm đạm, gò bó, căng thẳng của học sinh nếu như giờ học chỉ "đọc, chép", truyền thụ kiến thức một chiều của GV.

Việc trao đổi thảo luận cần tập trung vào những kiến thức cơ bản trọng tâm của bài học. Câu hỏi phải có tác dụng kích thích tư duy, mong muốn tìm tòi, khám phá kiến thức mới cho HS như câu hỏi yêu cầu so sánh, giải thích, hoặc nhận xét, đánh giá, vận dụng, liên hệ kiến thức vào thực tiễn cuộc sống.

Trao đổi, thảo luận tại lớp tạo cơ hội cho tất cả HS tham gia phát biểu ý kiến, tăng cường tương tác giữa những người học với nhau, kích thích tính chủ động suy nghĩ và tinh thần trách nhiệm trong học tập. Đồng thời, tạo điều kiện để HS chia sẻ kiến thức cho nhau, giúp các em tự kiểm tra, đánh giá việc học tập và tự khẳng định mình, tạo không khí sôi nổi trong giờ học.

Trong quá trình TNSP, chúng tôi tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận ở tất cả các khâu của quá trình DH. Đối với loại trao đổi tái hiện, GV HS có thể nhớ lại kiến thức đã học, hệ thống hóa kiến thức cũ, giúp cho việc tiếp thu kiến thức mới tốt hơn, tạo nên tính lôgic của hệ thống kiến thức LS. Bên cạnh đó, trong nghiên cứu kiến thức mới việc sử dụng trao đổi tìm tòi phát hiện cũng được vận dụng. Đây là một dạng trao đổi quan trọng, giúp phát triển tư duy HS trong quá trình nhận thức, qua đó HS giải quyết những nhiệm vụ học tập phức tạp. Có thể là một vấn đề lớn, mà muốn giải quyết được, đòi hỏi GV phải đặt ra một số câu hỏi gợi mở để hướng dẫn HS phát hiện và chiếm lĩnh từng phần nội dung kiến thức, làm cơ sở để giải quyết được vấn đề lớn đặt ra. Trao đổi phân tích được tiến hành trên cơ sở trao đổi tái hiện, tìm tòi phát hiện. Các thao tác của tư duy như phân tích, so sánh, đi sâu vào bản chất bên trong của các sự kiện, hiên tượng LS,.. được HS sử dụng để tìm ra những dấu hiệu bản chất nhất của chúng và rút ra những nhận định, đánh giá, kết luận mang tính

khách quan. Trao đổi kiểm tra, ôn tập, tổng kết giữ vai trò quan trọng trong quá trình củng cố kiến thức, góp phần nâng cao nhận thức về KN, quy luật, bài học LS và khả năng vận dụng kiến thức vào học tập, thực tiễn.

Để giáo dục HS TTDT theo TTHCM thông qua DH LS, GV có thể trong các khâu của quá trình DH, từ kiểm tra bài cũ, nghiên cứu kiến thức mới, củng cố, luyện tập, vận dụng. Cụ thể:

-Đặt câu hỏi nêu vấn đề mang tính bài tập nhận thức để tổ chức cho HS trao đổi thảo luận, định hướng cho HS chuẩn bị nghiên cứu kiến thức mới.

-Tổ chức cho HS tự nghiên cứu và trao đổi, thảo luận để tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức LS với biểu hiện của vấn đề DT theo quan điểm của HCM, thông qua nhiều hình thức khác nhau như làm việc cá nhân kết hợp với trao đổi cặp đôi, theo nhóm hay toàn lớp.

-GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, nhóm, góp ý, sửa chữa, bổ sung, chốt kiến thức cơ bản của mục, bài. Đồng thời, nêu lên giá trị của sự kết nối kiến thức LS với giáo dục đạo đức HS về vấn đề DT theo TTHCM.

Trong quá trình dạy học trực tiếp ở trên lớp, chúng tôi luôn chú trọng tổ chức cho HS trao đổi thảo luận trên cơ sở kết hợp với các PPDH khác nhau, theo nguyên tắc HS phải được tham gia vào quá trình chủ động khám phá kiến thức LS, tìm ra được mối liên hệ giữa kiến thức LS với những biểu hiện khác nhau của vấn đề DT theo quan điểm của HCM. Từ đó, chiếm lĩnh kiến thức cơ bản của bài và tự ý thức được giá trị của việc giáo dục đạo đức nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng.

Ví dụ: khi DH mục 3. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, bài 12, SGK lớp 12, GV nêu vấn đề để HS thảo luận: "Vì sao cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, trong khi hầu hết các chí sĩ yêu nước Việt Nam đều tìm con đường sang các nước châu Á để tìm đường giải phóng dân tộc, nhưng Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn sang phương Tây? Vì sao Nguyễn Ái Quốc khẳng định "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"? Với cách nêu vấn đề như vậy sẽ đặt HS vào sự mâu thuẫn của nhận thức, sự cản trở của tư duy, với kiến thức cũ không thể trả lời được, đòi hỏi HS phải tìm hiểu, khám phá kiến thức mới để giải quyết vấn đề đặt ra. Như vậy, với bài tập nhận thức được đặt ra ở đầu giờ học có tác dụng kết nối kiến thức đã học với kiến thức sẽ học, gây sự tò mò, chú ý và mong muốn của HS tìm hiểu kiến thức mới. Đồng thời, tập trung sự chú ý ngay từ đầu và định hướng HS vào việc tìm hiểu, chiếm lĩnh kiến thức cơ bản của bài.

Tiếp đó, để tổ chức hoạt động hình thành kiến thức cho HS, GV có thể đưa ra hệ thống câu hỏi nhỏ để hướng dẫn HS giải quyết nội dung từng phần của bài học. Ví như: (1) Bối cảnh thời đại có tác động gì đến quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc? (2) Vì sao các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX thất bại? (3) Sự thất bại đó đặt ra yêu cầu gì? (4) Vì sao Nguyễn Ái Quốc quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước? (5) Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc diễn ra như thế nào từ năm 1911 đến năm 1920? (6) Kết quả của quá trình đó? Trả lời được những câu hỏi này giúp HS hiểu được sâu sắc bối cảnh quốc tế tác động và trong nước tác động đến con đường cứu nước của Người. Hiểu được nguyên nhân thất bại của phong trào Cần vương, phong trào nông dân và phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản của Phan Bội Châu (dựa vào Nhật để đánh Pháp), Phan Châu Trinh (dựa vào Pháp để canh tân đất nước). Đồng thời, hiểu được Nguyễn Ái Quốc sinh ra trong một gia đình và quê hương có truyền thống yêu nước từ lâu đời, cùng với lòng yêu nước thiết tha, lòng cănm thù giặc sâu sắc và khát vọng giải phóng đồng bào đã tạo động cơ thúc giục Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây, mà trực tiếp là Pháp để tìm con đường cứu nước mới nhằm lập đổ ách thống trị của đế quốc Pháp và chế độ phong kiến phản động, đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam. Đó là tư tưởng xuyên suốt vấn đề dân tộc của Người.

Trong hành trình đi tìm con đường cứu nước mới, (1911 – 1920), Nguyễn Ái Quốc đã đi nhiều nước, làm nhiều việc. Người sang phương Tây tìm đường cứu nước với mong muốn, hiểu rõ kẻ thù đang thống trị dân tộc mình (thực dân Pháp) để tìm ra chân lí cứu nước. Tháng 7/1920, khi đọc *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Đó là con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*". Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Người, mở ra một con đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Như vậy, từ việc hiểu được bối cảnh lịch sử, hành trình tìm đường cứu nước và kết quả hoạt động cách mạng của Người từ năm 1911 đến 1920 sẽ giúp HS tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức LS với biểu hiện về vấn đề DT theo quan điểm của Người. Đây là nhiệm vụ trực tiếp, cơ bản, cốt lõi của cách mạng Việt Nam dưới thời thuộc địa; là minh chứng cho quan điểm của Người về vấn đề dân tộc.

Để kiểm nghiệm tính khả thi của biện pháp, chúng tôi tiến hành thực nghiệm

sư phạm từng phần mục 3. *Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc*, bài 12, SGK lớp 12 do cô giáo Nguyễn Thị Dung trực tiếp giảng dạy tại trường THPT Nguyễn Trãi (Thường Tín – Hà Nội), với lớp thực nghiệm là 12D1 và lớp đối chứng là 12 D2. Nội dung thực nghiệm là tổ chức cho HS trao đổi đàm thoại những câu hỏi liên quan đến động cơ, hoạt động và kết quả của quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920. Kết quả thực nghiệm như sau:

Bảng so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm

Loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Bài	%	Bài	%	Bài	%	Bài	%
Thực nghiệm 12D1 (45HS)	8	17,78	14	31,11	21	46,67	2	4,44
Đối chứng 12D2 (45HS)	4	8,89	10	22,22	24	53,33	7	15,56
Mức chênh lệch	4	8,89	4	8,89	3	6,67	5	11,11

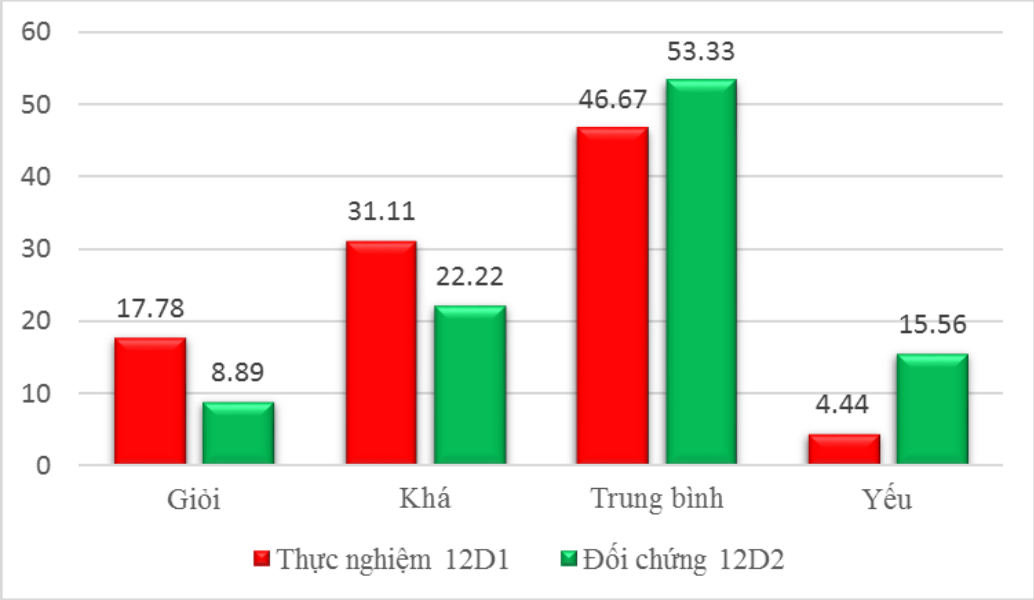

Biểu đồ so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm (đơn vị: %)

Từ bảng thống kê trên, cho thấy kết quả của lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng. Điều đó, cho phép chúng tôi khẳng định bước đầu việc sử dụng PP trao đổi đàm thoại không chỉ giúp HS đạt kết quả cao hơn về nhận thức, mà qua đó hiệu quả giáo dục TTDT theo TTHCM cũng thực chất hơn.

Để sử dụng phương pháp trao đổi thảo luận đạt kết quả tốt, trong quá trình DH LS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM cho HS nói riêng, GV cần lưu ý những

điểm sau:

- Cần xác định nội dung kiến thức cơ bản, quan trọng của bài có chứa đựng nội dung TTDT theo TTHCM để tổ chức cho HS trao đổi thảo luận.

- GV cần đầu tư xây dựng một hệ thống câu hỏi đảm bảo tính khoa học, hệ thống, vừa sức, phù hợp với yêu cầu bài học và đối tượng nhận thức và khả năng tư duy của HS. Trong đó, cần chú ý đến 3 mức độ nhận thức : biết – hiểu – vận dụng, đảm bảo tính "vừa sức", sao cho huy động được tối đa HS trong lớp tham gia vào quá trình học tập.

- Hình thức trao đổi thảo luận cần đa dạng, hấp dẫn, có sự kết hợp của các dạng hoạt động cặp đôi, nhóm, nhằm phát huy được tính tích cực, chủ động, độc lập và sáng tạo trong quá trình nhận thức.

- GV phải đóng vai trò vừa là cố vấn, trọng tài, hướng dẫn, giúp đỡ, nhận xét, góp ý và chốt lại kiến thức cơ bản sau khi HS đã trao đổi thảo luận.

Như vậy, thông qua việc GV đặt câu hỏi và tổ chức cho HS trao đổi thảo luận giúp HS tích cực, chủ động khám phá và chiếm lĩnh kiến thức mới, hiểu được sâu sắc kiến thức của bài học. Từ đó, hiểu được nội dung của vấn đề DT theo TTHCM và lí giải được vì sao nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ chiến lược, xuyên suốt tiến trình của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, phát triển kĩ năng tư duy phản biện, trình bày kiến thức và các năng lực cốt lõi như tự học, ghi nhớ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề…

3.4.4. Sử dụng câu chuyện lịch sử để giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử

Câu chuyện là *"sự việc hoặc chuyện được nói ra" [146,204]. Câu chuyện LS* là câu chuyện phản ánh các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, diễn ra trong quá khứ, nó khác với những câu chuyện bình thường trong đời sống hàng ngày. Câu chuyện LS thường có chủ đề, có tình tiết, cốt truyện gắn liền với các sự kiện, thời gian, không gian và nhân vật LS cụ thể. Câu chuyện LS có thể hiểu là những mảnh sự kiện, biến cố LS liên quan đến nội dung bài học, có khi là những tình tiết liên quan đến các nhân vật LS, hoặc là giải thích cho một cái tên, một địa danh, cho một khái niệm, thuật ngữ trong bài học. Câu chuyện LS có thể dài, có thể ngắn, tùy thuộc vào nội dung, mục đích của người sử dụng.

Nội dung của SGK chỉ là những kiến thức cơ bản, trong khuôn khổ nhỏ hẹp không thể cung cấp hết những kiến thức sâu rộng cho HS hiểu được. Vì vậy, sử dụng những câu chuyện LS góp phần quan trọng vào việc bổ sung, cụ thể hóa kiến thức cơ

bản trong SGK, làm cho bài giảng thêm sinh động, hấp dẫn, tạo hứng thú học tập cho HS. Sử dụng câu chuyện hợp lí có tác dụng khắc sâu nội dung kiến thức chứa đựng trong SGK.

Để giáo dục TTDT theo TTHCM trong DH LS Việt Nam (1919-1975) có nhiều biện pháp khác nhau, trong đó, sử dụng những câu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh hoặc những câu chuyện phản ánh nội dung của vấn đề DT theo TTHCM. Tùy theo đối tượng nhận thức, mục tiêu bài học và sự sáng tạo của GV và HS trong từng tiết học mà GV có thể lựa chọn PP trực tiếp kể chuyện cho HS nghe hoặc hướng dẫn HS sưu tầm tư liệu, biên tập thành câu chuyện và tự kể trước lớp. Với cách làm thứ hai sẽ phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong nhận thức của HS, làm tăng sự hứng thú và đam mê học tập của các em. Qua đó, tạo xúc cảm LS và có giá trị giáo dục hiệu quả hơn. Vì vậy, trong quá trình DH đòi hỏi GV phải linh hoạt và sáng tạo để sử dụng các PPDH cho hợp lí.

Để sử dụng câu chuyện trong quá trình DH LS trong các giờ học nội khóa trên lớp, GV lưu ý các công việc sau:

- Dựa vào SGK, chọn nội dung kiến thức LS quan trọng, có ý nghĩa giáo dục HS TTDT theo TTHCM để làm cơ sở xây dựng câu chuyện phù hợp.
- Lựa chọn tư liệu tham khảo phản ánh nội dung cơ bản của cốt truyện, làm cơ sở để xây dựng câu chuyện.
- Lập đề cương và dựa vào tài liệu tham khảo để viết thành câu chuyện.
- Đến tiết DH trên lớp, GV tiến hành kể chuyện cho HS nghe hoặc hướng dẫn HS tự xây dựng câu chuyện và kể trước lớp.
- Tổ chức trao đổi, nhận xét, đánh giá về nội dung, giá trị của câu chuyện.

Trong quá trình DHLS ở trường THPT, tùy thuộc vào mục tiêu bài học, nội dung kiến thức, trình độ và khả năng nhận thức của HS, mà GV vận dụng linh hoạt các cách thức kể chuyện khác nhau. Nếu là đối tượng HS khá, giỏi, GV có thể cung cấp nguồn tư liệu, khuyến khích HS tự xây dựng câu chuyện và kể trước lớp. Nếu HS trung bình hoặc yếu thì GV có thể xây dựng câu chuyện và kể cho HS nghe, rồi tổ chức cho cả lớp trao đổi, rút ra ý nghĩa, giá trị của câu chuyện. Điều quan trọng là, GV phải căn cứ vào nội dung SGK để sưu tầm hoặc xây dựng những câu chuyện không chỉ có giá trị lịch sử, mà còn phản ánh rõ nét biểu hiện của TTDT theo TTHCM. Trên cơ sở khai thác kiến thức LS qua câu chuyện, HS phải chủ động tìm ra biểu hiện của vấn đề DT theo quan điểm của HCM, từ đó nâng cao nhận thức và kết quả giáo dục đạo đức, nhân cách cho HS.

Ví dụ: Khi DH tiết 4, bài 16 "*Phong trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945). Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời*", để hiểu rõ sự kiện Chủ Tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình-Hà Nội (2-9-1945), GV có thể hướng dẫn HS sưu tầm tư liệu và biên tập thành câu chuyện để kể trước lớp cho các bạn cùng nghe. Nội dung câu chuyện như sau: Khoảng 5 giờ sáng ngày 2-9-1945, lễ đài tại Quảng trường Ba Đình – Hà Nội được dựng xong. Ngay từ 7 giờ sáng, cả thủ đô tưng bừng một màu cờ đỏ và hoa, biểu ngữ với các dòng chữ viết bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hán chăng khắp các đường phố "Độc lập hay là chết", "Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh",…

Trong không khí phấn phởi của ngày Độc lập, hàng chục vạn đồng bào Thủ đô và các vùng lân cận ăn mặc rất đẹp, tấp nập kéo nhau vào vườn hoa Ba Đình để chào đón Chính phủ của mình mà vị Chủ tịch là người họ đã nghe từ lâu nhưng chưa được trông thấy tận mắt. Họ hình dung một vị Chủ tịch nước phải ăn mặc đẹp, có cử chỉ oai phong, giọng nói đường vệ,… Nhưng khi Chủ tịch lâm thời ra mắt đồng bào thì ý nghĩ đó đã thay đổi hẳn.

Đúng 2 giờ chiều, buổi lễ bắt đầu. Trên lễ đài, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh tụ vĩ đại của nhân dân giản dị trong bộ quần áo kaki cổ cao, màu trắng cùng toàn thể thành viên trong Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân đồng bào. Bằng giọng nói trầm ấm, giản dị và gần gũi, phảng phất giọng nói của miền quê đất Nghệ An, Người đọc bản Tuyên ngôn Độc lập LS, long trọng tuyến bố với toàn thể đồng bào trong nước và trên thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Khi người bắt đầu đọc Tuyên ngôn, cả biển người im phăng phắc, ai cũng lắng nghe như nuốt từng lời. Đọc đến nửa chừng, Bác dừng lại và bỗng dưng hỏi:

"Tôi nói đồng bào nghe rõ không?"

Tất cả mọi người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm: "Co…ó…ó!"

Từ giây phút ấy, Bác cùng với cả biển người đã hòa vào làm một, sự cách biệt đôi chút giữa lãnh tụ và quần chúng tan biến.

Tuyên ngôn Độc lập nêu rõ chân lí: "Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được. Trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc" [124,555] (Tuyên ngôn Độc lập của nước Mĩ -1776)

"Người ta sinh ra tự do bình đẳng về quyền lợi và luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được" [124,555] (Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của nước Pháp -1789).

Bản Tuyên ngôn tuyên bố với toàn thể thế giới và nêu rõ quyết tâm sắt đá của trên 20 triệu người Việt Nam: "*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lược, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy*". [124,557]

Bản Tuyên ngôn kết thúc giữa tiếng hoan hô vang dậy của hàng chục vạn người. Cuối cùng, cuộc mít tinh biến thành một cuộc biểu tình tuần hành vĩ đại trên các đường phố rợp cờ hoa của thủ đô Hà Nội.

Sau khi GV hoặc HS kể câu chuyện, GV tổ chức cho HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện. Thông qua câu chuyện giúp HS hiểu được sâu sắc sự kiện trọng đại của dân tộc – ngày 2/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; hiểu được không khí trang nghiêm của Ngày Độc lập, nhận thức được giá trị thiêng liêng của quyền độc lập, tự do, làm cho giờ thêm sinh động, hấp dẫn, tạo sự hứng thú học tập cho HS đối với bộ môn LS. Đồng thời, HS đánh giá được vai trò to lớn của Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam; nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc gìn giữ quyền độc lập tự do đó, điều này làm nên thành công trong việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS.

Để kiểm nghiệm tính hiệu quả của việc sử dụng câu chuyện LS để GD HS tinh thần dân tộc theo TTHCM, chúng tôi tiến hành TNSP từng phần tại trường THPT Dương Xá- Hà Nội, do cô giáo Đào Thị Thu Hường thực hiện ở hai lớp 12 D3, 12 D4. Sau khi dạy xong IV – *Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập*, mục V – *Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa LS, bài học kinh nghiệm*, thuộc bài 16 (SGK LS lớp 12), GV tiến hành kiểm tra 10 phút ở cả hai lớp (đối chứng và thực nghiệm). Kết quả thu được như sau :

Bảng so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm

Loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Bài	%	Bài	%	Bài	%	Bài	%
Thực nghiệm 12D3 (40HS)	9	22,5	18	45,0	11	27,5	1	2,5
Đối chứng 12D4 (40HS)	3	7,5	9	22,5	22	55,0	6	15,0
Mức chênh lệch	6	15,0	9	22,5	11	27,5	5	12,5

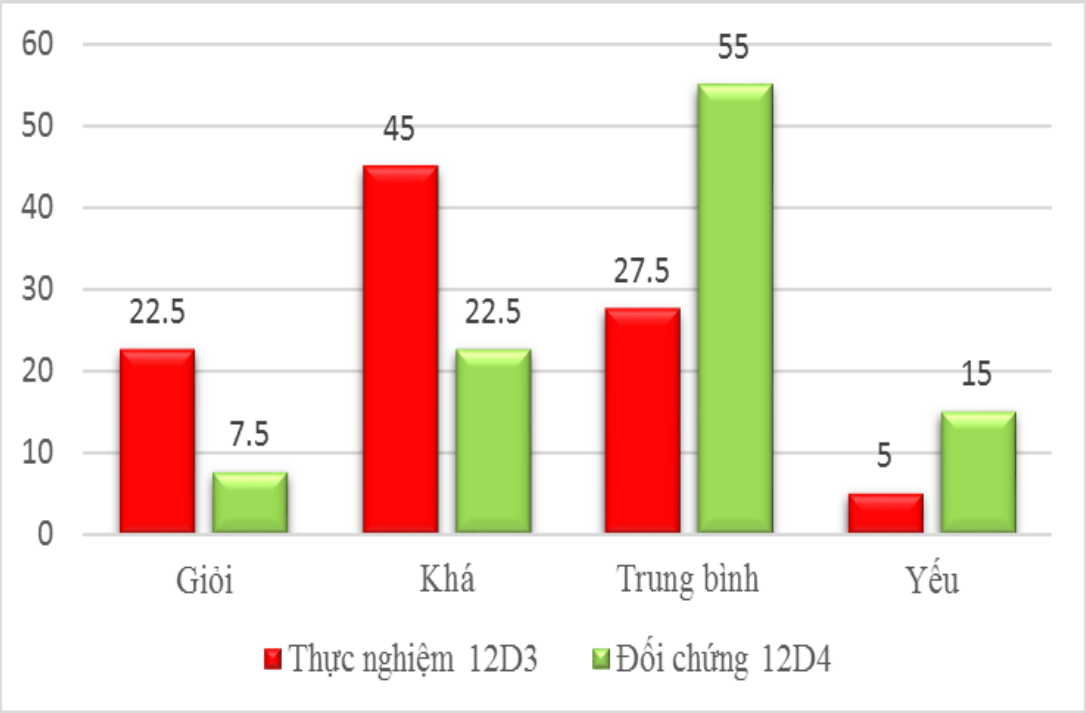

Biểu đồ so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm (đơn vị %)

Bảng tổng hợp trên một lần nữa khẳng định tính hiệu quả của việc sử dụng câu chuyện trong DH LS nói chung, GD HS tinh thần dân tộc theo TTHCM nói riêng. Từ đó, cho phép chúng tôi bước đầu khẳng định tính khả thi của biện pháp sư phạm đề xuất trong luận án và có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn DH LS ở trường THPT hiện nay.

Như vậy, để sử dụng hiệu quả câu chuyện trong DH LS nói chung, GD tinh thần dân tộc theo TTHCM cho HS nói riêng, đòi hỏi sự sáng tạo không ngừng của GV và HS; sự kết hợp linh hoạt, đa dạng các PPDH, phương tiện DH và hình thức tổ chức DH theo nguyên tắc phát huy tính tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo trong nhận thức của HS. Đồng thời, GV phải thường xuyên rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng ngôn ngữ, khả năng biểu cảm của ngôn ngữ cơ thể, sự kết hợp giữa ngôn ngữ nói và phi ngôn ngữ để tạo nên những câu chuyện thực sự hấp dẫn, gây hứng thú học tập cho HS, qua đó tác động đến tư tưởng, tình cảm, tạo xúc cảm LS cho HS, góp phần nâng cao chất lượng của bài học.

3.4.5. Khai thác các phương tiện trực quan phản ánh nội dung vấn đề dân tộc để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong DHLS ở trường THPT cần phải sử dụng đa dạng, linh hoạt hệ thống PP và phương tiện dạy học khác nhau để đem lại hiệu quả của bài học. Tùy thuộc vào nội dung kiến thức và điều kiện vật chất nhà trường sẵn có, cũng như sự sáng tạo của

GV mà chọn lọc và sử dụng chúng hợp lí. Trong đó, các phương tiện trực quan là biện pháp sư phạm được sử dụng phổ biến và đem lại hiệu quả cao trong quá trình dạy học LS nói chung, giáo dục HS TTDT theo TTHCM nói riêng.

Trực quan là sự biểu đạt hình ảnh cụ thể của cảm tính, là sự phản ánh trực tiếp của thế giới bên ngoài vào các giác quan của con người, là khâu đầu tiên của nhận thức. Lịch sử là những gì đã xảy ra trong quá khứ, đặc điểm của kiến thức lịch sử mang tính quá khứ. Theo đó, việc học tập lịch sử của HS không thể trực tiếp quan sát các sự kiện, hiện tượng LS, mà phải gián tiếp qua các nguồn tư liệu. Vì vậy sử dụng đồ dùng trực quan là một nguyên tắc tất yếu trong quá trình dạy học lịch sử ở trường THPT. Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử góp phần quan trọng vào việc cụ thể hóa kiến thức lịch sử, giúp HS có biểu tượng chân thực, hấp dẫn về quá khứ, tránh được căn bệnh "hiện đại hóa" lịch sử. Đồ dùng trực quan là chỗ dựa để hiểu sâu sắc bản chất của sự kiện lịch sử, là phương tiện rất có hiệu lực để hình thành các khái niệm lịch sử, giúp cho học sinh nắm vững các quy luật phát triển của xã hội và rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu dtừ lịch sử. Đồng thời, đồ dùng trực quan còn phát triển kĩ năng quan sát, trí tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ của học sinh, nâng cao chất lượng dạy học lịch sử, gây hứng thú học tập cho học sinh, nó là chiếc "cầu nối" giữa hiện thực quá khứ khách quan với đời sống hiện tại. Ngôn ngữ trong sáng, truyền cảm của GV kết hợp với việc sử dụng đồ dùng trực quan là một phương tiện hữu hiệu để giúp HS tạo biểu tượng cụ thể, chân thực về sự kiện LS.

Đồ dùng trực quan trong DHLS rất phong phú và đa dạng, gồm đồ dùng trực quan hiện vật (di vật của nền văn hóa còn lưu lại); đồ dùng trực quan tạo hình (tranh ảnh, phim tư liệu, video, đồ phục chế, mô hình, sa bàn…); đồ dùng trực quan quy ước (bản đồ, sơ đồ, niên biểu, đồ thị, biểu đồ…). Để sử dụng lời nói kết hợp với đồ dùng trực quan đạt hiệu quả trong quá trình dạy học bài học nội khóa trên lớp, qua đó giáo dục học sinh TTDT theo TTHCM, GV lưu ý:

- Phải căn cứ vào mục tiêu bài học, nội dung kiến thức cơ bản của bài, điều kiện vật chất của trường học và khả năng của HS để lựa chọn đồ dùng trực quan cho phù hợp. Trong đó, cần chú trọng khai thác đồ dừng trực quan vừa phản ánh nội dung kiến thức lịch sử, vừa chứa đựng nội dung của vấn đề DT theo TTHCM, làm cơ sở để chiếm lĩnh kiến thức qua đó giáo dục đạo đức, tư tưởng HS.

- Phải hướng dẫn HS khai thác và sử dụng đối với mỗi loại đồ dùng trực quan theo đúng nguyên tắc và phương pháp đặc trưng của bộ môn

- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, độc lập và sáng tạo của HS trong quá

trình sử dụng đồ dùng trực quan.

- Phải kết hợp khai thác và sử dụng đồ dùng trực quan với các PPDH khác như với ngôn ngữ nói, với hệ thống câu hỏi, giúp bài học trở nên cuốn hút, hấp dẫn và tạo ra những xúc cảm lịch sử, góp phần phát triển năng lực nhận thức và hành động cho các em.

Trong SGK Lịch sử lớp 12 có nhiều đồ dùng trực quan có giá trị về lịch sử. Nếu GV hướng dẫn HS khai thác theo đúng nguyên tắc, sẽ phát hiện được những kiến thức cơ bản của bài học chứa đựng trong kênh hình. Qua đó, giúp HS hiểu được kiến thức cơ bản của bài học, bổ sung nguồn kiến thức cho kênh chữ trong SGK. Đồng thời, tăng tính giá trị GD nói chung, giáo dục HS TTDT theo TTHCM nói riêng.

Ví dụ, khi DH mục 2. *Xô viết Nghệ - Tĩnh*, bài 14 "Phong trào cách mạng 1930 – 1935" (SGK LS lớp 12), để tìm hiểu về phong trào đấu tranh ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, GV yêu cầu HS quan sát hình 32 trong SGK – Đấu tranh trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (trang 93) và trả lời một số câu hỏi: *Bức tranh sơn dầu phản ánh sự kiện LS nào? Em hãy lược thuật sự kiện đó qua bức tranh trên? Ý nghĩa của phong trào đấu tranh của nhân dân Nghệ An – Hà Tĩnh trong phong trào cách mạng 1930 – 1931?*

Hình 3.1. Đấu tranh trong phong trào Xô Viết Nghệ- Tĩnh

Tiếp đó, GV yêu cầu HS vừa quan sát kênh hình, vừa dựa vào nội dung tư liệu

trong SGK (phần chữ nhỏ trang 92 – 93) để lược thuật cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) ngày 12/9/1930. Ở đây, HS phải trình bày được như sau: Đây là bức tranh sơn dầu mô tả lại cuộc biểu tình khổng lồ của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) ngày 12/9/1930. Quan sát bức tranh ta thấy, hình ảnh của hàng vạn nông dân Hưng Nguyên biểu tình kéo về thành phố Vinh để phản đối chính quyền thực dân. Đi đầu là những người cầm cờ đỏ, đi hai bên là đội tự vệ được trang bị dao, gậy. Trên đường đi, đoàn biểu tình dừng lại vài nơi để diễn thuyết và chỉnh đốn đọi ngũ. Càng đi gần đến thành phố Vinh đoàn người càng đông hơn. Ban đầu khoảng 8000 người đã tăng lên gần 3 vạn người, xếp thành hàng kéo dài tới 4 km. Thực dân Pháp đã cho máy bay đàn áp đãm máu đoàn biểu tình, làm cho 217 người chết, 125 người bị thương. Song, sự đàn áp dã man của chúng không ngăn nổi cuộc đấu tranh của nhân dân. Họ tiếp tục kéo đến huyện lị phá nhà lao, đốt huyện đường, vây đồn lính khố xanh, làm cho chính quyền thực dân, phong kiến bị tan rã ở nhiều thôn xã.

Tiếp đó, GV tổ chức cho HS trao đổi về ý nghĩa của sự kiện này. HS hiểu được, cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên tiêu biểu cho phong trào đấu tranh của dân tộc những năm 1930 – 1931 dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuộc đấu tranh thể hiện lòng yêu nước thiết tha, lòng căm thù giặc sâu sắc và khát vọng và ý chí quyết tâm, tinh thần chiến đấu sẵn sàng hi sinh vì nền độc lập của dân tộc. Kết quả của cuộc đấu tranh đã dẫn đến sự ra đời của các Xô viết ở địa phương hai tỉnh Nghệ - Tĩnh. Lần đầu tiên nhân dân tự đứng ra để quản lí chính quyền ở cấp thôn xã, đem lại quyền lợi cho nhân dân lao động. Như vậy, với sự tồn tại của Xô viết Nghệ - Tĩnh đã phản ánh tư tưởng của HCM về vấn đề dân tộc được hiện thực hóa tại Việt Nam. Qua đó, GD cho HS giá trị của nền độc lập và con đường chông gai để giành độc lập.

Hay, khi DH mục 2. *Phong trào đấu tranh tiêu biểu,* trong bài 15 – Phong trào dân chủ 1936 – 1939 (SGK LS lớp 12), GV yêu cầu HS quan sát hình 34 – Mít tinh kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động (1/5/1938) tại khu Đấu Xảo (trang 101), qua đó giúp HS hiểu được hình thức đấu tranh hợp pháp, công khai, chính trị, hòa bình của nhân dân thời kì này. Đồng thời, so sánh để tìm ra điểm khác biệt về hình thức đấu tranh so với phong trào cách mạng 1930 – 1931. Lí giải được vì sao thời kì này Đảng ta chủ trương hạ thấp cả nhiệm vụ phản đế và phản phong, tập trung vào nhiệm vụ trước mắt là chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Nhưng nhiệm vụ chiến lược cách

mạng vẫn không thay đổi. Từ đó, giúp HS hiểu được vấn đề giải phóng dân tộc theo TTHCM vẫn là nhiệm vụ xuyên suốt của cách mạng Việt Nam, nhưng tùy từng thời điểm phải điều chỉnh sách lược cách mạng cho phù hợp. Theo đó, HS thấu hiểu được tư tưởng cốt lõi về DT của Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho mọi hành động của cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh đó, *phim tư liệu* là nguồn tài liệu có giá trị đặc biệt quan trọng trong việc khôi phục lại bức tranh lịch sử. Phim tư liệu là một phương tiện trực quan có nội dung lịch sử; kết hợp hình ảnh, lời nói, âm nhạc; tác động đến mọi giác quan của học sinh, cung cấp khối lượng thông tin lớn và hấp dẫn mà không một nguồn kiến thức nào sánh được. Tùy mục tiêu, nội dung bài học, GV có thể đưa ra lựa chọn từng đoạn phim có chứa đựng nội dung kiến thức phù hợp cần khai thác cho HS. Phim tư liệu về Hồ Chí Minh được lựa chọn và sử dụng hợp lý trong giờ học sẽ góp phần làm phong phú nội dung bài học, thay đổi không khí trong giờ học Lịch sử, tác động tích cực tới tâm thế HS trong nhận thức về giá trị của truyền thống dân tộc, hiểu sâu sắc về TTDT của Hồ Chí Minh không chỉ qua quan niệm mà còn bằng thông qua hành động cụ thể của Người trong quá trình hoạt động cách mạng.Việc sử dụng đoạn phim tư liệu nhằm GD học sinh TTDT theo TTHCM trong DHLS giúp cho HS hiểu bài và tăng hứng thú học tập cho HS.

Phim tư liệu có ý nghĩa rất lớn trong việc tạo biểu tượng cho học sinh về sự kiện và nhân vật lịch sử. Học sinh thông qua đoạn phim vừa được nhìn lại được nghe về nhân vật và sự kiện giúp các em ghi nhớ sự kiện nhanh hơn và lâu hơn. Phim tư liệu sẽ thu hút sự chú ý và hứng thú của học sinh, khiến giờ học trở nên hấp dẫn, các em như được sống trong khung cảnh lịch sử. Phim tư liệu giúp phát triển khả năng đánh giá sự kiện và nhân vật, khả năng tái hiện sự kiện, giải thích sự kiện, kĩ năng làm phim,…Sau khi xem phim, HS sẽ có thái độ đúng đắn nhất về các nhân vật và sự kiện lịch sử được đề cập đến trong phim.

Trong khi sử dụng phim tư liệu, giáo viên cần lưu ý:

- Thứ nhất, lựa chọn những đoạn phim điển hình nhất, chất lượng tốt nhất. Nếu là giáo viên tự làm thì nội dung phải cô đọng, tường minh, âm thanh và hình ảnh đẹp. Đoạn phim phải phù hợp với nội dung bài dạy.

- Thứ hai, giáo viên phải chuẩn bị kĩ về âm thanh, màn chiếu sao cho việc chiếu phim đạt hiệu quả tốt nhất.

- Thứ ba, trước khi chiếu phim giáo viên phải đưa ra câu hỏi để học sinh chuẩn bị trả lời sau khi xem nhằm thu hút sự chú ý của học sinh vào việc xem phim.

- Thứ tư, giáo viên cần kết hợp khái quát về nội dung đoạn phim và ý nghĩa đoạn phim cho học sinh theo dõi.

Ví dụ: khi dạy bài 22: "Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất. (1965-1973)" có sự kiện 2/9/1969, Bác Hồ qua đời, GV lựa chọn đoạn phim tài liệu về "*Những giờ phút cuối đời của Bác*" khi Bác nằm trong căn nhà 67, xung quanh là những người cộng sự thân thiết nhất của Bác. Trước khi xem, GV giới thiệu về sự kiện, đặt câu hỏi: "Em hãy nhận xét về biểu cảm của những người trong đoạn phim vào giờ khắc Bác Hồ ra đi mãi mãi?". Sau khi xem, GV giới thiệu thêm về căn nhà 67, đó là căn nhà Bác dưỡng bệnh những ngày cuối đời, nơi đó có các bác sĩ túc trực, có đầy đủ các thiết bị máy móc phục vụ việc chữa bệnh của Bác. Đoạn phim giúp HS hiểu sâu sắc hơn về những thời khắc cuối cùng trong cuộc đời của Bác, về căn nhà của Bác ở Phủ Chủ tịch. Bên cạnh đó, việc xem phim sẽ hình thành cho học sinh kĩ năng quan sát, phân tích, đánh giá. Đồng thời, đoạn phim sẽ tác động đến tâm tư tình cảm của các em, thấy được tình cảm sâu sắc mà nhân dân dành cho Bác Hồ và sự tiếc thương vô hạn trước sự ra đi của Bác.

Để kiểm nghiệm tính hiệu quả của biện pháp sử dụng đồ dùng trực quan để giáo dục HS TTDT theo TTHCM, chúng tôi tiến hành TNSP từng phần tại trường THPT Dương Xá, Hà Nội, do cô giáo Đào Thu Hường, (Dạy lớp 12 Lý 12 Lý, 12 Hóa, khi dạy học mục 2. *Xô viết Nghệ - Tĩnh*, bài 14 "Phong trào cách mạng 1930 – 1935" (SGK Lịch sử lớp 12). Kết quả thu được như sau:

Bảng so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm

Loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Bài	%	Bài	%	Bài	%	Bài	%
Thực nghiệm 12 Lý (39HS)	13	30,7	20	48,7	6	12,8	0	0
Đối chứng 12 Hóa (39HS)	6	15,3	15	38,4	13	30,7	2	5,1
Mức chênh lệch	7	15,3	5	10,2	7	17,9	2	5,1

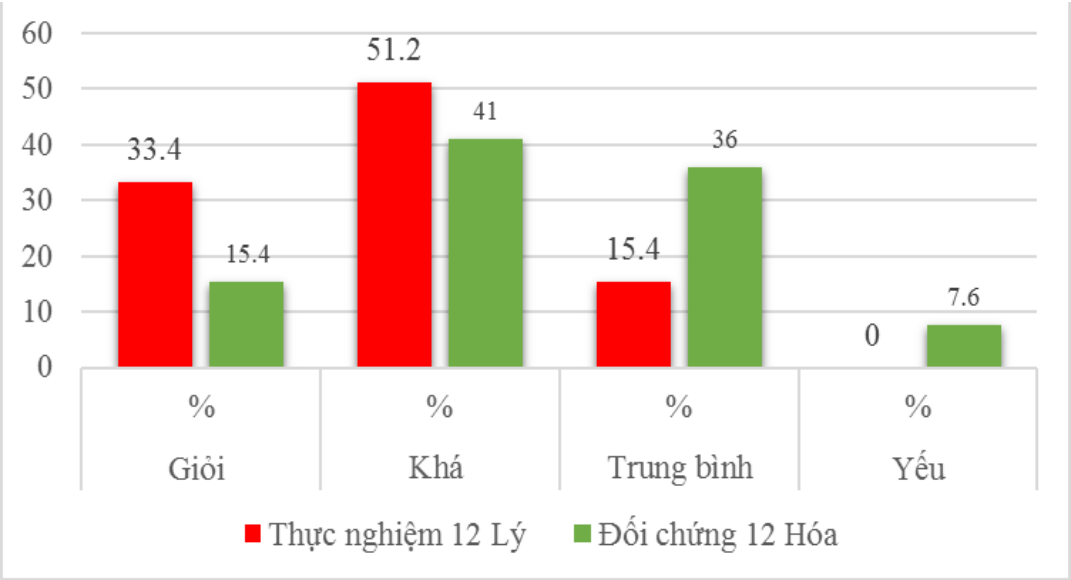

Biểu đồ so sánh kết quả học tập giữa lớp đối chứng và thực nghiệm (đơn vị %)

Bảng tổng hợp trên một lần nữa khẳng định tính hiệu quả của việc sử dụng câu chuyện trong DH LS nói chung, GD HS tinh thần dân tộc theo TTHCM nói riêng. Từ đó, cho phép chúng tôi bước đầu khẳng định tính khả thi của biện pháp sư phạm đề xuất trong luận án và có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn DHLS hiện nay ở trường THPT.

Như vậy, trong quá trình DHLS nói chung, giáo dục HS TTDT theo TTHCM nói riêng, việc kết hợp PP dùng lời nói và đồ dùng trực quan giữ vai trò đặc biệt quan trọng, không chỉ giúp HS tạo được biểu tượng sinh động, chân thực về LS, mà còn đi sâu vào bản chất của chúng, giúp HS hiểu sâu sắc sự kiện, hiện tượng LS. Đồng thời rèn luyện năng lực tư duy và hành động cho HS, tạo hứng thú đối với HS trong giờ học LS.

Tiểu kết chương 3

Phần LSVN từ 1919-1975 có vị trí quan trọng trong chương trình SGK LS THPT. Đây là phần nội dung kiến thức LS phản ánh quy luật vận động của cách mạng Việt Nam. Nội dung khóa trình LS giai đoạn này có ưu thế đặc biệt trong việc giáo dục đạo đức, tư tưởng cho HS nói chung, giáo dục TTDT TTHCM nói riêng. Nội dung TTDT được thể hiện trong tất cả các bài học chứ không riêng lẻ từng phần, từng mục. Điều quan trọng là GV cần khai thác như thế nào để thể hiện trong bài giảng của mình những kiến thức cơ bản nhất có liên quan đến TTDT nhằm gây hứng thú cũng như kích thích được tư duy HS phát triển.

Để nâng cao hiệu quả, chất lượng, hoàn thành mục tiêu bài học trong DH cũng như mục tiêu GD HS tinh thần dân tộc theo TTHCM trong DHLS, GV cần sử dụng hợp lý các biện pháp DH phù hợp nhằm đáp ứng được yêu cầu, phù hợp với lý luận DH bộ môn. Ví dụ như: đảm bảo tính khoa học, tính tư tưởng, phù hợp với trình độ HS và mục tiêu bài học. Tuy nhiên tùy vào nội dung, kiến thức cũng như khả năng tiếp nhận của HS mà GV đưa ra một số biện pháp sư phạm có thể áp dụng trong việc giáo dục HS TTDT theo TTHCM trong giờ học nội khóa hay ngoại khóa. Ở chương 3 chúng tôi đã xác định 5 biện pháp cơ bản để giáo dục TTDT theo TTHCM, tiêu biểu là khai thác triệt để kiến thức trong SGK; sử dụng văn kiện Đảng; sử dụng tài liệu HCM; sử dụng câu chuyện LS hay sử dụng các phương tiện trực quan. Trong mỗi biện pháp chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm sư phạm từng phần để kiểm định tính khả thi của các biện pháp. Kết quả bước đầu cho thấy các biện pháp đề xuất có tình thực tiễn và có thể vận dụng linh hoạt trong quá trình dạy học bộ môn LS ở trường phổ thông.

Để đa dạng hóa các hình thức GD học sinh TTDT theo TTHCM, chúng tôi đề xuất các biện pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm ở chương 4. Đồng thời, tiến hành nghiệm toàn phần để kiểm nghiệm tính khả thi của các biện pháp sư phạm đề xuất trong luận án.

Chương 4
CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH QUA HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 - 1975) Ở TRƯỜNG THPT. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

Trong chương này chúng tôi tập trung nghiên cứu và đề xuất các biện pháp sư phạm để GD cho HS TTDT theo TTHCM thông qua hoạt động ngoại khóa. Trong đó, tập trung vào những biện pháp có ưu thế phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong nhận thức và hướng dẫn HS tham gia hoạt động trải nghiệm tại Bảo tàng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tiến hành thực nghiệm sư phạm toàn phần để kiểm nghiệm tính khả thi của các biện pháp sư phạm đề xuất trong luận án, làm cơ sở để rút ra kết luận khoa học và những khuyến nghị cần thiết.

4.1. Vai trò của hoạt động ngoại khóa đối với việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông.

Hoạt động ngoại khoá là hình thức DH ngoài giờ lên lớp nhằm góp phần thực hiện mục tiêu môn học, bổ sung và nâng cao kiến thức LS, GD niềm tin, nhân cách, thế giới quan, nhân sinh quan, tính tự nguyện, tự giác cho HS. Hoạt động ngoại khoá có nhiệm vụ làm sâu sắc và phong phú kiến thức của HS về các mặt khác nhau của cuộc sống xã hội, góp phần gây hứng thú trong học tập LS. Hai đặc điểm nổi bật của hoạt động ngoại khóa là: tính tự nguyện và sự phát triển nhận thức tích cực độc lập, năng khiếu của HS trong lĩnh vực LS. Điều này góp phần định hướng nghề nghiệp cho các em sau này.

Khác với bài nội khoá, hoạt động ngoại khoá là hoạt động mang tính xã hội, nhưng được gắn liền với đặc trưng của môn học. Bộ môn LS có ưu thế để tổ chức hoạt động ngoại khoá cho HS. Việc tiến hành hoạt động ngoại khoá phải sát với nội dung học chính khoá, phải đạt được mục đích về trang bị kiến thức, rèn luyện kĩ năng, định hướng thái độ, hành động đúng và phát triển toàn diện HS về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học. Hoạt động ngoại khoá trong DH LS góp phần làm phong phú kiến thức, giáo dục tình cảm, đạo đức phẩm chất của HS, giáo dục tinh thần tập thể, ý thức cộng đồng trách nhiệm, yêu thích lao động, rèn luyện tính kỉ luật và tinh thần tương thân tương ái. Việc tiến hành các hoạt động ngoại khóa trong DH nói chung, DH LS nói riêng không chỉ thực hiện nhiệm vụ giáo dục bộ môn mà còn hoàn thành nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường, do *Luật giáo dục* quy định, trong đó có một điểm nêu rõ: Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục.

- *Các hình thức của hoạt động ngoại khóa:* Hình thức tổ chức và cách tiến hành gắn liền với nội dung và phương pháp DH LS, cũng như nó gắn liền với bài học nội khoá. Có nhiều hình thức ngoại khóa như: Đọc sách, kể chuyện, Tham quan, Dạ hội LS, trò chơi, các câu đố LS, "đóng vai" (HS đóng vai các nhân vật LS đang học),...hay được nâng lên cao hơn như tự tìm tòi, nghiên cứu, thu thập, xử lí tài liệu LS, viết các câu chuyện, báo cáo nhỏ về một chủ đề LS... Hình thức tổ chức có thể mang tính quần chúng đông đảo (cả khối lớp, toàn trường), một tập thể nhỏ (từng lớp, thậm chí một tổ học tập, những HS khác lớp trên một địa bàn sinh sống), hay cá nhân (chuẩn bị tiến hành trước đông người).

Trong điều kiện hiện nay của đất nước ta, hoạt động ngoại khoá có thể tổ chức đều đặn theo quy định của chương trình, để gắn liền và bổ sung, củng cố nội dung bài nội khoá. Nội dung của các hoạt động ngoại khoá phải xuất phát từ những kiến thức cơ bản, quan trọng nhất của chương trình, góp phần bổ sung cho kiến thức trong sách giáo khoa mà giờ học nội khoá, với khuôn khổ thời gian có hạn, không thể nào hoàn thiện. Vì vậy, cần thiết phải xác định yêu cầu, mục đích và lập kế hoạch tiến hành các hoạt động ngoại khoá phù hợp với nội dung nội khoá. Hoạt động ngoại khóa có thể được tổ chức quy mô cấp trường dành cho tất cả HS (các buổi dạ hội LS, công tác công ích xã hội...); một số hoạt động chỉ có thể thực hiện đối với một khối, một lớp, thậm chí chỉ một nhóm HS có điều kiện tham gia (cuộc hành quân "theo chân người anh hùng", "thăm chiến trường xưa"..)

Tổ chức các hoạt động ngoại khoá góp phần quan trọng vào việc giáo dục đạo đức, phẩm chất, nhân cách tốt đẹp cho HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng; giúp các em tiếp thu nhanh, nhớ lâu, cảm nhận sâu sắc về tinh thần dân tộc của Hồ Chí Minh, từ đó có thái độ và hành động đúng đắn trong học tập, trong tu dưỡng đạo đức và ý thức trách nhiệm trong học tập và cuộc sống. Những công việc này giúp HS tiếp xúc với nhiều tài liệu, hiện vật LS, trang bị thêm các kiến thức về bộ môn và kiến thức xã hội. Đây là điều kiện thuận lợi để giáo dục HS thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn, phát triển các năng lực hoạt động nhận thức độc lập của các em. Vì vậy, tiên hành hoạt động ngoại khóa có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ giờ học nội khóa nói chung và giáo dục HS TTDT theo TTHCM nói riêng.

4.2. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

4.2.1. Tổ chức cho học sinh đọc sách viết về vấn đề dân tộc theo quan điểm Hồ Chí Minh.

Đọc sách là một trong những hình thức ngoại khóa quan trọng trong DH LS ở trường phổ thông. Lí luận và thực tiễn DH LS ở trường phổ thông đã khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách đối với việc nâng cao chất lượng DH bộ môn. Đây là hình thức ngoại khóa "đơn giản, dễ làm, song lại có hiệu quả cao về mặt giáo dưỡng, giáo dục và phát triển". Nếu đọc sách thường xuyên và có phương pháp khoa học thì giúp kiến thức của HS không ngừng được mở rộng, nâng cao tiếp cận được sự phát triển của khoa học, bồi dưỡng, nâng cao năng lực tư duy logic, phương pháp làm việc khoa học, lòng yêu nghề nghiệp và có thái độ đúng đắn đối với xã hội cũng như bản thân, nhất là bồi dưỡng sự hứng thú, năng lực và thói quen tự học suốt đời…Do đặc thù của kiến thức LS, của nhận thức LS, các sách tài liệu là chiếc cầu nối trực tiếp giữa hiện tại với quá khứ. Việc đọc sách có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, cá nhân tự đọc, đọc chung ở lớp, ở tổ, ở nhóm…

Những tác phẩm, bài viết về Hồ Chí Minh về vấn đề DT có ý nghĩa quan trọng trong quá trình DH LS ở trường THPT. Những nội dung đó gắn bó mật thiết với nội dung chương trình LS ở trường THPT, đặc biệt phần LSVN từ năm 1919 đến năm 1975. Các tác phẩm của Hồ Chí Minh được viết với văn phong hấp dẫn, lôi cuốn, giàu hình ảnh, là một nguồn kiến thức quan trọng trong DH. Đọc các tác phẩm của Người giúp HS nhận thức được vai trò to lớn của Đảng và Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, đồng thời bồi dưỡng cho HS thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng. Tổ chức cho HS đọc sách có một ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành mục tiêu DH bộ môn về cả ba mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ. Qua đó, phát triển năng lực và phẩm chất cho HS

Có nhiều loại sách thể hiện TTDT như sách của Hồ Chí Minh viết về ý thức DT, lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết; các loại sách viết về Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và quốc tế; những mẩu chuyện LS viết về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những tấm gương điển hình trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, khoa học – kỹ thuật, văn học – nghệ thuật ... Vì thế GV phải biết lựa chọn và hướng dẫn HS cách sưu tầm tài liệu và cách đọc sách khoa học để đạt được mục đích đặt ra, phù hợp với khả năng và thời gian cho phép của HS.

Có nhiều cách đọc sách khác nhau tùy thuộc vào điều kiện, khả năng của HS và mục tiêu đặt ra. Đối với HS THPT, GV có thể hướng dẫn các em tự đọc cá nhân sau đó sẽ tổ chức thảo luận tập thể về cuốn sách đó. Hoặc, có thể đọc tập thể một số trang đối với sách quý, hiếm. Cũng có thể GV giới thiệu địa chỉ, giới hạn nội dung cần đọc và yêu cầu HS tự tìm đọc, rồi báo cáo sản phẩm tại lớp vào giờ học sau. Hay có thể tổ chức ngày hội đọc sách nhân Ngày sách Việt Nam (21/4 hằng năm)….

4.2.1.1 Tổ chức ngày hội đọc sách về chủ đề Hồ Chí Minh

Ngày nay, với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ nhất là sự bùng nổ thông tin, nhiều phương tiện nghe nhìn khác đã dần làm cho con người xa dần với việc đọc sách, nhất là trong giới trẻ. Ngày 21.4 hàng năm là ngày *Sách Việt Nam* nhằm khuyến khích, phát triển phong trào đọc sách, nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy và bồi dưỡng nhân cách HS. Thông qua ngày hội đọc sách GV có thể tổ chức các hoạt động giới thiệu sách, tuyên truyền giáo dục văn hóa đọc, tổ chức trưng bày các sản phẩm đọc sách của học sinh. Qua đó, góp phần tạo hứng thú, phát triển ở các em kĩ năng đọc sách, năng lực làm việc với tài liệu, GD các em tình cảm cao đẹp đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ đó, góp phần GD đạo đức, tư tưởng HS nói chung, TTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS nói riêng trong DHLS ở trường THPT.

Để tổ chức có hiệu quả, yêu cầu phải có kế hoạch cụ thể: từ khâu chuẩn bị đến tổ chức, phải thực hiện các bước:

- Xác định chủ đề chính của ngày hội đọc sách.
- Xác định chủ đề nhỏ để các nhóm HS tự chọn và chuẩn bị.
- GV giao nhiệm vụ cho HS sưu tầm sách phục vụ cho ngày hội.
- Lên phương án trưng bày sách: trang trí trại, cách bày trí sách ….
- Triển lãm sản phẩm đọc sách.
- Đánh giá sản phẩm đọc của HS.

Ví dụ, để tổ chức ngày hội đọc sách về chủ đề "Hồ Chí Minh – khát vọng giải phóng dân tộc", GV có thể chia thành chủ đề nhỏ để giao cho từng nhóm HS tìm hiểu nhóm 1 tìm đọc một tác phẩm phản ánh vấn đề giải phóng DT gắn liền với giải phóng giai cấp; một nhóm đọc tác phẩm phản ánh nội dung độc lập DT gắn liền với chủ nghĩa xã hội; một nhóm đọc tác phẩm phản ánh quan điểm đoàn kết dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế … Trên cơ sở đó, GV giới thiệu sách hoặc giới thiệu địa chỉ đọc sách để HS chủ động sưu tầm chuẩn bị cho việc trưng bày, giới thiệu hoặc trình bày nội dung giá trị của tác phẩm. Qua đó, hiểu được sâu sắc giá trị của tài liệu HSM nói

chung, giá trị của TTDT theo TTHCM nói riêng thông qua hoạt động này.

Trong thực tiễn dạy học hiện nay, hưởng ứng ngày Sách Việt Nam, hằng năm ở nhiều trường phổ thông đã tổ chức nhiều hình thức khác nhau đem lại hiệu quả cao về các mặt kiến thức, kĩ năng, thái độ và phát triển năng lực HS.

Ví dụ, năm 2016, Đoàn thanh niên Trường THPT Đồng Phú, Bình Phước tổ chức Ngày hội đọc sách cho HS, với hai phần thi: "Xếp sách nghệ thuật" và "Trò chơi". Phần "Xếp sách nghệ thuật" có sự tham gia của GV và HS với mục đích triển lãm, giới thiệu sách, giao lưu với bạn đọc, trao đổi chuyên đề về văn hóa đọc. Đồng thời, giới thiệu nguồn tri thức mà thư viện hiện đang lưu giữ đến với đông đảo bạn đọc, giúp bạn đọc khai thác và tiếp cận với nguồn tài liệu.

Hình 4.1: Hình ảnh hoạt động tại "Ngày hội đọc sách" của Đoàn Trường THPT Đồng Phú - Bình Phước

Như vậy, tổ chức ngày hội đọc sách cho HS là một trong những biện pháp quan trọng để GD học sinh TTDT theo TTHCM nói riêng và DHLS ở trường THPT nói chung. Tuy nhiên, không nhất thiết phải chờ đến ngày Hội đọc sách 21/4 hằng năm mới tổ chức cho HS đọc sách, mà căn cứ vào mục tiêu môn học, nhu cầu của HS, mà GV linh hoạt tổ chức hoạt động đọc sách cho HS. Qua đó, dần dần tạo cho các em có thói quen đọc sách và thích đọc sách, để tự mình trau dồi và nâng cao kiến thức cho bản thân.

4.2.1.2 Tổ chức học sinh thuyết trình giới thiệu sách viết về vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh

Thuyết trình là một PP trình bày miệng có ưu thế trong quá trình dạy và học bộ môn LS ở trường THPT. Để giáo dục HS TTDT theo TTHCM thông qua hình thức ngoại khóa đọc sách, GV có thể giới thiệu và yêu cầu HS tìm đọc một số trang trong các tác phẩm như "Hồ Chí Minh với sử học" (Phan Ngọc Liên chủ biên), Nxb ĐHQG, HN, 2000; "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch" của Trần Dân Tiên (Nxb Sự thật, HN, 1975) "Vừa đi đường vừa kể chuyện" của T.Lan (Nxb Sự thật, HN, 1963)... Đây là những tác phẩm vừa có nội dung LS, vừa mang tính văn học, không nặng về lí luận nên phù hợp với tâm lí HS, đảm bảo tính "vừa sức", có sức hấp dẫn đối với các em.

GV cũng có thể hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung cơ bản và đọc một số chương trong các tác phẩm do Hồ Chí Minh viết như "Bản án chế độ thực dân Pháp"; "Đường cách mệnh"; "Chính cương vắn tắt của Đảng"; "LS nước ta"; "Tuyên ngôn độc lập"... Tất nhiên không phải đọc hết các tác phẩm trong một thời gian ngắn và phục vụ cho một bài, mà chỉ tìm đọc những phần liên quan đến quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc (giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cốt lõi của các nước thuộc địa; giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế …). Trong mỗi tác phẩm yêu cầu HS không chỉ sao chép đơn thuần một số nội dung, mà điều quan trọng hơn là các em phải biết phân tích nội dung, ý nghĩa của tư liệu đó.

Để thuận lợi cho HS trong quá trình đọc sách, GV cần nêu yêu cầu cụ thể đối với từng tác phẩm, đọc xong, HS phải viết suy nghĩ, nhận xét của mình cùng với nguồn tư liệu đó vào "vở tích lũy kiến thức" để trao đổi, thảo luận với bạn và GV trong một buổi học trên lớp sau đó.

Để tổ chức, hướng dẫn HS đọc sách để qua đó giáo dục HS TTDT theo TTHCM đạt kết quả tốt, GV cần tiến hành theo các bước sau:

- Dựa vào nội dung của SGK để chọn lọc và xác định tên sách chứa đựng biểu hiện khác nhau của vấn đề DT theo TTHCM để định hướng cho HS đọc.
- Giới thiệu tên sách hoặc địa chỉ tìm đọc sách.
- GV nêu yêu cầu, nhiệm vụ, hướng dẫn HS cách đọc sách và ghi chép nội dung.
- Tổ chức cho HS thuyết trình, báo cáo kết quả đọc sách bằng nhiều hình thức

khác nhau (cá nhân; nhóm; sản phẩm thể hiện …)

- GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận, rút ra ý nghĩa, giá trị của cuốn sách.

Ví dụ, sau khi xong dạy nội dung hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng (1920-1930), GV tổ chức cho HS một giờ học ngoại khóa trong phạm vi một lớp (có thể kết hợp với giờ sinh hoạt lớp hoặc vận dụng chương trình nhà trường để sắp xếp thời gian ngoại khóa phù hợp). Trong đó, yêu cầu HS đọc tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp". Để "vừa sức" HS, GV cần giới thiệu khái quát xuất sứ và nội dung của tác phẩm: "Bản án chế độ thực dân Pháp" do Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp, được xuất bản lần đầu tiên tại Pari năm 1925, xuất bản lần đầu ở Việt Nam năm 1946. Tác phẩm gồm 12 chương và phần phụ lục "Gửi thanh niên Việt Nam". Nội dung cơ bản của tác phẩm là tố cáo tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân (Pháp) đối với các dân tộc thuộc địa (có Việt Nam) (11 chương), thức tỉnh, kêu gọi những người bị áp bức, bóc lột đứng lên đấu tranh chống lại chế độ thống trị hà khắc của chủ nghĩa thực dân (chương XII, Nô lệ thức tỉnh), đồng thời vạch ra triển vọng, tương lai tươi sáng do cuộc đấu tranh đó mang lại". Sau đó, GV yêu cầu HS nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Để thực hiện được yêu cầu trên, GV gợi ý các em nghiên cứu kĩ chương XII "Nô lệ thức tỉnh", tập trung tìm hiểu nội dung phần V "Hỡi anh em vô sản và nông dân các thuộc địa"; phần VI "Một bản hiệu triệu của Quốc tế nông dân gửi nông dân lao động các thuộc địa"; "Tuyên ngôn của "Hội liên hiệp thuộc địa", "Tổ chức của những người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa".

Trên cơ sở tìm hiểu những nội dung đó, HS sẽ rút ra được lí luận về vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh thông qua tác phẩm này. Trong đó khẳng định, giải phóng dân tộc là con đường duy nhất đưa các dân tộc thuộc địa thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Đặc biệt nhấn mạnh đoàn kết quốc tế, thông qua Tuyên ngôn của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa. Từ đó, HS hiểu được vì sao trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao vấn đề đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc để giành độc lập cho các dân tộc thuộc địa trong đó có Việt Nam.

Về tác phẩm "Đường cách mệnh", GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu về xuất sứ và nội dung cốt lõi của cuốn sách: đây là tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại lớp tập huấn cán bộ cách mạng Việt Nam ở Quảng châu (Trung Quốc) trong những năm 1925-1927, được xuất bản lần đầu năm 1927. Nội dung chủ yếu là chỉ cho nhân dân các dân tộc thuộc địa và Việt Nam con đường đấu tranh đúng đắn để

giải phóng dân tộc. Trên cơ sở đó, GV tổ chức cho HS tìm hiểu những vấn đề cơ bản như: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chủ yếu là công nông, Người đánh giá cao vai trò của lực lượng đoàn kết toàn dân; Cách mạng giải phóng dân tộc phải liên hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản thế giới. GV lưu ý HS tập trung tìm hiểu nội dung các mục: "Ai là những người cách mệnh?"; "Cách mệnh trước hết phải có cái gì?"; "Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?"; "Cách mệnh Nga đối với cách mệnh Việt Nam thế nào?"...Có thể yêu cầu HS nhận xét, so sánh nội dung và giá trị của hai tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" và "Đường cách mệnh" để rút ra điểm kế thừa, phát triển sáng tạo quan điểm của Hồ Chí Minh.

Việc tìm hiểu hai tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" và "Đường cách mệnh" sẽ giúp HS hiểu sâu sắc hơn về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho sự thành lập đảng, hiểu sâu sắc được kiến thức cơ bản của LS thời kì này. Qua đó, giáo dục cho HS về sứ mệnh của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, lòng kính trọng và biết ơn đối với Người.

Hoặc, khi DH về quá trình vận động Cách mạng tháng Tám (1930-1945), để tìm hiểu về vai trò của Hồ Chí Minh đối với cách mạng, GV nên hướng dẫn HS đọc tác phẩm "LS nước ta". Trước đó, GV cần giới thiệu sơ lược: tác phẩm "LS nước ta" do Hồ Chí Minh viết ngay sau khi Người về nước (1941), được Việt Minh tuyên truyền Bộ xuất bản tháng 2-1942. Nội dung cơ bản trình bày quá trình phát triển của LS Việt Nam từ thời dựng nước (Văn Lang) đến lúc đó. Mục tiêu của tác phẩm nhằm phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc đang diễn ra quyết liệt. GV có thể yêu cầu HS đọc từng nội dung của tác phẩm. Ví dụ, đọc những đoạn thơ viết về các anh hùng dân tộc thời phong kiến độc lập (Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi …), hoặc là đọc nội dung thể hiện quan điểm "LS là LS của quần chúng nhân dân"... Làm như vậy, GV không chỉ giúp HS dễ đọc, hiểu được sâu sắc nội dung, mở rộng thêm tầm hiểu biết, mà còn tăng thêm niềm hứng thú, say mê trong học tập, rèn luyện cả khả năng nói và viết tốt hơn. Việc thường xuyên yêu cầu và động viên HS đọc sách một cách khoa học sẽ tạo thành nếp học tốt đối với HS, qua đó nâng cao hiệu quả DH bộ môn nói chung và GD TTDT theo TTHCM nói riêng.

4.2.2. Giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh qua hoạt động tham quan tại bảo tàng, nhà truyền thống

Tham quan là hoạt động ngoại khóa bổ ích và hấp dẫn đối với việc giáo dục truyền thống cho HS, bởi vì "*Những di tích - chứng nhận xác thực của quá khứ - gây xúc động mạnh mẽ, cụ thể hóa kiến thức LS, nâng cao hứng thú với hiện vật"* [98,45].

Hoạt động tham quan được tiến hành ở ngoài phạm vi lớp học nên rất phù hợp với sở thích của HS, là cơ hội để các em thỏa mãn trí tò mò, khám phá những điều mới lạ, không bị bó buộc trong khuôn khổ nhỏ hẹp của lớp học. Nếu thực hiện tốt tham quan LS không chỉ giúp HS củng cố, nâng cao kiến thức mà còn góp phần phát triển năng lực tìm hiểu, nhận thức, tư duy LS và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống.

Hoạt động tham quan có thực hiện được hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: điều kiện của địa phương (có nhà bảo tàng hay di tích LS không); của nhà trường (cơ sở vật chất phục vụ cho đi lại), của chương trình (thời gian quy định giành cho ngoại khóa)...Vì thế không phải lúc nào, ở đâu cũng có thể thực hiên được việc tham quan LS. Nếu ở địa phương có viện bảo tàng, GV nên tổ chức cho HS đi thăm. Nên tổ chức vào dịp kỉ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc như ngày thành lập Đảng (3-2); thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (19-8); chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5); giải phóng Sài Gòn (30-4); sinh nhật Bác Hồ (19-5); hoặc là học đến phần kiến thức quan trọng nói lên các mốc son của LS...

Tham quan có một vị trí quan trọng trong DHLS ở trường phổ thông. Những dấu vết của quá khứ, những vật trưng bày trong bảo tàng, nhà truyền thống không chỉ cụ thể hoá kiến thức, mà còn để lại một ấn tượng manh mẽ, nâng cao hứng thú học tập và rèn luyện khả năng quan sát, phân tích của HS. Tổ chức tham quan học tập ở bảo tàng, di tích LS phải được tổ chức chặt chẽ, theo đúng chương trình quy định, tránh việc làm tuỳ tiện, không có kế hoạch. Đối với hình thức này, nội dung chủ yếu của buổi tham quan là nhằm củng cố kiến thức đã học hoặc chuẩn bị cho việc học bài mới.

Để phát huy được tính tích cực, chủ động của HS trong học tập, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn cần phải đa dạng hóa các hình thức tổ chức DH LS. Bên cạnh hình thức DH bắt buộc trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS học tập tại bảo tàng, nhà truyền thống... Đây là hoạt động ngoại khóa có ý nghĩa giáo dục cao đối với HS. Hoạt động ngoại khóa này sẽ có ý nghĩa hơn nếu nhà trường tổ chức vào đúng dịp kỉ niệm ngày lễ lớn của LS dân tộc, ví dụ như kỉ niệm ngày sinh của Bác.

Trong những năm gần đây, tổ chức tham quan ngoại khóa LS tại bảo tàng, nhà truyền thống, di tích là hình thức khá phổ biến, hiệu quả, được nhiều trường phổ thông áp dụng. Trong thực tế, GV có thể tổ chức hai loại hình tham quan phù hợp với yêu cầu học tập và điều kiện: Tổ chức tham quan phục vụ trực tiếp nội dung bài

học trên lớp (có thể giảng bài tại bảo tàng, nhà truyền thống địa phương hoặc tại di tích LS - cách mạng) hoặc tham quan có tính chất như một hoạt động ngoại khóa.

Để cho việc tổ chức được chu đáo, tránh các sự cố xảy ra, cần phải có kế hoạch và phương pháp tiến hành tốt.

Vào đầu năm học, GVLS đề xuất với nhà trường kế hoạch đi tham quan bảo tàng, nhà truyền thống (ở trung ương, địa phương), hoặc các di tích LS (như cổ loa, Đền Hùng, Pác Bó, khu di tích Phủ Chủ Tịch...)

Tiếp đó, GV liên hệ với ban quản lí bảo tàng hoặc di tích; gặp gỡ trao đổi với cán bộ hướng dẫn, phụ trách bảo tàng, di tích, trình bày rõ mục đích yêu cầu của buổi tham quan để cùng có kế hoạch phối hợp, tạo điều kiện cho hoạt động đạt kết quả. Vì vậy, trong kế hoạch tham quan, GV cần xác định rõ những hiện vật, tài liệu nên tập trung tìm hiểu, phù hợp với mục đích yêu cầu đề ra.

Để thu được kết quả cao, GV cần phổ biến cho HS rõ mục đích, yêu cầu của buổi tham quan. Đây là một trong các yếu tố đưa đến sự thành công của hình thức hoạt động này. Bởi lẽ, nếu GV không tổ chức chặt chẽ thì với số lượng HS đông, sẽ khó quản lí, khó hướng dẫn các em chấp hành nội quy của bảo tàng, di tích. Một trong những yêu cầu quan trọng đối với HS trong khi tham quan là các em cần ghi chép những số liệu, tài liệu do người thuyết minh cung cấp, hoặc những ghi chú ở các tư liệu được trình bày.

GV cần dự kiến thời gian cho buổi tham quan. Thông thường đối với các di tích ở gần trường chỉ nên tiến hành trong khoảng 2 đến 3 giờ để phù hợp với sức khoẻ, trình độ, cũng như khả năng nhận thức của HS.

Kết quả của buổi tham quan được đánh giá thông qua việc GV cho HS thảo luận hoặc viết các bài thu hoạch, hay tập làm thuyết minh viên. Vì vậy, GV cần đưa ra các bài tập và yêu cầu HS hoàn thành ở nhà. Kết thúc buổi tham quan học tập tại bảo tàng, di tích LS, GV cần tiên hành kiểm tra, đánh giá nhận thức của HS. Nếu là buổi tham quan học tập nhằm củng cố kiến thức đã học, GV nên giao cho HS bài tập dưới dạng câu hỏi khái quát, tổng hợp những vấn đề đã nghiên cứu và cho các em trao đổi hoặc viết thu hoạch. Nếu là buổi tham quan học tập để chuẩn bị kiến thức cho bài học mới thì GV nên đặt các câu hỏi có tính chất bài tập nhận thức.

Ở những địa phương có điều kiện thuận lợi, như Hà Nội vào đầu năm học, nhà trường (thông qua giáo viên lịch sử) phối hợp với đội thiếu niên hoặc đoàn thanh niên cùng nhau tổ chức cho học sinh viếng thăm Lăng Bác, tham quan học tập tại khu di tích Phủ Chủ tịch và Bảo tàng Hồ Chí Minh. Việc này giúp các em tìm hiểu

cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người, những việc làm của Người, những quan điểm của Người về tinh thần dân tộc, giáo dục cho các em lòng biết ơn, kính yêu và noi gương Bác Hồ vĩ đại. Việc tham quan không phải chỉ tiến hành một lần mà có thể thực hiện trong một số lần, với nội dung, yêu cầu khác nhau.

Đối với học sinh lớp 12, giáo viên có thể kết hợp vừa tham quan khái quát vừa hướng dẫn các em tìm hiểu sâu một số chủ đề của bảo tàng, như tập trung vào các phòng trung bày từ chủ đề I đến chủ đề V (1890-1945)... nói về thời niên thiếu, các hoạt động của Bác trong những năm đi tìm đường cứu nước, hoạt động ở nước ngoài, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng, về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Những hiện vật trưng bày rất sát với các bài học mà học sinh sẽ học hay đã được học. Cùng với bài học nội khoá, việc tham quan lịch sử này không chỉ giúp các em có hiểu sâu sắc về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà còn củng cố sâu sắc hơn và chuẩn bị cho các em tiếp thu kiến thức mới có liên quan, tăng thêm lòng kính yêu Bác, tin tưởng và quyết tâm đi theo con đường Bác đã lựa chọn.

Để đạt được kết quả ấy, khi hướng dẫn học sinh tham quan các phòng trưng bày trong Bảo tàng Hồ Chí Minh, các em không chỉ tập trung vào các khu trưng bày về hoạt động cách mạng của Bác Hồ trước năm 1945, mà thông qua các hiện vật, tài liệu trưng bày, về quê hương giàu truyền thống cách mạng của Người, về con đường Bác đã đi qua để tìm chân lí cứu nước... để nhận thức rõ, Người là người con vĩ đại của dân tộc, sản phẩm của thời đại và thế giới. Kết thúc buổi tham quan các phòng trưng bày, giáo viên có thể liên hệ với cán bộ phụ trách bảo tàng cho học sinh xem phim tư liệu về Bác Hồ để củng cố những điều đã thu nhận được của các em.

Sau khi tham quan, giáo viên có thể tổ chức học sinh trao đổi hoặc viết thu hoạch hoặc tổ chức cho các em tập làm thuyết minh viên tại Bảo tàng (Phụ lục video đính kèm) về một số vấn đề nhằm nâng cao nhận thức của các em, như: Hãy viết một đoạn ngắn kể về ấn tượng sâu sắc nhất của em khi đi tham quan tại Bảo tàng Hồ Chí Minh? Hoặc hãy xây dựng một đoạn video clip về một hoạt động của Hồ Chí Minh mà em yêu thích nhất? Nêu những dẫn chứng chứng minh tinh thần dân tộc theo quan niệm của Hồ Chí Minh? Hoặc là những quan niệm về vấn đề dân tộc của HCM đang được thể hiện như thế nào trong thực tiễn cách mạng hiện nay?....Hoặc hướng dẫn cho các em tập làm thuyết minh viên Bảo tàng Hồ Chí Minh….

Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm sư phạm bằng cách tổ chức cho HS lớp 12 trường THPT (trên địa bàn Hà Nội) đi tham quan tại *khu di tích Phủ Chủ tịch và Bảo tàng Hồ Chí Minh (Xem phụ lục và video đính kèm).*

** Lí do tổ chức:*

Tổ chức buổi tham quan nhằm góp phần cụ thể hóa, bổ sung những kiến thức HS đã học ở phần Lịch sử Việt Nam (1919 – 1975); GD các em về truyền thống quý báu về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lòng tự hào về sự đóng góp của quân, dân cả nước, đặc biệt là vai trò to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân tộc; Rèn luyện kĩ năng quan sát, tư duy, trau dồi ngôn ngữ,…

Việc tổ chức cho HS viếng thăm lăng Bác, tham quan tại bảo tàng Hồ Chí Minh, di tích Phủ chủ tịch luôn được sự chú ý, ủng hộ của ban phụ huynh và các em HS cũng rất thích thú, vì được thay đổi môi trường, không gian học tập. Ưu điểm của hình thức này là không chỉ áp dụng hiệu quả đối với các trường phổ thông có địa bàn Hà Nội mà các tỉnh/thành phố ở xa cũng có thể tiến hành, đưa HS tham quan tại bảo tàng. Bởi ai cũng mong muốn được ít nhất một lần trong đời đến Hà Nội viếng thăm Lăng Bác, tham quan khu di tích Phủ Chủ Tịch - nơi người đã sống và làm việc lúc cuối đời; đến thăm quan Bảo tàng Hồ Chí Minh để hiểu rõ hơn về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc qua những hiện vật được trưng bày nơi đây. Và điều quan trọng các điểm đến đó liền kề với nhau.

Tuy nhiên, để buổi tham quan đạt hiệu quả, tránh các sự cố xảy ra, chúng tôi đã lên kế hoạch cụ thể, từ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp tiến hành (đối với GV và HS). Đây là một hoạt động mang tính liên môn, có sự tham gia của đông đảo HS các khối lớp, nên GVLS không thể "đơn phương" tiến hành, mà cần có sự phối hợp của Ban Giám hiệu, Đoàn – Đội và GV chủ nhiệm, ban phụ huynh .....

**Công tác chuẩn bị cho buổi tham quan:*

Đối với giáo viên lịch sử: sớm chủ động đề xuất với Ban Giám hiệu nhà trường, lập kế hoạch tổ chức cho học sinh đi thăm quan. Kế hoạch của buổi tham quan phải xác định rõ mục đích tổ chức, thời gian thực hiện, kinh phí, phương tiện đi lại,…

Về mục đích tổ chức, góp phần cụ thể hóa, bổ sung những kiến thức HS đã học ở phần Lịch sử Việt Nam (1919 – 1975); Giáo dục các em về truyền thống quý báu, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc, lòng tự hào về sự đóng góp của quân, dân cả nước đặc biệt là vai trò to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Rèn luyện và phát triển các năng lực khi học tập bộ môn như kĩ năng quan sát, tư duy, trau dồi ngôn ngữ,…

Lập kế hoạch dự trù kinh phí, giáo viên có thể lập kế hoạch huy động sự đóng góp từ Hội phụ huynh học sinh (chi cho mua nước, bồi dưỡng hướng dẫn viên, thuê

phương tiện đưa đón học sinh,…).

Sau khi chương trình, kế hoạch đề xuất được Ban Giám hiệu nhà trường duyệt, giáo viên tích cực triển khai cho hoạt động trên.

- Trước buổi tham quan ít nhất nửa tháng, giáo viên liên hệ với Ban quản lí Bảo tàng, di tích để gặp gỡ và nêu rõ mục đích, yêu cầu, chương trình chi tiết của buổi tham quan để họ tạo điều kiện giúp đỡ hoặc có sự chuẩn bị chu đáo cho đoàn tham quan (như phân công hướng dẫn viên, cử nhân viên bảo tàng, khu di tích đón tiếp, bố trí phòng nói chuyện, phòng chiếu phim tư liệu…).

Giáo viên lịch sử đóng vai trò là người lập kế hoạch, tìm hiểu trước những tài liệu, hiện vật trưng bày ở bảo tàng, di tích liên quan đến nội dung, lịch trình tham quan của học sinh để xây dựng câu hỏi, bài tập. Sau khi thống nhất công việc với Ban quản lí bảo tàng, di tích, giáo viên báo cáo với Ban Giám hiệu nhà trường, họp đoàn giáo viên cùng tham gia đưa học sinh đi tham quan, phổ biến tinh thần chung, soạn thảo nội quy, lịch trình của buổi tham quan.

- Trước buổi tham quan một ngày, giáo viên phổ biến cho học sinh biết rõ nội quy, lịch trình chuyến đi, bài tập thu hoạch sau tham quan (sản phẩm linh hoạt) để các em về nhà nghiên cứu, thực hiện. Công việc này sẽ giảm bớt sự vất vả của giáo viên trong khâu quản lí học sinh khi tham quan tại bảo tàng, di tích. Hình thức bài tập thu hoạch cần phong phú, có thể cho HS chọn như một bài luận ngắn, một video clíp, hoặc mộttập san nhỏ hay tự viết một câu chuyện nêu lên ấn tượng sâu sắc nhất về một hiện vật, một hình ảnh … trưng bày trong bảo tàng.

Đối với học sinh:

- Ôn lại những kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam trước khi đi thăm quan tại Bảo tàng HCM và, di tích Phủ Chủ tịch.

- Chuẩn bị giấy, sổ ghi chép cá nhân và máy ghi âm, máy ảnh (nếu có)

- Lên mạng Internet tìm hiểu trước một số thông tin liên quan đến bảo tàng, di tích (nơi mình đến thăm quan).

- Chuẩn bị một số đồ dùng cá nhân cần thiết

Đối với GV chủ nhiệm và Ban phụ huynh: Chuẩn bị kinh phí thuê phương tiện đưa đón HS; mua nước uống (đối với HS các trường trên địa bàn Hà Nội) và mua đồ ăn đối với HS ở xa; Kinh phí tự nguyện cảm ơn thuyết minh viên.

**Dự kiến tiến trình của buổi thăm quan (dự kiến 3 giờ):*

Đối với HS trên địa bàn Hà Nội bán kính tới điểm tham quan không quá 15 km. Sáng 7h (tùy địa điểm) HS có mặt tại địa điểm xuất phát (tại trường). Sau khi GV điểm danh quân số, các em sẽ lên ô tô đến số 19 Ngọc Hà tập trung và xếp hàng vào Lăng viếng Bác trước khi tham quan học tập tại di tích Phủ chủ tịch và Bảo tàng Hồ Chí Minh. Hòa trong dòng người nối dài vào Lăng viếng Bác, các em HS càng cảm nhận sâu sắc niềm kính yêu của đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta.

- *Tại di tích Phủ chủ tịch: dự kiến tham quan 100 phút.*

Phần 1: Tham quan di tích dưới sự hướng dẫn của thuyết minh viên, sự quản lý của GV và đại diện phụ huynh HS.

Sau khi vào Lăng viếng Bác, đoàn vào thăm Khu Di tích Lịch sử Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, thăm nhà sàn Bác Hồ, chiêm ngưỡng hàng cây cổ thụ, ao cá, giàn cây leo, vườn cây ăn quả, gắn với lối sống giản dị, khiêm nhường như tấm gương đạo đức thanh cao của Người. Khu di tích lịch sử Phủ Chủ tịch là nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thủ đô Hà Nội ngày nay được gọi bằng tên chính thức là Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, gọi tắt là Khu di tích Phủ Chủ tịch. Khu di tích nằm trên địa phận phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Diện tích toàn bộ khu Di tích hơn 10 ha, bao gồm nhà cửa, vườn cây xanh, thảm cỏ, ao cá và sân, đường lối đi lại. Khu di tích Khu lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch bao gồm những điểm di tích chính sau: *Phủ Chủ tịch – nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc với cương vị người đứng đầu Đảng, Nhà nước.*

(nguồn:http://ditichhochiminhphuchutich.gov.vn/)

Trong thời gian thực dân Pháp thống trị, toà nhà này được gọi là Phủ toàn quyền Đông Dương. Từ năm 1945 đến năm 1946, phát xít Nhật rồi đến quân đội Trung Hoa dân quốc chiếm giữ toà nhà này. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai, nơi đây lại trở thành trụ sở cao nhất của chính quyền thực dân. Ngày 10/10/1954, Hà Nội được giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ, Trung ương Đảng từ chiến khu Việt Bắc trở về Thủ đô, với mong muốn đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất cho Hồ Chủ Tịch và đáp ứng được những nghi lễ ngoại giao khi Người đón tiếp khách trong nước, quốc tế, các đồng chí trong Trung ương Đảng, Chính phủ đã mời Người về ở và làm việc tại Phủ Toàn quyền xưa, nhưng Người đã khước từ. Người đề nghị sử dụng toà nhà làm nơi làm việc và tiếp khách của Chính phủ và Nhà nước Việt Nam. Từ đó toà nhà được gọi là Phủ Chủ tịch. Căn phòng sang trọng nhất - nơi có 5 vòm cửa lớn ở chính diện toà nhà là nơi diễn ra những sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước. Tại Phủ Chủ tịch đã diễn ra những phiên họp Hội đồng Chính phủ. Sau khi Chủ tịch Hồ Chủ Tịch qua đời (2/9/1969), Phủ Chủ tịch trở thành một trong những di tích lưu niệm về Người được Nhà nước xếp hạng là di tích đặc biệt quan trọng. Song, cũng từ đó đến nay toà nhà này vẫn là nơi làm việc của Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước, những hoạt động có ý nghĩa quan trọng của Đảng và Nhà nước được tiến hành trọng thể tại đây.

Ngoài việc giới thiệu những kỷ vật liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chủ tịch, đặc biệt là khu nhà 67 là nơi cất giữ nhiều kỷ niệm về những ngày cuối đời của Bác. Qua đó, HS sẽ có thêm những cảm nhận, sự xúc động, niềm kính yêu và biết ơn đối với Bác. Được tham quan, được nghe, được thấy sẽ đem lại hiệu quả tuyên truyền cao hơn. Đây cũng chính là sự khác biệt của việc đi thực tế chính nơi Bác sống, làm việc với việc chỉ nghe đơn thuần về tư tưởng, đạo đức của Người và cũng khác với việc chỉ xem một thước phim ở bất cứ đâu khác ngoài khu Di tích Phủ Chủ Tịch.

Như vậy, tham quan Khu di tích, các em có thể cảm nhận được cái hay, cái đẹp một cách trực tiếp bằng các giác quan của mình. Từ đó, các em cảm nhận một cách đầy đủ, chính xác, sâu sắc và toàn diện về những giá trị đích thực của di tích. Nếu những tài liệu của Bác Hồ dạy về đạo đức cách mạng là những cẩm nang giúp cho con người vươn lên, thì những hiện vật gắn liền với đời sống bình dị trong sáng của Người là những mực thước tình cảm tạo nên những cảm xúc mạnh mẽ trong suy nghĩ, hành động. Như vậy, những hiện vật về Bác Hồ là tiếng nói đích thực về nhân cách và phẩm giá của một con người. Khi trực tiếp thấy được những hiện vật này

chúng ta nói chung và các em sinh viên nói riêng đều phải suy nghĩ và xem xét chính bản thân. Nó có tác dụng rất lớn trong việc giáo dục đạo đức, tác phong, lẽ sống và luân lý làm người đối với các em HS.

Phần 2: Xem phim tư liệu về Bác tại phòng chiếu phim.

Phần 3: Chụp ảnh lưu niệm.

- *Tại Bảo tàng Hồ Chí Minh: dự kiến 80 phút*

- Đến Bảo tàng, GV tập trung HS trước tiền sảnh, kiểm tra quân số, phổ biến lại mục đích và dặn dò các em nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của Bảo tàng.

Hình 4.2.a: Hoạt động tham quan tại bảo tàng Hồ Chí Minh

- Buổi tham quan tại Bảo tàng HCM chia thành hai phần:

Phần 1: Tham quan dưới sự hướng dẫn của hướng dẫn viên bảo tàng và GVLS (dự kiến trong 50 phút). Dưới sự hướng dẫn (thuyết minh) của hướng dẫn viên và sự quản lí của giáo viên, HS tham quan có tổ chức, trật tự, theo từng khu trưng bày, chú ý lắng nghe, ghi chép thông tin để phục vụ cho làm bài tập. Trong quá trình tham quan dưới, HS có thể đặt câu hỏi liên quan đến kiến thức để được hướng dẫn viên giải đáp.

Hình 4.2.b: Hoạt động tham quan tại bảo tàng Hồ Chí Minh

Phần 2: Học sinh thăm quan tự do (30 phút), GV sẽ chia HS làm nhiều nhóm nhỏ để thăm quan tự do. Các nhóm sẽ tranh thủ thời gian để chụp ảnh kỉ niệm, ảnh tư liệu, ghi chép theo những vấn đề được giao, phục vụ cho làm bài tập,...

Hình 4.3: Học sinh nghiên cứu tài liệu tại bảo tàng Hồ Chí Minh

Trong quá trình học sinh thăm quan tự do, giáo viên thường xuyên theo dõi, đôn đốc các em lưu ý thực hiện nội quy, thời gian, hoặc giải đáp thắc mắc HS chưa rõ.

Tổng kết buổi tham quan:

Giáo viên đưa HS về trường và dặn các em thời gian hoàn thành bài tập. Sau buổi thăm quan, GV báo cáo với Ban Giám hiệu, họp đoàn rút kinh nghiệm để những đợt tham quan ngoại khóa sau tốt hơn. Việc lên kế hoạch và thực hiện theo tiến trình một buổi tham quan ngoại khóa như vậy sẽ đạt được mục tiêu cả về kiến thức, kĩ

năng và giáo dục. Tuy nhiên, GV cần căn cứ vào điều kiện, đặc điểm đối tượng HS để triển khai sao cho tránh tính hình thức mà tiết kiệm, hiệu quả.

Như vậy, học tập ngoại khoá đã để lại trong các em HS những dấu ấn sâu đậm, những cảm nhận thực sự về chủ tịch Hồ Chí Minh, biểu tượng của tinh hoa và khí phách của dân tộc Việt Nam. Qua đó, giáo dục HS lòng tự hào, biết ơn về Chủ Tịch Hồ Chí Minh – Người anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa nhân loại nói chung và nâng cao ý thức của HS về vấn đề DT theo TTHCM nói riêng.

4.2.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm để giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho học sinh

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn và tổ chức của GV, học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của đời sống gia đình, nhà trường và xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động. Qua đó, phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của người học. Trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2018), hoạt động trải nghiệm được tiến hành trong tất cả các cấp học, môn học ở trường phổ thông.

Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử là quá trình GV tổ chức cho HS tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo trong quá trình chiếm lĩnh kiến thức lịch sử; là sự tích hợp cả về nội dung kiến thức, hình thức tiến hành và cách thức tổ chức hoạt động. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử được tiến hành với nhiều hình thức phong phú. Có thể tiến hành trong giờ học nội khóa ngay tại lớp học hay ngoài không gian lớp học, hoặc thông qua hoạt động ngoại khóa. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử góp phần làm sâu sắc, phong phú, sinh động kiến thức môn học; là cơ hội để học sinh rèn luyện kĩ năng bộ môn. Đồng thời, bồi dưỡng cho HS ý thức tự giác, trách nhiệm và tính chủ động trong học tập và cuộc sống. Qua đó, góp phần phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực HS. Hoạt động trải nghiệm chỉ thực sự đạt hiệu quả khi HS được vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành trên thực tiễn, HS được học qua "làm", từ hành động sẽ tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm của các em.

Để giáo dục HS TTDT theo TTHCM đạt hiệu quả, trong quá trình dạy học bộ môn LS ở trường THPT, GV có thể vận dụng linh hoạt các hình thức trải nghiệm khác nhau. Chúng tôi xin giới thiệu một số hình thức trải nghiệm đã thực nghiệm trong thực tiễn và có kết quả khả quan.

4.2.3.1 Hướng dẫn học sinh đóng vai làm thuyết minh viên Bảo tàng

Đóng vai là một phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy cao độ tính tự giác, độc lập và sáng tạo của HS trong quá trình học tập, là một giải pháp phát triển toàn diện HS cả về nhận thức, kỹ năng, thái độ. Đóng vai giúp phát triển kĩ năng thực hành cho HS, gắn kiến thức lí luận với thực tiễn cuộc sống, là cơ hội cho HS thể hiện thái độ và cá tính trước đám đông. Đóng vai có tác dụng to lớn trong việc tạo hứng thú và động cơ học tập cho HS. Đặc biệt, có ưu thế trong việc phát triển kĩ năng mềm cho HS như *kĩ năng giao tiếp*; *kĩ năng giải quyết tình huống*; *kĩ năng thuyết trình*...

Phương pháp đóng vai được tiến hành trên cơ sở GV xây dựng kịch bản và HS là người thực hiện thông qua các vai diễn trong kịch bản. Hoặc là, HS đảm nhận vai trò sáng tạo kịch bản giải quyết tình huống do giáo viên đưa ra. Nghĩa là giáo viên tổ chức cho HS được thực hành, đóng vai trong những tình huống giả định. Trong bộ môn Lịch sử, phương pháp đóng vai có thể được sử dụng dưới hình thức đóng vai nhân vật hoặc đóng vai tình huống tùy theo cách tổ chức của giáo viên.

Để giáo dục HS TTDT theo TTHCM đạt hiệu quả, GV có thể tổ chức cho HS đóng vai thuyết minh viên bào tàng khi tổ chức tham quan Bảo tàng Hồ Chí Minh, quê Bác tại Làng Sen, Kim Liên, Nam Đàn – Nghệ An, Pác Bó – Cao Bằng …

Để hoạt động đóng vai thuyết minh viên Bảo tàng HCM đạt kết quả, GV cần hướng dẫn HS thực hiện các bước sau:

- Xác định mục đích: Tập làm thuyết minh viên tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, giới thiệu cho khách tham quan hiểu về lịch sử ra đời của Bảo tàng, ý nghĩa của các hiện vật được trưng bày.
- Công tác chuẩn bị: GV hướng dẫn HS tìm tư liệu tranh ảnh liên quan, cụ thể: Những hình ảnh khuôn viên Bảo tàng Hồ Chí Minh, ảnh chụp tổng thể Bảo tàng phía bên ngoài, ảnh quang cảnh bên trong Bảo tàng ở một số vị trí quan trọng và ảnh chụp tư liệu hiện vật về quê hương, cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Tạo slide (hoặc in, phóng to tranh ảnh trưng bày trong lớp học hoặc ngoài hành lang lớp học).
- Nghiên cứu tài liệu giới thiệu về Bảo tàng Hồ Chí Minh.
- GV hướng dẫn cách thức thể hiện: Tư thế, tác phong, ngữ điệu, biểu cảm…
- HS (cử đại diện) thể hiện trước các bạn trong lớp và GV dạy LS.

Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm sư phạm tại một lớp học của trường THPT trên địa bàn Hà Nội, trên cơ sở tổ chức cho HS đóng vai làm thuyết minh viên Bảo tàng HCM. Kết quả thực nghiệm cho thấy, HS rất hào hứng với PP này. (Xem một số hình ảnh và video đính kèm tại phần Phụ lục).

4.2.3.2 Tổ chức Hội trại triển lãm về chủ đề Hồ Chí Minh

Hội trại là hoạt động ngoại khóa bổ ích và lý thú đối với HS. Đó là cơ hội để HS bộc lộ khả năng, sở trường và niềm đam mê của mình đối với bộ môn Lịch sử nói chung, kiến thức về Chủ tịch HCM nói riêng. Thông qua hội trại, giúp HS mở rộng nguồn kiến thức, rèn luyện kĩ năng sưu tầm tài liệu, đọc sách, thuyết trình trước đám đông, hợp tác nhóm và bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp cho HS như tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, sự đoàn kết, chia sẻ trong học tập và công việc … Đó là một hình thức DH mới, tạo cơ hội cho HS bộc lộ khả năng, sở trường và tính sáng tạo trong học tập. Qua đó, góp phần phát triển những năng lực chung, cốt lõi cho HS (năng lực tự học và tự chủ; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo), cũng như năng lực chuyên biệt của bộ môn LS (năng lực tìm hiểu LS; năng lực nhận thức và tư duy LS; năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học). Đó cũng là biểu hiện sinh động của việc đổi mới hình thức tổ chức DH theo định hướng đổi mới, chuyển từ DH theo hướng tiếp cận nội dung sang phát triển năng lực và phẩm chất HS (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực). Trong đó, có nhiệm vụ giáo dục HS TTDT theo TTHCM. Vì vậy, hội trại là hoạt động trải nghiệm thu hút được sự tham gia của đông đảo HS ở nhiều trường học trong cả nước và hoạt động này ngày càng được nhân rộng ở nhiều nơi.

Ví dụ, ngày 17 và 18.11.2018, trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành - Hà Nội đã tổ chức Hội trại với chủ đề "Theo dấu chân Người - Hồ Chí Minh". Hội trại diễn ra trong không khí tưng bừng kỷ niệm 20 năm ngày thành lập trường (1998-2018) và kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Hội trại đã thu hút được sự tham gia của đông đảo HS các khối lớp, tạo nên một hoạt động có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với HS và GV toàn Trường. Qua hội trại này, HS được rèn luyện, trải nghiệm việc học tập LS bổ ích về chủ đề Hồ Chí Minh.

Mục đích của Hội trại là hình thành không gian trưng bày "mở" về cuộc đời và hoạt động của Bác Hồ để học sinh có thêm hiểu biết và lòng yêu kính Chủ tịch Hồ Chí Minh; Giáo dục học sinh niềm tự hào là thành viên ngôi trường mang tên Bác Hồ. Phát triển khả năng tự học và sáng tạo của học sinh; Tạo ra không gian giao lưu giữa các thế hệ học sinh Nhà trường; Huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh với các hoạt động của Nhà trường.

Để có được sản phẩm trưng bày trong ngày Hội trại theo chủ đề "Theo dấu chân Người - Hồ Chí Minh", GV bộ môn Lịch sử cùng với Đoàn Thanh niên nhà trường đã lên kế hoạch từ đầu năm, xác định rõ mục tiêu của Hội trại, xây dựng kế hoạch hội trại (về nội dung; hình thức; quy mô; dự kiến thời gian; sản phẩm dự thi

của HS …) và báo cáo với Ban Giám hiệu. Ngay từ tháng 9/2018, được sự đồng ý và tạo điều kiện của Ban Giám hiệu, GV tổ Lịch sử phối hợp chặt chẽ với tổ khoa học xã hội và Đoàn Thanh niên phát động cho HS toàn trường sưu tầm tư liệu, đọc sách, chuẩn bị sản phẩm trưng bày ….

Ngày 17/11/2018, các khối, lớp đã chuẩn bị dựng trại, trang trí cơ bản. Sáng sớm ngày 18.11, các trại được tiếp tục trang trí, trưng bày các loại sách, tranh ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh qua từng thời kỳ đã được sắp đặt trang trọng theo đúng chủ đề của mỗi trại. Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những ngày ở làng Trù quê mẹ, đến Bến cảng Nhà Rồng, Mùa thu độc lập... được tái hiện sinh động qua các tác phẩm của HS dưới mái trường mang tên Nguyễn Tất Thành.

Hội trại với chủ đề Hành trình "Theo dấu chân Người - Hồ Chí Minh" của HS Nguyễn Tất Thành được chia theo từng chủ đề cho các khối lớp. Từ thời thơ ấu của Bác Hồ - Quê hương nghĩa nặng tình sâu; Từ những tháng năm học trò đến thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết)". Từ thanh niên yêu nước đến người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đến cuộc đời của Hồ Chí Minh với Cách mạng Tháng Tám năm 1945; Hồ Chí Minh với Thủ đô Hà Nội (1945 – 1954) ...

Hình 4.4: Tác phẩm tiêu biểu trong ngày hội trại " Theo dấu dấu chân người - Hồ Chí Minh" - Lớp 10D3, Trường THPT Nguyễn Tất Thành - Hà Nội

Ở mỗi khối, tuy chung một chủ đề, nhưng các lớp có hình thức thể hiện riêng, tạo nên bức tranh sinh động, hấp dẫn về cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Ví dụ: chủ đề Thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở trường Dục Thanh; Hà Nội mùa đông 1946; Tiền tuyến vẫy gọi; Gạch Hồng nuôi chí lớn; Từ Quảng Châu đến Đường Kách Mệnh, Ánh sáng tự do, Nắng Ba Đình...

Bằng vốn kiến thức môn Lịch sử, tình yêu thương, sự kính trọng của mình đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua đôi bàn tay khéo léo và sự sáng tạo, các em đã dựng lên những tác phẩm đầy cảm xúc về Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

Hình 4.5: Hình ảnh NCS cùng các em HS trường THPT Nguyễn Tất Thành trong ngày hội trại "Theo dấu chân Người - Hồ Chí Minh"

Hình 4.6: Hình ảnh các em đang thuyết minh cho ý tưởng chủ đề trại của lớp mình.

(Xem thêm hình ảnh trong phần Phụ lục)

Như vậy, tổ chức Hội trại về Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh có giá trị trong góp phần tạo hứng thú, phát triển ở các em kĩ năng đọc sách, năng lực làm việc với tài liệu, giáo dục các em tình cảm cao đẹp đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ đó, góp phần giáo dục đạo đức, tư tưởng HS nói chung, tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS nói riêng.

4.2.3.3 Tổ chức thi kể chuyện về Hồ Chí Minh với vấn đề dân tộc

Kể chuyện lịch sử là dùng lời nói để diễn tả một cách sinh động, hấp dẫn, có hình ảnh về một câu chuyện đã xảy ra trong quá khứ, như những sự kiện, hiện tượng, biến cố LS, nhân vật lịch sử, hay những địa danh LS. Đây là hình thức hoạt động ngoại khoá hấp dẫn, dễ làm và có tác dụng giáo dục cao. Kể chuyện LS giúp HS cụ thể hóa kiến thức, tạo biểu tượng sinh động của quá khứ sinh động, phát triển khả năng tái tạo, trí tưởng tượng phong phú. Qua đó, có tác dụng giáo dục đạo đức, tư tưởng HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM sâu sắc.

Nội dung kể chuyện lịch sử phải đảm bảo tính khoa học, không phải những chuyện hư cấu, mà phải có chủ đề cụ thể về một sự kiện, một nhân vật lịch sử… Việc kể chuyện phải dựa trên cơ sở của kiến thức cơ bản trong SGK, kết hợp với nguồn tài liệu tham khảo chính xác. Đồng thời, nội dung câu chuyện phải phù hợp với yêu cầu của mục tiêu bài học và có tác dụng giáo dục HS sâu sắc. Nội dung câu chuyện không chỉ có khối lượng sự kiện, tri thức được cung cấp, mà còn bao gồm cả việc phân tích, nêu lên bản chất của sự vật, hiện tượng. Nếu tính logíc của câu chuyện kể

được xây dựng trên cơ sở những sự kiện, tri thức chính xác thì nó có ý nghĩa giáo dục rất lớn.

Kể chuyện khác với thông báo. Thông báo chỉ cung cấp cho người nghe một số tri thức nhất định, ngắn gọn, khô khan, còn kể chuyện phải có chủ đề và sự phát triển của các tình tiết, có mở đầu, giải quyết vấn đề và kết luận. Kể chuyện phải làm cho người nghe xúc động, như được sống lại với sự kiện ấy. Ví dụ, khi thông báo những sự kiện về thời niên thiếu của Bác Hồ, người nghe chỉ biết được những nét chính (quê hương, gia đình, tên lúc bé). Kể chuyện về thuở thiếu thời của Bác với nhiều tình tiết sinh động nhằm khôi phục bức tranh lịch sử về quê hương, gia đình, về tuổi ấu thơ của Bác.... Kể chuyện cũng không thể thay thế cho việc thông báo một số sự kiện lịch sử để phục vụ nhiệm vụ chính trị, giáo dục tư tưởng cho học sinh. Các hình thức kể chuyện, thông báo kiến thức lịch sử hỗ trợ nhau trong việc giáo dục học sinh về tư tưởng chính trị trên cơ sở hiểu biết lịch sử.

Thông thường khi kể chuyện LS nói chung, kể chuyện về HCM với vấn đề DT nói riêng, người kể cần thực hiện các bước:

- Giới thiệu vấn đề.
- Tình huống đặt ra.
- Tình tiết phát triển của câu chuyện.
- Sự phát triển của tình tiết đến cao độ.
- Tình tiết giảm dần và đi đến kết thúc câu chuyện.

Một câu chuyên được bố cục như vậy mang kịch tính cao, dẫn dắt người nghe qua các sự kiện, làm cho họ ngày càng hứng thú (kể cả căng thẳng và suy nghĩ). Người nghe kể hứng thú lắng nghe không phải chỉ vì được cung cấp các các sự kiện, chi tiết hay, hấp dẫn mà còn vì nội dung của câu chuyện có sức giáo dục manh mẽ. Trong quá trình kể chuyện, người kể không chỉ hiểu sâu sắc nội dung, mà còn biết biểu cảm bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể để thu hút người nghe, tạo xúc cảm lịch sử. Có như vậy mới tác động tích cực đến người học và có tác dụng sâu sắc đến tình cảm của HS.

Trong quá trình DHLS ở trường THPT, tùy thuộc vào điều kiện và khả năng của HS, mà GV có thể vận dụng linh hoạt các hình thức kể chuyện khác nhau. Nhưng điều quan trọng là, GV phải hướng dẫn HS hiểu được những yêu cầu và kĩ năng cơ bản khi kể chuyện. Người kể chuyện không chỉ hiểu sâu sắc nội dung của câu chuyện, mà quan trọng là người kể chuyện phải nhập thân vào nhân vật để tái hiện bức tranh quá khứ sinh động, phải có khả năng biểu thị cảm xúc phù hợp với nội

dung, diễn biến câu chuyện và phải kết hợp khéo léo giữa ngôn ngữ nói với ngôn ngữ hình thể để tạo nên sự hấp dân, lôi cuốn người nghe.

Có nhiều cách kể chuyện: kể lại nội dung một cuốn sách hay đã đọc, kể lại một câu chuyện được ghi chép thành tài liệu hay kể lại câu chuyện của chính người tham gia, chứng kiến sự kiện thuật lại.

Ví dụ, có thể yêu cầu học sinh tự đọc và kể lại (trong buổi ngoại khóa trên lớp) nội dung cơ bản của những câu chuyện về tấm gương của chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc kêu gọi và thực hiện phong trào "*Hũ gạo tiết kiệm*"; "*Nhường cơm xẻ áo*" trong thời kì đầu sau khi Cách mạng tháng Tám thành công; về Bác Hồ nói chuyện với các chiến sĩ trên Đền Hùng và phân tích ý nghĩa câu nói: "*Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*; hoặc kể về những tấm gương đoàn kết khác (sưu tầm những chuyện kể về sự đóng góp của nhân dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ hay chiến dịch Hồ Chí Minh...).

Hoặc là, GV có thể tổ chức hoạt động ngoại khóa hình thức thi kể chuyện với chủ đề "*Nguyễn Ái Quốc- hành trình hơn 30 năm cho sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám- 1945*" sau khi đã học xong nội dung hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1945. Mục tiêu của cuộc thi nhằm khuyến khích học sinh sưu tầm, những câu chuyện về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong hành trình đi tìm đường cứu nước cho dân tộc, quá trình chuẩn bị cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và vận động giải phóng dân tộc dẫn tới sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Qua đó, giáo dục cho học sinh giá trị của nền độc lập, hòa bình dân tộc hiện nay, và có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị ấy. Về quy mô cuộc thi có thể trong phạm vi rộng cấp toàn trường, hoặc một khối lớp 12, thậm chí là trong phạm vi một lớp học. Nội dung kể những câu chuyện liên quan đến hoạt động yêu nước cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911-1945. Yêu cầu kể chuyện phải đảm bảo tính chính xác, logic, nêu được ý nghĩa của câu chuyện kể, đặc biệt thể hiện được quan điểm của Người về vấn đề dân tộc và có tính giáo dục sâu sắc. Để đánh giá kết quả của cuộc thi, GV cần đưa ra tiêu chí đánh giá cụ thể về nội dung (khoa học; lô gic, có tính giáo dục) và hình thức (trang phục, biểu cảm, sự kết hợp giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể…). Đồng thời, cử Ban giám khảo, dự trù kinh phí, giải thưởng để ghi nhận kết quả, động viên, khuyến khích HS trong quá trình học tập.

Như vậy, kể chuyện là một hình thức hoạt động ngoại khóa dễ làm và đem lại hiệu quả cao trong quá trình DHLS ở trường THPT. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện và khả năng của HS, mà GV có thể vận dụng linh hoạt các hình thức kể chuyện

khác nhau. Nhưng điều quan trọng là, GV phải hướng dẫn HS hiểu được những yêu cầu và kĩ năng cơ bản khi kể chuyện. Người kể không chỉ hiểu sâu sắc nội dung của câu chuyện, mà quan trọng là phải nhập thân vào nhân vật để tái hiện bức tranh quá khứ sinh động, phải có khả năng biểu thị cảm xúc phù hợp với nội dung, diễn biến câu chuyện và phải kết hợp khéo léo giữa ngôn ngữ nói với ngôn ngữ hình thể để tạo nên sự hấp dân, lôi cuốn người nghe. Đồng thời, học sinh phải có thái độ học tập nghiêm túc, phải đi thư viện đọc sách, ghi chép và phải biết diễn đạt bằng lời lẽ khúc chiết, ngắn gọn trong buổi báo cáo ngoại khóa. Thông qua kể chuyện, các em sẽ được mở rộng hơn nguồn kiến thức đã học trên lớp, tạo xúc cảm LS, sự rung cảm, kính trọng, biết ơn đối với lãnh tụ Hồ Chí Minh và định hướng cho hành động của bản thân một cách đúng đắn. Từ đó khắc sâu trong tâm trí HS, làm cho các em thấm thía hơn giá trị của vấn đề DT theo TTHCM. Đó là truyền thống đoàn kết toàn tộc; giá trị của độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; ý thức trách nhiệm trong học tập, cuộc sống và tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

4.2.4. Tổ chức dạ hội lịch sử về Hồ Chí Minh để giáo dục học sinh tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong tất cả các hoạt động ngoại khóa, dạ hội LS là hoạt động mang tính chất tổng hợp nhất, có sức hút với tất cả HS trong toàn trường tham gia. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực trong việc củng cố, làm phong phú, sâu sắc thêm kiến thức về khoa học, LS và nghệ thuật cho HS.

Để tổ chức tốt một buổi dạ hội LS, đòi hỏi HS phải sưu tầm tư liệu, phân tích nội dung tư liệu, lựa chọn cách thể hiện nội dung LS…Những hoạt động đó không chỉ làm phong phú kiến thức mà còn rèn luyện khả năng độc lập làm việc, kỹ năng giao tiếp, tự rút ra cho bản thân những kinh nghiệm ứng xử văn hóa, tăng khả năng diễn đạt, phản xạ nhanh, khả năng điều khiển, nhận xét, đánh giá … Các em sẽ chủ động, tự tin, dễ dàng xử lí các tình huống có thể xảy ra. Tất cả sẽ giúp các em thành công hơn trong học tập và trong cuộc sống.

Hoạt động dạ hội LS giúp phát hiện và phát huy năng khiếu HS. Các tiết mục trình diễn tiểu phẩm, đóng vai các tình huống, tham gia các phần thi sẽ là cơ hội để các em trổ tài, thử sức mình. Đây cũng là cơ hội để mỗi em khám phá những khả năng tiềm ẩn của bản thân. Tại đây, các em là những tác giả, những diễn viên, những biên tập viên… Qua dạ hội LS, các em có cơ hội phát triển các năng khiếu để từ đó có định hướng nghề nghiệp cho tương lai.

Dạ hội LS tạo ra sự gắn kết tập thể, hòa nhập cộng đồng giữa thầy và trò, giữa trò và trò. Để thực hiện tốt các hoạt động ngoại khóa đòi hỏi các em phải có tinh thần đồng đội, sự hợp tác, cùng giúp đỡ nhau trong hoàn thành nhiệm vụ. Các em có cơ hội giao lưu giữ các lớp, các khối lớp với nhau, từ đó mỗi HS được hòa nhập vào cuộc sống tập thể. Có thể nói, dạ hội LS cùng với các hoạt động ngoại khóa khác là môi trường rèn luyện ý thức trách nhiệm, gắn bó với thầy cô, bạn bè và cộng đồng, tạo ra một môi trường sư phạm tốt tác động rất lớn đến công tác GD trong nhà trường THPT.

Trong quá trình DHLS ở trường THPT, có nhiều nội dung LS có thể tổ chức dạ hội LS cho HS. Tuy nhiên, nên kết hợp tổ chức nhân dịp kỉ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc như kỉ niệm ngày thành lập Đảng; ngày thành lập Đoàn Thanh niên; ngày sinh nhật Bác; Cách mạng tháng tháng Tám thành công …,

Quy trình tổ chức dạ hội lịch sử nói chung, dạ hội về chủ đề HCM nói riêng về cơ bản phải tuân thủ theo các bước:

- Lựa chọn chủ đề
- Lập kế hoạch và xây dựng kịch bản
- Triển khai công tác chuẩn bị và tập luyện cho HS
- Tổ chức dạ hội và tổng kết.

Muốn tiến hành dạ hội LS đạt hiệu quả, phải thực hiện các yêu cầu:

- *Thứ nhất,* dạ hội phải có mục đích về kiến thức, kĩ năng, thái độ và phát triển năng lực HS; phải phù hợp với chương trình, trình độ và yêu cầu học tập của HS. Thông qua dạ hội LS các em được bồi dưỡng về lòng tin đối với cách mạng, với quần chúng nhân dân, thắt chặt hơn tình đoàn kết và củng cố thái độ học tập đúng đắn, rèn luyện năng lực tư duy và hành động.

- *Thứ hai,* dạ hội phải thu hút đông đảo HS tham gia, phải phát huy năng lực độc lập, tính tích cực chủ động hoạt động và tinh thần tập thể của các em. Dĩ nhiên, việc phân công phải tùy theo yêu cầu, tính chất của công việc, khả năng, trình độ của HS.

- *Thứ ba*, cần có kế hoạch chuẩn bị công phu. Các em nên xây dựng kế hoạch, tranh thủ ý kiến, sự ủng hộ, hợp tác của GV các bộ môn, của Hội đồng nhà trường và Đoàn thanh niên. Việc lựa chọn HS để luyện tập các tiết mục không được làm ảnh hưởng tới học tập và các công việc khác.

- *Thứ tư*, linh hoạt và đa dạng hóa hình thức tổ chức sao cho gọn nhẹ, ít công sức và kinh phí mà hiệu quả lại cao (đối với nhà trường và ảnh hưởng đối với địa

phương).

Ví dụ, nhân dịp ngày sinh nhật Bác, GV có thể tổ chức dạ hội cho HS với Chủ đề *"Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa nhân loại"*.

Mục đích chủ đề: Tổ chức cho HS toàn trường tham gia tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành độc lập tự do cho dân tộc. Làm sáng tỏ quan điểm của Hồ Chí Minh về tinh thần dân tộc. Giáo dục cho HS lòng tự hào, kính yêu đối với chủ tịch Hồ Chí Minh - danh nhân văn hoá thế giới, là một chiến sĩ cộng sản trung kiên, vị lãnh tụ thiên tài đáng kính của dân tộc và nêu cao ý thức luôn học tập, noi theo tấm gương cao cả của Người. Thông qua các hoạt động còn đem lại cho HS lòng say mê, yêu thích đối với bộ môn LS. Góp phần rèn luyện, phát triển các khả năng tái hiện kiến thức, liên hệ, quan sát, phán đoán, tư duy... và năng lực trình bày, diễn đạt, hoạt động nhóm của HS. Giáo dục HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Kế hoạch tổ chức:

+ Chủ đề dạ hội được công bố trước để HS có thời gian tìm hiểu.

+ Tổ bộ môn LS chịu trách nhiệm chính về nội dung. Các tổ bộ môn còn lại chịu trách nhiệm phụ trách các khâu tổ chức khác.

+ Tổ chức cho GV, HS toàn trường tham gia tại hội trường ngoài sân bãi. Đại diện 3 khối lớp 10,11,12 được chia là 3 đội dự thi.

Cấu tạo nội dung chương trình: gồm 6 phần thi:

- Nói chuyện LS: "Từ cảng Nhà Rồng (1911) đến Quảng trường Ba Đình (1945)"
- Lên đường (khởi động)
- Văn nghệ: tốp ca, đơn ca, ngâm thơ, múa...
- Lời ca dâng Bác
- Nhận diện LS
- Theo dòng LS

Phần lên đường (khởi động): đây là phần thi đầu tiên của buổi dạ hội. Nội dung thi chủ yếu đánh giá khả năng ghi nhớ và phản xạ trả lời nhanh của HS. Do đó, cả câu hỏi và đáp án phải thật ngắn gọn. Mỗi đội đều có 30 giây để trả lời 5 câu hỏi của phần mình. Phần mềm PowerPoint có thể thiết kế đồng hồ đếm ngược đứng 30 giây và lần lượt trình chiếu kịp thời các phương án trả lời của các đội.

Phần văn nghệ được trình bày khoảng 4-5 tiết mục, do HS trong trường tự

chuẩn bị chu đáo, có thể loại phong phú và phù hợp với chủ đề ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể kết hợp sử dụng phầm mềm PowerPoint để xây dựng các Slide giới thiệu về tác phẩm, tác giả, người thể hiện cho mỗi tiết mục. Ngoài ra, còn có thể chèn hình ảnh, đoạn phim tư liệu (đã cắt phần tiếng) để trình chiếu làm nền minh hoạ. Phần này có tác dụng lớn trong việc tạo nên không khí LS cho buổi dạ hội và giúp các đội có thời gian chuẩn bị cho phần thi sau.

Phần lời ca dâng Bác, là nội dung tìm hiểu tên tác giả, tác phẩm của những bài hát về Bác Hồ. GV sử dụng PowerPoint để chèn một đoạn nhạc hay cả bài hát đồng thời có thể trình chiếu lời nhạc, đáp án (tác giả, tác phẩm) để đối chiếu với câu trả lời của các đội.

Ban tổ chức chuẩn bị khoảng 8 đến 10 bài hát (6 bài dành cho 3 đội thi 2 vòng và 2 đến 4 bài cho khán giả - tùy theo thời gian của buổi dạ hội để tổ chức cho khán giả giao lưu). Các đội lần lượt tuỳ chọn con số mình thích nhưng phải nhanh tay, sẵn sàng để bấm chuông giành quyền trả lời. Những con số trên Slide Lời ca dâng Bác được liên kết với các Slide đã có chèn hình ảnh và bài hát kèm theo đáp án (hiện lên sau khi các đội trả lời).

Phần nhận diện LS là nội dung thi tìm hiểu về Bác Hồ thông qua những hình ảnh LS. Các đội lần lượt có 3 lần để tuỳ chọn các con số từ 1 đến 10 (con số cuối cùng dành cho khán giả, mỗi con số liên kết với một hình ảnh (Slide) về Bác Hồ với các dạng câu hỏi kèm theo: ảnh được chụp trong hoàn cảnh nào, ở đâu, khi nào, gắn liền với sự kiện gì?.., và đáp án.

Phần Theo dòng LS là nội dung thi đòi hỏi phán đoán để nhận biết nhanh, chọn phương án đúng về trình tự thời gian (a, b, c hoặc d) của các bức ảnh chân dung Bác Hồ (được đánh số từ 1 đến 6), nhưng đã đảo lộn trình tự thời gian. Đội nào chọn đáp án đúng mới được quyền tiếp tục cuộc chơi bằng việc cử đại diện của đội mình trình bày bài hừng biện sao cho liên kết một cách hợp lí theo thứ tự 6 hình ảnh đó, chọn trong thời gian 01 phút. Các đội có tất cả 03 phút để quan sát, trao đổi với nhau và chuẩn bị phương án trả lòi. Ban giám khảo sẽ lần lượt chỉ đinh các đôi trả lời và nhận xét cho điểm. Điểm chọn phương án đứng nên là hệ số một và điểm trình bày hùng biện là hệ số 3.

- *Tiến hành buổi dạ hội*: thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra (như trên). Sau khi kết thúc buổi dạ hội, GV tuyên bố và trao giải thưởng cho HS.

Trong tiến trình tổ chức buổi dạ hội, Ban tổ chức sử dụng bản đồ Hành trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh 1911-1941

do Trung tâm Bản đồ và tranh ảnh giáo dục phát hành, kết hợp sử dụng một số hình ảnh, đoạn phim tư liệu cần thiết về những hoạt động của Bác. Khi trình bày về quá trình hoạt động cách mạng của Người đến đâu thì trên bản đồ ở màn hình sẽ hiện lên hành trình cứu nước của Bác đến đó. Cũng có thể lồng ghép và trình chiếu hình ảnh hay đoạn phim ngắn để minh hoạ cho buổi dạ hội. Ở đây đòi hỏi phải có sự tham khảo, đối chiếu trước để kết hợp nhuần nhuyễn giữa bài nói chuyện với màn hình trình chiếu cả về nội dung và thời lượng.

Trên đây là một số gợi ý về việc tổ chức dạ hội LS nhân kỉ niệm ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh với sự hỗ trợ của phần mềm PowerPoint nhằm giúp các em hiểu hơn về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Qua buổi dạ hội, HS không chỉ hiểu sâu sắc những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, mà còn tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, tạo xúc cảm LS cho HS, trong đó có giáo dục HS tinh thần DT theo TTHCM.

4.3. Thực nghiệm sư phạm

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi đã đề xuất một số biện pháp giáo dục TTDT theo TTHCM trong DH LSVN (1919 – 1975) ở trường THPT (chương trình chuẩn) để kiểm nghiệm tính khả thi của đề tài. Từ kết quả TN, chúng tôi xử lý, phân tích số liệu để đánh giá và rút ra một số kết luận và kiến nghị cần thiết.

4.3.1. Mục đích thực nghiệm

- Việc tiến hành thực nghiệm sư phạm toàn phần nhằm mục đích xác định tính đúng đắn của cơ sở lý luận và những yêu cầu mang tính nguyên tắc của việc giáo dục TTDT theo TTHCM nhằm nâng cao chất lượng DHLS Việt Nam lớp 12. Từ đó khẳng định sự cần thiết phải GD đạo đức, tư tưởng, tình cảm, phẩm chất, nhân cách tốt đẹp cho HS nói chung, GD học sinh TTDT theo TTHCM trong DHLS nói riêng.

- TNSP là cơ sở quan trọng để chúng tôi khái quát và rút ra những kết luận về một số biện pháp giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS Việt Nam lớp 12 nhằm nâng cao chất lượng DH bộ môn LS ở trường THPT. Đồng thời, tập hợp ý kiến đánh giá của GV tham gia dạy thực nghiệm, qua đó, điều chỉnh các biện pháp sư phạm cho phù hợp và hiệu quả hơn.

4.3.2. Đối tượng, địa bàn, giáo viên thực nghiệm

Đối tượng, địa bàn thực nghiệm: chúng tôi chọn HS lớp 12 của một số trường THPT trên phạm vi cả nước. Số HS được chọn để thực nghiệm bao gồm các đối tượng, có khả năng và trình độ nhận thức khác nhau, gồm cả HS giỏi, khá, trung bình, yếu. Để đảm bảo tính toàn diện chúng tôi lựa chọn cả trường chuyên, lớp chọn, lớp đại trà, bán công, dân lập để tiến hành TNSP. Địa bàn thực nghiệm chủ yếu tập trung ở các tỉnh miền Bắc và đại diện của miền Trung, miền Nam như Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Bắc Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Nghệ An, Trà Vinh.

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm từng phần ở các trường THPT sau: THPT Giao Thủy (Nam Định); THPT Chuyên (Bắc Ninh); THPT Ngô Quyền (Nam Định); THPT Nguyễn Trãi (Thường Tín – Hà Nội); THPT Dương Xá (Hà Nội); .....

GV tham gia thực nghiệm sư phạm

Để tiến hành TNSP, chúng tôi lựa chọn những GV tốt nghiệp các trường ĐHSP, hệ chính quy, có kinh nghiệm giảng dạy từ 3 năm trở lên hoặc GV mới ra trường nhưng áp dụng thành công PPDH mới. Các thầy cô đều là những người tâm huyết với nghề nghiệp, tích cực thực hiện việc đổi mới PPDH, tự nguyện tiến hành TNSP khi chúng tôi đề xuất ý kiến. Chúng tôi đã chọn những GV sau đây vừa tham gia TNSP toàn phần đồng thời vừa dạy lớp đối chứng trong một trường :

- Đoàn Thị Thu, Trường THPT Giao Thủy, tỉnh Nam Định (Dạy lớp 12 B10 và 12A2);
- Đỗ Thị Hồng Nhung, Trường THPT Chân Mộng, tỉnh Phú Thọ (Dạy lớp 12 A6A)
- Hoàng Thị Thu Thủy, Trường THPT Chuyên, tỉnh Bắc Ninh (Dạy lớp 12 Địa và 12 Văn);
- Trần Thị Lan Phương, Trường THPT Ngô Quyền, tỉnh Nam Định (Dạy lớp 12 G và 12 C);
- Đào Thị Thu Hường, Trường THPT Dương Xá, Hà Nội (Dạy lớp 12 Lý và 12 Hóa)
- Nguyễn Thị Dung, Trường THPT Nguyễn Trãi, T.Tín- Hà Nội (Dạy lớp 12 D1 và 12 D2);
- Đoàn Vinh, THPT Đông Kinh- Hà Nội (Dạy lớp 12 A3 và 12A5);
- Nguyễn Phương Anh, THPT Đống Đa- Hà Nội (Dạy lớp 12 A9 và 12 A10)
- Nguyễn Thị Hải, Trường THPT Quế Võ số 2, Bắc Ninh (Dạy lớp 12A8 và 12 A5)
- Nguyễn Thị Thanh, Trường THPT Quảng Xương 1, Thanh Hóa (Dạy lớp 12C1 và 12C2)
- Trần Thúy Hằng, Trường THPT Nguyễn Du, Hà Tĩnh (Dạy lớp 12C và 12G)
- Nguyễn Thị Tố Loan, Trường THPT Phú Riềng, Bình Phước (Dạy lớp 12 A5 và 12 A6)...

4.3.3. Nội dung và phương pháp thực nghiệm sư phạm

Nội dung thực nghiệm: do hạn chế về thời gian và điều kiện nên các bài thực nghiệm đều được chúng tôi tiến hành thông qua bài học nội khóa trên lớp, theo chương trình chuẩn (lớp 12).

Chúng tôi chọn một số bài trong khóa trình LSVN (1919 - 1975), nội dung

chủ yếu là thực nghiệm các biện pháp sư phạm giáo dục HS TTDT theo TTHCM qua DH các tiết LS dân tộc ở trên lớp, trong đó có nhiều nội dung LS phản ánh biểu hiện của vấn đề DT theo quan điểm của HCM.

Đối với bài học ngoại khóa, chúng tôi chọn một vài hoạt động tiêu biểu: HS tham quan học tập tại khu di tích Phủ Chủ tịch và Bảo tàng Hồ Chí Minh; Hướng dẫn HS tập làm thuyết minh viên Bảo tàng. (*Xem phụ lục video đính kèm*)

Phương pháp thực nghiệm:

Chúng tôi tiến hành TNSP dưới hai hình thức :

- *TNSP từng phần*: Nội dung TNSP từng phần gồm một số mục trong những bài có nội dung kiến thức liên quan trực tiếp đến những biểu hiện của tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. thông qua việc giảng dạy một số bài trong khóa trình VN (1919 – 1975), GV thực nghiệm xen kẽ từng biện pháp sư phạm mà đề tài đề xuất như: Khai thác triệt để nội dung kiến thức LSVN (1919 – 1975) trong SGK để giáo dục HS TTDT theo TTHCM; Sử dụng văn kiện Đảng để giáo dục HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS ở trường THPT; Sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc để giáo dục HS TTDT theo TTHCM; Tổ chức cho học sinh trao đổi thảo luận những vấn đề cơ bản về TTDT theo TTHCM trong giờ học LS; Sử dụng câu chuyện LS để GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS; Sử dụng lời nói sinh động kết hợp với phương tiện trực quan giờ học LS để giáo dục HS tinh thần dân tộc theo TTHCM. Trên cơ sở tiến hành kiểm tra kết quả học tập giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm để chúng tôi rút ra giá trị thực và tính khả thi của những biện pháp đó đối với quá trình nhận thức cũng như kết quả giáo dục của HS.

- *Thực nghiệm toàn phần*: chúng tôi tiến hành TNSP toàn phần 2 bài: bài 13 - "Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930" – tiết 2; bài 16 "Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời" – Tiết 1. Địa bàn thực nghiệm toàn phần được tiến hành chủ yếu ở một số trường THPT tại Hà Nội, Nam Định và Bắc Ninh. Chúng tôi tiến hành soạn và giảng 2 giáo án thực nghiệm, trong đó thể hiện sự kết hợp đa dạng các biện pháp sư phạm để giáo dục HS TTDT theo TTHCM. Chúng tôi thống nhất với GV thực nghiệm về cách thức tiến hành bài học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS. Sau khi thực nghiệm, chúng tôi đối chiếu kết quả nhận thức giữa hai nhóm lớp (đối chứng và thực nghiệm) để xem xét tính khả thi của các biện pháp, làm cơ sở để điều chỉnh, rút ra kết luận và kiến nghị của luận án về các

biện pháp giáo dục HS TTDT theo TTHCM nói riêng và giáo dục đạo đức, tư tưởng, tình cảm, phẩm chất và nhân cách HS trong quá trình DH bộ môn LS ở trường THPT nói chung.

Để đảm bảo tính khách quan khi thực nghiệm, chúng tôi chọn đối tượng HS giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm đều tương đương nhau về trình độ nhận thức. Giáo án lớp đối chứng do GV phổ thông soạn và tiến hành theo kế hoạch đã định, còn giáo án thực nghiệm do tác giả luận án soạn và GV phổ thông tiến hành giảng dạy theo ý tưởng sư phạm của NCS. Về PPDH trong các giờ thực nghiệm được tiến hành theo hướng đổi mới, tập trung vào việc phát huy tính tích cực, chủ động trong nhận thức của HS. Chúng tôi không cung cấp kiến thức có sẵn cho HS, mà thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập để tổ chức, hướng dẫn hoạt động nhận thức của HS theo mục đích sư phạm của mình. Trong mỗi giáo án đều sử dụng hợp lí một hệ thống PP và phương tiện DH. Trong mỗi bài, mỗi mục, đều đặt mục đích học tập mang tính bài tập nhận thức để thu hút sự chú ý của HS, tập trung vào những vấn đề cơ bản, trọng tâm của bài học. Trong mỗi giờ học, chúng tôi thực hiện theo cấu trúc của giờ học phát triển năng lực HS gồm hoạt động khởi động/chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới; Hoạt động hình thành kiến thức mới/tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới; hoạt động luyện tập/củng cố, hệ thống hóa kiến kiến thức đã học; vận dụng và mở rộng/hướng dẫn HS liên hệ kiến thức đã học để khám phá kiến thức mới và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Để việc thực nghiệm sư phạm toàn phần đạt kêt quả và chủ động, trước khi tiến hành TNSP, chúng tôi đã trao đổi trực tiếp với GV trường sở tại, cung cấp giáo án thực nghiệm, trình bày ý tưởng, mục tiêu, nội dung, PP thực nghiệm và thống nhất kế hoạch giảng dạy với GV. Trong mỗi tiết dạy thực nghiệm, tác giả luận án trực tiếp dự giờ, trao đổi, rút kinh nghiệm với GV để điều chỉnh biện pháp, cách thức tiến hành giờ dạy, bổ sung vào giáo án cho hoàn thiện hơn. Sau đó, tập hợp ý kiến đóng góp của GV dạy thực nghiệm và đối chứng làm cơ sở rút ra kết luận khái quát cho luận án.

Để đánh giá kết quả thực nghiệm, chúng tôi dựa vào hai cơ sở :

- *Đánh giá về mặt định lượng*: Sau một giờ dạy thực nghiệm từng phần hay toàn phần, chúng tôi đều tiến hành kiểm tra 10 đến 15 phút, chủ yếu là trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận dưới dạng câu trả lời ngắn, để kiểm tra kết quả nhận thức của HS. Các bài kiểm tra của HS được đánh giá theo những tiêu chí:

+ Hiểu được kiến thức cơ bản của bài học.

+ Từ nội dung kiến thức LS biết kết nối với nội dung vấn đề DT theo TTHCM và đánh giá được giá trị của TTDT theo TTHCM.

- *Về mặt định tính*: việc đánh giá kết quả học tập của HS nói chung, kết quả giáo dục HS TTDT theo TTHCM dựa trên quá trình quan sát thái độ, hành vi và biểu hiện của HS trong học tập, như sự tích cực, tự giác trong học tập; hăng hái phát biểu ý kiến, hứng thú, say mê học tập; hoạt động hợp tác nhóm hiệu quả; sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS tạo nên không khí sôi nổi, hấp dẫn của giờ học. Trong tất cả các giờ dạy thực nghiệm, GV không phải là người truyền thụ kiến thức một chiều, mà đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo, trọng tài, người bạn của HS trong quá trình nhận thức. HS không thụ động ngồi nghe giảng, trật tự ghi chép kiến thức GV giảng, mà được tham gia vào các hoạt động học tập, chủ động, sáng tạo trong việc chiếm lĩnh kiến thức. Sau mỗi tiết thực nghiệm, chúng tôi thu thập, tổng hợp ý kiến đánh giá của GV tham gia thực nghiệm làm cơ sở cho việc rút ra kết luận và tiếp tục điều chỉnh giáo án thực nghiệm. Sau khi tiến hành kiểm tra kết quả học tập của HS ở các lớp đối chứng và thực nghiệm, chúng tôi tiến hành chấm bài và xử lí kết quả thu được theo công thức thống kê toán học để rút ra kết quả thực TNSP toàn phần.

4.3.4. Kết quả thực nghiệm sư phạm toàn phần

Sau khi tiến hành giảng dạy ở các lớp đối chứng và lớp thực nghiệm 2 bài ở 5 trường thuộc địa bàn Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, chúng tôi tiến hành kiểm tra, đánh giá HS.

Bảng tổng hợp kết quả thực nghiệm toàn phần

Nhóm	**xi** / **ni**	**Điểm** 3(x1)	**Điểm** 4(x2)	**Điểm** 5(x3)	**Điểm** 6(x4)	**Điểm** 7(x5)	**Điểm** 8(x6)	**Điểm** 9(x7)	**Điểm** 10(x8)	$\bar{X}$	S
I n=42	TN	0	0	1	5	18	8	9	1	7,52	1,10
	ĐC	0	2	8	10	14	5	3	0	6,50	1,26
II n=45	TN	0	1	4	7	16	9	7	1	7,18	1,30
	ĐC	0	4	10	14	10	5	2	0	6,18	1,27
III n=38	TN	0	1	8	13	9	4	2	1	6,45	1,29
	ĐC	3	5	10	12	5	2	1	0	5,55	1,37
IV	TN	0	2	11	12	14	4	3	1	6,43	1,33

n=47	ĐC	1	6	12	17	8	2	1	0	5,74	1,19
V n=48	TN	0	1	7	8	19	8	4	1	6,88	1,27
	ĐC	2	3	16	9	15	2	1	0	5,88	1,27

(Trong đó, n là số HS tham gia thực nghiệm; x là điểm số HS đạt được; ni là tần số của giá trị xi; xi điểm của HS trong từng trường hợp cụ thể).

Để có kết quả trên chúng tôi dùng công thức toán học thống kê sau (Xem phần Phụ lục)

Bảng thống kê tần số lần điểm tại các giá trị điểm số và trung bình cộng của các lớp TN và ĐC từ kết quả TN toàn phần (tiết 1)

Lớp/điểm số/tỉ lệ %	**Đ.3**	**Đ.4**	**Đ.5**	**Đ.6**	**Đ.7**	**Đ.8**	**Đ.9**	**Đ.10**	$\bar{X}$
Lớp TN: 220 HS	0 0%	5 11%	31 14,0%	45 20,4%	78 35,4%	33 15,0%	25 13,3%	5 2,2%	6,89
Lớp ĐC: 220 HS	6 13,2%	20 10,2%	56 25,4%	62 28,1%	52 23,64%	16 7,27%	8 3,6%	0 0%	5,97

Xét về độ lệch chuẩn (S) cuả các lớp TN và các lớp ĐC ở Bảng 4.3.4.a và 4.3.4.b cho thấy độ lệch là không đáng kể. Điều này thể hiện độ chụm của các số liệu quanh giá trị trung bình cộng là đảm bảo cũng như yêu cầu của đề kiểm tra chúng tôi đưa ra vừa sức, phù hợp với đối tượng HS. Từ kết quả đó, có thể khẳng định những biện pháp GD tinh thần dân tộc theo TTHCM trong DHLS Việt Nam lớp 12 trường THPT mà chúng tôi đề xuất đã được áp dụng vào TN ở các trường chuyên, trường công lập và trường dân lập đều cho kết quả cao hơn so với các lớp học ĐC. Như vậy, xét cả về mặt định lượng và định tính thì những đề xuất của Luận án hoàn toàn có tính khả thi ở các trường THPT hiện nay khi áp dụng trong DHLS.

Tổng hợp tần số lần điểm của toàn bộ các lớp TN và các lớp ĐC, tính tham số trung bình cộng (Bảng 4.3 và 4.4) trên mặt bằng chung giữa các trường được TN, chúng tôi thấy kết quả giữa các lớp TN vẫn cao hơn các lớp ĐC.

Cuối cùng để kiểm chứng một cách khoa học về giá trị của các biện pháp TN sư phạm, chúng tôi dựa vào tham số trung bình cộng và phương sai như đã tính tại Bảng 4.3.4.a vav 4.3.4.b để tìm giá trị (t). Trên cơ sở tính toán giá trị (t), chúng tôi tra bảng phân phối Student (xem phụ lục Bảng phân phối Student) với α = 0,05 và độ lệch chuẩn tự do k = 2n - 2 để tìm t_{α} giới hạn. Cụ thể giá trị thể hiện trong bảng trên

như sau:

Giá trị t và tα của các lớp TN với lớp ĐC TN toàn phần

Ký hiệu Nhóm	**I**	**II**	**III**	**IV**	**V**
T	3,98	3,68	2,93	2,61	3,86
t_{α}	1,66	1.66	1.67	1.66	1.66

So sánh giữa t và t_{α} ta thấy t_{α} luôn lớn hơn t (t là tham số rút ra từ TN, tα là tham số rút ra từ Bảng Student). Dựa vào điều kiện của bài toán thống kê thì nếu t ≥ t_{α} thì sự khác biệt giữa các lớp TN và các lớp ĐC có ý nghĩa, nếu t < t_{α} thì sự khác biệt giữa các lớp TN và các lớp ĐC chưa đủ ý nghĩa. Chúng tôi khẳng định hiệu quả và tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất trong luận án.

Trên cơ sở xử lí kết quả thực nghiệm sư phạm toàn phần chúng tôi rút ra một số nhận xét như sau:

Ở lớp thực nghiệm, GV đã hướng dẫn, tổ chức cho HS lĩnh hội kiến thức thông qua tinh thần dân tộc của Hồ Chí Minh. Do vậy không khí học tập tại đây rất sôi nổi, say sưa khi bày tỏ quan điểm về tinh thần dân tộc, sự hăng say tích cực của HS được thể hiện qua việc phát biểu ý kiến xây dựng bài, qua đó giúp các em tiếp thu nhanh kiến thức, nắm sâu kiến thức. Ngược lại với lớp thực nghiệm, ở lớp đối chứng, HS ngoan ngoãn chăm chú, nghe giảng và ghi chép bài, nhưng việc tham gia vào phát biểu và xây dựng bài còn mang tính chất chiếu lệ, không khí lớp học trầm, làm cho giờ học kém hiệu quả. Kết quả thực nghiệm chứng tỏ rằng, các biện pháp đã nêu như trong luận án sẽ đem lại hiệu quả cao trong việc giúp HS lĩnh hội kiến thức.

Như vậy việc GD tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS ở trường phổ thông là rất cần thiết, bởi vì điều đó đã mang lại hiệu quả cao trong DHLS nói riêng và trong giáo dục nói chung.

4.3.5. Tổng hợp ý kiến giáo viên và học sinh thực nghiệm sư phạm toàn phần

Ngoài việc sử dụng PP toán học xác suất thống kê để phân tích kết quả nhận thức của HS về mặt định lượng chúng tôi tiến hành trao đổi trực tiếp với GV thực nghiệm và tổng hợp ý kiến, rút ra nhận xét kết quả học tập của HS về mặt định tính. Ngay sau giờ thực nghiệm, chúng tôi tiến hành họp để rút kinh nghiệm với GV dạy, tổ bộ môn và đại diện Ban Giám hiệu nhà trường cùng dự. Ý kiến của GV thực nghiệm tập trung vào một số vấn đề chủ yếu sau:

- Về nội dung bài giảng, cả lớp đối chứng và TN đều đảm bảo yêu cầu cơ bản

của một giờ học. Tuy nhiên ở lớp TN, GV giành thời gian khắc sâu hơn kiến thức cơ bản, những khái niệm khó. Hướng dẫn HS tự đọc sách giáo khoa đối với phần kiến thức dễ, làm cho kiến thức trọng tâm của toàn bài và mỗi mục rõ ràng, nổi bật. Vì thế, HS nắm bài chắc hơn.

- Giáo án thực nghiệm tập trung vào việc giải quyết tốt những nội dung cơ bản của bài học. Cách thiết kế giáo án tiếp cận theo phương pháp DH phát triển năng lực và phẩm chất của người học, cập nhật yêu cầu đổi mới toàn diện trong giáo án, từ xác định mục tiêu bài học đến nội dung và hình thức tổ chức tiến hành hoạt động học tập cho HS.

- Những biện pháp sư phạm đề ra không chỉ giúp HS chiếm lĩnh được kiến thức cơ bản của bài học, mà còn có tác dụng giáo dục đạo đức, tư tưởng HS nói chung, giáo dcụ TTDT theo TTHCM nói riêng. Đồng thời, phát triển hệ thống kĩ năng học tập cơ bản, cũng như những năng lực chung (cốt lõi) và năng lực riêng (đặc thù) của bộ môn LS. Việc giáo dục HS diễn ra tự nhiên, không máy móc vì hiệu quả giáo dục đều dựa trên kết quả của quá trình chủ động chiếm lĩnh kiến thức LS của HS. Vì vậy, các biện pháp sư phạm đề xuất trong luận án có tính thực tiễn cao, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH ở trường THPT hiện nay.

- Hình thức tổ chức các hoạt động học tập cho HS trong các tiết thực nghiệm đảm bảo tốt nguyên tắc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình nhận thức của HS. Các hoạt động cá nhân, kết hợp với cặp đôi và nhóm hợp lí.

- Về phương pháp DH, giữa lớp đối chứng và TN cũng có sự khác nhau. Ở lớp đối chứng, GV chủ yếu dạy theo phương pháp truyền thống, nặng về thuyết trình, thời gian làm việc của GV chiếm hầu hết giờ học, còn HS chăm chú ngồi ghi chép những điều GV trình bày. Trong quá trình dạy, GV cũng đưa ra một số câu hỏi yêu cầu HS trả lời, nhưng không thành một hệ thống, ít có câu hỏi nhằm phát huy tư duy sáng tạo của HS. GV ít sử dụng đồ dùng trực quan hay tài liệu tham khảo, làm cho giờ học diễn ra xuôi chiều, không khí lớp trầm, nhiều HS tự cho rằng mình nhàn rỗi nên đã gây ra tình trạng mất trật tự, làm việc riêng…Ở lớp TN, GV lên lớp đã cố gắng thể hiện ý đồ của tác giả Luận án bằng cách áp dụng phương pháp DH nhằm phát huy tính tích cực, chủ động trong quá trình chiếm lĩnh kiến thức. Nội dung cơ bản của bài được thể hiện bằng một sơ đồ khá hợp lí và khoa học, sử dụng các phương tiện DH phù hợp…. Tạo điều kiện cho GV truyền tải ý tưởng của tác giả luận án tốt hơn. Trên cơ sở gợi mở bằng một hệ thống câu hỏi, GV đã giúp cho HS chủ động khám phá và nắm bắt tri thức mới. HS không chỉ đứng tại chỗ phát biểu,

mà còn lên bảng để điền kiến thức vào một sơ đồ trống. Dưới sự chỉ đạo của GV và sự tích cực làm việc của HS, đến cuối giờ học những kiến thức cơ bản nhất đã hiện rõ ở sơ đồ trên bảng. Trong quá trình dạy, GV đã sử dụng tài liệu tham khảo (xem Phụ lục) và tranh ảnh (Nguyễn Ái Quốc) để bổ sung cho bài giảng. Cách DH này, GV là cố vấn, còn HS đóng vai trò chủ động trong quá trình nhận thức, tạo nên sự hưng phấn trong HS và không khí học tập sôi động. Như vậy, với việc sử dụng đa dạng, hợp lí hệ thống các PP, phương tiện DH, hệ thống câu hỏi có sự phân hóa, phù hợp với các đối tượng nhận thức và các hình thức tổ chức DH linh hoạt tạo cho giờ học sôi nổi, hấp dẫn, HS hứng thú, say mê học tập. Kết quả tực nghiệm đã chứng minh điều đó.

Mong muốn của tác giả luận án là thông qua DH LS, giúp HS nắm vững kiến thức cơ bản, đồng thời giáo dục tinh thần dân tộc nói chung, tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Nên trong khi dạy thực nghiệm bài 13: *Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam (1925 - 1930)*- phần II *"Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời"*, GV đã thể hiện được phần nào mục đích đó. Bằng cách nhấn mạnh những nội dung cơ bản của bài mà có ý nghĩa GD truyền thống đoàn kết sâu sắc. Ví dụ, tập trung phân tích tác hại của hoạt động công kích, chia rẽ trong nội bộ những người cộng sản của ba tổ chức cộng sản đầu năm 1930; sự cần thiết phải có một đảng thống nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam; phân tích cho HS thấy rõ biểu hiện của khối đoàn kết DT trong lực lượng cơ bản của cách mạng, đoàn kết quốc tế; ý nghĩa của sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì thế, khi HS nắm được kiến thức cơ bản của bài, các em cảm nhận sâu sắc được giá trị của đoàn kết DT, tự hào về Đảng, lãnh tụ. Phương pháp DH mới được áp dụng trong giờ thực nghiệm bước đầu cho thấy có hiệu quả tốt về cả ba mặt kiến thức, thái độ và kĩ năng. Nhưng đòi hỏi GV phải có sự chuẩn bị giáo án rất công phu, biết sử dụng nhuần nhuyễn các phương pháp DH, có tác phong làm việc nghiêm túc. Nếu thường xuyên có giáo án như vậy để lên lớp, chất lượng DH bộ môn LS sẽ tốt hơn, hiệu quả GD cao hơn.

- Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng với cách DH gợi mở, nêu vấn đề, đòi hỏi HS phải tích cực làm việc, nhiều em sẽ không tiếp thu được, nhất là đối với HS vùng ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Cách DH này chỉ áp dụng tốt đối với các trường ở thành phố, thị xã, còn ở nhiều nơi cách DH truyền thống vẫn có tác dụng tốt hơn. Việc sử dụng đồ dùng trực quan và tài liệu tham khảo thường xuyên trong DH cũng khó khăn đối với nhiều trường phổ thông, vì cơ sở vật chất không đảm bảo.

Những ý kiến trao đổi của GV rất bổ ích ích, nó giúp chúng tôi có thêm cơ sở

thực tiễn về khả năng áp dụng các biện pháp sư phạm đề ra trong luận văn và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp hơn.

Tiểu kết chương 4

Lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1975 có vị trí, ý nghĩa hết sức quan trọng trong tiến tình lịch sử dân tộc. Nội dung vấn đề DT theo tư tưởng Hồ Chí Minh được sử dụng để giảng dạy vào các bài cụ thể trong giai đoạn này rất phong phú và đa dạng, chúng tôi đã khái quát những nội dung mà GV có thể tham khảo và sử dụng trong bài giảng của mình. Giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS nói chung và DHLS Việt Nam từ 1919 đến 1975 ở lớp 12 THPT chương trình chuẩn nói riêng là một công việc quan trọng, góp phần gây hứng thú học tập, nâng cao chất lượng DHLS.

Để các biện pháp sư phạm thực sự có hiệu quả lâu dài, đòi hỏi GV không chỉ nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục HS TTDT theo TTHCM trong quá trình DHLS nói chung, mà phải nắm vững các nguyên tắc, con đường, biện pháp, hình thức để tổ chức HS chiếm lĩnh kiến thức, qua đó giáo dục đạo đức, tư tưởng và định hướng thái đọ, hành động đúng cho HS. Đồng thời phải vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo các hình thức và biện pháp sư phạm khác nhau, trên cơ sở căn cứ vào mục tiêu, đối tượng nhận thức và điều kiện cụ thể của địa phương. Trong đó, tổ chức hoạt động ngoại khóa với nhiều hình thức phong phú đã góp phần thiết thực nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, tư tưởng, tình cảm, bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách tốt đẹp cho HS nói chung và giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng. Qua đó, thực hiện tốt mục tiêu bài học và góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng bộ môn Lịch sử ở trường THPT hiện nay.

Để khẳng định tính khả thi của các biện pháp sư phạm đề xuất trong luận án, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm sư phạm từng phần và toàn phần ở một số trường THPT trong cả nước. Kết quả thực nghiệm bước đầu cho thấy tính thực tiễn và hiệu quả của các biện pháp sư phạm. Đó là cơ sở để tác giả rút ra kết luận và đề xuất những kiến nghị với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục của bộ môn Lịch sử, góp phần vào sự nghiệp đổi mới giáo dục nước nhà.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn việc giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử ở trường THPT, căn cứ vào kết quả thực nghiệm sư phạm, đối chiếu mục đích, nhiệm vụ của đề tài, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, kết tinh những giá trị tinh hoa văn hóa, truyền thống của dân tộc, được hình thành và phát triển dựa nên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng của Người. Thực chất tinh thần dân tộc theo TT HCM là cuộc đấu tranh đòi độc lập tự do cho các dân tộc bị áp bức, trong đó có Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc.

Giáo dục tinh thần dân tộc nói chung, tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DHLS nói riêng có ý nghĩa to lớn. Bởi vì, tinh thần dân tộc là sự kết tinh và thăng hoa các giá trị truyền thống của dân tộc, đó là độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, sự phấn đấu hi sinh vì độc lập tự do của đất nước ... Vì thế, việc giáo dục TTDT theo TTHCM trong nhà trường phổ thông hiện nay là rất cần thiết, đặc biệt trong xu thế "khu vực hóa", "toàn cầu hóa" và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay của đất nước, càng phải phát huy hơn nữa những giá trị về TTDT. Đó cũng là mục tiêu của sự nghiệp GD đào tạo đối với chiến lược phát triển con người Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Bộ môn Lịch sử rất có ưu thế trong việc GD tư tưởng, tình cảm, đạo đức trong đó có giáo dục TTDT theo TTHCM cho HS. Thông qua quá trình dạy học LSVN giai đoạn từ 1919 – 1975 ở trường THPT, lớp 12, GV không chỉ giúp các em nắm vững kiến thức cơ bản, hệ thống khoa học mà trên cơ sở đó tạo niềm tin vững chắc cho các em vào sự lãnh đạo của Đảng, lòng kính yêu đối với lãnh tụ Hồ Chí Minh, lòng kính trọng và biết ơn đối với quần chúng nhân dân – những người sáng tạo ra lịch sử. Đặc biệt giúp các em nhận thức sâu sắc được vai trò của những giá trị TTDT trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước được GD theo TTHCM. Từ đó, giúp HS nhận thức được trách nhiệm của mình và biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống hiện tại một cách hữu hiệu, mà trước hết là tình cảm tốt đẹp với bạn bè, gia đình và những người xung quanh. Đó là chức năng giáo dưỡng, GD và phát triển của bộ môn Lịch sử. Qua đó, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cho HS.

Thông qua quá trình DH lịch sử nói chung, dạy học LSVN giai đoạn từ 1919 – 1975 nói riêng, trong đó hiệu quả giáo dục phụ thuộc vào hiệu quả dạy học. Trong

hoạt động dạy học, nếu GV có định hướng GD rõ ràng có phương pháp dạy học tốt thì không chỉ nâng cao hiệu quả dạy học mà còn giáo dục tốt cho HS những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc, trong đó có giáo dục TTDT theo TTHCM. Như vậy, giáo dục TTDT theo TTHCM trong DHLS là nhiệm vụ tất yếu, rất quan trọng và có ý nghĩa to lớn. Lịch sử DT là cả một nguồn tư liệu quý giá, mà người GV có thể khai thác để giáo dục TTDT cho HS. Đặc biệt LSVN từ khi có Đảng lãnh đạo đến nay, TTDT lại được phát triển cao hơn do ánh sáng TTHCM soi rọi.

Để giáo dục TTDT theo TTHCM cần tiến hành dưới cả hai hình thức DH nội khóa (trên lớp, ngoài lớp) và hoạt động ngoại khóa (đọc sách, kể chuyện, tham quan, dạ hội …), với nhiều biện pháp sư phạm khác nhau (khai thác triệt để kiến thức LS Việt Nam; sử dụng tài liệu tham khảo; tổ chức trao đổi đàm thoại; sử dụng đồ dùng trực quan (phim tư liệu, tranh ảnh, lược đồ ...). Trong DH LS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng, không có phương pháp nào là "vạn năng" mà chúng phải kết hợp chặt chẽ với nhau, cùng hỗ trợ nhau tạo thành một hệ thống phương pháp liên hoàn. Vì thế, đòi hỏi mỗi GV không chỉ có kiến thức tốt mà còn phải biết sử dụng nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học khác nhau, phải có nghệ thuật sư phạm và lòng yêu nghề.

Việc GD đạo đức, tư tưởng HS nói chung, giáo dục TTDT theo TTHCM nói riêng phải xuất phát từ nội dung kiến thức lịch sử; phải phù hợp với đối tượng nhận thức; phải gắn với thực tiễn, không khiên cưỡng, máy móc.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của luận án, để việc giáo dục TTDT theo TTHCM đạt kết quả tốt hơn, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị sau:

Đối với giáo viên: do bản thân giáo viên chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc giáo dục TTDT theo TTHCM trong DH để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn. Vì vậy muốn đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục nói chung, dạy học lịch sử nói riêng hiện nay cần phải hiểu sâu sắc tư tưởng của Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng của Người về TTDT nói riêng.

Những biện pháp mà luận án đề xuất chưa phải là tất cả, nhưng những biện pháp này dễ thực hiện, không mất nhiều thời gian, gây tốn kém, lại phù hợp với điều kiện thực tiễn ở các trường THPT hiện nay. Việc thực hiện tốt các biện pháp đó là sự thành công trong việc cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học hiện nay. Tuy nhiên, cũng không nên tuyệt đối hóa hay lạm dụng biện pháp nào, khi vận dụng biện pháp nào cần chú ý đến tính phù hợp, vừa đủ, đúng thời điểm của nó và kết hợp nhuần nhuyễn với các phương pháp dạy học khác nhằm làm tốt hơn nữa mục tiêu giáo dục

TTDT theo TTHCM trong DHLS ở trường THPT.

Đối với học sinh: Các em cần đọc thêm nhiều tài liệu viết về Hồ Chí Minh, về TTDT. Đây là nguồn tư liệu quan trọng bổ sung trong quá trình học tập nói chung và học tập môn LS nói riêng.

Đối với các cấp quan lí: Cần quan tâm hơn nữa tới cơ sở vật chất, trang bị cho GV và HS những trang thiết bị cần thiết phục vụ tốt cho công tác học tập và giảng dạy ở nhà trường. Cụ thể như: Máy chiếu, Micro, Thư viện, tranh ảnh tư liệu....

Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: phải tăng cường mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo chuyên đề nội dung TTHCM đặc biệt về GD đạo đức, tư tưởng tình cảm, TTDT, phong cách nền nếp cho GV bộ môn.

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO VÀ CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Bài báo khoa học đăng các tạp chí trong nước; hội thảo trong nước và quốc tế:

1. Nguyễn Thị Thu Hoa (2006), "Hồ Chí Minh trên mặt trận Giao thông Vận tải trong cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ", *Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải*, số 43/9/2013.
2. Nguyễn Thị Thu Hoa (2014), " Để nâng cao chất lượng bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học, Cao đẳng", *Tạp chí GD số đặc biệt*, 4/2014. Trang 80.
3. Nguyễn Thị Thu Hoa (2014), "Góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn tư tưởng Hồ Chí Minh ở trường Đại học", *Tạp chí Lao động & Công đoàn số 574, kỳ I, tháng 5 năm 2014*.
4. Nguyễn Thị Thu Hoa (2015), "Hoạt động ngoại khóa - một hình thức hỗ trợ tích cực đối với việc giảng dạy, học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải*, số đặc biệt 11/2015.
5. Nguyễn Thị Thu Hoa (2017), " GD lòng yêu nước và tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS", *Tạp chí GD số đặc biệt, 6/2017*. Trang 154.
6. Nguyễn Thị Thu Hoa (2017), "GD ý thức về chủ quyền biển đảo quốc gia cho HS trong DH LS ở trường trung học phổ thông", *Tạp chí GD số 411, kì 1, 8/2017*. Trang 14. (Đồng tác giả).
7. Nguyễn Thị Thu Hoa (2017), *Hội thảo quốc tế: " Một số biện pháp GD HS tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong DH LS ở trường trung học phổ thông"*.
8. Nguyễn Thị Thu Hoa (2018), "Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc lựa chọn phương pháp dạy học theo dự án trong giảng dạy môn tư tưởng Hồ Chí Minh ở trường Đại học Giao thông Vận tải hiện nay", *Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải*, số 67/12/2018
9. Nguyễn Thị Thu Hoa (2019), "Giáo dục tinh thần dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học bài nội khóa, lịch sử Việt Nam (1919-1975) ở trường trung học phổ thông", *Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 189 kỳ 2 tháng 03 năm 2019* .

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở

10. Nguyễn Thị Thu Hoa (2006), "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và những vấn đề đặt ra trong việc rèn luyện đạo đức của sinh viên trường Đại học Giao thông Vận tải hiện nay*", Mã số T2004/MLN - TTHCM, nghiệm thu 2006.

11. Nguyễn Thị Thu Hoa (2011), Tham gia nghiên cứu đề tài KHCN cấp Bộ GD&ĐT "*Nghiên cứu phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ trong các trường đại học trên địa bàn Hà Nội*". Đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ GD và Đào tạo, mã số B2010-01-121, Nghiệm thu tháng 7/ 2011. (Thư ký đề tài).

12. Nguyễn Thị Thu Hoa (2015), *"Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tại trường Đại học Giao thông Vận tải thông qua hoạt động ngoại khóa"*, Chủ nhiệm đề tài, MS. T2015 - LLCT - 02.

Tham gia viết sách:

13. Nguyễn Thị Thu Hoa (2016), "*Công tác tư tưởng trong kháng chiến chống thực dân Pháp, 1945-1954"*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội. (Đồng tác giả).

14. Nguyễn Thị Thu Hoa (2017), *LS Đảng bộ quân sự thành phố Phủ Lý (1965-2015)* (Đồng tác giả) Xuất bản 2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

[1]. Hoàng Anh (chủ biên) (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Lê Thị Vân Anh (2014), luận án tiến sĩ: "*Giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng vùng Tây Bắc trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*"

[3]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, Nxb CTQG, HN.

[4]. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đặng Quốc Bảo (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[6]. Đặng Quốc Bảo (2018), *Tấm gương tự học của Bác Hồ*, Nxb KHXH, Hà Nội.

[7]. Nguyễn Trọng Bảo (chủ biên) (1996), *Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX07 - 18. Gia đình, nhà trường, xã hội với việc phát hiện, tuyển chọn đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ người tài*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[8]. Nguyễn Thị Thế Bình (2009), luận án Tiến sĩ "*Hình thành khái niệm cách mạng tư sản theo hướng pháp huy tính tích cực của HS trong DH LS thế giới cận đại ở trường THPT*"

[9]. Nguyễn Thị Thế Bình (2014), *Phát triển kĩ năng tự học LS cho HS*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[10]. Bộ giáo dục và đào tạo (1971), *Giáo trình giáo dục học*, Tủ sách ĐHSP Hà Nội

[11]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Các văn bản pháp luật hiện hành về giáo dục - đào tạo*, tập 1, Nxb Thống kê, Hà Nội.

[12]. Bộ giáo dục và đào tạo (2005), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB CTQG, Hà Nội.

[13]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2005), *Luật Giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[14]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Chương trình giáo dục phổ thông môn LS*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[15]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Chương trình giáo dục phổ thông môn LS*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[16]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2008), *Luật Giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[17]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng môn LS lớp 12*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[18]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Lịch sử 12 (Tái bản lần thứ 10)*, NXBGD Việt Nam.

[19]. Lê Văn Canh (2013), *"Những phẩm chất của người GV hiệu quả"* (Qualities of effective teacher), Nxb Giáo dục Việt Nam.

[20]. Nguyễn Hữu Chí (2002), "Các cơ sở lựa chọn phương pháp DH", *Tạp chí Giáo dục*, số 46.

[21]. Hoàng Đình Chiến, luận án tiến sĩ: *"Sử dụng tác phẩm Hồ Chí Minh trong DH LS Việt Nam lớp 12 THPT"*

[22]. Nguyễn Thị Côi (1992), "Hoạt động tư duy độc lập của HS trong học tập LS và hiệu quả bài học LS", *Thông báo khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 2.

[23]. Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng, Lại Đức Thụ, Trần Đức Minh (1995), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn LS*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nôi, Hà Nội.

[24]. Nguyễn Thị Côi (2000), *Kênh hình trong DH LS ở trường trung học phổ thông*, tập 1 - LSVN, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

[25]. Nguyễn Thị Côi (2006), *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả DH LS ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[26]. Nguyễn Thị Côi (chủ biên) (2006), *Hướng dẫn sử dụng các hình ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh trên CD và phần mềm Microsoft Powerpoint trong DH LS*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[27]. Nguyễn Thị Côi (2007), "Làm thế nào để HS nắm vững kiến thức trong DH LS ở trường phổ thông*",Tạp chí Giáo dục*, số 172 - kỳ 2, tr 29-31.

[28]. Nguyễn Thị Côi (2008), *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả DH LS ở trường phổ thông*.

[29]. Nguyễn Thị Côi (2008), "*Một số biện pháp nâng cao chất lượng DH LS Việt Nam ở trường phổ thông*", *Tạp chí Giáo dục*, số 202, tr.37-39.

[30]. Nguyễn Thị Côi (chủ biên) (2009), *Ôn luyện kiến thức LS 12,* Nxb Giáo dục Việt Nam.

[31]. Nguyễn Thị Côi (chủ biên) (2011), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn LS,* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

[32]. Nguyễn Thị Côi (chủ biên) (2011), *Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong sách giáo khoa LS lớp 12*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[33]. Nguyễn Thị Côi (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Thế Bình ,Trần Viết Thụ, Nguyễn Mạnh Hưởng, Đoàn Văn Hưng (2011), *"Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn LS"*.

[34]. Nguyễn Thị Côi (chủ biên) (2014), *Chiến thắng LS Điện Biên Phủ năm 1954 giảng dạy và học tập trong nhà trường phổ thông,* Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[35]. Nguyễn Văn Cường, Bernd M. (2012), *Lí luận DH hiện đại,* Hà Nội – Potsdam.

[36]. Phạm Tất Dong, Đào Hoàng Nam (2011), *Phát triển giáo dục hướng tới một xã hội học tập,* Nxb Dân trí, Hà Nội.

[37]. Thành Duy (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[38]. Đanilôp M.A., Xcatkin M.N. (1980*), "Lý luận DH ở trường phổ thông"*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[39]. Đairi N.G (1973), *Chuẩn bị giờ học LS như thế nào?,* người dịch Đặng Bích Hà và Nguyễn Cao Lũy, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[40]. Hồ Ngọc Đại (1983), *Tâm lý học DH,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[41]. Hồ Ngọc Đại (1987), *Bài học là gì?,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[42]. Hồ Ngọc Đại (2010), *Nghiệp vụ sư phạm,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[43]. Đoàn Nam Đàn (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[44]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng tại ĐHĐB toàn quốc lần thứ IV*, NXB Sự thật, Hà Nội

[45]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng 1930 – 1945, tập 3, (1977), Ban nghiên cứu LSĐTƯ, HN.

[46]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, (1991), Nxb Sự thật, HN.

[47]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, Toàn tập (2000), Tập 7 (1940 – 1945), NXB CTQG, HN,

[48]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, (1996), Nxb CTQG, HN.

[49]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[50]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[51]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[52]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[53]. Phạm Văn Đồng (1979), *Sự nghiệp giáo dục trong chế độ xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[54]. Phạm Văn Đồng (1990), *"Hồ Chí Minh- một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp"*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[55]. Phạm Văn Đồng (1998), *Đào tạo thế hệ trẻ của dân tộc thành người chiến sĩ thông minh, sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[56]. Phạm Văn Đồng (1999), *Về vấn đề giáo dục - đào tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[57]. Exipop B.P. (1977), "*Những cơ sở của lý luận DH"*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[58]. E.Cô -bê-lép, Người dịch: Nguyễn Minh Châu, Mai Lý Quảng; Người hiệu đính: Vũ Việt (1985*): "Đồng chí Hồ Chí Minh"*, tác giả, NXB Tiến Bộ Mát-xcơ-va, NXB Thanh niên, Hà Nội

[59]. Edgar Morin (chủ biên) (2005), *Thách đố của thế kỷ XXI - Liên kết tri thức,*

Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[60]. Furuta Motoo (1997): "Hồ Chí Minh- giải phóng dân tộc và đổi mới", tác giả do NXB IWanami ấn hành tháng 2/1996, được nhóm Tổng cục II, Bộ Quốc Phòng dịch, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội

[61]. Võ Nguyên Giáp (1994), *Điện Biên Phủ*, Nxb CTQG, Hà Nội.

[62]. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 100 – 101).

[63]. Trần Văn Giàu (2015), *Hồ Chí Minh vĩ đại một con người*, NXB CTQG, Hà Nội.

[64]. Giselle O. Martin - Kniep (2013), "*Tám đổi mới để trở thành người GV giỏi*" (Becoming a Better Teacher Eight innovations that work), người dịch Lê Văn Canh, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[65]. Bùi Thị Thu Hà (2012), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với giáo dục nhà trường*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

[66]. Phạm Minh Hạc (1995), *Tâm lý học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[67]. Phạm Minh Hạc (2002), *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[68]. Phạm Minh Hạc (2013), *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[69]. Hilary B. (chủ biên) (1994), "*Teaching History" (Dạy LS)*.

[70]. Đặng Vũ Hoạt (1995), *"Giáo dục đại cương"*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[71]. Trần Viết Hoàn (2008), *Đạo đức Bác Hồ, tấm gương soi cho muôn đời*, Nxb CTQG, Hà nội.

[72]. Trần Bá Hoành (2002), *"Những đặc trưng của phương pháp DH tích cực*", *Tạp chí Giáo dục*, số 32.

[73]. Trần Bá Hoành (2006), *Đổi mới phương pháp DH, chương trình và sách giáo khoa*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[74]. Đào Hữu Hồ (1997), *Xác xuất thống kê*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

[75]. Đặng Văn Hồ, Trần Quốc Tuấn (2001), *Bài tập LS ở trường phổ thông*, Nxb Huế.

[76]. Hội Giáo dục LS (1996), *Đổi mới phương pháp DH LS lấy "HS làm trung*

tâm", Nxb Đại học Sư phạm - ĐHQG, Hà Nội.

[77]. Nguyễn Thị Minh Hồng (2013), *Vận dụng tư tưởng tự học của Hồ Chí Minh để tổ chức hoạt động tự học cho HS trong DH LS Việt Nam từ 1919 đến 1945 ở trường trung học phổ thông* (chương trình chuẩn), Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Huế.

[78]. Đặng Thành Hưng (2002), "*DH hiện đại, lý luận, biện pháp, kỹ thuật"*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

[79]. Đỗ Quang Hưng (1999*), "Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*", Nxb Lao động. Hà nội

[80]. Kiều Thế Hưng (1999), *Hệ thống thao tác sư phạm trong DH LS ở trường phổ thông trung học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

[81]. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học*, tập 1 - 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[82]. ILINA T.A. (1973), *"Giáo Dục Học"* tập 1, Nhà giáo dục học Liên Xô, do Nguyễn Hữu Chương dịch, (Nxb Giáo dục Hà Nội.

[83]. Intel Teach to the Future (2003), *Lớp học theo DA: Kết nối giáo dục với công nghệ*, Tài liệu tập huấn cho những GV cốt cán

[84]. James H. Stronge (2013), *"Những phẩm chất của người GV hiệu quả"* (Qualities of effective teacher), người dịch Lê Văn Canh, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[85]. Phạm Văn Khánh, (2005) *Tư tưởng Hồ Chí Minh tỏa sáng trong thực tiễn cách mạng Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà nội.

[86]. Kharlamốp I.F. (1978), *"Phát huy tính tích cực học tập của HS như thế nào"*, Nxb Giáo dục Hà Nội.

[87]. Kharlamôp I.F (1979), *Phát huy tính tích cực học tập của HS như thế nào?*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[88]. Nguyễn Kỳ (1995), *Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[89]. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên) (2004), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[90]. Bùi Thị Ngọc Lan (2002), *Nguồn lực trí tuệ trong sự nghiệp đổi mới ở Việt*

Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[91]. Nguyễn Lân (1990), *Hồ Chí Minh - Nhà giáo dục vĩ đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[92]. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Xuân Minh, Trần Bá Đệ (1998), *LS lớp 12* (sách GV), tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[93]. Đinh Xuân Lâm (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[94]. Lecne I. Ia (1977), *DH nêu vấn đề*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[95]. Lêcxêep M.A. (chủ biên) (1976), *"Phát triển tư duy HS"*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[96]. Lênin V.I. (2006), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[97]. Nguyễn Đình Lễ (chủ biên) (2008), *Ôn luyện và kiểm tra LS lớp 12*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[98]. Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị (chủ biên), *Giáo trình "Phương pháp DH LS" tập 1 (1976), tập 2 (1980)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[99]. Phan Ngọc Liên- Nguyễn Cảnh Minh : "*Một số hình thức, biện pháp giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên"*, Nxb Thanh niên, HN, 1986

[100]. Phan Ngọc Liên (1992), *"Phương pháp DH LS"*, Nxb Giáo dục, HN

[101]. Phan Ngọc Liên - Trịnh Đình Tùng - Nguyễn Thị Côi, *Giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ qua môn LS*, Tạp chí NCLS, Số 2-1992.

[102]. Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng (chủ biên) (1999), *"Phát huy tính tích cực của HS trong DH LS ở THCS (Sách bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1997 - 2000 cho GV THCS*.

[103]. Phan Ngọc Liên (1999), *"Những vấn đề LS trong tác phẩm Hồ Chí Minh"*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

[104]. Phan Ngọc Liên (1999), *"Hồ Chí Minh từ nhận thức LS đến hành động cách mạng"*, Nxb Chính trị Quốc gia

[105]. Phan Ngọc Liên (2000), *"Hồ Chí Minh với sử học"*, Nxb ĐH Quốc gia

[106]. Phan Ngọc Liên (2001), *"Hình thành tri thức lịch sử cho HS THPT"*, Nxb Đại học Huế.

[107]. Phan Ngọc Liên, Nguyên An: *"Bách khoa toàn thư Hồ Chí Minh sơ giản", "*

Hồ Chí Minh với giáo dục và đào tạo" tập 1 (2002), Nxb Tiến bộ Matxcova

[108]. Phan Ngọc Liên (2003), *"LS và giáo dục LS"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[109]. Phan Ngọc Liên và các cộng sự (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[110]. Phan Ngọc Liên (2008), *"Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[111]. Phan Ngọc Liên, Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng (2009), *Giáo trình "Phương pháp DH LS", tập 1*, xuất bản năm 2002 và được tái bản năm 2009.

[112]. Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị, Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng (2009), *"Phương pháp DH LS" tập 2*, xuất bản năm 2002 và được tái bản năm 2009.

[113]. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2009), *Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

[114]. Phan Ngọc Liên (2010), *"Chiến sĩ quốc tế Hồ Chí Minh hoạt động thực tiễn và lý luận cách mạng"*, Nxb Chính trị Quốc gia

[115]. Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên) (2010), *LS 12* (Tái bản lần thứ hai), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[116]. Phan Ngọc Liên (2014), *"Hồ Chí Minh từ nhận thức LS đến hành động cách mạng"*, Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật

[117]. Mác, Ăngghen, Lênin (1976), *Về xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa,* Nxb Sự thật, Hà Nội.

[118]. Hồ Chí Minh (1960), *Phát huy tinh thần cầu học cầu tiến bộ*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[119]. Hồ Chí Minh (1972), *Bàn về công tác giáo dục*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[120]. Hồ Chí Minh (1990), *Về vấn đề giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[121]. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

[122]. Hồ Chí Minh (1996), *Nhật ký trong tù*, Nxb Đồng Nai.

[123]. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[124]. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[125]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[126]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[127]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[128]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[129]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[130]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[131]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[132]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[133]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[134]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[135]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[136]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[137]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[138]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[139]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[140]. Phạm Văn Minh (2007), *Vận dụng quan điểm giáo dục của Hồ Chí Minh để đổi mới DH LS thế giới cận đại lớp 10 trường trung học phổ thông* (ban cơ bản), Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục, Hà Nội.

[141]. Lê Đình Năm (2015) luận án tiến sĩ "*Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về giáo dục trong dạy học lịch sử Việt Nam lớp 12 trung học phổ thông – Chương trình chuẩn (Qua thực nghiệm sư phạm ở Hà Nội)"*

[142]. Trần Minh Ngọc (Chủ biên) (2010): *"Hồ Chí Minh- Một người Châu Á của mọi thời đại"*, NXB CTQG

[143]. Nikiphôrốp Đ.N. (1964), *Nguyên tắc trực quan trong DH LS*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[144]. Ong Cheon Teck-Daniel (2007), *CNTT trong giáo dục*, Dự án CNTT trong giáo dục và quản lí nhà trường - ICETEM.

[145]. Nguyễn Quốc Pháp (2018), luận án tiến sĩ *"Sử dụng Hồ Chí Minh toàn tập trong dạy học LSVN (1919-1975) ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực học sinh"*.

[146]. Hoàng Phê (Chủ biên)(2004), *Từ điển Tiếng Việt*, phòng từ điển, Viện ngôn

ngữ học thuộc UB KHXH, Nxb Đà nẵng

[147]. Nguyễn Ngọc Quang (1986), *"Lý luận DH đại cương" tập 1*, Nxb Trường cán bộ quản lý giáo dục Trung ương, Hà Nội.

[148]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI (2005), *luật giáo dục kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005*.

[149]. Robert J. M., Jana S. M., Debra J. P. (2013), *"Quản lý hiệu quả lớp học"* (Classroom management that works), người dịch Phạm Trần Long, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[150]. Robert J. M. (2013), *"Nghệ thuật và khoa học DH"* (The art and science of teaching), người dịch Nguyễn Hữu Châu, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[151]. Robert J. M., Debra J. P. (2013), *"Các phương pháp DH hiệu quả"* (Classroom Instruction that works), người dịch Nguyễn Hồng Vân, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[152]. Sácđacốp M.N. (1970), *Tư duy HS*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[153]. Savin N.V. (1983), "Giáo dục học, tập 1" , Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[154]. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[155]. Thomas J.W (1998), *DHTDA: Tổng quan* . Novato, CA: Viện giáo dục Buck.

[156]. Thomas Armstrong (2011), *"Đa trí tuệ trong lớp học"* (Multiple intelligences in the Classroom), người dịch Lê Quang Long, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[157]. Trần Dân Tiên (2005), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Trẻ - Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội

[158]. Nguyễn Cảnh Toàn, Lê Hải Yến (2012), *"Xã hội học tập học tập suốt đời và các kỹ năng tự học"*, Nxb Dân trí, Hà Nội.

[159]. Hoàng Thanh Tú (2012), *"Phương pháp ôn tập LS ở trường trung học phổ thông một số vấn đề lý luận và thực tiễn"*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

[160]. Trịnh Đình Tùng (1988), *Mấy biện pháp nâng cao hiệu quả GD qua một bài học sử* "Nhà CM Nguyễn Ái Quốc và cuộc vận động chuyển hóa phong trào cách mạng Việt Nam theo tư tưởng CM Tháng 10 Nga*",* NCGD, (số5)

[161]. Trịnh Đình Tùng (chủ biên) (1998), *Phát huy tính tích cực của HS trong DH LS*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[162]. Trịnh Đình Tùng (chủ biên) (2005), *Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV cốt cán các trường THPT về đổi mới phương pháp DH LS,* Viện Nghiên cứu sư phạm, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[163]. Trịnh Đình Tùng (chủ biên), Trần Viết Thụ, Đặng Văn Hồ, Trần Văn Cường (2006), *Giáo trình "Hệ thống các phương pháp DH LS ở trường trung học cơ sở",* Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[164]. Trịnh Đình Tùng (2007), "Để nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn LS ở trường phổ thông", *Tạp chí Giáo dục*, số 155, tr.23-24.

[165]. Trịnh Đình Tùng (chủ biên) (2010), *DH theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn LS lớp 12,* Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[166]. Thái Duy Tuyên (1999), *Những vấn đề cơ bản của giáo dục học hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[167]. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại (những nội dung cơ bản)*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

[168]. Hà Học Trạc (2011)(Chủ tịch hội đồng biên soạn), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà nội.

[169]. Nguyễn Xuân Trường (chủ biên)(2009), *Tự học, tự kiểm tra theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn LS lớp 12*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội

[170]. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất* (Kỉ yếu hội thảo khoa học - thực tiễn), Nxb CTQG, HN.

[171]. Vaghin A.A. (1972), *Phương pháp DHLS ở trường phổ thông*, Nxb Matxcova.

[172]. Vaghin A.A. (1978), *"Phương pháp DH LS ở trường phổ thông"*, Nxb Matxcơva (Hoàng Trung dịch lưu trữ trong phòng tư liệu - Thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội).

[173]. Vac L. D. (2002), "Vai trò của giáo dục và khoa học trong quá trình toàn cầu hoá thế giới,*Tạp chí thông tin khoa học xã hội*, số 8.

[174]. Viện ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.

[175]. Phạm Viết Vượng (2000), *"Giáo dục học"*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

[176]. Nghiêm Đình Vỳ (chủ biên) (2015), *Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh trong giảng dạy môn LS ở trường PT*, Nxb Chính trị Quốc gia.Sự thật- Hà Nội.

Website

[177]. http://dangcongsan.vn

[178]. http://giaoduc.edu.vn

[179]. http://www.laodongxahoionline.vn

[180]. http://www.nfie.org/publications/ctb5.pdf

[181]. http://www.thuvienso.info/index.php

[182]. http://www.teen,vn/ *Bí quyết làm việc - học tập theo nhóm*.

[183]. http://www.bulletin.vnu.edu.vn/ Đặng Danh Ngọc, *Phương pháp làm việc nhóm dưới góp nhìn của sinh viên*.

[184]. http://www1.agu.edu.vn Thân Hương (tổng hợp), *Phương pháp học nhóm, Phương pháp học tập cộng tác: làm việc theo nhóm nhỏ*

[185]. http://vi.m.wikipedia.org

[186]. http://www.nhandan.com.vn/Dạy học và thi môn LS - Thực trạng và giải pháp. (Thứ 6, 5/8/2011)-GS.NGND Vũ Dương Ninh- ĐHQG Hà Nội.